

## HỒI KÍ NGUYỄN HIẾN LÊ

Chia sẽ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẽ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree> Cộng đồng Google :<http://bit.ly/downloadsach>

[**Lời nói đầu**](#_bookmark0)

## MỤC LỤC

**PHẦN IV - NAM BẮC CHIA HAI – CHIẾN TRANH VIỆT MĨ (1954-1975)** [**CHƯƠNG XXI: VIỆT NAM CHIA HAI**](#_bookmark1)

[*A- Miền Nam*](#_bookmark2)

[*B- Miền Bắc*](#_bookmark3)

**CHƯƠNG XXII: CHIẾN TRANH VIỆT MĨ (1965-1975)**

[*Các chính phủ quân nhân*](#_bookmark4)[*Mĩ đưa quân sang*](#_bookmark5)

[*Vụ Mậu Thân*](#_bookmark6)

[*Vừa đánh vừa đàm - Hiệp định Paris*](#_bookmark7)[*Những bí mật trong chiến tranh Việt Mĩ*](#_bookmark8)

*Mĩ rút về, quân Nam tan rã. Chiến tranh chấm dứt*

**CHƯƠNG XXIV: XÃ HỘI MIỀN NAM TRONG THỜI MĨ**

[*Kinh tế miền Nam từ 1945 đến 1974*](#_bookmark9)[*Nhân số bộc phát - Nạn đói*](#_bookmark10)

*Hạn chế sinh đẻ. Mất các giá trị cổ truyền*

*Thị dân tăng lên quá mau. Nền kinh tế trái luật kinh tế* [*Sản xuất kém mà tiêu thụ mạnh*](#_bookmark11)

[*Đời sống quay cuồng*](#_bookmark12)

*Cảm giác bất an - Thời đại kĩ nghệ điện tử* [*Phong hóa suy đồi*](#_bookmark13)

[**PHẦN VI - TỪ NGÀY GIẢI PHÓNG (1975-80)**](#_bookmark14)[**CHƯƠNG XXX: CHẾ ĐỘ TẬP THỂ Ở MIỀN NAM**](#_bookmark15)

[*Cảm Tình Của Tôi Với Kháng Chiến*](#_bookmark16)

[*Ngày 30-4-75 - Việt Nam Thống Nhất*](#_bookmark17)[*Chế Độ Mới*](#_bookmark18)

[**CHƯƠNG XXXI: KẾT QUẢ SAU 5 NĂM**](#_bookmark19)

[*“Thất-Bại Trong Hòa Bình”*](#_bookmark20)[*Xã Hội Sa Đọa*](#_bookmark21)

[*Con Người Mất Nhân Phẩm*](#_bookmark22)[*Phong Trào Vượt Biên*](#_bookmark23)[*Người Ta Đã Nhận Định Sai*](#_bookmark24)

[**CHƯƠNG XXXII: TA PHẢI BIẾT SỐNG THEO TA**](#_bookmark25)

[*Một Cuộc Đàm Thoại - Bài Học Của Cổ Nhân*](#_bookmark26)[*Mình Theo Cả Những Lầm Lẫn Của Người*](#_bookmark27)[*Xu Hướng Của Thời Đại*](#_bookmark28)

[*Sửa Sai*](#_bookmark29)

*Một Lối Phát Triển Riêng - Một Lối Sống Riêng*

[**PHỤ LỤC**](#_bookmark30)

**Kinh hoàng trên đảo Kokra (Trích báo Đất Mới – Tin tỵ nạn)**

## Lời nói đầu

Năm 1935, hồi mới vào đời, làm ở Sở Thủy lợi Nam Việt, những lúc lênh đênh trên kinh rạch miền Hậu Giang, nhớ mặt nước xanh rêu của Hồ Gươm, con đê thăm thẳm của sông Nhị, tôi viết hồi kí, chép lại những hình ảnh của người thân, những vui buồn của tuổi thơ và tuổi niên thiếu. Viết được khoảng sáu trăm trang vở học trò, không có ý in thành sách mà chỉ để vài người thân đọc. Tập đó còn lại được vài trăm trang, gần đây đọc lại, không có gì đáng giữ. Năm nay, 1980, gần tới lúc cuối đời; thực hiện xong chương trình biên khảo về triết học Trung Hoa thời Tiên Tần - tập cuối cùng: *Kinh Dịch, Đạo của người quân tử*, hoàn thành năm ngoái - cũng trong cảnh xa quê và người thân như 45 năm trước, tôi lại viết hồi kí, cũng không có ý in thành sách mà chỉ để cho vài người thân đọc. Viết lần này không say mê như lần trước, mà tôi chắc cũng không có gì đáng lưu lại. Để qua những dư niên, thế thôi.

Chép sử, dù có tinh thần khách quan, khoa học tới mấy, dù tra cứu được đủ tài liệu, dù đích thân được sống thời đại mình chép, thì cũng không sao ghi đúng được sự thật. Chỉ có loại sử biên niên chép những biến cố, những việc lớn xảy ra từng năm từng tháng, sắp đặt theo thứ tự thời gian mà không thêm bớt gì hết, nhất là không phê bình hoặc ghi cảm tưởng của mình hay của người trước, chỉ có loại đó là không sai, nhưng nó lại câm, không cho ta biết chút gì về dân tình, không khí của thời đại, như vậy đâu phải là sự thật! Vì người chép không thể nào ghi hết mọi việc được, tất phải lựa chọn, bỏ bớt, và nội công việc đó cũng có tính cách chủ quan ít nhiều rồi. Cho nên tôi nghĩ không có gì là sự thật thuần túy cả.

Chép hồi kí về đời mình, lại càng dễ bị nhiều người chê là chỉ nêu những cái hay của mình mà giấu những cái xấu; ngay khi tự vạch những cái xấu của mình ra thì nếu không phái do lòng tự cao, cũng là để tự biện hộ. Dù là tập *Confessions* của J.J. Rousseau hay tập *Autobiography* của Bertrand Russel thì cũng chỉ đáng tin một phần nào thôi.

Tôi lại nhận thấy bây giờ chép lại tuổi thơ và thiếu niên, tôi bỏ đi gần hết nhũng điều tôi đã chép năm 1935; mà tập tôi mới viết xong đây nếu chép từ năm 1974, đầu năm 1975, thì nội dung tất khác bây giờ nhiều; nếu trái lại tôi được sống đến năm 1985-90, và lúc đó mới chép thì nội dung cũng lại khác, có thể khác xa nữa.

Tôi đã ghi một số biến cố, một số tình cảm, suy tư của tôi lúc này về một số việc xảy ra trong đời tôi mà tôi đã được nghe hoặc thấy. Có nhiều chỗ tôi đã vô tình chép sai sự thật, hoặc bỏ sót, điều đó không sao tránh được, lỗi ở kí tính con người: nó bị tình cảm sai khiến; lại thêm ở tuổi 70 như tôi, nó suy giảm nhiều rồi.

Một đời người 70 năm dài thật chứ! Có bao nhiêu việc tưởng như ngẫu nhiên mà xét cho kĩ thì

đều có ý nghĩa như đã được an bài từ trước để mỗi người đóng cho xong vai trò của mình.

Ngày nay, ôn lại dĩ vãng, tôi thấy ngoài hai đấng sinh thành ra tôi, và bà ngoại tôi; còn ba bốn vị nữa tiếp tay nhau dắt dẫn cho tới khi tôi thành người, cứ vị này xong thì lại giao cho vị khác. Ra đời rồi, tôi được hai người bạn cùng chia xẻ những khổ vui, thành bại với tôi; lại giúp mọi việc nhà cho, để tôi có thể đem tất cả tâm trí vào việc trứ tác.

Hai hạng người trên đều ảnh hưởng rất lớn đến đời tôi, đều là ân nhân của tôi. Tiếng ân nhân này tôi thấy nhẹ quá, vì ân nhân hàm cái nghĩa là người khác với mình, còn những người thân của tôi đó đều tạo nên tôi, là một phần của tôi.

Ngoài ra, tôi lại may mắn gặp được khoảng một chục bạn cùng đi một quãng đường dài hay ngắn với tôi, hợp tác với tôi mỗi người một cách; và một số khá đông bạn bốn phương kẻ xa người gần; nhiều người tôi không biết mặt mà cũng không biết cả tên, nhưng hết thảy đều theo dõi con đường của tôi, gợi ý cho tôi hoặc khuyến khích tôi, khiến tôi vững bước - cái duyên đó, duyên văn tự, thật bất ngờ mà thích thú, không bao giờ tôi quên được.

Tính sổ đời, tôi chỉ mừng rằng đã không làm gì khiến các bậc trưởng thượng của tôi phải xấu hổ và các bạn của tôi phải thất vọng.

*Long Xuyên, ngày 12 tháng 9 năm 1980*

(Mùng 4 tháng 8 năm Canh Thân)

(Ngày giỗ ông Nội tôi)

# PHẦN IV - NAM BẮC CHIA HAI – CHIẾN TRANH VIỆT MĨ (1954-1975)

## CHƯƠNG XXI: VIỆT NAM CHIA HAI

Chủ ý tôi là viết về gía đình và đời viết văn của tôi, nhưng không thề bỏ qua thời đại được, cho nên phải xen vài chương ngắn về chiến tranh độc lập và tình hình xã hội. Trong chương này và chương sau tôi sẽ ghi vài nét chính về chiến tranh thứ nhì của dân tộc mình, tức chiến tranh Việt-Mĩ. Về chiến tranh Việt-Pháp tôi có được tạm đủ tài liệu (đã kê ở cuối chương XIX), về chiến tranh Việt-Mĩ, trái lại tôi chỉ có ba cuốn:

* *Les deux Viêt nam* của Bernard Fall (Payot - 1967)
* *Indochine - dix ans d'indépendance* của G. Chaffard (Calman Lévy - 1964)
* *La seconde resistance - Viêt nam 1965* của W. Burchett (Gallimard - 1965)

Cuốn sau cùng chỉ là một tập phỏng vấn chiến sĩ trong bưng, dùng được rất ít. Cả ba cuốn đều chép đến 1965, giai đoạn 1965-1975 quan trọng nhất, tôi chưa thấy tác giả nào viết, ngay ở Pháp năm 1979 cũng chưa có.

### *A- Miền Nam*

##### Gia đình Ngô Đình Diệm

Từ 1950, sau khi Mao Trạch Đông nhìn nhận chính phủ Kháng chiến Việt nam và ra mặt giúp đỡ về quân sự, sau khi buộc Hồ Chí Minh phải tái lập đảng Cộng sản - đổi tên là đảng Lao động - thì Pháp cho rằng quân đội viễn chinh của họ có một nhiệm vụ mới: ngăn chặn làn sóng Cộng sản lan xuống Đông Nam Á để bảo vệ thế giới tự do. Mĩ cũng thay đổi đường lối, không còn cảm tình với Việt Minh như hồi 1945 mà tích cực giúp tiền bạc, khí giới cho Pháp (600 tỉ đồng quan cũ như chương trên tôi đã nói).

Sau hiệp ước Genève thì trên danh nghĩa, miền Nam từ vĩ tuyến 17 trở vào vẫn ở trong liên hiệp Pháp, nhưng Mĩ tự lãnh nhiệm vụ thay Pháp để ngăn làn sóng Cộng sản ở Đông dương, cho nên viện trợ cho Pháp và Bảo Đại rất nhiều. Công việc chở bằng phi cơ, tàu biển **850.000** người di cư, trợ cấp, giúp đỡ họ định cư đều do đô la của Mĩ cả. Mà bao giờ cũng vậy, kẻ nào bỏ tiền ra thì kẻ ấy làm chủ. Ngay trước khi kí hiệp định Genève, Mĩ đã ép Pháp và Bảo Đại phải thay thế Bửu Lộc mà dùng Ngô Đình Diệm làm thủ tướng.

Ngô Đình Diệm là một quan lại cũ của triều đình Huế, làm tuần vũ Phan thiết, có tiếng là liêm khiết, cương quyết, dám chống với Pháp. Năm 1932, Bảo Đại về nước, có nhiều thiện chí, mời ông ta về Huế giữ chức thượng thư bộ Lại (cũng như tổng trưởng nội vụ ngày nay); sáu tháng sau ông ta từ chức vì thấy Pháp vẫn nắm hết quyền, triều đình Huế chỉ là bù nhìn. Năm 1945, sau khi Nhật đảo chánh, hình như ông ta tử chối không giúp Bảo Đại đứng ra lập nội các; rồi theo G. Chaffard, tháng 2- 1946, Hồ Chí Minh có mời ông ta hợp tác để lập chính phủ thống nhất quốc gia, ông ta cũng từ chối.

Ông có một người anh, Ngô Đình Khôi bị Việt Minh giết. Sau đó ông qua Hương cảng, Mĩ, Pháp, rồi lại qua Mĩ ở khá lâu, được một số chính khách Mĩ để ý, tin cậy (một phần vì họ Ngô theo công giáo). Rốt cuộc Mĩ ép Pháp và Bảo Đại phải dùng Diệm thay Bửu Lộc. Ông có một người anh nữa là Ngô Đình Thục, giám mục ở Vĩnh long, ba người em: Ngô Đình Nhu và Ngô Đình Luyện đều có bằng cấp cao của Pháp (Nhu ở trường Chartre ra, Luyện ở trường Centrale ra), còn Ngô Đình Cẩn vô học, rất hách và dữ. Chính Diệm thì đã hách lại phong kiến, tin rằng được Chúa giao phó sứ mạng trị dân, diệt Cộng.

Nhưng ở Nam rất ít người nghe nói đến Ngô Đình Diệm, nên Ngô Đình Nhu và Trần Chánh Thành (một người có cử nhân luật theo kháng chiến ít năm rồi về thành) phải họp báo, quảng cáo mạnh cho ông ta, bảo ông là "một người mới", sẽ thành lập một “chính phủ thực sự quốc gia”, để thực hiện một cuộc “cách mạng thực sự". Mặc dầu vậy, ngày ông về Sài gòn với chức thủ tướng, dân chúng thờ ơ, chỉ có khoảng 500 “bạn” ông đón ông ở sân bay, và khi ông đọc lời hiệu triệu của quốc trưởng Bảo Đại, lời ra mắt của ông với quốc dân ở trước dinh Độc Lập thì chỉ độ một ngàn người tới nghe và đa số thất vọng: ông ta ngượng nghịu, lúng túng giọng đều đều như giọng học sinh đọc bài, mà bộ tịch thì là bộ tịch một đại thần nghiêm nghị.

Ông lập một nội các phần lớn gồm anh em, bà con, bạn bè của anh em ông: Trần Trung Dung, Nguyễn Hữu Châu, Trần Chánh Thành... Nhu, em ông, làm cố vấn, quyền rất lớn, lí thuyết gia của chế độ, Cẩn làm cố vấn ở Trung, gần như ông vua một miền. Tôi đã thấy ló cái mòi gia đình trị của họ Ngô, hỏi một ông bạn trong chính quuyền vào hàng bộ trưởng, ông ta đáp:

* Ông ấy mới về, không biết ai, nên phải dùng những người tin cậy, mà tin cậy thì ai bằng em, cháu trong nhà, vả lại em cháu ông ấy “đâu phải là hạng cùi”.

Bạn tôi muốn nói: bọn đó có bằng cấp cao, thông minh, tài giỏi, chứ kém gì ai. Chính ông ấy sau thành nạn nhân của chế độ gia đình trị của họ Ngô.

Diệm về được một hai tháng thì Bắc Việt phải lo việc tập kết 140.000 người ra Bắc trong hạn 100 ngày từ ngày kí hìệp ước Geneve; Nam phải lo vụ định cư cho trên 850.000 người Bắc vào. Hết một năm, chính phủ Diệm vẫn chưa gây được sự ủng hộ của nhân dân, tráí lại nhiều giới còn bất bình nữa. Giới trí thức cho ông là độc tài, quan liêu; giới công chức bảo ông thiên vị người Trung và người

Bắc di cư; các giáo phái không ưa ông vì ông theo công giáo; còn dân chúng thì không biết ông vì ông là người Trung chưa có công lao gì với nước cả.

##### Dẹp giáo phái - Truất Bảo Đại

Sự chống đối mạnh nhất về phía giáo phái. Cao đài, Hòa hảo, cả Bình xuyên nữa, đều bất mãn. Lẽ thứ nhất: hết chiến tranh rồi, Pháp không trợ cấp hằng tháng cho họ nữa, mà trước kia họ có công chống Việt Minh. Họ lại mất lần quyền chúa tể trong vùng của họ, không còn được tự do “làm ăn", hoành hành, như vậy lấy gì để nuôi quân đội. Họ xin cho quân đội của họ được sát nhập vào quân đội quốc gia, còn chính họ thì phải được một ghế gì trong chính phủ. Diệm đưa ra những điều kiện họ không thể nhận được: bắt họ phải bỏ hết quyền lợi lãnh chúa của họ đi (chẳng hạn Bảy Viễn - Bình xuyên - không thu thuế cờ bạc ớ khu Sài gòn - Chợ lớn nữa, không nắm công an Sài gòn - Chợ lớn nữa...), còn quân đội của họ thì phải xé lẻ, mỗi nhóm sát nhập vào quân đội quốc gia ở một miền.

Họ bất bình, liên kết với nhau, đòi lật đổ Diệm, phái người qua Cannes yêu cầu Bảo Đại cử người thay Diệm. Bảo Đại lúc đó tuy làm quốc trưởng mà không về nước là do sự thỏa tbuận ngầm giửa Mĩ và Pháp chăng? Ông ta chịu làm bù nhìn để lãnh một số tiền viện trợ vì biết vai trò của mình chấm dứt rồi chăng?

Chính tướng Nguyễn văn Hinh, quốc tịch Pháp, con Nguyễn văn Tâm, làm tổng tư lệnh quân đội quốc gia cũng ghét Diệm, đứng về phe giáo phái, và có lúc thế của Diệm lung lay, ngay người thân tín của ông ta - như giám mục Ngô Đình Thục - cũng khuyên ông từ chức. Nhưng ông tin ở sứ mạng Chúa trao cho mình, cương quyết chống các giáo phái, chống cả Bảo Đại lẫn Pháp. Nhờ Mĩ tung Mĩ kim ra, ông ta mua chuộc, chia rẽ các tướng Cao đài, lôi kéo được Trịnh Minh Thế về với mình, cách chức tướng Hinh, rồi dẹp được Bình xuyên (5-1955), Bảy Viễn phải bay qua Pháp; đánh tan phe Cao đài chống đối, Phạm Công Tắc phải trốn qua Miên (1956). Trong giáo phái Hòa hảo, Trần văn Soái (Năm Lửa), Lê Thành Nguyên, Nguyễn Giác Ngộ thấy thế yếu, phải đầu hàng, chỉ còn Lê Quang Vinh (Ba Cụt) ngang ngạnh, nổi tiếng tráo trở, sớm đầu tối đánh, nên Diệm phải dùng mưu, mời Ba Cụt tới một nơi ở Long xuyên để điều đình, rồi phục kích, bắt sống được Ba Cụt, xử tử.

Thế là trật tự lập lại, Nam việt được thống nhất. Tướng Lê văn Tị thay Nguyễn văn Hinh. Dương văn Minh được lên chức, trọng dụng. Trịnh Minh Thế tử trận, Diệm tiếc lắm. Hồ Hữu Tường, quân sư của Bảy Viễn bị đày ra Côn đảo.

Bảo Đại, Pháp đều không cứu được các giáo phái vì Mĩ chi tiền, bảo sao mà họ chẳng phải nghe? Rồi sẽ tới lúc chính họ cũng bị Mĩ gạt ra ngoài nữa.

Việc dẹp giáo phái đáng kể là một thành công của Ngô Đình Diệm.

##### \*

Dẹp xong các giáo phái, chặt hết tay chân của Bảo Đại rồi, Diệm hạ luôn Bảo Đại. Bảo Đại biết vậy và cũng biết thế mình yếu, chỉ phản kháng một cách yếu ớt: tới phút chót, ngày 18-10-55, tuyên bố chấm dứt sứ mệnh của Diệm thì hai ngày sau có cuộc trưng cầu dân ý của Diệm: dân muốn truất phế Bảo Đại mà nhìn nhận Ngô Đình Diệm hay ngược lại? Ngày 23-10 Diệm thắng vớì 98% số phiếu, (Mĩ khuyên ông ta độ 60% cũng được rồí, ông ta không nghe) và tuyên bố thành lập chính phủ Cộng hòa.

Vậy là Mĩ đã thắng Pháp, người của Mĩ đã nắm hết quyền ở Nam. Ngày 20-7-56, hết hạn đóng quân ở miền Nam, Pháp rút 30.000 quân viễn chinh để đưa qua Algérie dẹp nghĩa quân Algérie; lúc đó Mĩ mới hoàn toàn mãn nguyện, ồ ạt đưa cố vấn quân sự qua giúp Diệm.

##### Chính sách nhà Ngô

Đối với miền Bắc, chính sách của Ngô Đình Diệm là

* từ chối cuộc bàu cử 1956 để thống nhất hai miền, lấy lẽ rằng ngoại trưởng miền Nam là Trần văn Đỗ không kí vào hiệp ước Geneve, nên chính phủ miền Nam không phải thi hành hiệp ước dó. Mĩ ủng hộ Diệm, cho rằng “*ở Bắc chưa có những điều kiện thuận tiện cho một bầu cử tự do ở toàn cõi Việt nam*”. Sự thực thì Mĩ không kí vào hiệp ước Geneve là đã có ý đó từ 1954 rồi.
* diệt tất cả những cán bộ Việt Minh nằm vùng ở miền Nam, dò xét, đàn áp những người trước có cảm tình với Việt Minh, tuy không thco kháng chiến, nhưng cũng không bợp tác với Pháp.

Công việc này, người của Diệm làm mạnh tay quá. Ở các thành phố còn khá: như trên tôi đã nói, tôi chỉ bị mật vụ dò xét, không được phép mở lớp mẫu giáo, chứ không bị tra hỏi gì hết; một anh bạn tôi ở Long xuyên mặc dầu đã dạy ở trường Trung học Thoại Ngọc Hầu lại có hồi làm quyền hiệu trưởng trường đó nữa, mà xin thôi để mở một lớp luyện thi Trung học đệ nhất cấp tại nhà, người ta cũng không cho. Ở thôn quê, tại những miền Kháng chiến như Cà mau, Đồng Tháp, không khí nghẹt thở hơn nhiều, nhiều người không thể ở được, phải bỏ nhà cửa ruộng nương ra tỉnh, ra quận sống. Nhất là ờ các tỉnh Quảng nam, Quảng ngãi, nơi mà thời chiến tranh Việt-Pháp hoàn toàn là khu giải phóng, bây giờ thuộc quyền của Ngô Đình Cẩn thì dân chúng bị đàn áp tàn khốc: người ta bắt dân phải làm xâu có nơi tám tháng một năm, người ta tịch thu tài sản những gia đình có người tập kết, người ta bắt vợ những người tập kết phải li dị chồng. Có chỗ nhà nào có người tập kết thì tối phải thắp một ngọn đèn đỏ ở trước cửa, y như các nhà thổ (nhà chứa gái mãi dâm) thời Pháp thuộc trước thế chiến. Đâu đâu cũng có phong trào tố cộng, buộc người dân phải tố cáo những người đã hoạt động cho kháng chiến. Đại đa số những người này theo kháng chiến vì tinh thần quốc gia, muốn đuổi Pháp ra khỏi nước, chứ không vì theo chủ nghĩa cộng sản; ngay các kí giả ngoại quốc cũng nhận như vậy, mà chính quyền họ Ngô thì cho rằng cứ chống Pháp là theo cộng. Do đó từ trí thức tới nông dân, ai cũng bất bình; chính phủ Diệm bất chấp Ủy ban kiểm soát Quốc tế gồm Ấn độ, Gia nã đại, Ba lan) và ủy ban không làm được gì cả.

Năm 1958 là năm thịnh nhất của nhà Ngô: bốn phần năm miền Nam đã được bình định, kinh tế cũng hơi thịnh lên nhờ viện trợ của Mĩ; nhưng đáng lẽ thành công rồi phải cởi mở lần lần cho dân dễ thở thì họ lại càng độc tài, càng có tinh thần gia đình trị, ưu đãi công giáo, đè nén Phật giáo: nhiều nơi Phật giáo không được cất thêm chùa, mà linh mục có quyền hơn tỉnh truởng.

Báo chí, sách bị kiểm duyệt gắt, lại thêm việc phát hành do một cơ quan của chính phủ (nhà Thống nhất) giữ độc quyền; mặc dầu vậy, *ngôn luận vẫn còn tự do hơn Bắc nhiều*.

Ngô Đình Nhu lập đảng Dân chủ và đảng Cần lao, công chức cao cấp nào cũng phải vô một trong hai đảng ấy; rồi lại lập thêm đảng Thanh niên Cộng hòa, đồng phục màu xanh dương. Vợ Nhu, Trần Lệ Xuân (con Trần văn Chương đại sứ ở Mĩ) lập hội Phụ nữ liên đới, "bà lớn" nào cũng phải vô; lại nắm đầu Quốc hội, hống hách sỉ vả bất kì ai dám trái ý mụ. Cẩn làm Chúa miền Trung, bộ trưởng nào ở Sài gòn ra Huế cũng phải vào yết kiến hắn; còn Ngô Đình Thục ở Vĩnh long thì tạo ra thuyết Duy linh chống với thuyết Duy vật của Cộng sản, bắt công chức nào cũng phải học. Họ chẳng được học điều gì mới cả, chỉ phảỉ nghe mạt sát đạo Phật và đạo Khổng.[1](#_bookmark31)

Những ngườí theo học đại đa số thờ Phật, đau lòng mà không dám cãi.[2](#_bookmark32)

Diệm-Nhu theo chính sách "ba Đ": Đảng (Cần lao), Đạo (Công giáo) và Địa phương (miền Trung). Chỉ công chức nào có đủ ba Đ đó mới được tin dùng, cho nên số tín đồ Công gỉáo tăng vọt lên, nhất là ở miền Trung; có giáo đường làm lễ rửa tội hằng trăm người một lúc.

Kinh tế bị họ Ngô và tay chân lũng đoạn: hầu hết các xí nghiệp lớn, công ti lớn bị họ nắm: ở Trung thuộc về Cẩn và bà Cả Lễ, chị của Diệm; ở Nam thuộc về vợ Nhu. Vụ bà Cả Lễ năm 1956 không chịu bán 5.000 tấn gạo theo giá chính thức là 656đ một tấn cho dân miền Trung lúc đó đương đói, mà cho chở lén ra Bắc bán lấy 1.700đ một tạ, làm sôi nổi dư luận, rồi cũng êm.

Rồi những vụ chuyển ngân, những vụ hối lộ, cấp giấy phép xuất nhập cảng nữa.

Người dân ghét nhất là vợ chồng Nhu lên mặt đạo đức, ra lệnh cấm hút thuốc phiện (mà có ai không biết là Nhu nghiện?), cấm đánh bài, uống rượu, cấm có nhiều vợ, cấm khiêu vũ cả trong tư gia.

Lại thêm cuộc cải cách ruộng đất thí nghiệm năm 1956-1957 không làm vừa lòng cả điền chủ lẫn nông dân.

Trong chiến tranh chống Pháp, các điền chủ bỏ ra thành thị hết, Việt minh chia đất của họ cho nông dân. Bây giờ Diệm bắt nông dân phải trả lại cho chủ cũ, nông dân bất bình. Còn điền chủ, tuy lấy lại được đất, nhưng mỗi người tối đa chỉ được giữ 100 héc ta, và chỉ đuợc thu của tá điền 25% số lúa gặt được (trước kia họ được thu 40%) nên cũng bất bình. Do đó, chính sách tuy công bằng, tiến bộ, mà thường có xung đột giữa chủ điền và tá điền, chủ điền nhờ cảnh sát quận can thiệp, nông dân càng phẫn uất, và Việt minh lợi dụng tình thế đó.

##### Dân nổi dậy chống đối

**Hai vụ 11-11-60 và 26-2-62**

Kết quả là từ thành thị đến thôn quê, mười người thì có tới chín người ghét gia đình họ Ngô.

* Ở thôn quê, những cán bộ Việt minh nằm vùng không sống nổi trong làng xóm, phải trốn vào bưng, lôi cuốn theo một số thanh niên. Mới đầu là ở miền Cà mau, Đồng tháp, từng nhóm nhỏ một không liên lạc với nhau. Họ đào vũ khí đã chôn giấu lên, chống lại với cảnh sát và quân đội của Diệm. Họ liên kết với tàn quân của Hòa hảo, nhất là của Ba Cụt, còn sót lại. Một số thanh niên, trí thức ờ Sài gòn cũng theo họ. Lần lần các nơi khác ở Nam, ở Trung cũng có những tổ chức như vậy, đó là nguồn gốc của Mặt trận Giải phóng miền Nam.
* Ở thành thị thì giới trí thức và chính quân đội của Diệm nổi lên chống. Năm 1960, một nhóm 18 nhà trí thức (trong số đó có 10 cựu bộ trưởng của Diệm) kí một tuyên ngôn tố cáo chế độ gia đình trị, độc tài của họ Ngô.

Họ bị bắt giam một thời gian; sau đó có mấy trăm công chức, quân nhân bị thanh trừng (tháng 9- 10-1960). Ngày 11-11-60 bọn nhảy dù Vương văn Đông và Nguyễn Chánh Thi, ba giờ sáng đem quân chiếm các điểm quân sự ở Sài gòn, bao vây dinh Độc lập. Cảnh sát theo họ, sinh viên biểu tình ủng hộ họ. Đông muốn tấn công, Thi muốn điều đình với Diệm, chỉ buộc Diệm đưa vợ chồng Nhu đi xa, rồi sửa đổi chính sách. Một số cơ quan đã hạ hình Tổng thống Diệm. Diệm dùng kế hoãn binh, hứa láo, đợi quân của đại tá Khiêm ở Mĩ tho lên cứu. Rốt cuộc Khiêm giải vây được cho Diệm; Thi và Đông phải lên phi cơ trốn ra nước ngoài. Sau đó là một vụ thanh trừng lớn lao trong các công sở và trong quân đội.

Ngày 26-2-62, một cuộc nổi dậy nữa cũng thất bại. Sáng sớm, hai phi cơ dội bom dinh Độc lập.

Vợ Nhu bị thương nhẹ. Diệm kịp xuống hầm núp. Dinh bị sập một nửa. Một phi cơ bị súng cao xạ ở dinh hạ, chiếc kia bay thoát được qua Cao miên. Diệm phải dọn qua dinh Gia long. Người Mĩ được báo tin trước vụ đó, không giúp mà cũng không cản. Họ mong rằng vợ chồng Nhu bị giết, nhưng vẫn muốn Diệm sống, và hình như kịp báo cho Diệm để Diệm xuống hầm núp.

##### Ấp Chiến lược - Trận Ấp Bắc

Năm 1962, Mĩ và Diệm thực hiện chương trình ấp Chiến lược, họ tính lập trên 11.000 ấp để gom 80% dân chúng vào trong những khu họ chỉ định, chung quanh có hàng rào dây kẽm gai. Nông dân phải bỏ ruộng nương, dời nhà cửa vào những ấp đó để họ dễ kiểm soát mà không tiếp tế, che chở cho quân giải phóng được nữa. Mĩ đốt phá, rắc thuốc khai quang những làng, xóm mà nông dân đã phải rời bỏ. Vào ấp chiến lược rồi, nông dân được chia ruộng cho làm, nhưng tối phải về ấp. Họ được phát súng để tự vệ. Nhưng dân càng ghét Mĩ, Diệm và trong nhiều ấp, Việt cộng vẫn len lỏi vào được.

Tinh thần phản kháng của dân càng tăng thì tinh thần quân đội càng xuống, đầu năm 1963 thua Việt cộng một trận lớn ở Ấp Bắc (Mĩ tho). Ngày 2-1 Mĩ-Diệm thấy 2 trung đội Việt cộng xuất hiện thình lình ở Ấp Bắc, tức tốc đem một lực lượng hùng hậu mạnh gấp 5-6 lần gồm 3 đại đội, sáu trung đội, với súng đại bác, nhiều xe tăng lội nước, nhiều trực thăng với lính nhảy dù, phi cơ phóng pháo... để tấn công, mà kết quả là thiệt hại 400 người, còn Việt cộng vừa chết vừa bị thương chỉ độ 30 người.

Washington uất ức về trận đó lắm, thấy rõ tinh thần kém cỏi của quân đội Diệm, bắt đầu chán Diệm, muốn thay đổi Diệm.

##### Phật nạn - Đảo chánh 1-11-63

Tháng 5 năm đó xảy ra vụ đàn áp Phật giáo. Hai ngày trước ngày Phật đản, Ngô Đình Cẩn ra lệnh cấm treo cờ Phật giáo ở Huế, lại cấm đài phát thanh thông tin về lễ Phật đản. Dân chúng Huế bất bình, biểu tình trước đài phát thanh Huế. Chính quyền đem xe thiết giáp và lính lại giải tán. Có vài tiếng súng, tiếng lựu đạn nổ. Có 8-9 người chết, khoảng 20 người bị thương.

Phật giáo miền Trung và miền Nam đòi chính phủ phải cấm ngay những sự kì thị, ngược đãi Phật giáo, bảo đảm cho Phật giáo được hưởng những giáo qui như Ki Tô giáo, phải bồi thường cho gia đình nạn nhân, trừng trị những kẻ chịu trách nhiệm.

Diệm do dự không chịu giải quyết. Chín giờ sáng ngày 11-6 thượng tọa Thích Quảng Đức 84 tuổi, tự thiêu ở góc đường Phan Đình Phùng và Lê văn Duyệt (Sài gòn) giữa một đám 800 nhà sư và tín đồ, làm xúc động cả thế giới. Người Việt nào cũng nguyền rủa anh em nhà Ngô. Sau vụ đó còn cả chục vụ tự thiêu nữa của các thượng tọa, đại đức ở nhiều nơi, từ Nam ra Trung.

Diệm chịu nhượng bộ một chút, hứa tôn trọng tự do tín ngưỡng, thả các tu sĩ bị giam, nhưng vẫn bảo ở Huế do Việt cộng gây ra chứ không phải nhân viên, quân đội của chính quyền. Vụ đó có nhiều bí mật, *sự thực ra sao, không thể biết được*.

Sáng sớm ngày 21-8 Nhu phái quân lính tới chùa Xá lợi, Sài gòn, bắt các thượng tọa. Thượng tọa Trí Quang trốn kịp vào tòa Đại sứ Mĩ. Ở Huế chùa Từ đàm bị phá. Nhiều giáo sư Đại học Huế, vài người ở chung quanh Diệm từ chức.

Cuối tháng 9, không khí Sài gòn gần như không khí ở Paris trong hồi Terreur (khủng bố) năm 1793-94. Mười gia đình thì chín gia đình theo Phật giáo mà Phật tử nào cũng có thể bị bắt giam nếu có kẻ tố cáo bậy bạ. Nửa đêm mà có xe cam nhông bít bùng tới đậu trước cửa nhà thì cả nhà run lên: hung thần đã tới. Nhà văn kiêm giáo sư Hư Chu bị bắt, vợ con không được thăm. Ông Paulus Hiếu lúc đó đã đổi tên là Ngô Trọng Hiếu làm bộ trưởng Công dân vụ, đuợc Diệm Nhu rất tin dùng, là bạn của Hư Chu khi ông ta từ Long xuyên mới lên Sài gòn, làm tổng giám đốc Ngân khố. Tôi viết thư cho ông ta nhờ ông xét xem Hư Chu có bị oan hay không. Ông ta không trả lời.

Tổng thống Kennedy không thể dùng Diệm được nữa, phái đại sứ Cabot Lodge qua thay Nolting và 13 giờ ngày 1-11-63, quân đội do Dương văn Minh, Trần văn Đôn, Tôn thất Đính cầm đầu, bao vây dinh Độc lập. Sáng hôm sau, quân lính xông vào thì Diệm và Nhu đã do một đường hầm trốn thoát, nhưng rồi quân lính tìm được họ trong một giáo đường ở Chợ lớn, bắt họ nhốt vào xe thiết giáp, đưa về Tổng hành dinh. Giữa đường họ bị giết.

Lúc đó Ngô Đình Thục ở Rome, vợ và con gái Nhu ở Mĩ. Cẩn ở Huế bị bắt đưa vào Sài gòn, sau bỉ xử tử. Nhà Ngô chấm dứt sau chín năm cầm quyền. Toàn dân thở phào ăn mừng.

Tướng Duơng văn Minh lên làm quốc trưởng, Nguyễn Ngọc Thơ, phó tổng thống thời Diệm, làm thủ tướng. Bọn thân tín của Ngô bị nhốt khám hết, gia sản bị tịch thu. Tượng hai bà Trưng ở đầu đuờng Hai Bà Trưng, phía sông Sài gòn, bị đập phá.

Thời Pháp thuộc, chỗ đó do tượng Rigault de Genouilly, một trung tướng hải quân Pháp đã đánh phá cửa Đà nẵng, dân chúng gọi là tượng Một hình. Sau cách mạng 1945, tượng đó bị hạ. Gần cuối đời, Ngô Đình Diệm cho dựng tượng Hai Bà Trưng thay vào, kẻ điêu khắc, nghe đâu được giải thưởng điêu khắc La mã (Prix de Rome) muốn nịnh vợ chồng Nhu, cho tượng có những nét của vợ và con gái Nhu, dân chúng thấy vậy, ghét lắm, gọi tượng đó là tượng Hai hình.

Thi sĩ Đông Hồ rất ít khi làm thơ thời sự, vậy mà sau khi tượng Hai hình bị đập phá, làm hai bài thơ Đường luật đăng báo Bút Hoa số 3 năm 1964,

Bài thứ nhất:

*Tượng ai đâu phải tượng Bà Trưng Tóc uốn lưng eo kiểu lố lăng*

*Đón gió lại qua người ưỡn ẹo*

*Chờ chim Nam Bắc dáng tung tăng Khuynh thành mặt đó y con ả*

*Điêu khắc tay ai khéo cái thằng! Chót vót đứng cao càng ngã nặng Có ngày gẫy cổ đứt ngang lưng.*

Bài thứ nhì:

*Đây Một hình xưa nhục nước non, Thay Hai hình mới đứng thon von. Mình ni-lông xát lưng eo thắt, Ngực xú-chiên nâng ngực nở tròn.*

*Tường đúc hiên ngang em với chị, Hóa ra dìu dắt mẹ cùng con.*

*Dòng sông Bến Ngé dòng sông Hát, Lưu xú lưu phương tiếng để còn.*

Lòng thi sĩ oán mụ Nhu thâm thật. Hai bài đó là những bài Đuờng luật hay nhất về vụ đảo chánh 1-11-63. Xét chung thì bài dưới hay hơn bài trên, nhưng bài trên có hai câu tôi rất thú:

*Khuynh thành mặt đó y con ả Điêu khắc tay ai khéo cái thằng!*

Bảo Đại bù nhìn của Pháp thì bị dân chúng khinh; tay sai của Mĩ, Ngô Đình Diệm thì bị toàn dân ghét; những “người hùng” (tướng) do Mĩ đưa lên sau này vừa bị khinh vừa bị ghét. Sự thất bại của Tây phương ai cũng thấy rõ.

### *B- Miền Bắc*

##### Pháp mất hết quyền lợi

Chiều ngày 10-10-54 ở Hà nội không còn một lính Pháp, một ngọn cờ Pháp. Đạo quân viễn chinh của họ đã rút hết qua cầu Long biên để xuống Hải phòng.

Ngay từ khi kí hiệp ước Genève, Phạm văn Đồng, ngoại trưởng của chính phủ Cộng hòa nhân dân Việt nam đã gởi cho thủ tướng Pháp Pierre Mendès France một bức thư xác nhận những liên quan kinh tế và văn hóa giữa hai quốc gia: các xí nghiệp kĩ nghệ, thương mãi của Pháp vẫn tiếp tục hoạt động, không bị ngăn cản chút gì, tài sản của Pháp được tôn trọng, trường học của Pháp vẫn được mở cửa, các cơ quan văn hóa vẫn hoạt động.

Pháp phái Sainteny, người rất được cảm tình của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trở qua Hà nội, để nối lại tình giao hảo với Bắc việt, cứu vãn những quyền lợi kinh tế và văn hóa ở Bắc, như các hoạt động ở mỏ Hồng Gai, nhà máy xi măng Hải phòng, nhà máy dệt Nam định, xưởng lắp xe hơi Renault...; viện Pasteur, viện ung thư, trường Viễn Đông bác cổ, trường trung học Albert Sarraut...

Sainteny được Hồ Chủ tịch tiếp đón niềm nở. Nhưng lần lần tình Việt-Pháp mỗi ngày một nhạt, vì ba nguyên do:

* Chính phủ Mĩ cho rằng Pháp đi nước đôi, chỉ lo bảo vệ ít quyền lợi của họ mà lơ là với việc chống cộng của phương Tây. Anh cũng đứng về phía Mĩ.
* Các nhà kinh doanh Pháp ở Bắc rất nghi ngờ cộng sản, sợ cộng sản quốc hữu hóa các xí nghiệp, đuổi họ về, nên đòi hỏi nhiều bảo đảm làm cho cộng sản bực mình. Rốt cuộc, công ti lớn nhất

của Pháp là công ti than Bắc việt phải bán hết xưởng, bàn giấy, máy móc, đường rầy cho chính phủ Bắc việt.

* Chính phủ Pháp không chịu để cho Bắc việt có đại biểu ngoại giao ở Paris (như Sainteny ở Bắc), và cũng không can thiệp để buộc miền Nam phải tổng tuyển cử vào tháng 7-1956 như đã ghi trong hiệp ước Genève. Pháp không thể vừa lấy lòng Bắc vừa lấy lòng Nam được, mà càng không thể không nhờ Mĩ viện trợ trong những năm 1954-56.

Ngày 13-5-55, hết kì hạn 300 ngày, quân đội Pháp rút khỏi Hải phòng, ảnh hưởng, quyền lợi của Pháp ở Bắc gần như không còn gì.

Trong 5 năm sau (1956-60) Bắc nhờ Trung hoa và Nga viện trợ để kiến thiết. Trung hoa cho vay 120 tỉ quan (cũ) Pháp, Nga cho không 34 tỉ. Bắc thiếu rất nhiều kĩ thuật gia, phải đào tạo gấp quá, kết quả tất nhiên là kém. Lại thêm, quá theo Trung hoa, trọng hồng hơn chuyên, nghĩa là cho những người có công trong kháng chiến, trung thành với tư tưởng cách mạng (hồng) giữ những chức vụ chỉ huy, mặc dầu về kĩ thuật (chuyên) họ không biết chút gì, vì chưa bao giờ được học.[3](#_bookmark33)

##### Kinh tế suy - Đời sống khắc khổ

Mấy tháng đầu, mức sống không xuống thấp lắm nhờ có hàng hóa nhập cảng các công ti Pháp, các nhà buôn Trung hoa, Việt nam để lại. Từ giữa năm 1955, hết những dự trử đó rồi, lại thiếu ngoại tệ để nhập cảng những hàng để tiêu thụ - phảỉ lo mua máy móc trước hết - cho nên toàn dân phải sống khắc khổ.

Vì chính sách “hồng hơn chuyên", sự quản lí xí nghiệp rất kém: không làm kế toán đàng hoàng, cuối năm không tính lời lỗ, nhiều xí nghiệp không biết thu được bao nhiêu, tiêu mất bao nhiêu, mất mát bao nhiêu.

Khi thấy công việc không chạy, người ta không nghĩ cách cải thiện phương pháp làm việc, cứ tuyển thêm người, tuyển thật nhiều mà hầu hết không biết việc, rốt cuộc số tiền trả lương thợ tăng hơn sức sản xuất nhiều. Theo G. Chaffard (sách đã dẫn) thì nhà máy xi măng Hải phòng trong một năm, số thợ tăng 34%, số lương trung bình tăng 24%, như vậy là số tiền trả lương tăng gần 70%, mà sức sản xuất chỉ tăng có 3,5%.

Về canh nông cũng vậy. Hợp tác xã quốc gia (coopérative nationale) có nhiệm vụ tập trung sự sản xuất thực phầm, quản lí dở quá, cũng lỗ, hụt.

Phải mua dược phẩm, vải, xe đạp, nhất là xăng của nước ngoài, mà các nhà máy phốt-phát, trà… chưa sản xuất để bán ra ngoài được, rốt cuộc chỉ trông cậy vào than Hồng gai và xi măng Hải phòng mà hãng xi măng Hải phòng thì như chúng ta đã thấy, quản lí dở quá, còn than Hồng gai thì trong mười lăm năm đầu, bán được bao nhiêu phải trả nợ cho Pháp hết (coi hai trang trên).

Dân chúng bắt đầu thất vọng. Nhất là những ngườỉ Nam tập kết chỉ mơ tưởng tới lúc được về Nam, lúa gạo đầy đồng, cá tôm đầy rạch. Một người đại diện của họ dám nói với Phạm Ngọc Thạch lúc đó làm bộ trưởng Y tế “Chúng tôi tập kết ra đây không phải để làm cu li trong các doanh nghiệp của chính phủ." Nhiều người đòi trở về Nam khi thấy năm 1956 không có tổng tuyển cử để thống nhất quốc gia như chính phủ đã hứa.

##### Cải cách điền địa - Vụ Quỳnh lưu

Cũng trong năm 1956 chính phủ còn bị một sự phản kháng nghiêm trọng của dân chúng vì việc cải cách điền địa. Chính phủ muốn tiến mau đến xã hội chủ nghĩa mà không hiểu hoàn cảnh nước mình, tâm lí nông dân - hoặc hiểu nhưng bất chấp - cho nên áp dụng đúng đường lối và kĩ thuật của Mao Trạch Đông.

* Mới đầu gây cho nông dân căm thù địa chủ. Người ta phái cán bộ trẻ về làng cùng làm, cùng ăn, cùng ở (tam cùng) với những bần cố nông trong làng, gây lòng tin của họ rồi vạch cho họ thấy họ bị điền chủ bóc lột ra sao, phải căm thù, diệt bọn đó, chính quyền sẽ ủng hộ, đừng ngại.
* Bước thứ nhì là chia dân làng thành nhiều thành phần: đại điền chủ, phú nông, bán nông, người làm nghề tự do...
* Qua bước thứ ba, cho hạng bần cố nông đã được học tập như trên, tố cáo rồi xử tội những kẻ thuộc thành phần địa chủ, tư bản.

Trong chương VII tôi đã nói đa số những người giầu nhất ở thôn quê Bắc việt chỉ có năm sáu mẫu ruộng (khoảng 1 héc-ta rưỡi tới hai héc-ta), cả vợ chồng con cái lảm mới đủ sống, không thể coi như các điền chủ, các lãnh chúa ở Trung hoa, Nga, Mĩ châu được. Một số rất ít có vài chục mẫu ruộng, dăm bảy chục mẫu đồi, chỉ bằng hạng điền chủ trung bình trong Nam thôi.

Việt Minh sở dĩ thắng được Pháp là nhờ sự góp sức của toàn dân: không gia đình nào ở nông thôn không có con cháu, anh em đi bộ đội, làm dân công, không giúp lúa gạo cho bộ đội. Chính quyền biết như vậy, nên ban hành một đạo luật riêng bồi thường cho những điền chủ nào không bóc lột, không tàn bạo với dân, hoặc đã có công giúp kháng chiến, mà chỉ trừng trị bọn cho vay nặng lãi thôi.

Nhưng nếu thi hành đúng thì mỗi làng chưa chắc đã có một người bị truất hữu, làm sao có một tỉ số dân bị xử tội cao bằng hay hơn Trung cộng được? Cho nên nhiều cán bộ muốn lập công, xử với dân thật tàn nhẫn; lại thêm nhửng vụ oan vì thù cá nhân, vì hống hách, những bất công khi chia đất, khiến dân chúng bất bình, nổi loạn. Theo Bernard Fall (sách đã dẫn - trang 184) thì trong vụ cải cách điền địa đó có **50.000** người bị giết và **100.000** người bị đưa vào các trại cải tạo.

Trường Chinh, một đảng viên thân Trung cộng, tổ chức vụ cải cách điền địa đó, bị dân chúng oán nhất. Chủ tịch Hồ Chí Minh phải cách chức ông ta, bắt ông ta tự kiểm thảo, nhưng rồi lại giao cho

một chức vụ quan trọng khác.[4](#_bookmark34)

Chính phủ sửa sai: những người nào bị xử oan thì được trả lại tự do, phục hồi quyền công dân...

Tự do tín ngưỡng được tôn trọng. Tài sản của các chùa, giáo đường được trả lại; bỏ cái lệ giam bắt người một cách độc đoán...

Sự sửa sai đó xảy ra khoảng đầu tháng 11, ảnh hưởng chưa kịp lan khắp nước thì từ 10 đến 20- 11, hằng ngàn nông dân ở Quỳnh lưu, Nghệ an (quê hương Hồ Chủ tịch) nổi loạn lên chống sự kì thị công giáo và những sự bất công trong vụ cải cách điền địa. Quân đội tới dẹp, hơn một ngàn người chết hoặc bị thương, theo G. Chaffard. Nhưng theo B. Fall trong *Les deux Việt nam* (Payot 1967) thì có tin rằng gần 6.000 người bị đày đi xa hoặc bị giết.

Sau đó, Võ Nguyên Giáp, đại diện chính phủ, trong một buổi họp trước nhân dân Hà nội, tự thú tất cả những “lỗi lầm nặng” của chính quyền: cán bộ đã hành động một cách máy móc, coi tất cả các địa chủ là kẻ thù, cả nbững người đã theo kháng chiến... Lòng dân lúc đó mới dịu xuống.

##### Vụ Nhân văn - Giai phẩm

Nhưng ngay tháng sau (12-56) lại xảy ra vụ Nhân văn - Giai phẩm làm cho giới trí thức bất

bình.

Cũng lại bắt chước Mao Trạch Đông nữa. Nguyên do là ở Nga, sau khi Staline chết năm 1953,

Kroutchev trong đại hội 20 của đảng, cởi mở một chút cho văn nghệ sĩ - người ta gọi là thời “*băng rã*” (dégel) - và ra chỉ thị cho các nước đàn em làm theo. Mao nghe Kroutchev, tháng 5 năm 1956 đưa ra khẩu hiệu "*Trăm hoa đua nở, trăm nhà lên tiếng*"[5](#_bookmark35), cho các văn nghệ sĩ tự do hơn trong việc sáng tác, miễn là theo đường lối xã hội của đảng. Bọn văn nghệ sĩ mới đầu rụt rè phê bình, sau đả đảo mạnh tác phong “công thức”, sáng tác theo một chiều trong mấy năm trước, sau cùng họ được thể, chống lại đảng. Tới mức đó thì Mao đâm hoảng, lật ngược chính sách, thắt chặt lại hơn trước, tấn công bọn "xét lại" đó và thẳng tay trừng trị Đinh Linh, Phùng Tuyết Phong v.v...

Nhà cầm quyền Bắc việt lúc đó đương kẹt về vụ Quỳnh lưu. nên bảy tháng sau mới cho "trăm hoa đua nở". Một nhóm giáo sư và trí thức trong hai tạp chí Nhân văn và Giai phẩm mùa xuân liền viết bài tấn công tác phong công thức trong văn nghệ. Tờ Đất Mới của sinh viên hùa theo, chống đường lối chỉ huy trong đại học. Ngay tờ Nhân Dân nhật báo, cơ quan của Đảng, cũng đăng một loạt bài về nguyên tắc chuyên chính và vai trò của đảng chính trị trong một chế độ dân chủ nhân dân (démocratie populaire).

Một số lớn trí thức: học giả, văn sĩ, nghệ sĩ, cựu học, tân học, gặp cơ hội đó, cho phát ra tất cả những uất ức, dồn ép của họ, người thì khách quan, bình tĩnh phân tích những sai lầm như Đào Duy Anh, người thì đả phá với những lí luận sắc bén như Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo, người thì

dùng giọng mỉa mai kín đáo mà cay độc như Phan Khôi; bừng bừng nhất là bọn thanh niên Trần Dần, Phùng Quán, Hoàng Cầm...

Đầu năm 1957, chính phủ thấy họ hăng quá, ra lệnh phá ngầm: Mậu dịch không bán giấy in cho những tờ báo chống đối (họ không sợ, mua chợ đen); khủng bố người phát hành báo (họ cho sinh viên đi bán); Bưu điện không phân phát báo, cán bộ đi từng nhà khủng bố người đọc... Những biện pháp đó đều vô hiệu, cuối cùng chính phủ phải đóng cửa tờ Nhân văn, ông Hồ Chí Minh kí một sắc lệnh tước quyền tự do ngôn luận của báo chí, phạt từ 5 năm đến khổ sai chung thân những kẻ phạm cấm. Những tờ báo *Trăm hoa, Đất mới, Giaì phẩm* đều tự đình bản.

Năm 1958, ba trăm lẻ bốn văn nghệ sĩ phải đi chỉnh huấn, tự kiểm thảo rồi "học tập lao động", trong số đó có thạc sĩ Trần Đức Thảo (bạn của Sartre, Camus, ở Pháp về phục vụ quốc gia năm 1951, người buộc tội ông là thạc sĩ sử học Phạm Huy Thông), Nguyễn Hữu Đang, Trương Tửu, nữ sỉ Thụy An. Phan Khôi vì đã bảy mươi ba tuổi, có công chống Pháp, bị tù hồi trẻ, theo kháng chiến từ đầu, một phần cũng nhờ con là Phan Thao, một cán bộ cao cấp, nên được yên, nhưng gần như bị giam lỏng, không được giao thiệp với ai.

Đào Duy Anh, Trương Tửu, Nguyễn Mạnh Tường (có một bài diễn văn vạch những sai lầm trong cải cách ruộng đất, rất hay, lọt ra ngoại quốc, dịch ra tiếng Pháp) đều mất chức giáo sư đại học. Gia đình Trương Tửu bị bao vây kinh tế, mãi sau này mới được làm nghề châm cứu. Đào Duy Anh, người ôn hòa nhất trong nhóm học giả viết bài “*Muốn phát triển học thuật*", chỉ đưa ra ý kiến này: “*Tư tưởng không tự do thì không tự do thảo luận được. Mặc dầu không ai cấm tranh luận (...) nhưng trong thực tế thì sự thảo luận đã bị thủ tiêu từ gốc rồi. Nghiên cứu hay nghị luận một vấn đề gì, nhiều người chỉ nơm nớp sợ không khéo thì chệch ra ngoài đường lối tư tưởng chính thống độc tôn. Đối với nhừng người ấy, công tác học thuật trở thành những trò xiếc leo dây. Con đường học thuật phải là đường cái, thênh thang mọi người tự do đi lại, chứ không phải sợỉ dây căng của người làm xiếc. Phải từ bỏ những bệnh giáo điều và sùng bái cá nhân để trả lại tự do cho học thuật*".

Ông chỉ viết có vậy mà bị treo giò mười lăm năm: bản thảo *Tự điển chuyện Kiều* bị gìm trên mười năm, sau nhờ Phạm văn Đồng can thiệp, nó mới được in và phát hành năm 1975. Học trò cũ của ông không ai dám lại thăm ông. Ông buồn rầu viết một tập Hồi kí kể những hoạt động chính trị và văn hóa của mình tử hồi hai mươi lăm tuổi để tỏ nỗi lòng ân hận đã lỡ nhúng bút vào vụ Trăm hoa đua nở và để phân trần rằng trước sau ông vẫn trung thành. Tập đó không in, chỉ đưa cho bạn thân đọc. Nhưng từ khi Việt-Hoa xung đột nhau, Mao bị chỉ trích, ông đã thành con người khác.

Năm 1956 thực là năm có nhiều biến cố trong chủ nghĩa xã hội: ở Đông âu là vụ Poznan ở Ba lan, vụ Budapest ở Hung gia lợi; ở Đông Á là Trung hoa, Việt nam.

##### Kinh tế phát triển rất chậm

Mới chia đất cho dân nghèo năm 1956, dân làm chủ chưa đuợc hai năm thì năm 1958, Phạm văn Đồng đã đưa ra chính sách tập sản (collectivisation) để mau tiến lên xã hội chủ nghĩa, rồi cộng sản chủ nghĩa. Đâu đâu cũng thành lập Hợp tác xã nông nghiệp: mỗi gia đình chỉ đuợc giữ một khoảnh nhỏ để cất nhà, làm vườn. Còn bao nhiêu ruộng đều là của chung hết: cầy bừa, cấy gặt chung, hoa lợi chia theo số ngày làm lụng của mỗi người, sau khi nộp cho nhà nuớc một số, bán cho nhà nước một số khác với giá chính phủ ấn định (rất rẻ). Nông dân bắt buộc phải vô hợp tác xã nhưng không hăng hái làm cho hợp tác xã, chỉ lo săn sóc việc nuôi gà, nuôỉ heo, trồng rau ờ nhà. Cho nên mặc dầu phương pháp canh tác có cải thiện, công trình thủy lợi có phát triển, chỗ nào cũng làm được hai mùa, có nơi ba mùa, còn thêm miền thượng du được khai phá, số lúa và hoa màu có tăng hơn năm đầu chế độ (1955) kha khá đấy, nhưng mức sống của dân năm 1960 vẫn rất thấp, vì dân đã quá đông mà lại tăng lên mau: 3% mỗi năm. Đã vậy, dân còn phải bớt ăn để chính phủ xuất cảng gạo mà trả nợ hoặc thu ngoại tệ!

Về kĩ nghệ, thiếu vốn, thiếu viện trợ, Bắc việt chỉ xây được những lò đúc thép ở Thái nguyên, một xưởng đóng tàu ở Hải phòng, vài nhà máy trà, còn hầu hết là những nhà máy cũ: nhà máy điện, nhà máy diêm, nhà máy dệt, nhà máy xi măng, mỏ than... Sự quản lí kém quá, nên không sản xuất được nhiều.

Dân chỉ đuợc bảo đảm hai bửa ăn mỗi ngày thôi, mà không có thực phẩm dự trữ. Vì vậy nhà cầm quyền tính trao đổi thương mãi với miền Nam; miễn miền Nam tách ra khỏi Mĩ, là Nam Bắc có thể đoàn kết với nhau được, giúp đỡ lẫn nhau.

##### Bắc giúp Mặt trận Giải phóng miền Nam

Ở trên tôi đã nói cán bộ cộng sản và nông dân miền Nam không chịu nổi sự đàn áp của Diệm, bỏ vô bưng từ năm 1957, tự tổ chức lấy chiến khu. Hai năm đầu, họ không được Bắc việt giúp đỡ gì cả, mà lực lượng cũng mỗi ngày một tăng, thắng quân chính phủ Diệm được vài trận nhỏ. Năm 1960 họ mới thành lập Mặt trận Giải phóng Miền Nam do một ủy ban lâm thời lãnh đạo.

Cuối năm 1961, một luật sư ớ Sài gòn, Nguyễn Hữu Thọ được mặt trận đón ra bưng và bầu làm chủ tịch. Đầu năm sau, Mặt trận đưa ra chương trình hành động mà những điểm chính như sau:

* tôn trọng hiệp ước Geneve. Mĩ rút các cố vấn về, không gửi vủ khí qua miền Nam nữa,
* thực hiện hòa bình ngay ở miền Nam, không bắt bớ, tra hỏi, khủng bố, đàn áp dân nữa,
* thi hành tự do dân chủ,
* thả tất cả tù nhân chính trị,
* bỏ chính sách độc quyền kinh tế; nhận viện trợ kinh tế của bất kì nước nào, miễn nước viện trợ

không đặt điều kiện chính trị,

* theo chính sách trung lập; lập một khu trung lập ờ Đông dương, gồm Nam việt, Cao miên và Lào, ba nước này được hoàn toàn độc lập.

Mỹ không chịu mà còn tăng viện trợ cho miền Nam về quân sự và kinh tế hơn nữa.

Bắc việt mới đầu không giúp đỡ gì cả ngoài một số nhỏ khí giới chuyển vô qua đường Lào. Hồ Chí Minh do dự: Nga muốn sống chung hòa bình với Mĩ, không khuyến khích Bắc đem quân vô Nam, vả lại, Bắc cũng muốn yên ổn dể kiến thiết trong một thời gian; nhưng Trung hoa thúc Bắc việt giúp Mặt trận Giải phóng vì ghét Mĩ, lại thêm các cán bộ tập kết cũng hăng hái đòi trở vô Nam giúp bạn chiến đấu của họ. Rốt cuộc Bắc phải lén đưa quân vô. Theo Bernard Fall (sách đã dẫn tr. 408) thì trước 1960, trong ba bốn năm chỉ đưa vô từ 1.800 đến 2.700 người, năm 1963 khoảng 4.000 người.

Cũng theo Bernard Fall (tr. 466) thì năm 1962 Hồ Chí Minh và Phạm Văn Đồng đều nhận rằng thống nhất ngay Việt Nam lúc đó không có lợi gì vì Nam đã tan rã (các giáo phái, phe công giáo di cư, cả trăm ngàn người mang vũ khí. các châu thành lớn quá..., những cái đó gây ra rất nhiều vấn đề khó khăn), như vậy chỉ tạo thêm một gánh nặng cho Bắc, thà cứ để Nam làm một nước trung lập thịnh vượng như Finlande hoặc Autriche, một "*cái cửa sổ ngó ra thế giới bên ngoài*" mà lại có lợi hơn.

Nếu quả thực như vậy thì trước sau Hồ Chí Minh không muốn chiến tranh, sẵn sàng muốn thương thuyết, nhưng Mĩ thay Pháp ở Đông dương đâu có chịu giải pháp đó mà Diệm lại càng không chịu. Khi Diệm bị giết, quân nhân lên cầm quyền, Mĩ ồ ạt đổ quân lên Nam việt thì chiến tranh qua giai đoạn khốc liệt.

## CHƯƠNG XXII: CHIẾN TRANH VIỆT MĨ (1965-1975)

Về giai đoạn này tôi hoàn toàn thiếu tài liệu. Các học giả Âu Mĩ chưa viết về chiến tranh Việt- Mĩ từ 1965[6](#_bookmark36) đến 1974; dù có viết rồi thì ở Việt nam chúng tôi cũng không sao có mà đọc được. Còn tài liệu của mình (báo hằng ngày, vài cuốn sử biên niên của Đoàn Thêm (Nam Chi tùng thư) thì sau hai lần chính quyền Cách mạng ra lệnh hủy bỏ sách vở, lần trước vào khoảng cuối 1975 hay đầu 1976; lần sau vào đầu 1978, rất ít gia đình dám giữ, phải bán cho “ve chai”[7](#_bookmark37) hoặc đun bếp, nên tôi không thể kiếm được. Tôi lại ngại tới thư viện để tra cứu vì thủ tục lúc này rất phiền phức đối với người như tôi. Vả lại những tài lỉệu đó rời rạc, có tính cách một chiều, không đáng tin lắm. Tôi đành nhớ đâu chép đấy, chắc chắn là sai - nhất là về niên đại - chỉ mong ghi lại được hướng của các biến chuyển cùng cái không khí của thời đại, tình hình của xã hội trong mười năm sau khi nhà Ngô bị lật đổ thôi.

### *Các chính phủ quân nhân*

Một số kí giả phương Tây gọi thời đó là thời của “chính sách Diệm mà không có Diệm” (Diemisme sans Diem). Xét chung lời đó đúng; trừ chính quyền Dương văn Minh trong mấy tháng đầu, các chính quyền quân nhân thời sau đều chủ trương diệt Cộng, và lần lần hóa độc tài như họ Ngô, kiểm duyệt sách báo mỗi ngày một gắt, dân chúng vẫn khổ như trước, chỉ khác không có kì thị tôn giáo nữa. Những năm cuối của thời đó các tướng tá vơ vét cho thật mau thật nhiều bằng mọi cách: mua quan bán tuớc, chuyển ngân, buôn lậu vàng và thuốc phiện. Bọn cầm quyền sống cực kì xa xỉ: người ta tiêu không biết bao nhiêu triệu bạc trong một tiệc gả con: một chiếc bánh cưới cao mấy thước phải bắc thang lên để cắt, sâm banh chảy như suối.

Mới đầu dân chúng tin ở chính phủ Dương văn Minh (quốc trưởng), Nguyễn Ngọc Thơ (thủ tướng) nhưng chỉ một hai tháng sau người ta thất vọng: dùng người cũ, không có chính sách gì mới, không phải là một chính phủ cách mạng.

Nguyễn Ngọc Thơ muốn dùng lại lực lượng của hai giáo phái Cao đài và Hòa hảo; Mĩ cũng tin rằng chỉ giáo phái mới thực tâm chống cộng, và hi vọng dùng chính sách đó có thể rút lần cố vấn Mĩ về được.

Johnson lên thay tổng thống Kennedy bị ám sát khoảng hai mươi ngày sau khi Diệm bị giết, giữ đúng đường lối của Kennedy và có vẻ lạc quan, tăng cường viện trợ cho Nam việt, tính cuối năm 1965 sẽ diệt xong Việt cộng.

Theo W.G. Burchett trong sách đã dẫn thì Dương văn Minh tuyên bố muốn trung lập hóa miền Nam như De Gaulle đề nghị. Mĩ chống giải pháp đó, kiếm một “người hùng” - tướng Nguyễn Khánh - để thay Minh. Cuộc đảo chánh thứ nhì xảy ra không tốn một viên đạn. Dương văn Minh và các tướng

Đôn, Đính, Kim đều bị Khánh bắt - sau Minh được thả. (Nguyễn Ngọc Thơ đã từ chức từ trước rồi).

Cabot Lodge (đại sứ Mĩ) chỉ muốn Khánh nắm quyền quân sự thôi nhưng Khánh lăm le nắm cả quyền dân sự, tỏ vẻ độc tài, ban hành hiến chương Vũng tàu, bị sinh viên biểu tình phản đối, và Mĩ lại phải “thay ngựa”. Khánh qua Pháp rồi, Mĩ thí nghiệm một chính quyền dân sự, đưa một kĩ sư canh nông ái quốc, khá có tiếng, Phan Khắc Sửu lên làm quốc trưởng, nhưng quân đội chống đối, đưa tướng Nguyễn văn Thiệu lên làm Chủ tịch ủy ban lãnh đạo Quốc gìa, tướng Nguyễn Cao Kỳ làm phó chủ tịch.

Năm 1967, Thiệu và Kì được bầu làm tổng thống và phó tổng thống. Thiệu làm tổng thống bảy tám nãm, lúc thì dùng tướng Trần Thiện Khiêm, lúc thì dùng Trần văn Hương, một giáo sư già về hưu, có tiếng cương quyết, làm thủ tướng.

Chỉ trong mấy năm, Mĩ thay ngựa bốn năm lần mà tình hình cứ mỗi ngày một thêm bi đát.

### *Mĩ đưa quân sang*

Năm 1964, Mặt trận Giải phóng thừa cơ Nam việt lục đục, chiếm được mấy ngàn ấp chiến lược.

Chính sách ấp chiến lược là sáng kiến của Anh ở Mã lai. Anh đã thành công vì Mã lai chỉ có 8.000 Cộng sản mà quân đội Anh-Mã tới 450.000; lại thêm số dân trong các ấp chiến lược của họ ít - chỉ bằng 6% toàn dân - họ có thể dễ bảo vệ; còn ở Nam việt: Diệm tính nhốt hơn 9 triệu người, non 2/3 nông dân vào những ấp chiến lược, xây cất vội vàng, không đủ công sự, quân lính, khí giới để bảo vệ, cho nên các ấp sụp đổ rất mau.

Năm 1965, Bắc Việt được sự giúp đỡ cả của Trung hoa lẫn Nga, do đường Hồ Chí Minh (dọc theo dãy Trường sơn trên địa phận Lào) đưa hằng chục ngàn quân vô Nam, năm sau đưa thêm vô

* 1. và số quân của Mặt trận Giải phóng tổng cộng lên tới 282.000 (Bernard Fall – sách đã dẫn) và lúc đó 2/3 Nam việt đã bị Việt cộng kiểm soát.

Để cứu vãn tình thế, Mĩ phải đưa quân vô Nam, năm 1965 khoảng 100.000 người, sau tăng lần lần lên tới trên 500.000, cộng với quân của chính phủ miền Nam thì được trên 1.000.000, như vậy cũng chỉ bằng bốn lần số quân Giải phóng, mà như một chương trên tôi đã nói, Anh ở Mã lai đã phải dùng một số quân gấp 20 lần - có lúc 40 lần - mới thắng được Mã cộng.

Năm 1964 hay 1965, khi hay tin quân Mĩ sẽ đổ bộ lên miền Trung, tôi đã có một đoạn cảnh cáo trong một bài đăng trên tạp chí Bách Khoa, sau cho in lại trong cuốn *Một niềm tin*, nhưng bị kiểm duyệt đục bỏ, đại ý rằng sự đổ quân Mĩ vào nước mình đó sẽ gây rất nhiều xáo trộn trong xã hội mà người Mĩ sẽ bị dân chúng ghét. Người Mĩ chỉ làm cố vấn thôi thì dân chúng chấp nhận họ được (tổng thống Diệm hiểu điều đó, nên bắt cố vấn Mĩ đi ra đường không được bận quân phục); nhưng khi họ mang vũ khí tảo thanh, diệt người Việt - dù là Việt cộng - thì trong con mắt dân chúng, họ thành quân xâm lăng rồi. Trung hoa và Nga giúp Bắc việt nhưng không đưa quân qua chiến đấu, do đó, Bắc vẫn

giữ được chính nghĩa.

Có thể chính quyền Mĩ cũng hiểu vậy nhưng không thể làm khác được vì tình hình Nam việt đã sắp sụp đổ đến nơi.

Ảnh hưởng về phương diện xã hội còn tai hại hơn nhiều. Quân Mĩ vung tiền ra để mua những thú vui nhục thể. Rất nhiều chị ở, chị bếp bán thân cho họ để họ “bao” và cuối tháng lănh một số tiền bằng mười số tiền khi giúp việc cho người Việt. Chúng mướn nhà và chịu trả một số tiền thuê gấp năm gấp mười tiền thuê bình thường. Rất nhiều người Việt chịu ở chật chội trong vài phòng sau nhà, để nhà chính cho Mĩ thuê. Kẻ có tiền thì cất nhà cho Mĩ mướn.

Chúng dâm loạn, nghiện bạch phiến, ăn cắp đồ để bán chợ đen. Chúng lại ngạo mạn, tàn nhẫn: ngồi trên xe nhà binh, xả súng vào trẻ em, liệng đá vào xe qua đường mà cười hô hố, cán người rồi dông.

Mỗi tên lính Mĩ tiêu mỗi tháng không biết mấy trăm đô la ở Việt nam; nửa triệu lính Mĩ mỗi năm đổ cả tỉ đô la vào nước mình; kinh tế phồn thịnh lên một cách giả tạo và trong xã hội xuất hiện một giới biếng nhác, sa đọa mà lại có nhiều tiền, cả quyền thế nữa. Một số thanh niên hóa điếm đàng, hút sách.

Do đó ai biết suy nghĩ một chút cũng oán Mĩ, thấy miền Nam chỉ là “một sân banh cho Mĩ quần nhau với Nga và Trung hoa”; đi lính cho miền Nam không phải là để bảo vệ tự do hay tổ quốc gì cả mà chỉ để đỡ đạn cho Mĩ, cho nên bị kêu nhập ngũ thì trốn, không trốn được thì vận động để được làm ở phòng giấy, khỏi phải ra mặt trận vừa bắn vào đồng bào của mình. Tinh thần chiến đấu rất thấp. Và một số trí thức biết rằng sống dưới chế độ Cộng sản không được tự do, nhưng vẫn mong cho Bắc Việt thắng vì tin rằng xã hội ngoài đó lành mạnh hơn, con người ngoài đó có lí tưởng hơn, nhà cầm quyền ngoài đó trong sạch hơn, có nhân cách hơn bọn tướng tá chính khách trong Nam. *Họ không sống ở ngoài đó nên không biết dược sự thật ra sao, và sau này họ mới vỡ mộng.*

Vì tinh thần chiến đấu của miền Nam mỗi ngày một sút - nhiều bài ca phản chiến được dân chúng rất thích - cho nên Mĩ dù đổ thêm quân vô, dùng khí giới tối tân, cũng chỉ chống đỡ được thôi chứ không thắng nổi Bắc Việt.

Năm 1965, Mĩ dùng một lực lượng hủng hậu tảo thanh “tam giác sắt” (chiến khu D) cách Sài gòn năm sáu chục cây số về phía bắc để quân Giải phóng hết chỗ núp. Họ đưa rất nhiều quân, xe thiết giáp bao vây khu đó, dùng phi cơ B-52 dội bom 500 ki lô xuống, theo chiều dọc, chiều ngang, không chừa một chỗ nào, như để cầy khu đó lên; lại dùng bom Napalm, hóa chất để đốt phá rừng bụi, rồi mới cho quân vào dò những chỗ có hầm, gặp thì phá hủy, vậy mà Việt cộng vẫn thoát được. Chiến dịch đó thất bại nặng hơn chiến dịch Navarre năm 1953 ở “con đường sầu thảm” nữa.

Trong hai năm sau, có những vụ kịch chiến ờ Pleime, Tây ninh, Chu lai, Khe sanh, hai bên đều tổn thất nặng.

### *Vụ Mậu Thân*

Kinh khủng nhất là vụ Tết Mậu thân (1968). Tối ba mươi tết, dân Sài gòn vừa mới làm lễ rước tổ tiên thì có tiếng súng nổ mỗi lúc một nhiều, và nhà nào nhà nấy vội khóa cửa, đem theo ít quần áo thức ăn, dẩt díu nhau tản cư. Việt cộng đã đột nhập miền Chợ lớn, Bình hòa (Gia định), tiến vào giữa thành phố, bao vây tòa Đại sứ Mĩ trong sáu giờ. Từ trước vẫn có lệ *Tết thì hai bên ngưng chiến trong vài ba ngày*. Năm đó các tướng tá của mình từ trên xuống dưới quá tin hoặc khinh địch, không đề phòng gì cả, đều rời Sài gòn, đi xa ăn Tết, nên không kịp chống đỡ.

Lần này là một cuộc tổng tấn công: cùng một lúc hoặc cách nhau độ một hai ngày, 36 đến 44 thị trấn từ Huế vào tới Bạc liêu bị Việt cộng đột nhập như vậy. Toàn dân hoảng hốt, tưởng lần này thì Việt cộng chiếm trọn miền Nam rồi, vào ăn tết ở thành, chứ không phải là tuyên truyền như mấy tết trước.

Khắp thế giới ngạc nhiên và phục Việt cộng tổ chức cách nào mà chính phủ miền Nam không hay biết gì cả. Họ đã lén chở khí giới, đưa cán bộ vào Sài gòn, Huế... từ hồi nào, chôn giấu, ẩn núp ở đâu? Chắc chắn dân chúng đã che chở họ, tiếp tay với họ, không ai tố cáo cho nhà cầm quyền miền Nam biết. Trái lại mỗi cuộc hành quân lớn nhỏ nào của miền Nam họ đều biết trước ngày và giờ để kịp thời đối phó. Nội điểm đó thôi cũng đủ cho thế giớỉ biết *họ được lòng dân miền Nam* ra sao và tại sao Mĩ thất bại hoài.

Phải mất một tuần hay nửa tháng, Mĩ mới đuổi được quân Việt cộng ra khỏi Sài gòn; Sài gòn thiệt hại không nặng lắm. Ở Huế, tình hình bi đát hơn nhiều. Việt cộng hoàn toàn làm chủ trong một tháng, bắt giết kẻ hợp tác với Mĩ, vùi thây ngay trong vườn hoặc bên lề đường, hoặc trong những hầm tập thể. Họ bắt dân thường tiếp tay họ. Không rõ bao nhiêu người bị giết - có sách nói ít nhất **10.000** người, riêng một hầm chôn thây tập thể cũng đã chứa 1.000 thây người. Sau có nhiều kí giả chép lại vụ đó và một nữ sĩ, Nhã ca, quê ở Huế, viết *Dải khăn sô cho Huế*, Tình ca cho Huế đổ nát, lời rất xúc động.[8](#_bookmark38) Hình như *không có phóng viên báo ngoại quốc* nào có mặt ở Huế lúc đó.

Tại các thị trấn miền nam Trung việt, dân cũng bỏ nhà, tản cư hết. Có nơi heo đói quá, ăn thịt người; gà mổ gỉòi từ các thây ma bò ra. Chưa bao giờ dân tộc mình thấy những cảnh rùng rợn như vậy.

Mọi công việc buôn bán gần như ngưng trệ trong hai tháng vì thiếu phúơng tiện giao thông. Ngay đến quân nhân muốn trở về đơn vị mà cũng phải đợi nửa tháng mới có máy bay.

Khi Việt cộng rút ra hết các thị trấn rồi thì Sài gòn bị cái nạn hỏa tiễn địa-địa Việt cộng từ xa bắn vào. Một số nhà bị hủy ở gần chợ Bến thành và nhiều nơi khác. Khu của tôi yên ổn, nhưng nhà tôi cũng sợ quýnh lên, đòi lại khu Bàn cờ ở với mấy cô em mà khu đó không yên gì hơn khu tôi. Đa số dân

chúng đều như vậy, hoảng hốt thì bỏ nhà mà đi, không suy nghĩ gì cả, có khi bỏ chỗ yên lại chỗ không yên. Tôi rất bình tĩnh, cứ ngồi ở phòng viết trên lầu mà dịch *Chiến tranh và Hoà bình* của Tolstoi cho nhà Lá Bối. Thời đó xe cộ ít qua lại, ngoài đường ít người, khu tôi thật tĩnh mịch, rất thích hợp cho việc viết lách.

Một anh bạn lại chơi hỏi tại sao không xuống ngồi ở tầng dưới để được thêm một cái trần nữa che chở. Tôi đáp: “Các tủ sách để cả ở đây, viết ở đây tiện hơn. Tôi cứ coi như hồi còn ở căn nhà trệt, không lầu ở đường Huỳnh Tịnh Của.”

Sau biến cố Mậu thân, một số bạn tôi như gia đình Thiên Giang, giáo sư Lê văn Hảo ở Huế bỏ ra bưng rồi ra Hà nội.

Mấy năm trước đó, Thiên Giang đã hoạt động cho Cách mạng, muốn rủ tôi theo, tôi từ chối, tự xét chỉ thích hợp với việc trứ tác thôi. Như hầu hết các nhà làm chính trị, ông ta có tinh thần đảng phái (sataire). Từ đó chúng tôi lần lần xa nhau, nhưng tôi vẫn giữ niềm hòa hảo với ông.

Khoảng 1970 hay 1971, một anh bạn khác dụ tôi ra ứng cử tổng thống vì anh ta cho rằng tôi có tiếng tăm trong nước, liêm chính mà lại không bị một vết nào: không hợp tác với Pháp, với Diệm, với Thiệu, không thân với Mĩ. Tôi mỉm cười đáp: “Chịu thôi, không đủ sức khỏe và mánh khóe.” và nghĩ bụng: “Cứ làm một thư sinh độc lập thì còn được một số độc giả mến, chứ ra làm chính trị thì chẳng được việc gì mà còn bị thiên hạ khinh.”

### *Vừa đánh vừa đàm - Hiệp định Paris*

Từ năm 1965, Mĩ đã dùng phi cơ oanh tạc Bắc việt, có ý buộc Bắc phải điều đình. Mãi đến giữa 1968, hai bên mới bắt đầu thương thuyết với nhau ở Parỉs. Mĩ buộc Bắc phải rút hết quân về. Bắc cũng đòi Mĩ phải rút hết quân về. Nam không chấp nhận Mặt trận Giải phóng. Bắc đòi phảí chấp nhận. Từ đó đến 1973 họ vừa đàm vừa đánh. Để làm áp lựp, Mĩ oanh tạc mỗi ngày một mạnh hơn, nhưng càng oanh tạc thì thái độ của Bắc càng cứng rắn, dân chúng càng sát cánh với nhà cầm quyền. Phá hủy khu kĩ nghệ Thái nguyên, Bắc cũng không núng, oanh tạc các đường sắt, đê điều họ cũng không núng; Nga và Trung hoa càng viện trợ khí giới, đại bác. hỏa tiển, phi cơ cho họ.

Cuộc oanh tạc lớn nhất xảy ra năm 1972, sau vụ Bắc việt đại tấn công thành phố Quảng trị, san phẳng thành bình địa. Liên tiếp mười hai ngày, Hà nội bị dội bom. Mĩ còn thả thủy lôi trên các sông Bắc Việt, nhất là biển Hải phòng, không cho tàu Nga ra vô. Trung hoa chỉ lên tiếng phản đối gọi là, còn Nga thì trước sau làm thinh. Một số người ở Sài gòn nguyền rủa Mĩ mà cũng nguyền rủa cả Nga lẫn Trung hoa.

Chúng ta nên để ý: năm 1972, Nixon, tổng thống Mĩ qua thăm Mao rồi thăm Nga, chắc chắn là để tìm một giải pháp cho chiến tranh Việt nam, có lẽ vì vậy mà Mĩ mới dám ngang tàng dội bom Hà

nội và phong tỏa hải cảng Hải phòng.

Cả thế giới bất bình với Mĩ: một anh khổng lồ mà ăn hiếp một chú bé, dùng những đòn nặng như vậy, thật vô liêm sỉ. Chính dân chúng Mĩ cũng chê kẻ cầm đầu của họ. Một triết gia Anh, Bertrand Roussell, lập một tòa án ở Na uy (?) để xử tội Mĩ.

Dội bom Hà nội 12 ngày rồi Mĩ ngừng để thương thuyết với Bắc Việt, và ngày 27-1-73, Mĩ, miền Nam Việt nam kí với Bắc Việt và Mặt trận Giải phóng hiệp định Paris có nhiều nước chứng kiến: Nga, Trung hoa, Pháp, Anh.

Tôi không nhớ rõ nội dung hiệp định đó, đại khái là Mĩ rút hết quân về. Bắc cũng vậy; Nam và Bắc trao đổi tù binh với nhau; ở miền Nam sẽ có một chính phủ lâm thời gồm ba thành phần: người của chính phủ miền Nam, người của Mặt trận Giải phóng và một số người không đứng về phe Nam hay phe Bắc, do hai chính phủ Nam và Giải phóng đề cử, số người đó là thành phần thứ ba.

### *Những bí mật trong chiến tranh Việt Mĩ*

Trong chiến tranh Việt Mĩ có nhiều bí mật tôi không hiểu nổi. Mĩ thay Pháp ở Đông dương để chặn làn sóng cộng sản Trung hoa tràn xuống Đông nam Á. Vậy là mới đầu Mĩ thù Trung hoa, sau tại sao lại thân thiện với Trung hoa? Chỉ vì thị trường hàng tỉ người ở Trung hoa chăng? Hay là còn vì Mĩ biết Trung hoa thù Nga từ 1960, mà Trung hoa yếu hơn Nga, cho nên đứng về phía Trung hoa để cho thế lực của Nga giảm đi?

Nga, Hoa đều phải giúp Bắc Việt để chống Mĩ, nhưng cả hai đều gờm nhau: có hồi Trung hoa không cho khí giới Nga viện trợ đi qua Trung hoa để tới Bắc Việt, còn Nga thì không muốn Bắc Việt lệ thuộc vào Trung hoa nhiều quá. Nhờ uy tín và sự khéo léo của Hồ Chí Minh mà Bắc Việt giữ được tình hòa hảo với hai nước đó.

Hình như Nga có hồi khuyên Bắc Việt nhượng bộ Mĩ. Tại sao? Và chính trong hội nghị Paris, Trung hoa cũng muốn vậy chăng? Có phải là cả ba cường quốc Mĩ, Nga, Hoa đều muốn cho miền Nam trung lập, không lệ thuộc vào nước nào chăng?

Còn nhiều bí mật nữa, các sử gia chưa thể công bố được, mà các phóng viên báo Âu Mĩ chưa hề xuất bản một cuốn nào về chiến tranh Việt Mĩ, cho nên chúng ta đành chịu, không hiểu chút gì về những âm mưu của các nước anh chị để định đoạt thân phận của chúng ta.

Ngay từ 1968. trong bài tựa cuốn *Bài học Israel* tôi đã viết:

*“Thực dân nào, bất kì đông hay tây, cũng chỉ nghĩ tới quyền lợi của họ trước hết; còn có lợi cho họ thì họ giúp, hết lợi thì họ bỏ và đàn áp. Do thái bị Anh bỏ rồi Nga bỏ; Ai cập bị Mĩ bỏ, rồi Nga bỏ (…)*

*“Càng đọc lịch sử thế giới tôi càng thấy đi theo thực dân thì luôn luôn lợi bất cập hại. Phải là một dân tộc có thực lực, có bản lãnh cao, có tài chống đỡ giỏi thì mới có thể khỏi bị họ lợi dụng, nhưng nếu lỡ mà gắn bó với họ thì sớm muộn, thế nào cũng khốn đốn, điêu tàn với họ. Còn các nước nhược tiểu thì chỉ đem thân ra làm quân tốt thí cho họ trên bàn cờ quốc tế. Có lẽ chính Israel cũng hiểu như vậy nên năm 1967 họ đòi trực tiếp thương thuyết với Ả rập, không muốn Nga, Mĩ làm trung gian.*

*“Nội một điều này cũng đủ cho ta suy nghĩ. Từ sau thế chiến đến nay, cường quốc nào cũng đua nhau chế tạo võ khí cho thật tinh xảo, có sức mạnh tàn phá mỗi ngày một khủng khiếp. Năm nào cũng có những phát minh mới, thành thử võ khí nào tối tân nhất cũng chỉ ít năm hóa cổ lỗ. Họ có liệng xuống biển không, có phá hủy không, hay phải tìm cách “tiêu thụ” mà tiêu thụ ở đâu? Có ở trên đất họ không?”*

Đoạn đó, năm 1979, đầu chiến tranh Việt Hoa, môt cán bộ Nam bảo tôi, bây giờ đọc nó mới thấm thía. Và cuốn *Bài học Israel* được nhiều người tìm mua ở chợ sách cũ mà không còn.

Đầu năm 1972, thấy Nixon sắp bỏ rơi miền Nam, tôi chua chát viết bài “**Sau 18 năm tiếp xúc với người Mĩ**” đăng trên tạp chí Bách Khoa. Xin dẫn dưới đây một đoạn:

*“Họ (người Mĩ) đã tiêu hai trăm tỉ Mĩ kim, hi sinh năm chục ngàn thanh niên, trút hàng triệu tấn bom, làm cho non triệu người mình bi giết, hằng vạn hằng ức mẫu vườn ruộng, hằng ngàn làng mạc bị tàn phá, gây biết bao tang tóc, mấy trăm ngàn phế binh, cô nhi quả phụ, non mười năm rồi mà vẫn chưa giải quyết nổi chiến tranh này (…), rốt cuộc phải tìm cách thương thuyết.*

*Thương thuyết mấy năm không xong, bây giờ một mặt họ lo vuốt ve Trung cộng (mới mấy năm trước là kẻ thù số 1 của họ) hi vọng tìm một giải pháp cho Đông dương, một mặt họ cấp tốc Việt hóa chiến tranh để rút lui. Họ hai trăm triệu người, một dân tộc hùng cường nhất thế giới, trút hết cả gánh nặng bảo vệ “tiền đồn thế giới tự do” như họ nói, bảo vệ “tân biên cương” của họ như họ chủ trương, lên vai 17 triệu dân Việt nam, mà lại tính cắt hết viện trợ kinh tế nữa, như vậy có khác gì họ chạy làng, đánh trống bỏ dùi không? Lương tâm họ ở đâu nhỉ? Thể diện của họ ở đâu nhỉ?”*

Giọng gay gắt như vậy mà sở kiểm duyệt không bỏ một chữ, chỉ vì niềm phẫn uất của tôi là tâm trạng chung của mọi người.

Thơ văn, cả nhạc phản chiến nữa xuất hiện rất nhiều, mà phản chiến tức là phản Mĩ, chính quyền mới đầu còn cấm, sau làm thinh. Ai cũng ghét bọn lính Mĩ; chúng có nhiều tiền. nhiều vật dụng, nhiều đồ xa xỉ (đồ P.X.: dầu thơm, thuốc lá thơm, quần áo. máy thu thanh, tủ lạnh...) tới đâu là mở những hộp đêm ở đó, gây cái nạn trụy lạc, mãi dâm, gái bán “bar”, trai “phi xì ke” (ma túy); chúng ăn cắp, ăn

quịt, bán chợ đen… Ngay những kẻ rút rỉa tiền của chúng cũng khinh, ghét chúng. Chúng quả là một đoàn quân chiếm đóng và hành động như một đoàn quân chiếm đóng. Mĩ thất bại ở Trung hoa và Việt nam, nguyên nhân chính ở đó. Mà các thực dân da trắng không nhiều thì ít như vậy hết, tệ nhất là Mĩ. Nếu phe tư bản không thay đổi chính sách thì dần dần đệ tam thế giới sẽ theo phe Cộng hết mặc dầu dân chúng không ưa chế độ độc tài của Nga, Trung hoa.

### *Mĩ rút về, quân Nam tan rã. Chiến tranh chấm dứt*

Đúng là Mĩ chạy làng. Họ vội vã rút hết quân về, và khi không còn một lính Mĩ nào ở Việt nam nữa thì Bắc, Nam lại choảng nhau. Chủ trương Việt nam hóa chiến tranh của Nixon đã được thực hiện.

Mới đầu Nixon cũng cho phi cơ từ Phi luật tân hay đảo Guam trợ chiến với quân đội của Thiệu; nhưng khi nửa triệu quân Mĩ còn ở trên đất miền Nam, quân đội của Thiệu đã không có tinh thần thì bây giờ làm sao có tinh thần được? Thiệu xin thêm viện trợ tiền bạc và võ khí, quốc hội Mĩ không cho, Thiệu nổi khùng, chửi Mĩ thậm tệ hơn một giờ trên đài truyền hình.

Ngày 10-3-75 Việt cộng tấn công Ban mê thuột, ngày 11-3 Ban mê thuột thất thủ.

Ngày 15-3, Thiệu họp các tướng. quyết đinh bỏ Pleiku, Kontum một cách vội vàng, để lại hàng núi chiến cụ. Hai trăm ngàn dân bị bỏ rơi, mạnh ai nấy tự tìm cách thoát thân; Cộng quân chặn đường pháo kích; hai vạn dân bỏ mạng, hằng ngàn người kiệt sức, chết dọc đường.

Ngày 19-3 Quảng trị di tản.

Hôm sau, An lộc thất thủ, sau một thờí gian bị bao vây ngày đêm bị đại bác, hỏa tiễn nã vào. Kế đó là Huế, Quảng ngãi, Đà nẵng, Qui nhơn, Nha trang bị Cộng quân chiếm một cách rất dễ.

Cũng có một vài tướng rán chống cự, nhưng quân lính không tuân lệnh thì chỉ còn cách đào tẩu để thoát thân.

Đà lạt bỏ ngỏ, Phan rang đầu hàng, Phan thiết tan rã.

Ngày 21-4 Xuân lộc thất thủ (trước đó bốn ngày, Nam vang lọt vào tay Khmer đỏ). Thiệu từ chức, Trần văn Hương lên thay. Ít bữa sau Thiệu dắt vợ con qua Đài loan, đem theo không biết mấy tấn vàng.

Ngày 26-4 Trần văn Hương yêu cầu lưỡng viện bàu người khác thay ông để thương thuyết với Mặt trận Giải Phóng.

Hôm sau đại tướng Dương văn Minh được bàu lên thay Hương.

Ngày 30-4 Dương văn Minh tuyên bố đầu hàng, kêu gọi buông súng cho đỡ chết dân. Mười hai giờ trưa, tướng Trần văn Trà ngồi xe thiết giáp tiến vào dinh Độc lập. Chiến tranh chấm dứt.

Có sách hay báo nói: trong chiến tranh Việt Mĩ này, miền Nam chết khoảng **200.000** quân, miền Bắc chết non **1.000.000** quân; thường dân cả hai miền chết trên một triệu. Trong số này chắc không kể những thường dân miền Nam chết trong khi chạy loạn tháng 3 và tháng 4-1975. Bi đát hơn cuộc chạy loạn của dân Paris tháng 6-1940 nhiều.

Từ miền thượng xuống miền đồng bằng, từ Huế vô Phan thiết, Biên hòa, trên khắp các lộ xe hơi, xe căm nhông chật đường, nhích từng thước một; dân chúng dắt díu, bồng bế nhau chạy. Vợ hay con chết ở dọc đường, đành phải vùi nông ở ngay bên đường rồi chạy... **Chạy để tránh cuộc tàn sát ở Huế tết Mậu thân mà người ta không sao quên được**. Tới bờ biển Qui nhơn, Nha trang, Phan thiết… người ta nhảy ùm xuống biển, cố lội ra mấy tầu của Mỹ. Người trên tầu cũng là dân tị nạn, xô đẩy, có khi chém vào tay kẻ ở dưới biển đòi leo lên. Trẻ em chết đói, chết khát, chết bệnh ở trên bãi biển, cha mẹ gạt nước mắt, vủi thây chúng xuống cát.

Ở các phi trường, cảnh còn hỗn độn hơn nữa. Người ta bỏ lại hết các va li quần áo, tiền của, vàng bạc để cố leo lên phi cơ, mà cũng bị hất xuống, thế là của cải mất hết mà vẫn không thoát thân. Phi trường Tourane như vậy, phi trường Nha trang, Biên hòa đều như vậy, mà ngay phi trường Tân sơn nhất cũng vậy. Nghe nói có người bám lấy đuôi một chiếc xc Jeep để vào phi trường, bị xe kéo lết cả câv số.

Không có trận Điện Biên Phủ ở miền Nam - tướng Mĩ hứa từ trước như vậy và họ giữ đúng - nhưng còn nhục nhã gấp chục lần Điện Biên Phủ nữa vì họ chịu thua trước rồi, có chống cự tới cùng đâu. Thà như quân Pháp ở Điện Biên Phủ mà còn được tiếng anh dũng. Chính người Mĩ cũng nhận chưa bao giờ nước Mĩ thất bại lớn như vây. Nguyên nhân thất bại cũng như Pháp mà lại mang tiếng phản bạn.

Vậy là hiệp định Paris kí ngày 27-1-73, chưa ráo nét mực đã bị xé. Ai xé trước? Lỗi tại ai? Không biết. Chỉ biết trong mười hai tháng đầu sau hiệp định, trung bình ở Việt nam chết thêm 1.000 người mỗi tuần nữa.

Năm 1976 có thuyết cho rằng tướng Võ Nguyên Giáp không cho quân Bắc tiến vô quá Đà nẵng, nhưng rồi không cản được. Có thực vậy không? Cũng không biết. Vận mạng của bốn năm chục triệu dân Việt do cái gì quyết định? Không ai biết được.

##### \*

Chiển tranh Việt-Mĩ chấm dứt sau 15 năm nếu kể từ ngày Mặt trận Giải phóng chính thức thành lập (1960), dài gần gấp hai chiến tranh Việt-Pháp.

Theo P. Singh trong *Le jeu des puissances en Asie* (Marabout 1974) thì chiến tranh đó làm thiệt hai triệu mạng người (chắc cho cả hai bên) và ở Việt nam cả Nam lẫn Bắc, Mĩ đã liệng trung bình nửa

tấn bom xuống mỗi héc-ta đất.

Mĩ đã đổ vào chiến tranh đó trên 200 tỉ đô la.

## CHƯƠNG XXIV: XÃ HỘI MIỀN NAM TRONG THỜI MĨ

### *Kinh tế miền Nam từ 1945 đến 1974*

Trong chương XVI, tôí đã nói xã hội phương tây trong ba thế kỉ nay trải qua bốn giai đoạn phát triển kinh tế:

* + 1. giai đoạn dự bi
    2. giai đoạn phát triển mạnh 3- giai đoạn thành thục

4- giai đoạn đại chúng tiêu thụ mạnh mẽ tức giai đoạn của châu Âu và Nhật hiện nay, của Mĩ từ hai, ba chục năm trước.

Chương XIV chúng ta đã biết ở nước mình, giai đoạn dự bị bắt đầu vào khoảng 1925-30: vài nhà như Bạch Thái Bưởi, Trương văn Bền... đã ra kinh doanh, mở nhà máy, hãng buôn, hãng tàu, hãng xe vận tải, xây cất và xã hội của ta ở các thành thị đã có một bộ mặt mới trong khi ở thôn quê vẫn là nếp sống thời đại nông nghiệp. Sự phát triển đó mới được mươi năm thì đã phải ngưng lại vì thế chiến thứ nhì. Sau thế chiến tới chiến tranh Việt-Pháp, quân Pháp chiếm các thành thị, nhưng môt phần vì thiếu an ninh, một phần vì thiếu nguyên liệu, thiếu vốn, một phần nữa vì phải lo đối phó với quân cách mạng, nên tình trạng phát triển kinh tế không tiến được bao nhiêu: không dựng được nhà máy nào lớn, chỉ thêm được một số công ti xây cất và công ti thương mãi.

Năm 1953 Pháp thua, lần lần rút ra khỏi miền Bắc; Mĩ thay thế Pháp ở Nam để ngăn chặn làn sóng cộng sản, mới đầu chỉ giúp Ngô Đình Diệm cố vấn, võ khí, tiền bạc, rồi từ 1965 thấy tình hình nguy ngập, phải đổ quân lên miền Nam từ 100.000 lên tới nửa triệu, và trước sau Mĩ đã tốn khoảng 200 tỉ đô la mà vẫn không cứu nổi miền Nam.

Trong tám chín năm liền, đô la, thực phẩm, thuốc men, đồ dùng, vải, máy móc... đổ vào như suối. Họ cũng dựng cho ta được một số nhà máy tối tân như nhà máy dệt, nhà máy giấy... (hầu hết là những kĩ nghệ biến chế, chứ không sản xuất, chế tạo); tiến bộ nhất là khu vực xây cất: phi trường, xa lộ, cao ốc... và một người Ba lan trong Ủy hội kiểm soát quốc tế qua Sài gòn năm 1973 phải nhận rằng Sài gòn lớn hơn, có những dinh thự, cao ốc tối tân hơn kinh đô của họ.

Như vậy so với thời Pháp đã là tiến bộ nhiều, nhưng chúng ta cũng chỉ ở trong giai đoạn nhì của phương tây, nghĩa là chỉ mới bắt đầu phát triển mạnh - mạnh mà không đều, vì vẫn hoàn toàn thiếu kĩ nghệ nặng, thiếu nhà máy chế tạo xe hơi, máy bay, cả những máy tầm thường như máy thâu thanh, máy bơm, máy cày...

Trái lại, về phương diện khác, vì có trên nửa triệu quân nhân Mĩ vung tiền ra tiêu xài (các P.X. cơ quan cung cấp nhu yếu phẩm cho họ, bán rất nhiều đồ với một giá rất rẻ), nên chúng ta được thấy bộ mặt của xã hội hậu kĩ nghệ và một số người làm việc cho Mĩ cũng được hưởng thụ gần như người Mĩ.

Vậy là về phương diện sản xuất, xã hội Việt nam mới ở đầu giai đoạn 2, mà về phương diện hưởng thụ lại bước qua giai đoạn 4. Đó là một mâu thuẫn trong tình trạng xã hội của mình, một xã hội lạc hậu mà do chiến tranh, bị làn sóng văn minh vật chất tràn vào, gây nhiều biến chuyển tai hại, cuốn theo nhiều giá trị truyền thống.

### *Nhân số bộc phát - Nạn đói*

Thời nay có một sự cách biệt ghê gớm giữa các nước đã đạt tới giai doạn hậu kĩ nghệ, lợi tức trung bình hằng năm của mỗi người dân là 5.000 đô la, với các nước kém phát triển, lạc hậu như nước ta mà lợi tức chỉ là 50 đô la.

Những nước sau chịu hậu quả tai hại của sự bộc phát nhân số, hậu quả đó là nạn đói.

Những tiến bộ về canh nông, kĩ nghệ, nhất là những tiến bộ về y khoa làm cho tử suất giảm mạnh trong khi sinh suất đứng nguyên, do đó nhân số tăng lên rất mau, hiện nay hai lần mau hơn năm 1930, sáu lần mau hơn năm 1650. Năm 1650, phải 200 năm nhân số trên địa cầu mới tăng lên gấp đôi; năm 1850 phải 80 năm, năm 1930 chỉ cần 45 năm, hiện nay chỉ trong khoảng 30-35 năm. Các nhà chuyên môn trong cơ quan kinh tế và xã hội của Liên hiệp quốc tính rằng tới năm 2.000 nghĩa là chỉ trong 20 năm nữa thôi, thế giới có từ 6 đến 7 tỉ người. Tôi đoán là từ 7 đến 8 tỉ, vì theo báo chí tây phương, hiện nay (1981) đã đến 6 tỉ rồi.

Ở Việt nam, khoảng 1930 cả nước có độ 20 triệu dân, riêng Nam bộ có độ 5 triệu. Ngày nay (1980), toàn quốc có 55 triệu dân (mặc dầu có hai chiến tranh chống Pháp và chống Mĩ, giết hại vài ba triệu mạng người, cả chiến sĩ lẫn thường dân). Trước thế chiến chúng ta xuất cảng được nhiều gạo vào hạng 2 hạng 3 ở Đông Á; hiện nay phải ăn độn ngô khoai, sắn, bo bo. Còn chất protéine trong thịt cá thì chúng ta thiếu tai hại, trung bình mỗi tháng mỗi người chỉ được 50 gam thịt. Người nào không đói thì cũng thiếu chất bổ, thiếu ăn, do đó dễ sinh bệnh, ốm yếu, không chống nổi với bệnh mà chết.

Nạn nhân mãn, nạn đói đó, tôi đã nhiểu lần nêu lên trên tạp chí Bách Khoa và trong cuốn *Những vấn đề của thời đại* từ 1973, 1974, nhưng rất ít người lưu tâm tới, cứ tin chắc rằng hết chiến tranh người ta sẽ khai phá những khu đất bỏ hoang và có thể nuôi được vài trăm triệu người (!), có gì mà lo. Người la không biết rằng không phải đất nào hiện nay còn bỏ hoang cũng có thể trồng trọt được dễ dàng. Sự thực, tất cả những đất nào có thể trồng trọt được trong hoàn cảnh kinh tế hiện tại đều đă trồng trọt hết rồi. Còn những đất chưa trồng trọt nay muốn khai phá thì tốn kém vô cùng. Không thể cứ chia

lô: phát cho dân nghèo, giúp họ một số vốn nhỏ hoặc cho mỗi người mươi ki lô gạo mỗi tháng trong sáu tháng hay một năm rồi ít năm sau sẽ thấy cánh đồng mơn mởn tươi tốt. Phải có những nhà chuyên môn nghiên cứu xem đất hợp với loại cây nào, có thể đưa nước vào được không; phải đắp những đường nối với lộ chính, phải đào kinh để khai thông. phải trừ phèn, trừ muối, phải có thuốc trừ sâu, có cách trừ chuột, phảỉ có phân bón... Một nhà chuyên môn Âu tính sơ sơ, phải tốn cho thế giới mỗi héc- ta trung bình là 5.000 quan năm 1970 (hay 1965 ?), không biết bằng mấy chục ngàn bạc ngân hàng Việt nam năm 1980. Khi lôi dẫn con số đó ra. có người bảo với số tiền đó thì có thể trồng lúa được trên sườn núi Himalaya. Tôi không biết sườn núi Himalaya ra sao, nhưng tôi biết rằng muốn biến đổi khu rừng nước mặn Cà mau, cánh đồng nước phèn Tháp Mười thành ruộng lúa không phải là việc dễ; bắt tay vào việc ngay bây giờ, tới đầu thế kỉ XXI chưa chắc đã thành công, mà lúc đó thì dân số của ta tăng lên đến 80-90 triệu rồi, sự sản xuất của hai khu vực đó nuôi được bao nhiêu triệu dân, đủ bù vào số tăng dân số không?

### *Hạn chế sinh đẻ. Mất các giá trị cổ truyền*

Đất đai không đủ nuôi người thì phải giảm miệng ăn đi nghĩa là phải hạn chế sinh đẻ. Ở các nước phát triển mạnh, mặc dầu dư ăn, nhưng vẫn thiếu chỗ ở, người dân đã biết tự hạn chế sinh đẻ: mỗi cặp vợ chồng trung bình chỉ có từ hai đến ba con; ở nước ta, rất nhiều gia đình có năm sáu con, có khi mười, mười hai con, trung bình là bốn con.

Hạn chế sinh đẻ thì phải dùng những phương pháp ngừa thai, sẽ làm xáo trộn phong tục, luân lí cổ truyền. Đức hiếu sẽ không còn hoặc sẽ phải thay đổi: không có con trai không còn là bất hiếu nữa, con gái được đặt ngang với con trai; không còn quan niệm: "Nhất nam viết hữu, thập nứ viết vô"; sự thờ phụng tổ tiên sẽ giảm đi nhiều, một ngày kia sẽ không còn; đức trinh tiết có thể sẽ thành một tật xấu, rồi đây người ta sẽ bắt chước Mĩ, trở lại chế độ kết hôn thử, đổi vợ đổi chồng thời sơ khai, như trong cuốn Couples của John Updike xuất bản ở Mĩ năm 1968, bán chạy như tôm tươi. Hầu hết giới trí thức trong một thị xã nhỏ nọ mặc nhiên đổi vợ đổi chồng với nhau. Một nhân vật còn bảo anh em, chị em ruột giao hoan với nhau thì không phải là loạn luân mà là tự nhiên như loài gà, loài chó, loài mèo. Họ viện lẽ phải tôn trọng tự do cá nhân, hạnh phúc cá nhân, mà tha hồ phóng đãng về nhục dục, nhưng họ không hiểu rằng nếu không điều độ, không tự chủ thì không thể có hạnh phúc đươc mà dân tộc nào quá phóng túng, thiếu tư cách thì sẽ suy vong rất mau. Tới mức đó thì không còn gia đình, tổ quốc nữa, chỉ còn cá nhân.

Xã hội miền Nam trong những năm 1964-74, tại thôn quê vẫn còn ổn định giữ được truyền thống cũ; nhưng tại những châu thành lớn hơn như Sài gòn, trong giới thanh niên. đã có những sự bất ổn, mất thăng bằng về tinh thần và như Fourastié - một kinh tế gia và xã hội học gia Pháp - nói: "*bị đặt vào giữa một quá khứ "lạc hậư” và một vị lai không biết sẽ ra sao, mất những truyền thống luân lí, tôn*

*giáo cũ mà chưa tìm được một triết lí nào thích hợp cho thời đại mới, (họ) chỉ biết sống cho qua ngày tùy theo những đòi hỏi đoản kì không liên lạc gì với nhau*."

Họ không còn tin tưởng gì cả, không ham học, không ham làm việc, không ham thành công, nếu phải làm việc cho đủ sống thì họ làm tà tà; họ mất đức lo xa, cần kiệm của thời đại nông nghiệp, mất tinh thần ganh đua của thời đại kĩ nghệ, họ chỉ thích hưởng lạc lúc nào hay lúc đó; họ hít, hút, chích các thứ ma túy để thoát li thực tại; mà ma túy thì đầy đường, do các tướng tá dùng phi cơ chở từ nước ngoài vào bán cho lính Mĩ và cho họ. Họ thành Hippy.

### *Thị dân tăng lên quá mau. Nền kinh tế trái luật kinh tế*

Sự bộc phát nhân số còn hai hậu quả nữa:

* sự khan hiếm nguyên liệu: người ta lo rằng các mỏ dầu lửa, mỏ than, sắt, đồng, kẽm… sẽ cạn một ngày gần đây, nếu không cạn hẳn thì cũng ở rất sâu trong lòng trái đất khai thác rất tốn; ngay cả nước nữa cũng sẽ thiếu vì loài người tiêu thụ những nguyên liệu đó mỗi ngày một nhiều lên;
* sự nhiễm uế của hoàn giới: đất đai, sông ngòi, không khí… bị nhiễm uế do xe hơi và nhà máy trút ra; thêm nạn đổ rác thành đống hôi thối ở giữa thành thị hoặc ven thành thị; nạn dùng các chất trừ sâu bọ như chất DDT hiện nay chỉ mới cấm dùng ở Mĩ; nạn phóng xạ của các nhà máy nguyên tử lực...

Những hậu quả đó ở nước mình hiện nay chưa đáng lo vì kĩ nghệ chưa phát triển, cho nên tôi không xét ở đây mà chỉ xin nói về hai hiện tượng bất thường trong các thành phố miền Nam:

* dân phố trong các thành phố tăng lên quá mau, không kém Âu, Mĩ.

Trong thời đại nông nghiệp, 90% số người hoạt động trong nước chuyên về canh tác, mục súc để lo thỏa mãn nhu cầu cấp thiết nhất là ăn; nhu cầu đó các nhà kinh tế học gọi là nhu cầu sơ đẳng và những hoạt động canh tác, mục súc gọi là hoạt động sơ đẳng. Trong nước chỉ có khoảng 5% số người hoạt động để chế tạo các đồ dùng như quần áo, con dao, lưỡi cày, cái giường, cái chén và xây cất nhà cửa mà các nhà kinh tế học gọi là hoạt động nhị đẳng; sau cùng 5% nữa lo thỏa mãn nhu cầu tinh thần của mọi người, gọi là nhu cầu tam đẳng và những hoạt động của họ (trị dân, dạy hoc, buôn bán, phục vụ nghệ thuật…) gọi là hoạt động tam đẳng. Thời đó thành thị rất nhỏ, dân trong thành thị chỉ bằng 5- 6% dân trong nước.

Qua thời đại kĩ nghệ, kĩ thuật tiến bộ, nhiều nơi sản xuất đủ thực phẩm rồi, nghề nông không còn lợi nữa, nông nhân hóa dư ở thôn quê, hoạt động của số dư đó chuyển qua nhị đẳng; đâu đâu cũng có những cuộc di cư ra thành thị kiếm ăn, số người trong các hoạt động sơ đẳng giảm đi, từ 90% xuống còn 40, 30, 20% tổng số người hoạt động, mà số công nhân trong hoạt động nhị đẳng tăng từ 5% lên tới 20, 30, 40% tổng số người hoạt động trong nước; đồng thời số người hoạt động tam đẳng cũng tăng

Hiện nay ở các nước kĩ nghệ phát triển mạnh nhất như nước Mĩ, hoạt động sơ đẳng chỉ chiếm 5%, hoạt động nhị đẳng độ 20-30%, còn 60-70% là hoạt động tam đẳng; dân trong các thành phố chiếm trên 50% dân trong nước. Có những thành phố trên 10 triệu dân, còn những thành phố 1-2 triệu dân thì vô số.

Người ta tiên đoán rằng tới cuối thế kỉ, ở những nước đó, 75% số dân trong nước sẽ sống trong thành phố, hai thành phố ở gần nhau (nghĩa là cách nhau bốn năm chục cây số như Sài gòn, Long an chẳng hạn) sẽ nối liền với nhau, thành một thành phố khổng lồ. Và vấn đề giao thông trong các thành phố đó thành một vấn đề rất khó giải quyết cho chính quyền. Đã có một số người lo rằng rồi đây đất không đủ để xây cất, nên lập những kế hoạch, dựng những thành phố nhỏ trên mặt biển, trên không hoặc dưới đáy biển nữa.

Ở miền Nam nước ta, trong hai chiến tranh Việt-Pháp, Việt-Mĩ, các thành phố lớn như Sài gòn, Mĩ tho, Cần thơ cũng phát triển mạnh nhưng không phải vì Kĩ nghệ phát triển, vì số công nhân tăng lên mà vì nông dân chạy loạn, phải bỏ vườn ruộng, ra thành sống cho qua ngày, một số ít thành thợ thuyền, còn đa số sống về dịch vụ, về hoạt động tam đẳng.

Cuối thế chiến vừa rồi, dân số Sài gòn-Chợ lớn chỉ vào khoảng nửa triệu, (Hà nội chưa được

200.000 người); năm 1974 dân số lên tới hai hay ba triệu (kể cả Gia định). Cuối thế chiến, ngồi xe từ Sài gòn vào Chợ lớn còn thấy những khu đất trống dài cả cây số, ngay khúc từ Cầu bông (Đa kao) vô Bà chiểu cũng còn là đất trống; rồi khu Bàn cờ, khu Kỳ đồng tôi ở hiện nay, khu Chuồng ngựa... toàn là đất sình lầy cả, nay nhà cửa san sát, không còn một khoảnh có thể xây cất thêm được nữa. Trong hai chục năm (1954-74), cao ốc, cư xá mọc lên rất mau; đường xá ngang dọc chằng chịt, chỉ sáu tháng sau trở lại có khi không tìm ra được nhà cửa của bạn bè, bà con nữa.

Trong số non hai triệu dân từ các tỉnh đổ về Sàỉ gòn-Chợ lớn đó, già nửa là nông dân. Họ làm thuê, ở mướn, buôn bán lặt vặt, làm thủ công, lao công, tức các dịch vụ nhỏ. Không ai làm thống kê xem những năm 1970-74, trong số người hoạt động ở miền Nam, có mấy chục phần trăm là nông dân (sơ đẳng), là thợ thuyền (nhị đẳng) và còn bao nhiêu làm dịch vụ. Tôi đoán phỏng hoạt động nhị đẳng ít người nhất (nhiều lắm là 15-20%), hoạt động sơ đẳng may ra được 40%, còn lại 40-45% là hoạt động tam đẳng, nghĩa là những người không sản xuất được gì chiếm tới non nửa. Vậy là từ giai đoạn 1 của tây phương, giai đoạn dự bị, chúng ta vượt giai đoạn 2, mà nhảy qua giai đoạn 3, giai đoạn thành thục, không phải về phương diện sản xuất, mà về phương diện tỉ số lao động trong mỗi ngành. Như vậy trái với luật kinh tế. Nền kinh tế giả tạo đó không thể thịnh được, tồn tại lâu được. Nguyên do chỉ tại chiến tranh, nhất là tại người Mĩ đổ đô la vô miền Nam này nhiều quá. Ảnh hưởng tai hại đó còn kéo dài lâu, chưa thể lường được. Từ sau ngày 30-4, chính quyền đã không giải quyết nổi, mà tình trạng

### *Sản xuất kém mà tiêu thụ mạnh*

Đã không sản xuất mà dân thành thị lại tiêu thụ mạnh như Âu Mĩ. Vể phương diện tiêu thụ, chúng ta tiến vượt bực, bỏ hai giai đoạn 2, 3 mà nhảy vọt lên giai đoạn 4, giai đoạn hậu kĩ nghệ (cũng gọi là kỉ nguyên thừa thải: ère d'abondance).

Khi tôi còn đi học, tất cả gia đình tôi sống trong nền văn minh nông nghiệp.

“Trong thời dại nông nghiệp, con người chỉ lo sao cho khỏi đói trước đã, cho nên nhà cửa, quần áo, đồ dùng… phải tiết giảm đi, thứ nào cần thiết lắm mới sắm, mà sắm thì lựa thứ bền chắc nhất, không cần đẹp. Bền chắc là giá trị số 1.

“Nhà cửa chẳng hạn, các cụ nếu có tiền thì lựa toàn danh mộc, không bị mối, bị mọt. (...) Như ngôi nhà của cụ ngoại tôi tại Hả nội. tôi không biết cất năm nào dưới triều Tự Đức, tới anh em chúng tôi đã là bốn đời rồi, cột bằng gỗ vẫn còn tốt (...) (Hiện nay tôi đã có cháu nội mà ngôi nhà ấy vẫn còn vững, vậy là nó có thể dùng được trăm rưởi năm nữa.)[9](#_bookmark39)

"Quần áo các cụ may ít thôi nhưng cũng dùng toàn những vải thật bền: “ăn chắc mặc bền” (…) Chiếc áo bông của mẹ tôi, bận được suốt đời của người. Và có rất nhiều gia đình thôn quê vào hạng khá giả, giữ được chiếc áo the, chiếc quần hay váy sồi từ hồi cưới, chết thì liệm theo. Sồi hồi đó dày gần như hàng "săng tung" của Pháp.

“Còn bàn ghế trong nhà thì thứ nào cũng lão bốn năm chục tuổi là ít. Vì cái gì cũng phải cho bền. nên thợ làm rất kĩ. Ông bác tôi chỉ muốn đóng một chiếc bàn, bốn chiếc ghế, một cỗ thọ mà không mướn thợ trong miền, nhắn cho được một chú thợ cả già từ phủ khác tới rồi nuôi cơm trong nhà cả tháng. Dĩ nhiên gỗ phải lựa cả năm trước, rồi ngâm, phơi cho khỏi mọt và thật khô".[10](#_bookmark40)

Ngày nay ở các nước kĩ nghệ phát triển, người ta sản xuất được mọi thứ rất mau và rất nhiều, thành thử sản xuất là việc dễ, tìm cách tiêu thụ mới khó. Thợ ăn lương ít hơn một anh chàng rao hàng. Ngành quảng cáo được trọng vì nó giúp cho sự tiêu thụ bằng cách tạo thêm nhu cầu cho con người.

“Nhu cầu của tôi ngày nay chắc nhiều gấp mười nhu cầu của cha tôi trên nửa thế kỉ trước. Ông cha chúng ta chỉ cần cơm ba bát, áo ba manh, bây giờ chúng ta cần có cơm, có sinh tố, có sữa, kẹo; xà bông phải hai ba thứ, khăn có khăn mặt, khăn mùi xoa, khăn tắm, giày phải vài ba đôi, dép cũng vậy, (áo phải có cả chục bộ, có bà có cả trăm bộ); nhà phải có bếp ga, có tủ lạnh, có máy thu thanh, máy ti vi; tháng nào cũng phải mua dăm cuốn sách, chưa kể nhật báo, tuần báo, báo ta, báo Pháp, báo Mĩ..., toàn là những nhu cầu do khoa quảng cáo tạo ra cho ta hết (…)

“Nhu cầu lại tạo ra nhu cầu. Chẳng hạn có xe hơi thì không dùng hai cẳng nữa, bắp chân, bắp đùi

bắp thịt ở chân. Có xe hơi thì không lẽ chỉ lái tới sở và từ sở về nhà. Phải đi du lịch, thế là thêm biết bao nhiêu nhu cầu phụ thuộc vào việc du lịch (...) Nhiều xe quá, đường phố mắc nghẽn, lại phải mở đường cho rộng, đặt đèn xanh, đèn đỏ, xây những đường trên không và dưới hầm. Cứ mỗi nhu cầu chỉ tạo thêm hai nhu cầu khác thôi thì trong nửa thế kỉ, nhu cầu tăng theo cấp số nhân, gây ra biết bao việc cho nhân loại.

“Vậy mà sức sản xuất vẫn cao hơn sức tiêu thụ, người ta phải nghĩ cách tăng sức tiêu thụ lên nữa, để cho xưởng khỏi phải đóng cửa, thợ khỏi thất nghiệp (…) Người ta phải thay đổi lối sống, thay đổi quan niện về tiêu thụ. Xưa kia, bền bỉ là giá trị số 1; ngày nay nó bị coi rẻ. Nếu một chiếc đồng hồ dùng được cả đời người thì thợ đồng hồ thất nghiệp hết. Phải chế tạo nhiều kiểu, đành rồi (...) mà còn phải làm sao gây cho người ta ý nghĩ rằng đồng hồ chỉ dùng trong dăm ba năm thôi, dù nó vẫn chạy thì cũng phải liệng đi (nhất là đừng sửa nó khi nó mới hư một bộ phận, mà phải mua chiếc khác mới hơn).

"Giá trị số 1 ngày nay không còn là bền nữa mà là mới, mỗi ngày mỗi mới: nhật nhật tân. (Thời người ta mới chế tạo được thứ sợi nylon để dệt quần áo, thấy nó bền quá có thể dùng hoài, không bao giờ đứt, mòn được, người ta đâm hoảng, phải tìm cách nhúng vào át-xít hay gì đó để cho quần áo mau rách hơn). Tóm lại, xưa người ta sản xuất để tiêu thụ, ngày nay người ta tiêu thụ để cỏ thể sản xuất thêm. Xưa, tiết kiệm là một đức thì nay (thời văn minh tiêu thụ - ère de consommation) lãng phí mới là một đức, hơn nữa là một bổn phận đối với quốc gia, đồng bào.” (Phải lãng phí để thợ có việc làm, nhà buôn có đồ bán, mà đồng bào mới sống được, kinh tế quốc gia mới thịnh, mà kĩ thuât mới tiến bộ).

Đã từ lâu rồi, chúng ta thấy những li, chén đĩa, khăn lau miệng bằng giấy dùng một lần rồi liệng đi. Trước 1975 tôi đã thấy vài thiếu nữ dạo đường Lê Lợi với những bộ áo bằng giấy không biết của Mĩ hay nước nào chế tạo. Những cây viết bi chúng ta dùng bây giờ, hết mực rồi liệng đi. Đã có những cái bật lửa hết “ga” thì liệng đi. Ở Mĩ, từ cả chục năm trước người ta dùng những ống chích, kim chích một lần rồi liệng đi, khỏi phải nấu lại để khử trùng.

Có người đã gọi văn minh ngày nay là văn minh dùng cái gì một lần rồi cũng liệng đi. Có nơi người ta cất nhà chỉ để ở mươi năm rồi phá đi, cất lại cho mới hơn, hoàn thiện hơn.

Thói chỉ dùng một lần rồi liệng đi gây cho con người tâm trạng này: không muốn mua cái gì hơi đắt tiền, mà chỉ muốn thuê: thuê nhà, thuê xe, thuê đồ đạc, Tivi, tủ lạnh, quần áo, đồ trang sức v.v… Do đó thêm một kĩ nghệ mới, kĩ nghệ cho thuê (industrie de location).

Họ sản xuất nhiều, họ phải tiêu thụ mạnh, phải lãng phí. Còn ta, trong những năm 1964-74, chúng ta chẳng sản xuất được gì cả, mà sống với người Mĩ cũng lây thói lãng phí của họ. Tôi biết nhiều cô giáo, cô kí lương không bao nhiêu mà tháng nào cũng may một chiếc áo mới, tủ áo có vài chục cái áo, cả chục cái quần, giày dép bốn năm đôi. Còn các bà tướng, bà tá, bà nghị viên, bà bộ trưởng... thì nghe

nói tủ áo có cả trăm bộ áo. Họ bận làm sao hết được? Chỉ là vì có thứ hàng mới nhập cảng thì không mặc thứ hàng cũ nữa, cũng như các ông hoàng Ba tư, Ả rập có kiểu xe Plymouth, Mercédès 1974 thì không lái kiểu xe 1973 nữa. Ngay phụ nữ trong giới lao động cũng sắm cả chục chiếc áo, toàn thứ tốt. Thời đó thợ kiếm ăn dễ dàng, tiền công cao hơn công chức hạng trung. Nhiều khi chúng ta không thể chống lại được thói lãng phí đó. Chính tôi năm 1955, mua một cái máy thâu thanh kiểu cũ, lớn như cái tủ; chỉ ba bốn năm sau phải mua thêm môt cái máy transistor vì nó tiện hơn nhiều, dời từ phòng này qua phòng khác, mang đi xa được, và có nó rồi thì cái cũ không dùng tới nữa, bán không ai mua, cũng phải liệng đi thôi. Máy ghi âm cũng vậy, cứ hàng năm lại có một kiểu mới hơn, tiện hơn, hoàn hảo hơn, hễ có tiền thì ai mà không muốn thay cái mới.

Cái hại là chúng ta sản xuất không bằng một phần 1000 của Mĩ mà xài như Mĩ, quen thói lãng phí của Mĩ. Honda chạy đầy dường, không ai chịu đi bộ nữa. Thanh niên, học sinh không kiếm được một đồng mà uống la ve, hút thuốc thơm. Các bà các cô thì mỗi tháng hay nửa tháng đi “gội đầu” (nghĩa là uốn tóc lại) một lần ở một tiệm uốn tóc. Các chị bếp cũng bôi dầu thơm Immortel; bà chủ thì dùng Chanel. Còn nhiều xa xỉ nữa mà tôi không nhớ hết, thú thực cũng không biết hết, vì tôi không ra khỏi nhà, không dự các cuộc hội họp, thật lạc hậu.

Sài gòn thời Mĩ có cái bộ mặt như một thành phố Âu Mĩ, khiến một nhân viên Ủy hội quốc tế Kiểm soát hòa bình phải khen là tân tiến hơn nhiều thành phố của họ.

Cũng may, chúng ta chỉ chịu ảnh hưởng đó của Mĩ trong mươi năm rồi Mĩ rút lui; bây giờ phải tập sống khắc khổ trở lại như ông cha bảy tám chục năm trước, hồi đầu thế kỉ. Và cái hại có khi thành cái may: nhờ nhà nào cũng dư rất nhiều quần áo nên hiện nay dân chúng Sài gòn, lục tỉnh nữa, chưa đến nỗi rách rưới lắm; và cũng nhờ có nhiều đồ đạc nên lúc này bán lần đi (người ta gọi là “bán món”

* tức bán từng món một) để sống, cũng đỡ đói được ít năm. Thôi thì mượn câu này của Lưu Cơ đời Minh, tác giả bài Tư Mã Quí chủ luận bốc để tự an ủi vậy: "*Tích nhật chi sở hữu, kim nhật vô chi, bất vi bất túc*" (Trước kia có mà nay không, không phải là không đủ) để tự an ủi vậy.

### *Đời sống quay cuồng*

Vì nhu cầu mỗi ngày một tăng, vì phải tranh đấu để sống - có khi chẳng phải để sống mà để hơn ông anh vợ hay ông hàng xóm, nên đời sống hóa bận rộn lạ lùng. Sau bảy năm xa cách, năm 1953 trở về Sài gòn, tôi thấy đời sống ở đây thay đổi quá và đã ghi cảm tưởng của tôi trong bài tựa cuốn Tổ chức gia đình:

"Các cụ hồi đầu thế kỉ, bây giờ có sống lại mà đứng ở đường Lê Lợi trong các giờ tan sở chắc phải hoảng lên và la:

- Có giặc cướp hay đám cháy nào thế này? Sao mà thiên hạ chạy tán loạn, mặt đăm đăm như

vậy?

Chỉ đứng độ năm phút. nhìn lớp sóng người qua lại, nghe tiếng chuông tiếng còi, các cụ cũng đủ

choáng váng và hồi hộp. Nếu các cụ lại sống chung với chúng ta một buổi sáng thôi, thấy chúng ta mới 6 giờ đã dậy tập thể dục, rửa mặt, tắm gội, húp vội một li sữa ròi bổ nhào ra ngoài phố, tới đầu đường liệng một đồng bạc, giựt một tờ báo, leo lên xe buýt; tới 12 giờ rưỡi mới về, vẻ mặt bơ phờ, nuốt mấy miếng cơm rồi lăn ra ngủ, nếu các cụ thấy vậy thì chắc các cụ mau mau từ biệt chúng ta để vào rừng ở dù chúng ta có đem hết những tiện nghi, xảo diệu của khoa học để dụ dỗ các cụ ở lại, cũng luống công vô ích."

Cuộc sống đó cứ mỗi ngày một thêm ồ ạt, hấp tấp, tới năm 1974 thì đã gần bằng những thị trấn lớn ở Âu châu. Không biết tới cuối thế kỉ này ở những kinh đô như Paris, Tokyo, New York, London, Berlin… sẽ ra sao, chứ bây giờ tôi thương hại cho lũ con cháu tôi ở Âu Mĩ quá. Chúng bận rộn vội vã từ sáng sớm, sáu báy giờ tối mới về nhà, không có thì giờ săn sóc con cái, chuyện trò với người thân nữa. Bạn chúng có người 6 giờ sáng phải lên xe lửa để 8 giờ tới sở, chiều 4 giờ lại ngồi xe lửa hai giờ nữa để về nhà. Mỗi ngày mất bốn giờ ngủ gục trên xe.

Người Âu Mĩ nghỉ mỗi tuần hai ngày thứ bảy và chủ nhật, nhưng hai ngày đó họ cũng không ở nhà mà lái xe hơi đưa nhau đi chơi ở vùng ngoại ô thành phố vì họ ngán không khí thành phố quá. Họ hấp tấp đi, hấp tấp về, rốt cuộc hai ngày nghỉ cũng như hai ngày làm việc.

Tôi mới đọc cuốn *Travailler deus heures par jour* - Adret - Editions du Seuil 1977, thấy tình cảnh một số thợ thuyền ở Paris, mới đáng thương: để có đồng lương đủ sống, họ phải làm việc 48 giờ một tuần, mỗi ngày 8 giờ, cứ mỗi tháng thay phiên nhau kíp làm buổi sáng, kíp làm buổi chiều, kíp làm ban đêm, sức kiệt đi, thần kinh căng thẳng, không còn sức, thì giờ để vợ chồng ái ân với nhau nữa.

Nghỉ hè một tháng, người ta lại “vù” đi du lịch, lên núi, xuống biển, ngày cuối cùng mới về nhà.

Nhà đối với họ không còn là cái "foyer", cái "sweet home", cái tổ ấm nữa, mặc dầu nó rất giống cái chuồng bồ câu như Lâm Ngữ Đường đã nói. Tôi không hiểu họ đọc cuốn The Importance of living của Lâm, có thèm đời sống của phương Đông thời chưa nhiễm văn minh của họ không. Tôi chắc có, nên cuốn đó mới được đứng vào hạng "best seller" (bán chạy nhất) ở Mĩ.

Nhà đối với ho chỉ là chỗ để tối về ngủ, mà mỗi tuần có kẻ chỉ về ngủ ba bốn đêm, còn thì họ mắc đi tỉnh này tỉnh nọ, nước này nước khác; họ dời chỗ hoài, có người gọi họ là bọn "nouveaux nomades", bọn nay đây mai đó của thời đại mới.

Ở Mĩ cứ mỗi ngày xây đắp thêm 300 cây số đường sá. Có kẻ đi từ tỉnh này qua tỉnh khác để chữa răng, để may quần áo. Ở Thụy điển mỗi năm có 1.200.000 du khách ngoại quốc. Và một em gái ở Mĩ khóc: Con đã chín tuổi rồi mà chưa được thấy châu Âu. Họ mắc một thứ bệnh nặng: bệnh xê dịch.

### *Cảm giác bất an - Thời đại kĩ nghệ điện tử*

Thay đổi đồ dùng, thay đổi chỗ ở, thay đổi nghề nghiệp, thay đổi vợ chồng… cái gì cũng phù du, tạm thời, do đó mà con người có cảm giác bấp bênh, bất an.

Ở nước ta chưa đến nỗi như vậy, nhưng vì tình hình thế giới cứ căng lại giãn, lạnh lại nóng từ sau thế chiến đến nay, cứ phập phồng vì thế chiến thứ ba, vì họa nguyên tử; nhất là vì tình hình trong nước, chiến tranh liên tiếp ba chục năm, trải biết bao "triều đại", thấy bao cảnh tang thương, cảnh sụp đổ, cảnh lên voi xuống chó, phá giá đồng bạc… cho nên cũng sinh ra ưu tư. Thuốc an thần bán đã gần chạy như châu Âu, và người ta đã bắt đầu thấy thiếu nhiều y sĩ chuyên trị thần kinh.

Làm sao không có cảm giác bất an cho được? Kiến thức của loài người trong 25 năm tăng lên gấp 4 lần. Những điều tôi học hồi xưa nay hóa ra lạc hậu hết, nhất là môn toán. Con tôi phải học thuộc lòng bảng cửu chương như tôi, nhưng con nó sẽ khỏi phải học như nó vì có cái máy tính điện tử nhỏ bằng bàn tay giá chỉ độ 100 quan làm thay bốn phép và thêm một vài phép nữa cho chúng. Các trường đại học Âu Mĩ mỗi năm mỗi mở thêm nhiều môn học, sinh viên muốn lựa môn nào tùy ý. Nghe nói người ta có thể sẽ bỏ những kì thi đại học nữa. Cũng chẳng cần tới giảng đường: cứ ở nhà tự học bằng ti vi, bằng máy điện tử, tùy theo chương trình, nhịp tiến của mình.

Đồ gì cũng chỉ dùng trong ít năm rồi liệng bỏ. Sách cũng vậy. Một tác giả nổi tiếng được dăm năm là nhiều, một lác phẩm bán được ba bốn năm là khá lắm rồi.

Hiện nay ở nước ta, gia đình còn là nơi vững bền, ổn cố nhất trong xã hội; ở thôn quê, vợ chồng, cha mẹ, con cái còn thắm thiết gần như xưa, nhưng rồi đây với trào lưu hôn nhân tự do, hôn nhân thử, trào lưu dùng thuốc và dụng cụ ngừa thai, trào lưu thoát li gia đình, cả ở Âu lẫn Á, ở các nước tư bản lẫn các nước xã hội chủ nghĩa, thì gia đình sẽ ra sao?

Ở phương Tây, còn thêm một nguyên nhân lo lắng, bất an nữa: đời tư của cá nhân bị kiểm soát chặt chẽ.

Mới trên ba chục năm trước (1947), Wiener viết một cuốn sách (nhan đề là Cybernétics) về kĩ thuật các hệ thống tự điều khiển, rồi mươi năm sau các máy tính điện tử bắt đầu được phổ biến ở Mĩ, ngày nay các máy điện tử (ordinateur) lan tràn khắp châu Âu và vài xứ châu Á, mở màn cho một cuộc cách mạng nữa, cho một thời đại, thời đại kĩ nghệ điện tử (technétronique).

Chỉ trong vài chục năm nay các máy điện tử phát triển, tiến bộ ghê gớm: trước kia phải dùng một hệ thống máy chật mấy căn nhà thì nay chỉ cần dùng một cái máy nhỏ xíu mỗi chiều vài li (?); trong mười năm, giá máy giảm đi ngàn lần.

Người ta phải tạo một môn học - môn informatique - để dạy cách sử dụng các máy đó và môn này cũng phát triển song song với máy; hiện nay đã có một tự điển gồm một vạn thuật ngữ. Tôi không

hiểu môn đó, nhưng đọc báo chí, tôi đoán công dụng của máy như sau: ta biết được một điều gì đó, chẳng hạn ta gởi vào ngân hàng bao nhiêu tiền, hôm nào rút ra bao nhiêu, hôm nào bỏ thêm vô bao nhiêu v.v..., máy ghi hết cho ta; nửa năm hay một năm sau, ta muốn biết còn bao nhiêu tiền thì chỉ bấm một cái nút, máy cho ta biết liền; hoặc ta muốn rút ra một số lớn hơn số ta còn trong trương mục thì máy tự động báo cho ta biết rằng ta không còn đủ tiền. Máy nhớ giùm cho ta, tính toán giùm ta, lại có thể cho ta biết nên làm ra sao nữa. Đó là thí dụ đơn giản nhất. Máy có thể làm những việc phức tạp, khó khăn gấp ngàn, gấp triệu lần như thế.

Hiện nay hết thảy các nước tiến bộ ở Mĩ, Âu, cả Nhật nữa đều dùng máy điện tử trong việc hành chánh và trong kĩ nghệ, thương mãi. Sinh viên đại học cũng dùng rồi. Ở nước ta năm 1979 đã thấy bán lậu những máy tính nhỏ, những đồng hồ điện tử.

Ở Pháp năm 1978, nhà Julliard xuất bản cuốn L’informatisation de la société. Cuốn đó là bản báo cáo của hai nhân viên quan trọng trong bộ tài chánh gởi lên tổng thống Valéry Giscard d'Estaing về ảnh hưởng của máy điện tử tới xã hội.

Đại khái thì về:

* hành chánh sẽ có sự phân tán trách nhiệm, các cơ quan thấp sẽ đươc một phần tự trị, nhiều cơ quan phải rút bớt nhân viên như sở Bưu chính (tư nhân có thể tự in lấy báo), sở Công an, sở Thuế…; dân chúng sẽ đòi được cùng với nhà cầm quyền lập các kế hoạch cho quốc gia;
* kĩ nghệ, sản xuất sẽ tăng mạnh. nhưng nhân viên văn phòng không tăng;
* thương mãi cũng vậy, phát triển hơn, nhưng nhân viên giảm đi. nhất là tại các ngân hàng;
* kinh tế: sẽ có nhiều người thất nghiệp, để giảm số người đó, sẽ phảí rút bớt giờ làm việc đi. Dịch vụ (hoạt động tam đẳng) sẽ tăng lên: nhiều thì giờ rảnh, người ta sẽ đọc sách, chơi nhạc,

bơi lội, du lịch…; kĩ nghệ chuyên chở sẽ phát triển...

* giáo dục: sinh viên có máy điện tử nhỏ, riêng, có thể tự học, nhanh hay chậm tùy sức mỗi người, họ không cần nhớ nhiều nữa mà cần có óc tưởng tượng, có sáng kiến, khéo dùng những điều máy điện tử chỉ cho họ.

Tóm lại là máy điện tử sẽ tạo một lối phát triển mới, một xã hội mới. Phát minh đó quan trọng hơn tất cả các phát minh từ trước tới nay, kể cả phát minh chữ viết thời thượng cổ. Về mặt lợi ích thì rất nhiều, nhưng hại thì cũng có thể rất lớn: chính phủ nào cũng có thể kiểm soát từng hành vi của mỗi người dân, chẳng hạn ông lớn nào đã chuyển bao nhiêu tiền hôm nào qua ngân hàng nào ở ngoại quốc, đã nói với "đào" những gì, đêm nào, tại đâu… hết thảy đều được máy ghi lại, phân loại rồi khi nào cần dùng thì chỉ bấm một nút là máy “trình” ngay cho chính phủ. Tới lúc đó thì không còn chút tự do cá nhân nào nữa như Aldous Huxley và G. Orvell đã tiên đoán trong hai cuốn *Le meilleur des mondes* và

*1984*.

Tác giả (tôi quên tên) cuốn *Une société sans défense* (một xã hội mà cá nhân không có cách tự

vệ) bảo muốn ghi lí lịch của trên 200 triệu dân Mĩ (lí lịch mỗi người khoảng 12 trang) thì chỉ cần

1.400 mét băng từ khí (bande magnétique); và hiện nay ở Mĩ đã có 70 triệu người (tức 1 trên 3 người) lí lịch bị thâu băng rồi.

Một ngày kia con người ở khắp nơi, từ lúc sinh tới lúc tử sẽ bị dò xét, ghi các tội lỗi, tật xấu, các hành dộng, cả tư tưởng nữa... và bị băng từ khí của máy điện tử cột tay cột chân, bịt miệng, y như xác ướp trong các kim tự tháp Ai cập.

Chúng ta hiện nay chưa phải lo như dân chúng Mĩ, nhưng đã thấy rằng khoa học càng tiến bộ thì chính quyền càng có nhiều phương tiện kiểm soát, đàn áp cá nhân, và cá nhân càng biến thành con số không trước quyền lực vô biên của bộ máy cai trị.

Tóm lại quân đội Mĩ qua nước ta chỉ trong khoảng mươi năm, mới cho ta thấy tận mắt vái nét về văn minh tiêu thụ, văn minh hậu kĩ nghệ của họ mà ta đã có cảm giác bất an về mọi phương diện:

- bất an vì nhân số tăng mau mà thực phẩm sẽ thiếu,

* bất an vì các giá trị cổ truyền sẽ sụp đổ, con người không biết bám víu vào đâu,
* bất an vì các thị hiếu, các đồ dùng thay đổi hoài,
* bất an vì kinh tế bấp bênh,
* bất an vì đời sống quay cuồng. lúc nào cũng bận rộn, trí óc không được thảnh thơi,
* bất an vì các tự do cá nhân mỗi ngày một mất thêm, đời ta mỗi ngày bị kiểm soát chặt chẽ hơn.

Làm sao chống được với làn sóng bất ổn, bất an, quay cuồng của thời đại đó để khỏi bị nó nhận

chìm?

Trong bài *Chúng la phải làm gì*? (Bách khoa số 424 ngày 1-3-75) tôi đã đưa đề nghị: phải thay

đổi nhân sinh quan, xét lại quan niệm về hạnh phúc, định lại giá trị và mục đích. Phải sống bình dị, trở về thiên nhiên, không tính hạnh phúc theo lợi tức như người Mĩ, vì hạnh phúc không thể mua được, đánh giá bằng tiền được. Phải trở về với một số giá trị cổ truyền, giữ một số tục lệ, lễ nghi để chặn bớt sự thay đổi quá mau của thời đại, nhất là giữ tình gia đình, tình họ hàng, tình bạn bè, nói chung là tình cảm con người.

Alvin Toffler trong cuốn *Le choc du futur* (Mediations - 1973) còn khuyên: không theo thời thượng, mà trọng những đồ cũ; không mua những đồ nào chỉ dùng một lần rồi liệng đi; không dự những tổ chức, những cuộc hội họp vô ích; và nếu ở sở phải thường thay đổi công việc thì ở nhà cứ rán giữ những công việc hằng ngày, giữ một thời khắc biểu không thay đổi.

Sống như vậy có thể sẻ bị nhiều người cho là cổ hủ, lạc hậu, nhưng chúng ta không nên sợ dư

luận. mà phải có bản lãnh sống theo ý mình và như Tofller nói, "xã hội nào cũng sẽ cần những nhóm người biết đứng riêng ở ngoài sự đổi mới."

### *Phong hóa suy đồi*

Cuối chương XIV tôi đã nói trong thập niên 30, tuy có phong trào vui vẻ trẻ trung, nhưng chỉ một số ít thanh niên vì đua đòi, theo "mốt" mà chơi bời, bê tha, chứ xã hội và gia đình vẫn giữ được truyền thống của phương Đông.

Trong thế chiến II, một phần vì kinh tế suy, đời sống khó khăn, một phần nữa vì tình hình thế giới, khiến ai cũng thắc mắc về tương lai của dân tộc, của bản thân, nên phong trào đó tự nhiên xuống lần, thanh niên hóa đứng đắn hơn.

Thế chiến vừa chấm dứt, tiếp ngay là cuộc kháng Pháp, tinh thần toàn dân lên cao, ai cũng mong giành lại độc lập và tự do trước hết. Người ở thành thị thì bỏ nhà cửa, tài sản ra bưng sống như nông dân, cực khổ mà vui vẻ. Ngay một số phụ nữ quen đài các cũng hóa ra đảm đang, buôn thúng bán mẹt để mưu sinh trong khi chồng con theo kháng chiến. Sau vài ba năm, vì lí do này hay lí do khác, một số phải trở về thành, nhưng sống giản dị, cần kiệm, một phần vì lo xây dựng lại, một phần vì phải giúp đỡ bà con ở vùng tự do. Vả lại, đồng bào còn phải đổ máu mà mình sống cuộc đời sa hoa thì lương tâm không yên. Nhiều người bỏ sở. kiếm sạp bán báo, bán vải, hoặc bán phở, bán bún. Vì tất cả những lẽ trên, tôi cho rằng thời kháng Pháp là thời dân tộc mình có đạo đức nhất. Khi quốc gia lâm nguy, chúng ta càng tỏ ra xứng đáng với tổ tiên.

Sau khi non sông chia hai, trong mươi năm đầu (1954-64), riêng ở miền Nam, xã hội không thay đổi bao nhiêu, vì aỉ cũng lo kiến thiết lại. Chỉ từ khi trên nửa triệu quân Mĩ đổ vào miền Nam, xã hôi mới xáo động mạnh. Đầu chương XXII, tôi đã kể qua cái họa bọn lính Mĩ gây ra chỉ vì chúng vung tiền ra nhiều quá, khiến cho dân mình xa đọa, y như ở Trung hoa trong những năm 1945-49.

Mĩ mướn thư kí trả lương gấp 3, gấp 5 chính phủ mình, thuê nhà cũng vậy; mướn người ở gái, trả công gấp 10 chủ Việt, nếu chịu bán thân cho chúng, được chúng “bao" thì không có giá nào cả, có thể một sớm một chiều, từ một gái quê thành bà nọ, bà kia. Một bọn người ham tiền, bán linh hồn cho quỉ: có những ông phán dời bàn thờ tổ tiên xuống một căn nhà sau, bên cạnh bếp, để nhà trên cho Mĩ mướn; có những thiếu phụ, thiếu nữ bỏ chồng, bỏ cha mẹ để theo Mĩ trắng, Mĩ đen mà được ăn sung mặc sướng; đàn ông thì bỏ sở, xin làm cho Mĩ, rồi theo gái bán "bar", lợi dụng gái dể buôn lậu… Tiền kiếm dễ dàng quá, người ta tha hồ huy hoắc trong những "snack bar" (quán ăn cho Mĩ), những "bia ôm" (quán bán bia mà cô bán hàng để cho khách ôm dưới ánh đèn mờ mờ), những nhà "tắm hơi", những quán cà phê có nhạc giật gân, phía trong chiếu "film con heo". Chỗ nào có lính Mĩ đóng thì chỉ vài ba ngày, những ổ trụy lạc đó mợc lên rồi, làm ăn rất thịnh vượng. Do dó mà sinh ra đủ các tệ đoan: nghiện

xì ke, ma túy, ăn cắp, hổi lộ, đĩ điếm; gia đình tan rã, em tố cáo chị theo Viêt cộng, vợ phản chồng, giết chồng…

Bê bối nhất là bọn quân nhân; tướng tá mua quan bán chức, một ghế tỉnh trưởng, quận trưởng giá bao nhiêu đó, mua được rồi thì đua nhau ăn hối lộ, làm sao cho trong một năm hay sáu tháng "gỡ gạc" lại đủ vốn; tất nhiên, như mọi thời, có kẻ bắt vợ làm điếm cho Mĩ để được thăng chức. Họ buôn lậu vàng, ma túy; họ xin hoặc chiếm đất lập đồn điền, cất nhà. Ở Long xuyên họ lấp một cái hồ trong một khu yên tĩnh nhất để chia nhau cất biệt thự (cuối 1976 đã bị tịch thu). Họ thành một giai cấp bạo phát, hống hách.

* + Trong thời Ngô Đình Diệm, như tôi đã nói, Công giáo phát triển rất mau; từ khi Diệm bị giết.

Phật giáo phát triển còn mạnh hơn nhiều: chùa mọc lên như nấm (ngay trước nhà tôi, trong hẻm Kì đồng, người ta dựng xong một ngôi chùa cây trong một đêm), cả những người không bao giờ bước chân tới chùa cũng tự xưng là Phật tử, các Thầy được kính như Phật sống; dĩ nhiên hạng chân tu rất hiếm. Vị trụ trì một ngôi chùa nọ bảo tôi: "Có ở trong mền, mới thấy mền có rận. Không một nhà sư nào dưới sáu mươi tuổi mà không phạm giới; trong ngũ giới - sát sinh, trộm cắp, tà dâm. vọng ngôn, uống rượu - họ chỉ tránh được giới cuối cùng. Tôn giáo nào cũng vậy, nhất là Phật giáo rất tự do, không có qui chế chặt chẽ, hễ phát mạnh quá thì chỉ có lợi cho giáo đường mà giáo lí phải suy, vì người ta phải theo những luật của các tổ chức kinh doanh, phải làm vừa lòng một số tín đồ, lập các đàn chay, hội hè, phải cúng sao, giải hạn… càng ngày càng xa đạo lí nguyên thủy. Một số thượng tọa thời đó được chính quyền kính nể, vì có công lật đổ chế dộ nhà Ngô, nên họ muốn gì được nấy; ai theo họ thì được họ ủng hộ để giành quyền hành. Trong dân gian đã có câu: "Nhất đĩ, nhì Thầy, tam tướng, tứ ?... (tôi quên). Câu đó tóm được tình trạng xã hội sau năm 1963.

Trường học công còn giữ được chút kỉ luật, nhưng càng về sau trường thi càng mất trật tư, thí sinh ngang nhiên đánh phép, có thí sinh quân nhân vô phòng rồi, đặt súng sáu trên bàn để dọa giám thị, rồi mở sách ra chép bài, thậm chí một số giám thị không dám gác phòng thi nữa, và một giáo sư giám khảo bị thí sinh giết ở giữa thị xã Nha trang vì nghiêm khắc với chúng. Do đó học sinh cũng không chịu học, chỉ luyện cách lén đem tài liệu vào phòng thi để "quay phim".

Trường tư thì khỏi phải nói: không còn được là nơi bán chữ nữa mà chỉ là nơi bán chứng chỉ, học bạ. Học sinh làm chúa trong lớp, giáo sư cứ giảng mà chúng cứ nói chuyện, đùa nghịch với nhau.

- Thời càng loạn thì những môn bói, lí số càng được nhiều người tin. Chiến tranh liên miên mấy chục năm, xã hội lại bất công, có khả năng, có gắng sức cũng vô ích, vậy thì biết tin ở gì bây giờ? Các "mét" coi chữ kí, chỉ tay, các cô bói bài tây, các thầy bói, gần như không khu nào không có. Báo chí đua nhau đăng mục Tử vi hằng ngày (!); các sách tử vi, tử bình, bói xuất hiện nhan nhản, bán chạy hơn cả sách báo khiêu dâm. Sự mê tín cơ hồ như bất tử. Xã hội còn bất công, còn những kẻ nghèo khổ, bị

áp bức thì không sao dẹp mê tín được. Họ phải mê tín để có chút hi vọng. Từ 1945 đến nay, tôi thấy cái lí trí của loài người, kể cả hạng người gọi là trí thức, yếu ớt một cách thảm hại, luôn luôn bị tình cảm chi phối.

Biết bao nhiêu người vì lẽ này hay lẽ khác không chịu chấp nhận thực tế, đêm ngày chỉ mơ tưởng một cuộc thay đổi để trở lại đời sống cũ, xã hội cũ. Họ thco dõi kĩ thời cuộc, đi đây đi đó để ngóng tin tức, đọc báo, bắt các đài thông tin ngoại quốc, chỉ rình những tin hợp với ước vọng của họ, gạt bỏ những tin khác, có khi lại giải thích tin tức một cách rất vô lí, theo ước vọng của họ, bất chấp sự thực, bất chấp lô-gíc. Chẳng hạn được tin Việt nam sẽ "xuất khẩu” 15.000 công nhân qua Đông Âu, họ hoan hỉ, bảo: "Đúng rồi. Chính thể này sắp sụp đổ rồi. Chúng lo di tản trước, những đảng viên trung kiên, "gạo cội" nhất, rồi tới phút chót, chúng sẽ chuồn cho dễ; chứ đâu phải là xuất khẩu công nhân; tụi Đông Âu đâu có cần công nhân của một nước lạc hậu như mình."

Hai câu sấm: "Mã đầu dương cước anh hùng tận, Thân dậu niên giai kiến thái bình" của Trạng Trình, những năm 1956-57 (Bính thân, Đinh dậu), đi đâu cũng nghe thấy người ta nhắc tới; hai năm Thân, Dậu sau (1968, 1969) người ta lại lôi ra để hi vọng chiến tranh sắp chấm dứt, sắp thái bình; rồỉ năm ngoái (1980) tôi lại được nhiều người bảo năm Canh thân này hai câu ấy mới ứng, "vì trong sấm giảng của Thầy Tư Hòa hảo cũng bảo "năm năm sáu tháng cơ hàn" mà từ ngày 30 tháng tư năm 1975 tới tháng 10 d.l. này, đúng 5 năm 6 tháng, sẽ hết cơ hàn, hết nạn cộng sản". Tôi bảo câu của Thầy Tư phải sửa là "năm năm tháng tháng cơ hàn" thì mới đúng, họ làm thinh.

1980 đã qua, 1981 cũng sắp qua, tôi không biết họ có tìm được câu sấm nào khác không, nhưng tôi chắc chắn 10-11 năm nữa tôi lại sẽ được nghe hai câu sấm Trạng Trình nữa, nếu tôi còn sống.

Không kiếm được câu sấm Việt nào, họ tìm cả sấm của Nostradamus của Pháp; nếu cũng không có nữa thì họ lục những bài giáng bút - nhiều vô số - trong các buổi cầu cơ của khắp các đàn xa gần, để có một chút hi vọng trong một thời gian.

Họ là những người ghét thực tế, rồi đâm ra trốn thực tế, sợ sự thực, luôn luôn sống trong mộng, tưởng tượng ra một bọt bèo để bám vào, mong khỏi chết đuối; bọt bèo đó tan hay chìm, họ lại tưởng tượng bọt bèo khác, cứ như vậy luôn ba chục năm, từ 1945 đến nay. Họ là những người đáng thương nhất trong thời đại này.

Lính Mĩ chỉ đóng ở những thành phố lớn như Sài gòn, Tourane, Cần thơ, Huế, Đà lạt, và những nơi quan trọng về quân sự như Biên hòa, Vũng tàu, Cam ranh.... nên chỉ ở những nơi đó xã hội mới sa đọa nhiều. Còn ở những tỉnh nhỏ như Long xuyên, Rạch giá, Sa đéc, nhất là ở thôn quê, trong những gia đình tiểu tư sản (thầy kí, thầy giáo, tiểu thương) và nông dân, thì truyền thống vẫn giữ được

Mà chúng cũng chỉ đóng ở miền Nam có mươi năm, sau ngày 30-4, trong nửa năm đầu, nạn trụy

lạc gần như mất hẳn. Nhưng chỉ cuối năm 1975, sau khi đổi tiền lần đầu, người Nam thấy một số khá đông cán bộ ở Bắc vô, ở bưng về cũng thối tha, hối lộ, ăn cắp, đĩ diếm, thèm khát mọi khoái lạc, nên đã bắt đầu coi thường họ; và chỉ hai ba năm sau, họ cũng sa đọa gần như thanh niên Sài gòn, chỉ thiếu cái tật "phi xì ke", và chính quyền phải vội vàng chặn lại. Nghe nói thanh niên Hà nội cũng bị lây nữa, nhưng nhẹ hơn.

Đó là lỗi của xã hội. Một xã hội muốn cho lành mạnh, có đạo đức thì phải ổn định, mà muốn ổn định thì phải công bằng, ai cũng có công ăn việc làm, đủ ăn đủ mặc. không có kẻ giàu quá, kiếm tiền dễ quá, cũng không có kẻ nghèo quá, làm tối tăm mặt mũi mà vẫn xác xơ, phải ăn độn quanh năm với rau muống, mỗi năm không được một bộ quần áo.

Xã hội Việt nam từ 1945 trở về trước tương đối ổn định vì sự cách biệt giữa người giàu quá và kẻ nghèo quá không đến nỗi lộ liễu, chướng mắt. Từ 1965, ở miền Nam, quân đôi Mĩ ồ ạt vào, làm mất sự ổn định: nhiều kẻ dựa vào Mĩ kiếm tiền rất dễ, làm giàu rất mau, huy hoắc không thể tưởng tượng được, mà họ thường thiếu tư cách, cho nên phong hóa phải suy đồi. Hiện nay (1981), ở Nam cũng có một số cán bộ và con buôn, nhờ hổi lộ, buôn lậu mà làm giàu, trong khi đa số người lương thiện có học chịu cảnh thất nghiệp, bữa cơm bữa cháo, xã hội do đó không ổn định, lành mạnh được. Nhà cầm quyền chắc hiểu điều đó mà chưa tìm được biện pháp nào hữu hiệu. Nhưng quốc gia ổn định nhất, dân có đạo đức nhất là những nước tài sản của dân gần quân bình, ai cũng đủ ăn hay dư một chút. như Finlande, Suède, Norvège… Nhà cũng vậy: giới tiểu tư sản thường có đạo đức nhất vì họ không giàu quá mà cũng không nghèo. Nghèo quá thì sinh ăn trộm, gian tham, thiếu tư cách, mà giàu quá thì hóa trụy lạc. Bàí học đó chúng ta nên nhớ.

# PHẦN VI - TỪ NGÀY GIẢI PHÓNG (1975-80)

## CHƯƠNG XXX: CHẾ ĐỘ TẬP THỂ Ở MIỀN NAM

### *Cảm Tình Của Tôi Với Kháng Chiến*

Cho tới năm 1974 tôi đã được biết ba xã hội: xã hội nông nghiệp của ông cha chúng ta, xã hội tư bản của Tây phương do ảnh hưởng của Pháp và vài nét xã hội tiêu thụ (Société de consommation) ở thời kì hậu kĩ nghệ (post-industriel) của Mĩ; ba xã hội đó tôi đã phác qua vài nét trong các phần trên.

Từ 1975 tôi lại được biết thêm một xã hội nữa mà người ta gọi là xã hội Xã hội chủ nghĩa[11](#_bookmark41).

**Tôi vốn có cảm tình với Việt minh**, với cộng sản; ghét thực đân Pháp, Mĩ, nhất là từ 1965 khi Mĩ đổ quân ào ạt vào miền Nam; **tôi khinh những chính phủ bù nhìn của Pháp, Mĩ.** Tôi phục tinh thần hi sinh, có kỉ luật của anh em kháng chiến và mỗi lần có thể giúp họ được gì thì tôi sẵn lòng giúp.

Từ năm 1954 tôi đã được đọc nhiều bài Tố cộng của chính phủ Ngô Đình Diệm; hơn nữa, tôi được nhiều bạn của tôi di cư vô Sài gòn kể cho tôi nghe chính sách điền địa ở Bắc tàn nhẫn tới mức bỏ tù, giết cả những người kháng chiến, có con ở trong kháng chiến, chỉ vì họ có 4-5 mẫu ruộng (chưa đầy hai hecta) và bị liệt vào hạng điền chủ, tư sản bóc lột kẻ nghèo. Chính những bạn tôi đó cũng đã giúp kháng chiến, đều có lòng ái quốc, đều là những người đứng đắn, tốt, mà không thể sống ở ngoài đó được, phải bỏ cả mồ mả tồ tiên, nhà cửa, bà con họ hàng vô đây với hai bàn tay trắng, sống chen chúc trong những khu lao động, can đảm lập lại cuộc đời.

Tôi lại được đọc một số sách Pháp hoặc Nga, Anh... dịch ra tiếng Pháp viết về đời sống ở Nga, Trung cộng như: *J'ai Chosi la Liberté* của V.A Kravchenko (Self - 1948), *Zigzags à Travers la Vie Soviétique* của Raymond Henry (Albin Michel - 1947), *Un étudiant Africain en Chine* của E.J. Hevi, người nước Gana, Phi châu (Edition Internationales - 1965); vài cuốn nữa tôi quên tên kể những vụ đại thanh trừng trong các năm 1935-1938 ở Nga, thời Staline; kể một vụ án hoàn toàn do một chính quyền cộng sản (Hung gia lợi thì phải?) dựng lên từ đầu đến cuối, bắt giam hàng chục người, tra tấn, buộc phải khai những điều họ không hề làm, buộc họ tố cáo một đảng viên quan trọng mà đảng muốn bôi nhọ, thủ tiêu, rốt cuộc chính nhân vật này cũng phải khai những điều mình không làm mà chịu tử hình, hi vọng đảng sẽ giữ lời hứa mà "khoan hồng" với vợ con.

Năm 1968 nghe những tin tức và những hình ảnh về cuộc tàn sát rùng rợn ở Huế trong biến cố Mậu Thân, tôi hoang mang, đau lòng cho đồng bào Huế và lo lắng cho tương lai dân tộc.

Năm 1968 tôi lại được đọc trên báo Pháp những lời chỉ trích chính phủ Nga của hai nhân vật Nga nổi danh khắp thế giới: nhà bác học Sakharov, "cha sinh ra bom H" của Nga, và nhà văn Soljenitsyne, tác giả những cuốn *Pavillon des Cancéreux*, Premier Cercle, được giải Nobel năm 1970, *L’Archipel du Goulag*...

Ấy là chưa kể tác phẩm của những văn hào Pháp André Gide, Anh Bertrand Russell... mới đầu có cảm tình với Nga rồi sau chê; của những nhà văn như Koestler, Georghiu, Djilas... mới đầu đã tận tâm hoạt động trong đảng, lãnh những trách nhiệm quan trọng, mà sau phải bỏ đảng, trốn ra nước ngoài, vì chính sách tàn bạo hoặc đường lối sai lầm của đảng.

Đọc trước sau khoảng hai chục cuốn viết về cộng sản Nga, Trung hoa, Đông âu như vậy, tôi tuy ghét, tởm Staline, Mao Trạch Đông... nhưng vẫn tin rằng chế độ cộng sản công bằng hơn chế độ tư bản; nhất là cộng sản Bắc Việt dưới sự lãnh đạo thời kháng chiến của Hồ chủ tịch mà tám chín phần mười người Việt kính mến, khắp thế giới phục thì không thề nào tàn nhẫn như Nga, Trung hoa được, đảng có lỗi lầm thì sửa sai ngay. Đó là *tâm lí chung của đa số trí thức Sài gòn*, chứ chẳng của riêng tôi.

Hơn nữa, chúng tôi còn phục Bắc Việt là trong cuộc kháng chiến lâu dài, gay go chống Pháp, chống Mĩ mà vẫn kiến thiết về văn hóa, khảo về Nguyễn Du, thơ đời Lí, đời Trần, soạn tự điển, khai quật các di tích vùng đền Hùng[12](#_bookmark42), sáng tác về ca, nhạc... Chúng tôi nhờ các bạn ở Pháp mua rồi gởi lén về cho sách báo Bắc, truyền tay nhau coi những đồ quốc cấm đó; lại sang một băng nhạc có những bài Bắc Việt trình diễn ở Paris (năm nào tôi quên rồi), say mê nghe những bài *Ai đưa con sáo sang sông* (Ái Liên ca), *Quảng bình quê tôi*, *Làng tôi* (hợp ca tám giọng nữ và đàn tranh)... mà khen anh chị em ngoài đó có tinh thần yêu nước cao.

Khi hội nghị Paris kết thúc năm 1973, chúng tôi mừng rằng chiến tranh sắp chấm dứt sau non ba chục năm dai dẳng, khốc liệt, toàn dân sẽ nắm tay nhau kiến thiết quốc gia. Tôi không được đọc toàn văn Hiệp ước đó, chỉ do báo chí mà biết đại khái rằng Bắc Việt, Mĩ, Mặt trận giải phóng và Chính phủ dân chủ miền Nam thỏa thuận với nhau sẽ có ba thành phần ở miền Nam: người của Mặt trận, người của Chính phủ miền Nam, và một số người ở trong nước và ngoài nước, không theo phe nào (tức thành phần thứ ba) ở giữa dung hòa hai thành phần trên.

Tôi đoán công việc đó khó khăn nhưng có thể thực hiện được nếu những người trong sạch, có tư cách, nhiệt tâm ở miền Nam và ở ngoại quốc về chịu ra đảm đương việc nước, và nếu Mặt trận vẫn tỏ ra vẻ ôn hòa như họ thường tuyên bố. Như vậy, sau bốn năm năm, miền Nam ổn định rồi, có thể thống nhất quốc gia được, Bắc Nam dung hòa nhau, Nam hồng thêm lên một chút, để cùng nhau kiến thiết mà tạo hạnh phúc cho dân. Riêng tôi, tôi sẵn sàng bỏ một ít tự do đi, sống thanh bạch hơn nữa, miễn là hết thấy cái nạn tham nhũng, ăn cắp, ăn cướp, phè phỡn, bóc lột và thấy con người có tư cách hơn. Tôi vẫn thường nói với nhà tôi: **cộng sản vào đây thì chỉ nội 48 giờ là hết cái tệ đó**

### *Ngày 30-4-75 - Việt Nam Thống Nhất*

Nhưng hiệp định Paris vừa mới kí xong - tất nhiên có chữ kí của Nga, Trung hoa và một số nước khác như Pháp, Anh... - hai bên trao đổi tù binh với nhau xong, Mĩ rút hết quân về rồi thì chiến tranh lại tái diễn. Thế là hiệp định chưa ráo nét mực đã bị xé bỏ. Tôi không hiểu có một sự thỏa thuận ngầm nào giữa các cường quốc nắm vận mạng của Việt nam không, có những uẩn khúc, những bí mật nào không. Theo luật quốc tế, phải 50 năm sau, những bí mật đó mới được công bố, lúc đó những kẻ chịu trách nhiệm chết hết rồi.

Một bên (Bắc) mới thắng được Mĩ về ngoại giao, rất phấn khởi, khí thế đương hăng; một bên (Nam) bị Mĩ chẳng nghĩ gì đến liêm sỉ, nhẫn tâm bỏ rơi, vừa uất ức vừa thất vọng, thì phần thắng về ai, điều đó rất dể hiểu. Quân Bắc tiến tới đâu, dân chúng một phần sợ những vụ chém giết, chôn sống như ở Huế tết Mậu Thân, dắt díu, bồng bế nhau bỏ chạy; một phần ghét Mĩ, ghét chính phủ Thiệu, theo quân đội giải phóng, cho nên cuộc tiến quân của Bắc dễ như chẻ tre, chỉ trong ít tháng chiếm trọn miền cao nguyên và miền Trung Việt, gần tới Biên hòa. Tổng thống Dương văn Minh biết chống cũng vô ích, xin hai bên ngừng chiến để đỡ chết dân và chính quyền miền Nam chờ đợi quân đội miền Bắc vào Sài gòn để giao lại quyền hành, nói tóm lại là xin đầu hàng vô điều kiện; và ngay 12 giờ trưa ngày 30-4 tướng Trần văn Trà của Mặt trận ngồi xe thiết giáp tiến vào dinh Độc lập. Sự thắng lợi đó quả là vẻ vang cho miền Bắc, nhưng xét kĩ thì cũng như sự thắng lợi của quân đội Mao Trạch Đông năm 1949 (cũng chỉ trong có mấy tháng họ tiến từ Nam kinh tới biên giới Bắc Việt); và cũng như sự thắng lợi của Khmer đỏ (ngày 17-4) khiến Lon Nol phải bỏ nước để thoát thân như Nguyễn văn Thiệu, Đại sứ Mĩ phải nhục nhã cuốn cờ bỏ Nam vang mà về nước, và Khmer đỏ vào Nam vang 13 ngày trước cộng sản Bắc Việt vào Sài gòn.

Từ ngày 20-4-75 Sài gòn rất xôn xao. Một ông bạn thân của tôi 65 tuổi, ở gần nhà tôi, đương đau mà gia đình cũng "bốc" lên phi cơ để tị nạn, mới tới Manille thì chết, phải chôn ở đó. Một cô em ruột nhà tôi, cô Trịnh thị Mộng Đơn cũng dắt con lên phi cơ qua với chồng bên Mĩ.

Rồi chính cô em út của tôi, Nguyễn thị Mùi, gần 60 tuổi, cũng theo gia đmh bên chồng qua Mĩ; vợ chồng tôi giữ lại ở với chúng tôi, cô không chịu. Trong số ba người em, tôi mến cô nhất, mà cô cũng quí tôi. Cô làm dâu họ Tô ở Hà nội, có ba người con đều vào hạng học giỏi. Con gái lớn, Tô Lệ Hằng đậu tiến sĩ vật lý, tính tình hợp với tôi, hiện ở Pháp, giúp đỡ tôi được nhiều việc, vợ chồng tôi coi ba cháu đó như con. Cô đi rồi, ở Sài gòn tôi không còn ai ruột thịt cả.

Mấy ngày hạ tuần tháng 4 dương lịch đó tôi vẫn nghĩ tình hình không có gì bi đát lắm đến nỗi phải di cư. Quân Bắc có tiến vào Sài gòn thì Nam Bắc cũng thương thuyết với nhau - trước Bắc chỉ đòi Mĩ rút đi, Thiệu rút đi, thì bây giờ họ rút cả rồi, còn muốn gì nữa? - mà hiệp định Paris còn đó, Bắc phải thi hành chứ. Tôi **ngây thơ** quá.

Mười một giờ sáng ngày 30-4, ông láng giềng ở phía trong nhà tôi cùng với con lái một chiếc Vespa hớt hơ hớt hải di cư, để lại nhà cửa cho bà cụ thân sinh 77 tuổi và một chị bếp.

Mười hai giờ tôi bắt đài phát thanh, được tin tướng Trần văn Trà vào dinh Độc lập, Đại tướng Dương văn Minh với vài nhân viên trong nội các ra tiếp, bảo:

* Chúng tôi chờ các ông tới để bàn giao. Trần văn Trà đáp:
* Các ông còn gì trong tay nữa mà bàn giao?

Tin đó làm cho tôi rất buồn: thế là hiệp định Paris đã bị xé bỏ, không còn chuyện ba thành phần trong chính phủ miền Nam nữa, mà chỉ còn có Mặt trận giải phóng, tức cộng sản.

Chiều 30-4 tôi ra đầu ngõ thấy nhiều chiếc Honda cắm cờ đỏ sao vàng vụt qua vụt lại, người ngồi trên xe toàn là thanh niên hớn hở, mỉm cười với dân chúng hai bên đường. Sau này người ta gọi họ là "chiến sĩ 30".

Chiều hôm sau, 1-5, tôi mới lại chợ Trương Minh Giảng. Nhà nào cũng phấp phới cờ đỏ sao vàng, người qua lại tấp nập, hơi có vẻ tưng bừng, nhưng cũng có nhiều bộ mặt đăm chiêu. Chi nhánh ngân hàng Việt nam thương tín ở gần chợ đóng cửa im ỉm. Chợ về chiều đã vắng. Tôi lại nhà bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm. Cửa sắt đóng kín. Một chị giúp việc cho hay cả gia đình bạn tôi đã di cư tối hôm 28-4 vào giờ chót; vì quyết định trễ cho nên không kịp báo cho tôi biết trước. Tôi sửng sốt: "Mấy hôm trước, bác sĩ còn quyết tâm ở lại kia mà!" Chị giúp việc bảo: "ông bà tôi vì tình con gái, chàng rể và mấy cháu ngoại mà phải đi, nhưng định 5-6 tháng sẽ trở về, cho nên đồ đạc trong nhà còn để lại hết." Nhưng anh bạn tôi không bao giờ trở về nữa, hai năm sau chết ở Paris vì bệnh căng xe máu (leucémie).

Tôi lủi thủi về nhà bảo nhà tôi (bà họ Nguyễn) : "Người thân đi hết rồi, không còn ai nữa, buồn

quá".

Khoảng 25-4 phát hành cuốn sách thứ 100 của tôi, nhan đề là *Mười Câu Chuyện Văn Chương*.

Tôi đợi đường hàng không Sài gòn - Paris tái lập để gởi thư và một bản cuốn đó cho vợ con tôi mắc kẹt ở Paris. Tôi không nhớ mấy tháng sau mới nhận được thư của họ, nhận được tôi hồi âm liền; còn cuốn Mười Câu Chuyện Văn Chương thì non hai năm sau chính phủ mới cho phép gởi qua.

Tôi phục quân đội giải phóng rất có kỉ luật: vào Sài gòn mà không gây một vụ đổ máu (trước đó ai cũng ngại có một cuộc "tắm máu” như Huế năm 1968), một vụ cướp bóc nào; còn giúp đỡ dân chúng nữa. Tôi lại tràn trề hi vọng khi chủ tịch Mặt trận giải phóng, luật sư Nguyễn Hữu Thọ, tuyên bố miền Nam sẽ theo chính thể đân chủ cộng hòa, sẽ trung lập, giao thiệp vđi Tây phương; về kinh tế sẽ có 5 thành phần từ quốc doanh đến công tư hợp doanh, tư doanh v.v... Như vậy thì rất hợp với sở

nguyện của mọi người, quá sở nguyện của giới trí thức nữa.

Nhưng chỉ được non một năm rồi người ta rục rịch thực hiện sự thống nhất Bắc, Nam và cuối năm 1976 thì không còn miền Nam nữa, từ Lạng sơn đến Cà mau là một nước theo chủ nghĩa xã hội như Nga, tiến bộ hơn cả Trung hoa, Đông Đức nữa vì hai nước này vẫn còn là dân chủ cộng hòa.

Từ năm 1975 đến nay, hai vợ chồng tôi ở lại Sài gòn (lâu lâu nhà tôi mới về Long xuyên ít bữa), nương tựa lẫn nhau để làm trọn bổn phận công dân, thích ứng với thời mới, tìm hiểu chế độ mới.

### *Chế Độ Mới*

Ai cũng biết chế độ cộng sản là chế độ độc đảng, chuyên chế của giai cấp vô sản, theo nguyên tắc mà thực tế là của một nhóm "*đảng viên cầm quyền tự cho mình là đồng nhất với thợ thuyền, tiếng nói của mình là tiếng nói của thợ thuyền, có bổn phận thay thợ thuyền để cai trị*" (Garandy trong L’alternative - Robert Laffont - 1972). Họ nắm hết cả ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp, nếu trong nước có đảng Dân chủ, đảng Xã hội thì những đảng này cũng phải theo đường lối của đảng cộng sản, không thể độc lập, đối lập được.

Các nhà lãnh đạo cộng sản hầu hết xuất thân từ giai cấp bourgeois, có học thức, có tư tưởng tiến bộ, muốn xóa bỏ những bất công trong xã hội, diệt bọn tư bản bóc lột mà bênh vực giai cấp vô sản. Họ định đường lối, kế hoạch, tổ chức xã hội; lựa trong đảng một số người để cho dân bầu (dân chỉ được bầu những người đó thôi) vào Quốc hội và Quốc hội thảo hiến pháp theo đường lối đảng đã ấn định trước; rồi lựa một số người cũng ở trong đảng giao cho nhiệm vụ hành pháp và tư pháp. Bất kì việc lớn nhỏ gì cũng do đảng quyết định hết, cơ quan nào dù lớn, quan trọng tới mấy cũng chỉ có việc thừa hành.

Điều đó ai cũng biết, nhưng muốn thấy chế độ đó ra sao thì phải sống dưới chế độ dăm năm. **Đó là bài học đầu tiên và vô cùng quan trọng mà tôi và có lẽ cả 90% người miền Nam rút được từ 1975 tới nay**. Muốn nghe ai phê bình, khen chê gì thì nghe, muốn đọc sách gì thì đọc, dù là người thông minh, chịu suy nghĩ, cũng chỉ biết lờ mờ một chế độ thôi.

Dưới đây tôi ghi vắn tắt những điều tôi thấy về chế độ cộng sản ở miền Nam. Tôi không chép nhật kí, mà kí tính tôi mấy năm nay suy; tôi lại chỉ sống ở Sài gòn, giao du ít, nên nhận xét của tôi chắc chắn là thiếu sót, có thể sai nữa, sai nhiều nhất là năm, tháng. Tôỉ sẽ rán giữ tinh thần khách quan và trung thực.

1. **Hành Chánh** (Chỉ xét ở các cấp từ thành phố[13](#_bookmark43) và tỉnh trở xuống).
2. TỔ CHỨC

Một gia đình (cha mẹ, con cái, anh em, bà con...) ăn chung, ở chung với nhau thì thành một hộ;

nếu có một người tuy ở chung một nhà mà có phòng riêng, ăn riêng thì cũng thành một hộ riêng; như vậy cùng một nhà có thể có hai ba hộ. Mỗi hộ có một người chủ hộ.

Ba bốn chục nhà (thường gồm bốn năm chục hộ) họp lại thành một tổ, có một tổ trưởng, một tổ phó do chính quyền chỉ định, hoặc do dân đề cử, chính quyền chấp nhận; tổ trưởng có thể đề cử một người giúp việc giấy tờ cho. Tổ trưởng, tổ phó, thư kí thường ở trong giới bình dân, có cảm tình với cách mạng, hoặc ít nhất không có tiếng xấu, tự nguyện giúp việc không công, theo nguyên tắc chẳng được hưởng quyền lợi gì cả.

Mới đầu gọi là tổ đoàn kết, sau đổi là tổ dân phố. Tổ trưởng là gạch nối giữa chính quyền và nhân dân, loan báo chỉ thị của chính quyền xuống nhân dân, đạo đạt nguyện vọng của nhân dân lên chính quyền, lo việc an ninh, vệ sinh trong tổ, góp tiền của dân để mua nhu yếu phẩm (gạo, nước mắm, đường, hộp quẹt, xà bông, dầu lửa, vải...) do chính quyền phân phối, quyên tiền cho các công tác trong phường (đặt các loa phóng thanh, mở lớp mẫu giáo, mở nhà hộ sinh...). Mỗi tuần, có khi vài ba ngày họp tổ một lần, mỗi hộ phải cử một người tới họp tại một nhà hoặc một khu đất trống, một cái kho bỏ trống nào đó vào buổi chiều hay tối.

Tổ trưởng thường ít học nên hay nói, nói dai, đáng lẽ 15 phút xong thì kéo dài cả giờ, giờ rưỡi, mất thì giờ của dân; do đó ít người muốn đi họp, miễn cưỡng tới dự để khỏi bị ghi tên vắng mặt mà công an để ý. Đại đa số tổ trưởng không làm khó dân, có người còn bênh vực dân nữa vì cùng là "ngụy", hàng xóm với nhau cả, như vậy dĩ nhiên không được công an phường ưa.

Thỉnh thoảng lại có buổi học tập chính trị do cán bộ, thường là công an tới giảng cho 5-6 tổ gồm trên trăm học viên. Đề tài là công của cách mạng, tội của Mĩ ngụy và bổn phận của công dân: kê khai lí lịch[14](#_bookmark44) (rất kĩ, gồm 4 trang lớn), kê khai tài sản (nhà cửa cho thuê, hoặc hàng hóa còn dự trữ, máy móc...), làm công tác lao động như đi đào kinh, làm nghĩa vụ quân sự, đi trại cải tạo, đập tư bản, đốt sách phản động, đồi trụy...

Trình độ văn hóa của cán bộ chỉ vào hạng có tiểu học, bài học rất chán, mà cũng có một số người vỗ tay khen, có khi chưa hết câu đã vổ tay, khiến cho các học viên miễn cưỡng vỗ tay theo. Trò đó có vẻ lố bịch, sau dân chúng phá bằng cách đáng lẽ chỉ vỗ tay một thì họ vỗ tay hai, kéo dài ra, bọn nịnh kia thấy ngượng phải bỏ. Mới dầu dân còn đưa thắc mắc hoặc đề nghị xây dựng, thấy không ích lợi gì, người ta chán, có thái độ tiêu cực: đàn ông thì làm thinh, cán bộ hỏi ý kiến, họ một mực không đáp, đàn bà thì lấy len ra đan hoặc cho con bú, thì thầm nói chuyện với nhau, nếu không thì gục xuống ngủ, mặc cán bộ nói gì thì nói. Có những bài học kéo dài hai ba buổi học hoặc hai ba ngày.

Tôi còn nhớ một chị cán bộ khoảng ba chục tuổi, người mảnh khảnh, dạy chính trị cho phụ nữ trẻ và trung niên trong khóm tôi. Phòng họp ở một ngôi chùa cách phòng viết của tôi có năm thước, giọng chị ta lại lớn, nên tôi nghe rõ. Lớp học có khoảng bảy tám chục phụ nữ trong 4-5 tổ. Mới sau ngày 30-

4-75, nên người ta còn siêng năng đi học.

Chị tới từ 7 giờ sáng và cho tới 11 giờ, suốt bốn giờ liền, tôi chỉ nghe tiếng chị giảng thôi, không có một tiếng nào của học viên. Chị thao thao bất tuyệt, không khi nào ngừng quá một phút, không hề hỏi học viên một câu. Tôi lắng tai nghe, không hiểu chị nói gì. Lời cứ ở trong miệng chị tuôn ra, không mạch lạc, không ý nghĩa gì. Đúng 11 giờ chị ngưng. Lớp học ồn ào ra về.

Một giờ chiều chị lại tới, lại thao thao như sáng, lại độc thoại tới bốn giờ chiều. Tôi không biết trong lớp có người nào ngủ gục không. Mấy ngày liền như vậy rồi không thấy chị trở lại, chắc đã đi dạy lớp khác. Tôi nghĩ bụng: "*Chị ta có hiểu chị ta nói gì không; bảo chị tóm tắt lại lời giảng trong một buổi, chị ta làm nổi không*?" Y như một cái máy hát và tôi nhớ lời này của một bạn ở Hà nội vào: "*Bọn cán bộ đó nói dài, nói dai, nói dở, gọi là cán bộ ba d.*”.

Nhưng cái nạn học tập chính trị đó còn kém cái nạn nghe loa phóng thanh suốt ngày ở ngay trước nhà mình mà một số dân phố phải chịu. Một ông hàng xóm của tôi nhức óc vì loa, muốn hóa điên, và gọi văn minh xã hội chủ nghĩa là văn minh loa.

Nhiều tổ họp thành một khóm (khóm ở thành phố cũng như ấp trong làng) có một trưởng khóm và vài ba người giúp việc về thông tin, văn hóa, giáo dục, kinh tế, tài chánh, giấy tờ. Những nhân viên đó đều do chính quyền tuyển, đều là cán bộ nằm vùng hoặc có cha, anh làm cách mạng. Họ được ăn lương 36 hay 38 đồng ngân hàng một tháng, có nhà ở. Dân muốn xin giấy tờ gì - giấy đi đường, giấy chứng nhận chỗ ở, giấy giới thiệu đi khám bệnh, bản sao khai sanh... - phải có khóm trưởng cho ý kiến rồi tự mình đem lại phường, phường mới kí giấy, đóng dấu cho phép. Khóm lo việc phân phối nhu yếu phẩm. Về sau khóm bị bãi bỏ, dân giao thiệp thẳng với phường (tức như làng xã)

Phường có công sở lớn, nhiều phòng: hành chánh, y tế, giáo dục, kinh tế, công an, có nơi có cả đài phát thanh nữa... Phường trưởng mới đầu do chính quyền chỉ định, sau do dân trong phường bầu đại diện, đại diện lại bầu một hội đồng nhân dân, chủ tịch hội đồng này là phường trưởng. Cách thức bầu cũng như bầu quốc hội. Đảng lập một danh sách những người đảng cho phép ứng cử, giới thiệu mỗi người vài hàng: tên tuổi, nghề nghiệp, đã có những công tác gì... trên một bích báo. Còn 10 đại biểu nhân dân thì phường giới thiệu 11, 12, có khi đúng 10 người thôi, và dân chỉ được bầu cho những người đó. *Chỉ là vấn đề hình thức*. Dân đi bầu khắp mặt cho xong việc, không cần biết kết quả ra sao. ứng cử viên chẳng cần ra mắt quốc dân.

Riêng tôi suốt năm năm không thấy mặt ông chủ tịch ủy ban nhân dân phường một lần nào, hai lần xin gặp mặt thì cô thư kí bảo ông ấy đi vắng cả hai. Sự thật phường trưởng rất ít quyền. Công an trưởng mới có quyền và thường tới nhà dân, biết rõ từng nhà một, có khi từng người một nữa.

Trên phường là quận (như huyện ở các tỉnh). Quận có đủ các cơ quan như một tỉnh: hành chánh,

thông tin, giáo dục, công an, cảnh sát, tài chánh, kinh tế, nội thương, y tế ngoại thương, vận tải, tòa án, thủy lợi, quân sự, cả hồng thập tự nữa. Tôi không sao biết hết được, vì không bao giờ tới quận.

Trên quận là thành phố, cũng như trên huyện là tỉnh. Thành phố Hồ Chí Minh là kinh đô của miền Nam, trực thuộc trung ương, theo nguyên tắc ở trên tất cả các tỉnh, nhưng quyền hành không lớn hơn tỉnh bao nhiêu vì chính sách địa phương tự trị.

Có thể nói mỗi tỉnh là một tiểu bang, theo đường lối chung của quốc gia nhưng có đủ các cơ quan của một quốc gia, có tài chánh riêng, ngân hàng riêng, chính sách thuế khóa riêng, chính sách kinh tế riêng, cơ quan xổ số riêng (ở Nam Việt có tới 7 cơ quan xổ số), tự đào tạo lấy nhân viên cho tỉnh... Mới đầu có lẽ tỉnh trưởng cũng do chính quyền đề cử (có thể người nào làm tỉnh ủy miền nào trong thời kháng chiến thì sau ngày 30-4 làm tỉnh ủy tại miền đó); rồi sau cũng do nhân dân trong tỉnh bầu lên theo cách thức đã kể trên.

Sau ngày 30-4-75, hai ba tỉnh cũ họp lại làm một, như tỉnh An giang gồm tỉnh Long xuyên và tỉnh Châu đốc thời trước. Do đó quyền của tỉnh ủy lớn lắm.

Huyện cũng gần như được tự trị ở trong tỉnh; huyện nào (mà quận ở thành phố cũng vậy) cũng tranh nhau lập thật nhiều cơ quan, xây cất nhiều cơ sở, cũng có đủ cơ quan như tỉnh, cả hội chữ thập đỏ (làng cũng vậy), có xưởng chế tạo dược phẩm riêng, cạnh tranh với tỉnh, thành thử sức sản xuất kém, giá bán cao, lợi ít. Như vậy là trở về chế độ tiểu công nghệ, bao giờ mới kĩ nghệ hóa được? Thậm chí một trường học cũng là một cơ quan tự trị, có dư giáo sư thì để họ ngồi không chứ không cho trường khác mượn.

Sở nào cũng rất nhiều nhân viên mà công việc thì ít, vì giám đốc sở nào cũng đưa người thân hay người quen vào làm. Người ta gởi gắm lẫn nhau.

Một cán bộ cao cấp chủ nhiệm hay phó chủ nhiệm một tờ báo nọ có lần bảo tôi, tờ báo của ông ta có non một trăm nhân viên (trước ngày 30-4-75 một tờ báo như vậy chỉ có vài chục nhân viên mà lại nhiều trang, nhiều bài hơn), dư người rồi; vậy mà sáu tháng sau khi ông ta giao lại tòa soạn cho một cán bộ khác, thì số nhân viên đã tăng lên tới 170; có những "kí giả" tới tòa soạn mà chẳng có việc gì làm, nói chuyện láo một lúc, sửa một cột ấn cảo rồi đi dạo phố hoặc về nhà, tự thẹn mang tiếng kí giả mà cả năm không hề viết một hàng chữ cho tờ báo.

Công sở nào cũng có tình trạng như vậy, nhân viên đông gấp 5 số cần thiết và ngân sách chỉ đủ trả lương nhân viên, không còn làm được việc gì khác. Lại có những công sở như Cơ sở tiết kiệm, tiệm sách, khi mới thành lập, có chút công việc để làm, vài năm sau không có việc gì cả (không có người gởi tiền tiết kiệm, không có sách để bán) mà vẫn không đóng cửa, vẫn giữ đủ nhân viên. Nếu tính cả những nhân viên làm không công cho chính phủ như các tổ trưởng, tổ phó thì có lẽ số nhân viên năm

1980 gấp mười lần nhân viên năm 1974. Chúng ta cứ thử tính: từ hai năm nay, mỗi tồ đoàn kết thời 1975 tách ra làm hai, mang tên là tổ dân phố, mỗi tổ gồm hai tổ phó: tổ phó an ninh và tổ phó đời sống, chứ không phải một như trước; như vậy 40-50 hộ trước kia chỉ cần một tồ trưởng, một tổ phó, nay cần hai tổ trưởng, bốn tổ phó, số nhân viên không lương tăng lên gấp ba. Khắp miền Nam, số nhân viên không lương đó được mấy chục vạn, ai mà biết được?

Nhân viên càng nhiều, công việc lại càng bê bối. Vì cái nạn bè phái tranh giành nhau, dẵm chân lên nhau, không ai chịu trách nhiệm cả, ai cũng đùn công việc cho người khác.

Cuối năm 1979, tôi làm đơn xin ủy ban nhân dân phường tôi ở cho phép tôi chở về nhà tôi ở thị xã Long xuyên một số đồ đạc (ba tủ sách, một tủ lạnh, vài cái ghế...) và một số sách báo Việt, Pháp, Anh, Hoa đề tôi về Long xuyên nghỉ ngơi, dưỡng bệnh. **Việc tầm thường như vậy, thời trước chẳng phải xin phép xin tắc gì cả**, mà cô thư kí phường (quen mặt tôi chứ) không dám quyết định, đẩy qua công an; thầy thư kí công an cũng không dám quyết định, đẩy qua phường; họ thảo luận với nhau ra sao tôi không biết, kiếm lẽ này lẽ khác để không cho phép, bắt tôi đi đi về về tất cả tám lần, sau cùng tôi phản kháng dữ, họ mới chịu kí giấy.

1. TINH THẦN NHÂN VIÊN

Mùng ba tết, hết nghỉ, theo lệnh áp dụng trong toàn quốc các công sở phải làm việc mà ở Long xuyên (năm 1980) mùng 4 tôi lại Bưu điện mua cò gởi thư qua Pháp không được; một ông bạn tôi mùng năm rút tliền tiết kiệm cũng không được, khoảng mùng 10 các công sở mới đủ nhân viên.

Đa số công sở rất dơ dáy, lộn xộn, nhân viên nấu ăn ngay trong phòng giấy. Vào nhiều công sở ta có cảm tưởng vào những nhà việc ở thôn quê Nam Việt nửa thế kỉ trước: có 3-4 bàn giấy nhưng chỉ có hai nhân viên ngồi nói chuyện phiếm bên một bình trà, mấy cái chén, chỉ khác là có thêm một bình điếu thuốc lào. Nhân viên tới giờ nào thì tới, có người bận việc ở trong bếp phía sau, có người đi mua nhu yếu phẩm; và nếu đương giờ làm việc mà người nhà tới cho hay ở nhà heo đẻ thì họ vội vàng bỏ hết công việc sở, về nhà đỡ đẻ cho heo. Vì hầu hết họ phải nuôi heo để có thêm tiền tiêu, hoặc mua một chiếc xe đạp, đóng thêm bàn ghế, may sắm cho vợ con...

Một em học lớp 2 một trường cấp 1 nọ ở Sài gòn phàn nàn nền gạch lớp học bê bết cứt gà (vì trường nuôi gà), có em ỉa đùn trong lớp nữa, hôi thối quá.

Hình như người ta không có một kế hoạch, chương trình gì cả, ra lệnh rồi phản lệnh liền liền mà tới giờ chót mới thông báo cho nhân viên hay; máy móc mua về đủ rồi mà vì lẽ này lẽ khác, không dùng tới, để cho nó sét.

Rồi còn cái tệ dưới không tuân lệnh trên, một phần do tinh thần bè phái, một phần do chính sách địa phương tự trị. Công an một ấp hay xã nọ bắt giam một người dân; gia đình người này khiếu nại với

ban thanh tra tỉnh. Ban thanh tra ra lệnh thả vì bắt giam trái phép, công an ấp hay xã không thèm nghe, bảo: "*Tỉnh mà làm sao biết được việc trong xã, can thiệp như vậy là bậy*".

Năm 1979, trung ương ra lệnh không được cưỡng ép nông dân làm ruộng tập thể, ai đã vào hợp tác xã nông nghiệp rồi, muốn xin ra cũng được. Lệnh đó được phổ biến trên đài truyền thanh, truyền hình; nhưng cán bộ một làng nọ ở Sóc trăng không thi hành, hỏi tại sao, đáp: “*Tôi được lệnh của huyện phải đạt chỉ tiêu huyện đã ấn định trong việc bắt nông dân vào hợp tác xă nông nghiệp, nếu tôi nghe theo đài hay báo chí, chỉ tiêu không đạt được thì ai chịu trách nhiệm cho tôi?"*

Một nhân viên còn thách thức: "Trung ương ra lệnh mà địa phương không thi hành thì có sao không?" Có kẻ bảo: “Tôi không biết Phạm văn Đồng là ai", rồi mỉm cười ngó chung quanh, hỏi các bạn: "Trong xã mình có ai tên Phạm văn Đồng không?"

Không phải là thời thập nhị sứ quân nữa mà là thời thập nhị thiên sử quân. Nghị quyết của đảng dù có rành mạch, hợp tình hợp lí, nhưng xuống đến cấp huyện, cấp xã thì thay đổi hẳn, đến nối dân chúng chẳng cần biết đường lối của chính phủ, chỉ cần biết lệnh của xã ấp thôi. Đó là cái nạn cán nặng hơn gáo.

Tỉnh huyện lập ra nhiều cơ quan quá thì phải xây cất thêm nhiều, tịch thu nhà cửa đất đai của dân. Theo hiến pháp, tư sản được tôn trọng. Chỉ bọn tư bản bóc lột, một số ngụy quân ngụy quyền có tội nặng và những người vượt biên "chui" (lén) mới bị tịch thu nhà cửa. Nhưng một số cán bộ nhỏ muốn dâng công hoặc vì tư thù, tư lợi, tịch thu bừa bãi nhà cửa, đồ đạc của dân. Chính nhà tôi ở Long xuyên là một gia đình liệt sĩ mà cũng bị chúng hăm tịch thu một căn 36 thước vuông chúng tôi cất ở giữa khu vườn làm chỗ nghỉ ngơi. Chúng bảo căn đó không ai ở, cơ quan này muốn mượn, cơ quan khác muốn mượn. Cháu tôi, chủ hộ, người coi nhà, đáp rằng: vợ chồng tôi ở Sài gòn, vài ba tháng về Long xuyên một lần, về thì ở căn nhà đó, mà căn đó chứa đầy đồ đạc, tủ sách, bàn viết của tôi rồi, không thể cho cơ quan mượn được. Chúng làm thinh. Sau cùng chúng loan tin chính phủ quản lí các tịnh xá (!) mà căn đó có bàn thờ Phật là một tịnh xá (!) Nhà tôi bất đắc dĩ phải kiếm thủ truởng của chúng, vạch những hành động đó của chúng, chúng mới thôi.

Còn các gia đình có mặc cảm tội lỗi thì đành chịu ức hiếp: đương đêm quân đội tới bắt dọn đồ đạc ra đường để chúng chiếm nhà. Tệ đó gây bao phẫn uất trong đân chúng, các ông lớn ở trung ương có biết cho không?

Một thời thị xã Long xuyên xôn xao và tỉnh ủy (hay thị xã ủy) ra lệnh bắt mấy trăm gia đình ở trong những cư xá cất từ thời Ngô Đình Diệm chung quanh dinh hành chánh tỉnh phải dời đi chỗ khác để nhà cửa lại cho cán bộ cách mạng ở; mà không được bồi thường gì cả, mặc dầu họ làm chủ căn nhà của họ từ mấy chục năm rồi (trả hết tiền xây cất rồi). Vài ba người nhát gan hoặc muốn lập công với cách mạng, dời đi liền, tặng căn mình ở cho cách mạng. Còn thì hết thảy đều bất bình, họp nhau làm

đơn khiếu nại; chính quyền không chấp nhận đơn khiếu nại chung, bắt mỗi người phải làm đơn riêng, rồi lâu lâu lại thúc, dọa dẫm. Họ vẫn ỳ ra, lấy lẽ họ là nhân viên, làm việc trong các cơ quan của tỉnh, thị xã, tại sao lại không được ở như các nhân viên ở Bắc vào, ở bưng về. Một người rất bướng, kiếm bản hiến pháp mở ra ở trang nói về quyền tư sản, đặt trên bàn, bên cạnh con dao găm. Hễ cán bộ vào đuổi họ đi thì họ chỉ hiến pháp cho coi và bảo sẵn sàng đổ máu nếu bị ức hiếp. Cán bộ ra về, đem dây kẽm gai lại vây nhà, bít lối ra, họ cắt dây kẻm gai chui ra; cán bộ đem xe cam nhông lại bít cửa, họ leo lên xe, vượt ra, cán bộ chịu thua.

Sau có nhiều người lên Sài gòn gởi đơn khiếu nại thẳng ra Hà nội và hai năm sau vụ đó mới êm.

Nếu chính quyền tỉnh thành công trong vụ đó thì sẽ tiến thêm một bước nữa, bứng hết cả dân chúng trên đường Gia long (nay là đường 26 tháng 3) dài năm trăm thước, con đường sạch sẽ nhất, nhà cửa có vườn rộng, khang trang nhất thị xã để làm khu riêng cho cán bộ ở. Như vậy là chính quyền coi dân miền Nam này *coi đồng bào của họ như bọn da trắng coi dân da đen*, không cho ở chung, áp dụng chính sách apartheid (chia cách) của Nam phi. Như vậy mà muốn đoàn kết thì khác gì leo cây bắt cá. *Dân chúng chua xót nghĩ lại thời còn kháng chiến, mình chia cơm xẻ áo, không ngại nguy hiểm, hết lòng giúp đỡ, giấu họ mà bây giờ kháng chiến thành công, họ coi mình là kẻ thù*.

Tôi không kể những cái bê bối trong công sở: đánh mất hồ sơ, thụt két, ăn cắp của công, kho vật liệu không có sổ sách, cứ ít tháng lại thấy mất đồ mà không tìm ra được thủ phạm, v.v..., vì nếu kể thì dài quá.

Thế giới tư bản chê các nước cộng sản quản lí rất kém và bị bệnh thư lại (bureaucratie) rất nặng. Trước năm 1975, một kí giả Pháp - tôi không nhớ trên báo nào - bảo chế độ cộng sản sẽ chết vì bệnh thư lại. Sau ngày 30-4-75, tôi đem những lời đó hỏi bốn nhà trí thức Bắc: một học giả già, một nhà báo già, một kĩ sư và một giáo sư ở Nga về, khoảng 40 tuổi, họ đều nhận những lời chê của phương Tây đó đúng. Một người ngạc nhiên rằng từ 1950 tôi đã viết cuốn *Tổ chức công việc theo khoa học*, mà một phần tư thế kỉ sau, Bắc vẫn chưa có cuốn nào như vậy. Một người nữa còn bảo bệnh quan liêu ngoài đó trầm trọng hơn thời Pháp thuộc nhiều.

Cán bộ cao cấp và trung cấp còn biết những sở đoản của chế độ, lẽ nào các nhà lãnh đạo và đảng không biết. Tôi cho rằng người ta biết đấy, nhưng đó là bệnh cố hữu (inhérent) của chế độ, không thề chữa được, trừ phi có một cuộc thay đổi lớn lao mà không ai dám nghĩ tới.

Nhưng thế nào cũng tới lúc người ta phải nghĩ tới. Hiện nay tình trạng các công sở đã bi đát quá rồi. Lương công nhân mới vào làm chỉ được 38 đồng một tháng (1980), lương một kĩ sư, một bác sĩ mới ra trường được trên 50 đồng. Nhu yếu phẩm năm 1975 còn được nhiều thứ: gạo[15](#_bookmark45), đường, sữa, dầu lửa, xà bông, thuốc đánh răng, hộp quẹt, cá, thịt..., nay chỉ còn gần như mỗi một thứ là gạo hay bo bo, những thứ khác đều phải mua chợ đen hết; lương bác sĩ, kĩ sư chỉ đủ để mua củi chụm, như vậy

làm sao họ sống được? Khắp đông tây, không đâu có một chế độ lương bổng như vậy. Một cố vấn Đức hai năm trước đã đưa ý kiến phải tăng lương công nhân lên tối thiểu là 250 đồng (gấp 6 lần) thì họ mới đủ sống; ngày nay tăng lên 500 đồng cũng chưa đủ.

Đói thì không làm việc được, công việc bê trễ, người ta chán nản, xin thôi. Đơn xin thôi nhiều quá, có sở cứ 20 đơn xin thôi thì chỉ có 10 đơn xin vào, giám đốc không cho thôi. Xin thôi nhiều nhất là giáo viên; trường nào có giáo viên xin thôi thì hiệu trưởng phải lại tận nhà năn nỉ ba bốn lần rán ở lại đào tạo thế hệ sau cho chủ nghĩa xã hội.

Xin thôi không được thì người ta cớ ngang nhiên bỏ sở; hoặc ở lại thì làm tà tà, lấy lệ: một giáo viên giảng bài lí nhí trong miệng, học sinh xin giảng lớn hơn thì đáp: "Khi nào tăng lương cho tôi, tôi đủ ăn, có sức, mới giảng lớn được" Có kẻ ỳ ra không làm gì cả: thủ trưởng giao hồ sơ, phái đi công tác năm ba ngày ở một nơi nào đó; người ta ôm hồ sơ đi một tuần sau mới trở về, bảo nhớ cha mẹ quá, về thăm cha mẹ, chớ không đi công tác! Rồi cũng thôi. Bỏ đi chơi một tuần còn là ít đấy; nếu vắng mặt 29 ngày thì về lãnh lương đủ, không bị khiển trách, chỉ phải làm một tờ tự kiểm, mà nếu chẳng thèm làm thì cũng chẳng sao.

Một giáo sinh ở Đại học sư phạm Sài gòn ra, nhận được giấy bổ đi dạy Củ chi, gởi trả lại cho trường với mấy hàng chữ cực kì phản động như vầy: "Bay trả lương cho tao có 54 đồng một tháng mà tiền xe tao đi Củ chi mỗi ngày tốn 3 đồng rồi, tao lấy gì để sống? ". (Củ chi tuy thuộc thành phố Hồ Chí Minh, ở ngoại ô, nhưng cách trung tâm thành phố hai ba chục cây số).

Một bức thư gởi máy bay, bảo đảm từ Sài gòn ra Hà nội mà đúng một tháng mới tới; tôi làm đơn khiếu nại sở Bưu điện, sáu tháng sau người ta vẫn chưa trả lời, tôi thúc, họ cứ làm thinh. Hai năm sau họ mới cho hay đơn đó thất lạc đâu mất rồi.

Thỉnh thoảng lại có tin một kho chứa bưu kiện ngoại quốc gởi về, hoặc chứa hàng bị cháy, bị cướp; gần như ngân hàng tỉnh nào cũng bị thụt két. Trừng phạt, họ không sợ, còn bảo: "Vào khám được chính phủ nuôi".

Tình trạng đó cứ mỗi ngày một bi đát thêm thì một ngày nào đó mọi hoạt động sẽ bị tê liệt hết.

Đầu năm 1980 tôi nghe một cán bộ cao cấp ở Sài gòn đi dự một hội nghị về bảo người Nga đưa điều kiện phải để cho họ gởi qua nước mình 150.000 cố vấn để kiểm soát hết các cơ quan từ cấp cao nhất ở trung ương tới những cấp thấp nhất ở huyện. Như vậy thì còn gì là chủ quyền, là thể diện nữa? Nhưng nếu không nghe, họ sẽ cúp viện trợ thì làm sao đây? Xăng đã bị hạn chế 50% rồi, giá chợ đen năm 1980 từ 10 đồng lên 18 đồng một lít, năm 1981 lên 40 đồng (tức 20.000 đồng cũ).

##### Tài Chánh

1. NGÂN HÀNG

Công việc đầu tiên của chính quyền 30-4-75 là chiếm hết các ngân hàng, các sở ngân khố. Không còn ngân hàng của tư nhân mà cũng không còn sở ngân khố.

Chính quyền đóng cửa tất cả các ngân hàng quốc gia và tư nhân cũ trong hai ba tháng để kiểm soát sổ sách, tính xem các ngân hàng tư còn bao nhiêu tiền, tài sản có những gì, cho ai vay, vay bao nhiêu, người nào còn ở trong nước, có thể trả nợ được không; và ngược lại ngân hàng thiếu các trương chủ (người gởi tiền) bao nhiêu, người nào còn ở trong nước..., xong việc đó rồi chính phủ mới quyết định được có thể trả cho mỗi trương chủ bao nhiêu tùy từng ngân hàng: ngân hàng nào còn nhiều tiền, sẽ thu được nhiều số nợ, mà thiếu trương chủ ít thì có thể trả cho trương chủ được nhiều: 70-80% số tiền trương chủ gởi; ngược lại ngân hàng nào còn ít tiền, sẽ thu được ít nợ, mà nợ trương chủ nhiều thì chỉ trả cho trương chủ 40-50% số tiền trương chủ gởi thôi.

Ai gởi tiền ở ngân hàng quốc gia hoặc mua công khố phiếu (tức quốc trái, được lời nhiều hơn là gởi ngân hàng tư: 30% mỗi năm, chứ không phải là 24%) thì chính phủ không trả cho đồng nào hết, vì đó là nợ của chính phủ Nguyễn Văn Thiệu, mà Thiệu đă lưu vong, ôm hết quí kim đi rồi. Nhiều người ở trong trường hợp đó.

Tôi gởi tiền tiết kiệm ở hai ngân hàng tư tại Sài gòn và một ngân hàng tư ở Long xuyên. Chính quyền Sài gòn bằng lòng trả cho tôi một nửa số tiền tôi gởi, còn chính quyền Long xuyên (vì như tôi đã nói mỗi tỉnh là một địa phương tự trị có chính sách tài chánh, kinh tế riêng), không trả cho trương chủ một đồng nào cả. Tôi không buồn vì từ trước tôi vẫn nghĩ rằng hòa bình trở lại, tôi có thể tặng chính phủ một nửa số tiền tiết kiệm của tôi để kiến thiết quốc gia. Tôi chỉ bực mình rằng số tiền còn lại đó, không được tự do lãnh ra để tiêu. Mỗi người trong mỗi hộ chỉ được lãnh ra mổi tháng 30 đồng ngân hàng (tức 15.000 đồng cũ) mà hồi đó vợ chồng tôi sống đạm bạc cũng phải 100 đồng ngân hàng mới đủ. Tuy nhiên tôi không đến nỗi thiếu thốn vì còn đồ đạc, tư trang có thể bán được.

1. HƯU BỔNG

Nhà tôi buồn vì chính quyền không cho lãnh tiền hưu bổng (khoảng 30 đồng mới, 15.000 đồng cũ một tháng) mà không cho hay ngay, cứ làm thinh, bắt mỗi tháng lại sở hưu bổng hỏi han, chầu chực, như vậy hai năm, tới khi thấy người ta hạ cái bảng tên sở đi mới tuyệt vọng, không trông vào số tiền dưỡng lão đó nữa.

Biết bao người ở trong trường hợp đó, nhiều người nghèo không trông cậy vào đâu được, phải tự tử. Có người đã mất hết số tiền và tư trang gởi ngân hàng, rồi lại mất luôn tiền hưu trí, hóa điên.

1. ĐỔI TIỀN

Chính sách đổi tiền của chính phủ càng thất nhân tâm hơn nữa. Vụ đổi tiền lần thứ nhất xảy ra tháng chín hay tháng mười 1975, và xảy ra rất đột ngột.

* Sáng sớm hôm đó dân chúng mới hay rằng phải đổi tiền nội trong 24 giờ và mỗi người dân già trẻ lớn bé được đổi một số tiền là bao nhiêu đó tôi quên rồi, chỉ còn nhớ số tiền này như gia đình tôi chỉ đủ tiêu trong một tháng hay tháng rưỡi là cùng. Những người làm chủ một hãng, như hãng buôn, nhà in, xưởng chế tạo... có giấy chứng nhận của phường, quận... mới được đổi thêm 1.000 đồng mới (1 đồng mới ăn 500 đồng cũ), tính ra cũng chỉ đủ chi tiêu trong một tháng. Chính quyền không cho biết số tiền còn lại, sẽ giữ tại ngân hàng và sẽ cho rút ra lần lần tùy nhu cầu; thành thử ai cũng hiểu lầm rằng số đó sẽ bị hủy bỏ. Do đó rất nhiều người phẫn uất, tuyệt vọng; có người tự tử, có người đốt hằng thúng giấy bạc, hoặc từ trên lầu vãi giấy bạc xuống đường, không ai thèm lượm; ở Mỹ tho, nhiều tiệm Trung hoa thồn giấy bạc vào cà roòng, thả trôi sông.
* Chỉ thị phải đổi nội trong 24 giờ làm cho mọi người hoảng hốt, tranh nhau đổi, sợ trễ. Nhưng chỉ thị đó, chính cán bộ không tuân theo; ở phường tôi họ cứ nhởn nha làm việc; chín giờ sáng mới tới phòng đổi tiền để xếp đặt công việc, mười một giờ mới quyết định xong, thì nghỉ ăn cơm; một giờ mới phát cho dân đơn khai số tiền có trong nhà. Dân chen chúc nhau ở cửa phòng, đưa sổ gia đình để họ xét họ xét rất lâu như sợ có sổ giả mạo, rồi mới chịu phát đơn. Các tổ trưởng đề nghị tiếp tay họ trong việc đó, họ không cho vì ngờ có thể gian lận.

Đem đơn về nhà khai xong, lại mang tới đề nộp, lại chen lấn nhau lần nữa. Hai vợ chồng tôi thay nhau làm những việc xin đơn, nộp đơn, chiều đó mới xong, mệt đừ.

Trên đơn họ tính trong nhà có bao nhiêu người, cho phép đổi bao nhiêu, tính xong thì khuya rồi, đề sáng hôm sau mới đổi. Họ làm việc rất chậm, mãi nửa đêm hôm sau mới đổi xong. Như vậy là lệnh của chính phủ không được tuân. Có phường năm ngày mà đổi vẫn chưa xong, vì họ phải xét đi xét lại một điều gì đó, tôi không hiểu. Dân chầu chực suốt 5 ngày 5 đêm ở ngoài nắng, dưới mưa, lại không có tiền tiêu (vì trong lúc chở đổi tiền, giấy bạc cũ vô dụng, giấy bạc mới chưa có), nổi lên phản kháng, biểu tình, họ bắt giam một số. Nhưng cũng có chỗ đổi rất mau, chỉ 24 giờ là xong.

Vậy là cấp trên không biết tồ chức hoặc biết tổ chức mà cấp dưới không thèm nghe, tự ý làm sao thì làm, và hạng người ngu dốt, được cơ hội, tha hồ hách dịch, làm khó dân.

* Một cái tệ nữa là không có sự kiểm soát, khiến nhiều cán bộ gian lận, làm giàu. Các cơ quan đổi bao nhiêu tiền cũng được, chỉ cần làm tờ khai. Cơ quan có trong quĩ 100 triệu đồng cũ chẳng hạn thì khai 150 triệu, 50 triệu dư đó đem mua tiền của dân. Dân có tiền không đổi được, bán rẻ cho cơ quan, lấy 50%, 30% thôi, cơ quan lời 50%, 70% chia cho nhau. Thí dụ : tôi có dư 1 triệu đồng cũ không đổi được, đưa cho cơ quan đổi, cơ quan chỉ giao cho tôi nửa triệu (50%) tức 1.000 đồng mới; cơ quan giữ lại nửa triệu, để chia nhau. Đó là chỗ thân tình lắm chứ giá thường là 30%, và gần tới giờ chót chỉ còn 10%. Nửa ngày cuối cùng, người ta tấp nập mua bán như vậy, công an phường chắc biết dư mà chẳng thấy phát giác vụ nào cả.

Lần đó là **lần đầu tiên tôi thất vọng**, thấy rõ chân tướng chẳng tốt đẹp gì của các đồng chí cách mạng trong chủ nghĩa xã hội đã được Hồ chủ tịch dạy dỗ mấy chục năm. Họ bỉ ổi, bê bối còn hơn chế độ tư bản nữa. Tôi không vơ đũa cả nắm. Cũng có một số liêm khiết, xã hội nào cũng vậy.

Đêm đó 11 giờ khuya tôi mới đổi tiền xong, trả phần của một đứa cháu trong nhà, và trả cho nhà tôi số tiền tiêu riêng của nhà tôi rồi, chỉ còn đâu có 6-7 chục đồng, mà mỗi tháng chúng tôi tiêu ít nhất 50 đồng mới đủ. Tôi chìa cho nhà tôi xem, bảo: "Bao nhiêu tiền tiết kiệm của mình chỉ còn có mấy tấm giấy này thôi!" Nhà tôi làm thinh. Tôi cất tiền rồi, mệt quá, đi ngủ liền.

Sáng hôm sau dậy sớm mới thấy buồn thấm thía. Còn trà tàu Đài loan của một độc giả cho, tôi pha một bình nhỏ, rót một chén đem xuống cho nhà tôi đương quét sân. Rồi tôi đi dạo trong xóm xem dân tình: ai cũng lặng lẽ, đăm chiêu. Nửa giờ sau về nhà. Nhà tôi cho hay đã bán được một lon sữa đặc đủ đi chợ một ngày. Tôi bảo: "Cần gì phải như vậy. Mình còn nhiều đồ khác để bán mà." Nói vậy, nhưng nước mắt tôi cũng rưng rưng vì cảm động.

Mấy hôm sau, có lẽ chính phủ thấy chính sách đó khắc nghiệt quá, cho nên ra lệnh cho đổi thêm một số nữa bằng số lần trước. Lại khai báo, lại chầu chực, nhưng lần này mau hơn. Ngân hàng trả lại tôi một số tiền nữa, còn bao nhiêu ghi vào sổ tiết kiệm của tôi. Vậy là chưa mất hết. Từ đó mỗi tháng vợ chồng tôi được rút ra 60 đồng cho hai người, lại bán thêm được một ít sách nữa, cho nên đủ tiêu. Được đâu một năm như vậy rồi chẳng hề có thông cáo, thông báo gì cả, ngân hàng cứ lẳng lặng không phát thêm nữa. Hiện nay trong sổ tiết kiệm của tôi còn mấy ngàn đồng, tôi không nhớ. Sổ đó đã vô dụng rồi, tôi giữ làm kỉ niệm của một thời.

Tóm lại chính sách của nhà nước là muốn quản lí tiền bạc của dân: chỉ cho mỗi gia đình giữ một số đủ mua gạo, rau... trong một hai tháng, còn bao nhiêu gởi ngân hàng hết, phải có lí do chính đáng như đau ốm, cưới hỏi, ma chay... mới được rút ra. Tiến bộ hơn Nga nhiều. Nhưng hậu quả là không ai muốn gởi tiền ngân hàng nữa, và chính sách đó phải bỏ.

Gần đây đọc một cuốn sách tôi được biết chính phủ Sô viết ở Nga sau cách mạng 1917 cũng có một lần đổi tiền cho dân: cứ dưới 3000 rúp (rouble) (tôi không biết một rúp thời đó bằng bao nhiêu quan Pháp) thì một rúp cũ đổi lấy một rúp mới, còn trên số đó thì hai rúp ca đổi một rúp mới. Chính sách đó nhân đạo hơn, không gây bất mãn trong dân chúng. Chính phủ mình đã theo chính sách đổi tiền của họ Mao chăng?

Ba năm sau, năm 1978 lại đổi tiền một lần nữa, mà lần này ở khắp nước. Cũng đột ngột, cũng hạn chế số tiền được đổi, nhưng có tổ chức hơn, đỡ khổ cho dân.

Dù dùng mọi cách đề bình sản (tức quân bình tài sản, san phẳng tài sản), dù dùng mọi cách để trừng trị sự làm giàu thì bất kì thời nào, trong xã hội nào, cũng chỉ được ít tháng lại có sự bất bình

đẳng, có kẻ giàu người nghèo. Một người đã nói: phát cho hai người, mỗi người một ổ bánh mì, chỉ một ngày sau đã có sự bất bình đẳng rồi: kẻ ăn hết ổ bánh đã hóa nghèo hơn kẻ chỉ ăn ba phần tư ổ thôi, để dành một phần tư. Như vậy là có sự tích lũy tài sản rồi. Cho nên tại các nước cộng sản lâu lâu phải đổi tiền một lần, hạn chế số tiền được đổi, tịch thu một số tiền quá lớn nữa. Nghe nói ở Nga từ 1917 đến nay đã đồi tiền non 20 lần, không biết lời đó đúng không.

Vụ đổi tiền năm 1978 làm Bắc Việt xôn xao cũng bằng ở trong Nam và cũng có đủ các tệ như ở

Nam.

Lần này người ta biết tin trước vài ngày: ai có nhiều tiền (ở Bắc cũng như ở Nam) cũng tung tiền

ra mua vàng, xe đạp, vải, tủ lạnh, chén đĩa, bất kì thứ gì với bất cứ giá nào. Có thứ tăng giá lên gấp 10 như vàng, thứ nào tăng ít nhất cũng gấp năm. Có người không biết mua gì, năn nỉ hàng xóm để lại cho con gà, con vịt. Người nghèo có từ nải chuối trở đi cũng đem bán. Ở Bắc có kẻ nhiều tiền quá thồn cả vào một cái bao, chở trên xe đạp, đến một chỗ vắng, làm bộ đánh rớt xuống đường rồi phóng đi như bay. Hạn chế, kiểm soát rất gắt, vậy mà ở Hà nội ngay tối đêm mới đổi tiền, công an lại xét một nhà thấy một số tiền gấp trăm số gia đình đó được phép đổi. Và chính phủ cũng phải làm ngơ.

**Sau một phần tư thế kỉ được giáo hóa mà như vậy thì chúng ta phải kết luận ra sao**? Có chế độ nào thay đổi được bản tính con người trong một hai thế kỉ không? Bao giờ mới đào tạo được con người xã hội chủ nghĩa để họ xây dựng xã hội chủ nghĩa đây, như Hồ chủ tịch nói?

Mỗi lần đổi tiền là một lần lạm phát. Cứ xét giá sinh hoạt từ 1975 đến nay ở miền Nam thì ít nhất cũng đã có sự lạm phát gấp 10 lần rồi: giá vàng 1975 là 400$ mới, bây giờ (tháng 5-1980) trên 6000$[16](#_bookmark46); gạo bán ở chợ thời đó vào khoảng 20 xu mỗi một lít, bây giờ từ 2$ tới 6$, 8$ tùy nơi. Vật giá cũng tăng lên ít nhất là 10 lần.

Giá chính thức thì trái lại, tăng lên rất ít, nhiều lắm là gấp hai; nhưng chỉ công nhân viên được mua gạo với giá đó thôi, còn những nhu yếu phẩm khác thì không có để phân phối; rốt cuộc họ phải mua rất nhiều món ở chợ với giá gấp 10 lần, mà lương không tăng. Tình cảnh của họ thật bi đát. Nạn tà tà, vô kỉ luật, tham nhũng, ăn cắp, buôn lậu phát ra từ đó.

Còn thêm một hậu quả nữa. Dân sợ sự đổi tiền quá, không còn làm ăn gì được; mà dân càng sợ thì càng có nhiều kẻ tung tin vịt ra; mới đổi năm 1978, qua năm 1979 lại có tin đổi tiền nữa, kinh tế hóa khó khăn trong vài tháng, một số kẻ làm giàu thêm, một số nghèo thêm, rồi đầu năm 1980 lại có tin đổi tiền nữa, lần này cũng vịt nữa. Đời sống không được ổn định, dân lúc nào cũng nơm nớp lo sợ, chẳng trách bệnh bao tử phát dữ dội, gấp mấy thời trước. Không ai muốn tiết kiệm nữa, kiếm được đồng nào tiêu hết đồng đó; những quán ăn, tiệm cà phê nhiều hơn và đông khách hơn trước ngày 30-4- 1975.

##### Kinh Tế

Sức mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa, bước đầu của chế độ cộng sản là nắm hết sự sản xuất và sự phân phối trong nước. Có nắm được như vậy thì mới mau bình sản được, mới diệt được sự bóc lột của cá nhân, sự bất công, mới giảm được sự bất bình đẳng, trong nguyên tắc. Ai cũng hiểu như vậy nhưng chỉ cộng sản mới can đảm, kiên nhẫn, cương quyết thực hành điều đó. Cộng sản "đáng phục" chỉ ở điểm đó, còn tinh thần nhân đạo, thương người nghèo của họ không hơn gì - nếu không nói là kém - Ki tô giáo, Phật giáo, Khồng giáo, Lão giáo...; mà lí thuyết của họ thì còn có thể đem ra bàn luận hoài được, khen cũng được mà chê cũng được.

1. SẢN XUẤT

###### *Nông Nghiệp*

Căn bản là sản xuất thức ăn: canh nông, mục súc. Đó là vấn đề số một, vì ba lẽ: ăn là nhu cầu số một; - hai phần ba nhân loại đang bị nạn thiếu ăn, mà nạn đói mỗi ngày một tăng; - sản phẩm kỹ nghệ nào cũng có thể tăng rất mau được nhờ máy móc, chỉ có thảo mộc, súc vật là không thể bắt chúng tăng năng suất mau và quá một mức nào đó được

Về nông nghiệp, hai nước cộng sản đàn anh Nga, Trung hoa đều thất bại. Sau sáu chục năm làm cách mạng, Nga vẫn thiếu lúa mì, phải mua của Mĩ, mà đất đai Nga xô rất rộng chứ; Trung hoa thì sau ba chục năm, dân vẫn thiếu gạo, thiếu thịt. Năm 1963, sinh viên một đại học Bắc kinh ba tháng liền phải ăn độn, có hồi ba năm không được ăn thịt, đói quá có kẻ phải đi xin ăn cảc bạn ngoại quốc vì sinh viên ngoại quốc ở Trung hoa được hưởng sự phân phối đặc biệt. (*Un étudiant Africain en Chine* - sách đã dẫn).

Năm 1973-1974 một số nhà báo ở Sài gòn tin rằng hễ chiến tranh chấm dứt thì nông nghiệp của mình phát triển mạnh lắm, dư nhiều để xuất cảng, nước sẽ giàu. Các vị đó tin ở "cách mạng xanh" và công việc khai hoang. Tôi đã bác những ý đó trên tờ Bách Khoa và trong cuốn *Những Vấn Đề Của Thời Đại*, đại khái tôi bảo: Chúng ta đừng nên quá tự tín, tự hào, mà nên so sánh nước mình với các nước láng giềng cũng nông nghiệp như mình, đất rộng cũng như mình, tức Thái lan, Miến điện. Trước thế chiến họ xuất cảng lúa gạo ngang mình hay hơn mình. Ba chục năm nay họ không bị chiến tranh như mình, nên khai phá thêm chứ không phải bỏ hoang đất đai, cũng áp dụng những kĩ thuật mới, cách mạng xanh như mình, mà sự sản xuất lúa gạo của họ chỉ đủ bù sự tăng gia dân số, và sự xuất cảng gạo của họ so với trước thế chiến không tăng bao nhiêu, có năm Thái lan không dám xuất cảng mà giữ lại để phòng đói. Dân tộc mình có thể siêng năng hơn họ, nhưng chắc chắn là không tài giỏi về nghề nông gấp năm gấp ba họ đâu, và chúng ta cứ nên khiêm tốn nhận rằng hòa bình trở lại, sẽ gặp những nỗi khó khăn cũng như họ, may lắm thì sự tăng gia nông sản chỉ đủ để bù vào sự tăng gia dân số thôi. Ông tổ của cách mạng xanh tôi không nhớ là ai, đã cảnh cáo nhân loại rằng cách mạng đó chỉ cứu được nạn

đói trong ba chục năm thôi; sau ba chục năm nhân số trên địa cầu tăng lên gấp đôi thì cũng lại thiếu ăn nữa. Mà cách mạng xanh tới 1980 được ba chục tuổi rồi, cho nên nhiều kinh tế gia phương Tây đã lo trước rằng thập niên 80 nhân loại sẽ đói.

Quá tin ở sự khai phá đất hoang lại càng không nên. Chúng ta nên nhớ: bao nhiêu đất dễ trồng trọt thì đã trồng trọt cả rồi, còn lại toàn là đất cằn cỗi hoặc có phèn, có muối, hoặc xa xôi, thiếu nước, khai phá sẽ tốn công tốn của lắm.

Từ đầu thế kỉ, thực dân Pháp đã nghĩ tới sự khai phá Đồng tháp, họ nghiên cứu đi nghiên cúu lại, đo đạc, lập dự án này dự án khác, tốn khá nhiều tiền mà đến năm 1945 vẫn chưa làm được gì cả ngoài mấy con kinh đào, vì cái nạn lụt và phèn.

Cánh đồng Cà mau còn khó khai phá hơn nữa vì toàn là rừng đước, nước thủy triều ra vô.

Bao nhiêu đất phì nhiêu miền Đông họ đã trồng cao su cả rồi; đất hoang còn lại trồng lúa, trồng rau không được vì thiếu nước, chỉ để làm rừng lấy củi.

Muốn khai phá ba miền đố thì phải đầu tư nhiều lắm, dân mình nghèo, làm gì có đủ vốn.

Tóm lại tôi nghĩ rằng hòa bình trở lại, lo sản xuất lúa gạo để đủ nuôi dân đã là may, không mong gì làm giàu được. Năm 1975 tôi trình bày lại ý đó với một cán bộ cách mạng, họ cho tôi là bi quan, bảo: "*Dân tộc mình thắng được Mĩ, hùng cường thứ nhì Đông Á, chỉ 5 năm nữa thì kinh tế mình sẽ thịnh, hai chục năm nữa sẽ đuổi kịp Nhật rồi vượt họ*."

Lại một năm sau nữa, một anh bạn học của tôi từ hồi tiểu học, lúc đó giúp việc cho tờ Tổ Quốc, đọc những bài của tôi đăng trên Bách Khoa từ cuối 1974 về nạn nhân mãn và đói trên thế giới, cũng không tin, bảo nhân loại đói là tại sự tổ chức xã hội không được công bằng, chứ thực phẩm sẽ dư để nuôi mười lần nhân số thế giới hiện nay, vì còn biết bao đất để khai phá, lại có thể lấy thực phẩm từ biển (rong), từ lòng đất (dầu lửa sẽ chế biến thành protéin)... Tôi cũng không cãi. Những lí lẽ đó đúng đấy, nhưng khai phá sa mạc Sahara để trồng lúa thì phải nấu nước biển thành nước ngọt rồi đưa vào sa mạc; việc nuôi rong làm thực phẩm còn phải thí nghiệm lâu mà cái nạn đói thì ở trước mắt kia kìa. Có những người dễ tin bánh vẽ quá. Họ thật sung sướng, tối chắc ngủ ngon. Có điều tôi không hiểu là tổ chức xã hội ở Nga tất phải công bằng mà sao Nga vẫn thiếu lúa mì sau sáu chục năm cách mạng.

Tôi không biết hai bạn cách mạng của tôi đó, năm ngoái (1979) đã đổi ý chưa, đã thấy dân mình đói, thiếu ăn chưa, và nông nghiệp của mình cũng thất bại nặng, có phần hơn Trung hoa nữa chưa?

* Ông thầy của chúng ta đã thất bại thì ta làm sao không thất bại được? Ai cũng nhận thấy ở Nga sở dĩ còn phải mua lúa, mua bắp của Mĩ vì nông dân Nga không thích làm trong các nông trường quốc doanh (sorkhose), mà những nông trường đó đã phải bãi bỏ, chỉ còn các artel, tức các hợp tác xã giữa thợ thuyền và nông dân. Chính sách tập thể có lợi chăng là lợi cho kẻ làm biếng, an phận, bất tài; còn

người siêng năng thì muốn làm riêng, hễ sản xuất nhiều thì được hưởng nhiều. Tâm lí chung của con người là có lợi thì mới gắng sức, không ai muốn thằng ngay làm cho thằng còng ăn.

Hỏi thăm các bạn ở Bắc, ai cũng bảo hợp tác xã nông nghiệp ngoài đó, xét chung, thất bại, chỉ trừ một vài nơi ở Thái bình... Trong nhiều hợp tác xã còn đất bỏ hoang, vì khó khai phá, không có lợi. Người dân chỉ chăm sóc khu vườn vài trăm thước vuông của họ thôi, lơ là với công việc chung vì làm cho hợp tác xã chỉ được trung bình 1 đồng một ngày thôi, không đủ sống. Lại thêm cái nạn nhiều nơi, bọn quản lí hợp tác xã cấu kết với nhau, gian lận, làm giàu, ức hiếp xã viên, họ là một bọn cường hào mới.

Ở trong Nam mấy năm đầu dân phải đóng thuế nặng, lúa bị thu mua nhiều quá với giá rẻ mạt, phân bón, thuốc trừ sâu, xăng nhớt lại bị cán bộ ăn cắp bán chợ đen v.v..., rốt cuộc làm ruộng thì chỉ giữ được vừa đủ lúa để ăn tới mùa sau, không có dư để chi tiêu vào nhà cửa, quần áo, thuốc men... Do đó đại đa số nông dân chán ngán, không ham sản xuất.

Một nông trường quốc doanh thành lập ở Củ chi “thành đồng của Cách mạng", ngay mấy năm đầu sau ngày 30-4-75, các thanh niên cách mạng, có học, có nhiệt tâm tới khai phá cho thành một nông trường kiểu mẫu, được chính phủ giúp đỡ nhiều phương tiện, nhiều ông lớn ở Sài gòn tới khuyến khích, vậy mà không hiểu sao chỉ trong một thời gian ngắn, không ai nhắc tới nữa, thất bại hoàn toàn.

Năm 1978 hay 1979 có lệnh thi đua lập hợp tác xã nông nghiệp. Trung ương không bắt nông dân phải gia nhập, nhưng địa phương nào cũng muốn lập công, bắt buộc, dọa dẫm nông dân. Bắt buộc thì họ vô, "vô mà không ra", nghĩa là vô hợp tác xã nhưng không ra ruộng, hoặc ra trễ, múa một lát, rồi ngồi nghỉ, tán láo, về; lúa bị sâu, mặc, cỏ đầy ruộng, mặc... thu hoạch chẳng được gì cả, có nơi lúa xấu quá, họ không thèm cắt nữa. Làm biếng nhất là cán bộ, các đồng chí đó chuyên chỉ tay năm ngón, có kẻ chẳng buồn ra ruộng kiểm soát nữa. Nghe nói có nơi người ta dành một khu ruộng tốt cho các đồng chí lập một hợp tác xã kiểu mẫu, họ được phân phát cho đủ phân bón, xăng nhớt, thuốc trừ sâu, lúa giống tốt..., vậy mà cũng thất bại nặng. Các ông ấy đâu chịu chân lấm tay bùn (mặc dầu miệng vẫn nói "lao động là vinh quang"), cứ ở nhà, ở sở, bán chợ đen xăng nhớt, thuốc trừ sâu, phân bón của hợp tác xã để chia nhau, còn lợi hơn là làm ruộng mà chẳng phải đổ một giọt mồ hôi nào cả.

Cuối năm 1979 một số hợp tác xã đã giải tán, nông dân được tự do, làm riêng, chính sách thu mua (nghĩa là chính phủ buộc họ phải bán một số lúa cho chính phủ với giá chính phủ ấn định) cũng công bằng hơn, nên họ hơi phấn khởi, sản xuất nhiều hơn. Đó là chính sách của các nước Đông Âu như Ba lan, Hung, Tiệp khắc, Nam tư..., kết quả tốt đẹp hơn ở Nga, Trung hoa nhiều. Theo cuốn Lô gíc lịch sử của một tác giả Nga tôi quên tên, mới dịch ra tiếng Việt một hai năm nay, thì có nước Đông âu, nông dân vô hợp tác xã thì tài sản của mình được coi là cổ phần và được chia lời nữa.

Tôi nói hơi phấn khởi vì họ vẫn chưa tin chính phủ, sợ làm được vài năm, dư được bao nhiêu,

chính phủ lại tìm cách lấy lại hết.

* Một thất bại nữa là chính sách đưa dân thành thị đi vùng kinh tế mới để khai phá đất hoang. Chính phủ giúp đỡ việc chuyên chở, cho một khu đất mấy trăm thước vuông ở một nơi còn bỏ hoang, không có nhà thương, trường học, cách xa đường lộ 5-6 cây số; năm đầu cấp cho mỗi người một số gạo đủ ăn.

Sau ngày 30-4-75, nhiều người rất phấn khởi, muốn sống một đời sống mới, xung phong đi kinh tế mới.

Tôi có một người bà con khoảng 50 tuổi, thời trước làm thư kí sở thuế ở Sài gòn, sống nhàn nhã, hơi phong lưu. Năm 1975, vợ chồng nghe tiếng gọi thiêng liêng của đảng, nổi bầu nhiệt huyết, bán hết tài sản (may là còn giữ một căn nhà ở Phú nhuận) rồi vợ chồng và 6 con dắt díu nhau đi vùng kinh tế mới ở Sông bé, bỏ nghề công chức, làm nhà khai sơn phá thạch để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Miền Sông bé là một khu rừng cỏ tranh không có kinh rạch gì cả, không làm ruộng được, phải phát cỏ tranh, đào giếng (sâu 6 thước) để lấy nước uống, mà nước thì đục ngầu. Mặc dầu vậy họ cũng rất tin tưởng, hăng hái phát cỏ, cuốc đất, cất nhà, làm vườn. Hái được trái bầu đầu tiên, họ rất vinh hãnh: "*Lao động đúng là vinh quang*". Nhưng một năm chỉ trồng trọt được 6 tháng mùa mưa, khoai, đậu, bầu bí... không đủ ăn cho gia đình 8 người, trọn mùa nắng ở không, đi vào rừng đốn củi, đốn măng. Họ chịu đựng được non ba năm, khi hết chịu nổi, bán lại khu đất khai phá sơ sơ đó đi, và bán luôn cả nhà ở Sài gòn, về Cai lậy (Mĩ tho) mua một miếng đất, miếng này cũng vì thiếu nước, không làm ruộng được (công việc thủy lợi chỉ ồ ạt ở miền Tây, nhiều sông rạch nhất thôi), chỉ trồng được khoai mì, và mươi gốc xoài, dừa... nhưng trồng mà không được ăn vì chúng ăn trộm hết. Chịu đựng được hai năm (có hồi đói quá, xuýt phải ăn bèo), sau về Long xuyên nhờ chị em giúp cho ba công rưỡi ruộng ở ven thị xã. Ở đây làm ruộng được, nhưng đóng thuế rồi thì chỉ còn đủ lúa để ăn thôi. Tiêu pha thì phải nhờ vào nuôi heo, gà. Nhà họ ở giữa đồng, cách lộ 5-6 trăm thước, đi trên bờ ruộng đất sét mấp mô, trơn như trên sống trâu. Cái chòi một mái chỉ có 6 thước vuông, một cái giường, một cái võng. Mẹ và bốn con ngủ trên giường (vì hai đứa con đã gởi người bà con nuôi giùm), dưới gầm là một con heo lớn, một con heo con, chung quanh là một bầy gà. Chồng ngủ võng. Trời nắng thì ngủ ngoài trời được. Không có bếp, cầu tiêu, nước uống là nước trong một cái hầm đào để đắp nền nhà.

Họ bảo tôi: "Tụi tôi không còn mong gì khác là nuôi con cho chóng lớn lên làm công nhân viên được mười mấy kí gạo một tháng thôi”.

Coi họ già và lam lũ như hạng lưu dân trong Đồng tháp mười hồi 1935. Tôi nghĩ chính hạng người đã hi sinh cả đời cha, đời con, đời cháu nữa để khai phá miền Nam này, sống cực khổ như mọi đó mới là khai quốc công thần, có phần gian lao hơn Thoại Ngọc Hầu, Nguyễn Hữu Cảnh nữa; nhưng khắp thế giới từ cổ đến kim, không ai nhắc tới họ; bây giờ người ta cũng để họ "*sống chết mặc bay*"

mà còn bóc lột họ nữa.

Cảnh một gia đình công chức hồi hưu (tôi chỉ nghe nói chứ không được biết) còn bi đát hơn gia đình đó nữa: lỡ bán nhà ở Sài gòn để đi miền Sông bé, bốn năm sau, hết nhẵn vốn, về Sài gòn thì không có hộ khẩu, không có chỗ trú chân, phải đi xin ăn, ở nhờ bạn, nay nhà người này, mai nhà người khác.

Miền Sông bé thất bại nặng; người ta bỏ về lần lần hết. Ngay những thanh niên xung phong thấy đồng bào đi hết, cũng phải xin về. Tin lời hứa của cấp trên, hễ xung phong hai năm thì được bằng cấp "anh hùng lao động”, được vô đại học tại chức[17](#_bookmark47), những cậu có tú tài rồi, xin vô đại học, người ta nuốt lời, bắt thi, lại không cho họ nghỉ công tác để học thi, nên thi rớt và bây giờ lêu bêu ở Sài gòn, tìm cơ hội "vượt biên".

Cũng có gia đình may mắn, tới một nơi đất tốt ở Long thành, trồng hoa màu, hai năm sau tự túc được, nhưng chính quyền địa phương đòi lại một nửa đất gia đình đó đã khai phá, lại bắt những thanh niên lao động giỏi trong gia đình phải vào sâu trong rừng khai phá một khu khác họ cấp cho. Như vậy là cướp công lao của dân, có khác gì bọn điền chủ thời Pháp thuộc chiếm đất nông dân đã đổ mồ hôi nước mắt để biến đồng hoang thành ruộng tốt. Những thanh niên đó cũng bỏ về Sài gòn nữa.

Và hiện nay nhiều đường ở Sài gòn đầy những người ở kinh tế mới về, vô gia cư, vô nghề nghiệp, ban ngày đi xin ăn, làm cu li hay ăn cắp, đêm ngủ vỉa hè, hoặc dưới mái chợ...

Cảnh sát, công an nhắm mắt làm lơ, chứ biết đuổi họ đi đâu bây giờ. Khắp các tỉnh đâu đâu cũng có tình cảnh đó

Chương trình đẩy một triệu dân Sài gòn đi kinh tế mới để đưa một triệu dân Bắc vào như vậy là thực hiện không được một nửa: đồng bào Bắc đã vào Sài gòn và còn vào nữa, nhưng đồng bào kinh tế mới cũng lại trở về Sài gòn, và Sài gòn đông nghẹt, bẩn thỉu hơn trước nhiều.

Nghe nói chính quyền đã sửa sai: bỏ chính sách kinh tế mới rồi. Đâu phải đất hoang nào cũng dễ khai phá!

* Một nguyên nhân thất bại nữa của chính sách nông nghiệp là thiếu kĩ thuật gia giỏi như một tờ báo kinh tế ở Hương cảng đã nhận xét.

Tôi nghe nói ngoài Bắc đào tạo rất nhiều kĩ sư canh nông và kĩ sư thủy lợi (hình như một tỉnh Thái bình hay Hà nam dùng cả ngàn kĩ thuật gia thủy lợi); như vậy rất hợp lí mà cũng đúng chính sách của Lénine. Nhưng tôi không hiểu kiến thức chuyên môn của các kĩ sư đó ra sao và được dùng vào việc gì mà ở trong Nam này, từ ngày 30-4-75, các công tác thủy lợi hầu hết do các cán bộ nông thôn mới học hết cấp I (hết tiểu học) điều khiền. Các đồng chí ấy bất chấp kinh nghiệm của nông dân, đã dốt mà lại độc đoán: có nơi lúa đã sắp trổ đòng đòng mà họ bắt nhổ đi hết, trồng thứ khác; có nơi họ bắt

nông dân đào đất trong ruộng, chuyền tay nhau từng cục đất ra tới bờ rạch cách vài trăm thước để đắp một cái đập dài cả trăm(?) thước, đập Cát lái; mưa xuống một trận, nước rạch dâng lên, chảy xiết, đập vỡ, một số thanh niên bị nước cuốn đi mất xác. Vụ đó làm sôi nổi dư luận.

Thủy lợi là một môn rất khó; công việc thủy lợi ở miền Nam khó hơn ở ngoài Bắc nhiều vì ở đây sông rạch, kinh mương chằng chịt, lại có hai thứ thủy triều: thủy triều Nam hải (miền Vũng tàu chẳng hạn), nước biển lên rất cao, mực cao nhất cách mực thấp nhất đến 4 thước; mùa khô, thủy triều lên tới tận Nam vang, cách xa 300 cây số; và thủy triều trong vịnh Thái lan rất thấp, chỉ trên một thước thôi.

Thêm một lẽ nữa, đất miền Nam nhiều nơi có muối, có phèn, lại thấp hơn mực nước trung bình của thủy triều, cho nên các kĩ sư Pháp thời trước *rất thận trọng* trong khi quyết định đào một con kinh, phải tính xem khi đào rồi, nước kinh sẽ chảy theo hướng nào lúc nước lớn, lúc nước ròng và ảnh hưởng tới kinh, rạch, ruộng nương chung quanh ra sao.

Cán bộ của mình không được học, không biết tính toán gì cả[18](#_bookmark48), mạnh làng nào làng ấy đào, chẳng hề xét có hậu quả gì bất lợi cho làng bên hay không; và kết quả nhiều khi trái ngược với ý muốn: muốn rút nước mặn nước phèn mà hóa ra đưa nước mặn nước phèn vào đất của làng mình hoặc làng bên, làm cho ruộng đương tốt hóa xấu, phải bỏ để trồng cỏ lác. Một huyện nọ sống về nghề nuôi vịt phải kiếm nghề khác vì vịt không chịu ở nước phèn.

Người ta đào kinh rất nhiều, miền nào cũng khoe đào được mấy chục con kinh, mấy trăm cây số kinh trong một mùa nắng. Có tốn kém gì đâu. Chỉ cần bắt thanh niên làm xâu, làm càng nhiều càng được tiếng “vinh quang". Tới nỗi có miền dân phải ta thán, đặt ra câu ca dao này:

*Mồ cha thằng Thiệu rời dinh, Để tao ở lại đào kinh suốt đời.*

Đầu năm 1978 hay 1979 người ta bắt dân ở tỉnh An giang đào một con kinh theo biên giới Miên.

Kinh đào khá rộng khá sâu, đất đào lên dùng để đắp con đê theo bờ kinh phía Cao miên. Đắp đê đâu phải là việc dễ, phải trải từng lớp đất nện kĩ rồi mới trải lớp sau, đắp xong lại phải cấy cỏ, tưới thường cho nó sống. Đằng này người ta chỉ có việc khiêng đất tới, chất lên, nện sơ sơ cho xong việc. Như vậy một trận mưa lớn cũng đủ cho đê sụp từng chỗ và tới mùa nước lớn, làm sao đê chống nổi luồng nước lụt từ Miên đổ xuống, đê sẽ rã, đất sẽ trôi xuống lấp kinh. Tôi không biết hiện nay kinh và đê đó ra sao.

Tập cho thanh niên lao động chân tay, góp sức vào việc kiến thiết quê hương là điều tốt, nhưng người ta phí sức dân quá, coi thường mạng dân quá. Dân do đó thấy tủi cho thân phận mình: trong thời chống Pháp, chống Mĩ, dân hi sinh cho anh em kháng chiến, bây giờ bị coi như nô lệ.

Có ai làm thống kê xem trong bốn năm nay dân miền Nam này bỏ biết bao tài sản, sinh lực, nhân

mạng vào những việc thủy lợi, khai hoang đó mà kết quả được bao nhiêu không? Miền Nam dân đông quá, hai mươi lăm triệu là ít, mà cái gì nhiều thì cũng hóa rẻ.

###### *Công nghiệp*

Xí nghiệp quốc doanh nào cũng lỗ nặng. Người ta không hề tính sản xuất một hóa phẩm phí tổn mất bao nhiêu, bán ra được bao nhiêu, lời hay lỗ. Cứ việc sản xuất, lổ cũng không sao, bán không được thì bắt dân tiêu thụ hoặc đổ đi.

Một kĩ sư ở Nga về đã trên mười năm, năm 1976 vào tham quan các xí nghệp lớn miền Nam bảo tôi rằng cảm tưởng đầu tiên và mạnh nhất của ông ta là các xí nghiệp trong này chú trọng đến cái "profit" (lời) quá. ông ta không hiểu nổi đó là một điều tự nhiên. Một cơ quan xuất bản, một tờ báo của chính quyền có lỗ cũng không sao, vì công việc đó có mục đích giáo dục quần chúng, không có tính cách thương mãi. Nhưng sản xuất một món hàng để xuất khẩu mà không tính lời, lỗ thì kinh tế làm sao đứng vững được.

Ngay như một tổ hợp vận tải trong nước mà lỗ hoài thì cũng phải dẹp tiệm, vì hết vốn, không có tiền mua xe mới để thay thế xe cũ.

Từ bia, nước ngọt, đến tôm cá, đồ hộp như khóm, màn trúc, quần áo may sẵn, đồ sơn mài... bất kì món gì, mới đầu phẩm còn kha khá, sau cứ mỗi ngày một tệ, bị ngoại quốc gởi trả về. Bia, nước ngọt có hồi bị trả về nhiều quá, bán cho công nhân viên không hết, tung ra bán cho dân, nhà nào cũng một tuần lễ được mua một hai lần; kì cục nhất là đường thì thiếu cho dân dùng mà nước ngọt thì dân tha hồ uống.

Tôi hỏi một người bà con ở Hà nội, họ bảo ở Bắc cũng vậy: công nghiệp mỗi ngày một xuống dốc. Những năm đầu (1955-1960), xe đạp chế tạo còn tốt, bây giờ tồi quá, dùng chưa đầy sáu tháng đã hư một vài bộ phận, lốp đã bể. Xe đạp là thứ cần thiết nhất, phổ thông nhất trong nước, mà như vậy thì những máy móc khác mới ra sao?

Nguyên nhân rất nhiều: quản lí dở, thiếu kĩ thuật gia giỏi - những kĩ sư giỏi không được dùng hoặc phải ở dưới quyền một kẻ dốt, có tuổi đảng cao hơn; chương trình, kế hoạch không bao giờ thực hiện được đúng vì thiếu nguyên liệu nhiên liệu, thiếu đủ thứ; vì các cơ quan không phối trí với nhau, chèn ép nhau là khác; vì chính sách làm chủ tập thể, máy móc không ai săn sóc, vật liệu không ai tiếc, tha hồ phí phạm, nhiều khi ăn cắp nữa; không có tinh thần trách nhiệm, ai cũng làm việc tà tà; lương ít quá, không đủ sống, mà siêng năng cũng chẳng được lợi gì, sáu năm mới lên một bực, lương tháng thêm mười đồng, mua được hai tô phở hay một kí đường.

Ngoài Bắc đã có câu:

*Làm thì đói, nói thì no, bồ thì sướng, bướng thì chết.*

trong Nam lại thêm câu:

*Làm cho lắm tắm không quần thay, làm lai rai ngày thay ba bộ.*

Đảng cộng sản là đảng của vô sản, của thợ thuyền, mà công nhân trong các xưởng tinh thần như vậy đó.

Lại còn cái này nữa: sở nào có việc nhờ sở khác giúp, muốn mau được việc, phải hối lộ sở đó; ngay sở công an cũng bị làm tiền. Việc thanh toán tiền nong giữa các sở với nhau rất bê bối! Sở thiếu nợ ỳ ra không chịu trả, sở chủ nợ không thu được, thiếu tiền, phải tạm ngưng hoạt động. Kiện ai?

Quyền của ngân hàng rất lớn. Cơ quan nào thu được bao nhiêu tiền cũng phải nộp ngân hàng, cần rút ra bao nhiêu cũng phải xin ngân hàng; mà ngân hàng có thể từ chối không phát hoặc lấy cớ là không có đủ ngân khoản nên chưa phát. Vì vậy cơ quan nào cũng làm thân với ngân hàng, mua quà cáp tặng nhân viên ngân hàng, đãi đằng họ... Xứ nào, thời nào mà chẳng vậy: kẻ giữ tiền mới thực sự làm chủ.

Các công ti công tư hợp doanh cũng lỗ vì công với tư rất khó hợp tác với nhau: công làm chủ thì tư tà tà, mà công thì quản lí rất dở, kĩ thuật rất kém, nghi kị tư, bao nhiêu quyền lợi, ôm lấy trọn.

Công ti tư doanh chỉ đứng được ít năm rồi cũng phải đóng cửa vì chính phủ cho số lời ít quá, thu thuế nặng quá, nhất là vì thiếu nguyên liệu, nhiên liệu. Như Công ti Giấy Bảo lộc (trong đó tôi có ít cổ phần nhờ xin rút được tiền ngân hàng để giúp trong việc sản xuất) hoạt động được hai năm thì miền Bảo lộc bị hạn chế điện, mỗi ngày máy chỉ chạy được 4 giờ buổi tối; rồi thiếu tre để làm bột giấy; chính phủ tự ý tăng giá tre bán cho công ti mà không cho tăng giá giấy bán cho chính phủ, rốt cuộc công ti lỗ, phải tặng hết tài sản cho chính phủ (tôi cũng đã tặng cổ phần của tôi, trị giá hai tnệu đồng cũ).

Các tổ hợp làm tiểu công nghệ của tư nhân như tổ hợp làm màn trúc, tranh sơn mài, đan áo, thêu, may áo... lây lất sống được là may, đa số phải ngưng hoạt động vì xuất khẩu không được, bán trong nước cũng không được.

Một ông bạn tôi mới cho hay chính quyền đã phải nhận rằng sức sản xuất của mình lúc này kém quá , có ngành chỉ được 5% , ngành nào phát triển nhất cũng chỉ được 30% khả năng thôi. Thế thì biết đời kiếp nào mới xây dựng xong xã hội chủ nghĩa?

Đã không sản xuất mà còn phá tài nguyên trong nước: phá rừng thông trên núi, rừng phi lao ở bờ biển, phá cả vườn cao su để lấy củi (bán ở Sài gòn), dùng mìn và đồ rà điện để bắt cá lớn cá nhỏ trong sông rạch (cá linh còn nhỏ bằng đầu đũa mà đã bắt để bán ở Long xuyên), bắn thú và chim, không có luật gì ngăn cấm cả. Làm chủ tập thể, nên không ai cấm ai được. Do đó nước mình trước kia tự hào là tiền rừng bạc bể mà nay đứng vào hàng mười nước nghèo nhất thế giới, có người nói vào hàng áp chót trên thế giới nữa. Lợi tức trung bình mỗi năm tính theo đầu người chỉ được 50 Mĩ kim,

hai phần trăm của Nhật.

1. PHÂN PHỐI

Nắm hết sự phân phối là nắm hết ngoại thương, nội thương. Tôi chưa được đọc một tạp chí nào về kinh tế xuất bản trong nước - có thứ đó hay không, tôi cũng không biết nữa - nên không rõ tình hình ngoại thương nước nhà mấy năm nay ra sao, nhưng chắc chắn là không tốt đẹp được. Nghe nói mình nợ của nước ngoài nhiều lắm rồi.

Xuất cảng chỉ còn than đá, xi măng, cao su, - hơn hay kém trước tôi không biết - những hàng lặt vặt như bia, đồ hộp, tranh sơn mài, tôm... thì không đáng kề, mà mỗi năm một suy như đã nói ở trên.

Nhập cảng cũng rất ít vì thiếu ngoại tệ, cho nên thứ gì cần lắm như xăng, nhớt, bột mì, máy móc mới bất đắc dĩ phải nhập khẩu; ngay đến dược phẩm cũng đành chịu thiếu thốn.

Thiếu ngoại tệ vì hai lẽ: không có gì để xuất khầu; ngoại quốc giúp, đầu tư vào nước mình rất ít.

Nên kể thêm một nguyên nhân nhỏ nữa: cả triệu kiều bào ở ngoại quốc (Pháp, Mĩ, Tây đức, Canada, Nhật...) không muốn gởi tiền về giúp gia đình, họ hàng vì hối xuất chính thức thấp quá so với giá trên thị trường tự do. Một quan Pháp theo hối xuất chính thức chưa được 0,8 đồng (đầu năm 1980) thêm tiền thưởng của chính phủ nữa chỉ được 1,5 đồng, mà trên thị trường đen thì được 6 đồng. Cho nên Việt kiều mua đồ (vải, thuốc tây, thực phẩm, cả xà bông, bút bi...) gởi về cho thân nhân, thân nhân dư dùng thì đem bán, một món giá một quan Pháp có thể bán được ít nhất là 3 đồng, có khi được 4-5 đồng, 10 đồng theo luật cung cầu. Từ đó phát sinh ra nạn buôn lậu ; buôn lậu nhiều quá hóa ra buôn công khai ở chợ trời.

Năm 1981 nạn thiếu ngoại tệ và quí kim đã tới mức trầm trọng nên chính phủ đã phải dùng những biện pháp rất gắt để cấm tư nhân trữ những thứ đó.

###### *Đánh tư bản*

Hồi 30-4-75, ai cũng biết tư bản sẽ bị đập, thương mãi bị dẹp. Cho nên khi chính quyền ra lệnh các nhà buôn, nhà kinh doanh có môn bài, cửa tiệm phải đăng kí (kê khai), còn những thứ hàng nào, mỗi thứ bao nhiêu, giá bao nhiêu... (các người cho thuê nhà cũng phải khai) thì những người thức thời làm bản kê khai rồi tặng chính phủ. Dĩ nhiên ai cũng giấu một số nhiều hay ít đề phòng thân. Một nhà xuất bản khá lớn có nhà in riêng, có nhiều cao ốc cho Mĩ mướn, con đã đi ngoại quốc hết từ trước ngày 30-4-75, đem hiến hết cho chính phủ... và được chính phủ cho lại một ngôi nhà khá để ở, và họ được sống yên ổn.

Trái lại, một nhà xuất bản và nhà sách khác lớn hơn nhiều, tin rằng mình làm ăn đứng đắn, quen nhiều nhà văn cách mạng, sẽ được yên, nên chỉ tặng chính phủ một phần nhỏ tài sản thôi và rốt cuộc mất gần hết nhẵn mà lại phải đi cải tạo mấy năm. Trong mấy ngôi nhà chứa hằng triệu cuốn sách, hằng

vạn nhan đề, thế nào nhân viên kiểm kê chẳng kiếm ra được vô số cuốn thuộc loại phản động, đồi trụy hay lạc hậu, và như vậy có cớ để tịch thu tài sản rồi.

Một hai nhà khác làm việc phát hành bị bắt giam và tịch thu gia sản trước hết vì bị trù từ trước. Nhưng một nhà khác cũng phát hành lớn lại được tương đối yên ổn nhờ trước có giúp kháng chiến kha khá.

Riêng tôi tuy cũng mang danh nhà xuất bản nhưng chỉ tự xuất bản một số rất ít (khoảng 1/10 những tác phẩm của tôi thôi, làm ăn có tính cách tiểu công nghệ - tôi viết, nhờ nhà khác in, rồi vợ chồng tôi bán lấy, bán tại nhà cho các nhà sách lớn và mấy nhà phát hành ở Sài gòn, không mướn một người làm công nào; lại thêm tác phẩm của tôi đứng đắn, được chính phủ cho là tiến bộ, cho nên được yên thân, không bị kiểm kê, mà lại được phép bán hết những sách còn lại trong kho, trừ mỗi một bộ - Văn học T.Q. hiện đại - mà sở Thông tin văn hóa không cấm, chỉ bảo "để xét lại" Tôi hiểu "để xét lại" có nghĩa là gì rồi, nên vài năm sau tôi xé bìa, bán cho "ve chai" hoặc dùng để đun bếp.

Tôi không kinh doanh, chỉ ghi lại như trên biện pháp của chính quyền đối với ngành sản xuất, ngành mà tôi được biết ít nhiều, nhưng chắc các ngành khác thì cũng vậy.

Chiến dịch kiểm kê đầu tiên để đập tư bản xảy ra cuối năm 1976. Chính phủ đã chuẩn bị kĩ lưỡng, dùng rất nhiều sinh viên, thanh niên, nhốt họ trong trường hay cơ quan, không cho về nhà, không cho tiếp xúc với người ngoài, dạy cho họ trong một tuần (?) cách thức kiểm kê ra sao, phát giác những chỗ giấu đồ ra sao - nhất là vàng, kim cương - của bọn tư bản. Thành phố xôn xao dữ dội, nhất là Chợ lớn, người nào hơi có máu mặt cũng lo lắng, tìm cách giấu đồ, di tản đồ có giá, vì mình tuy làm ăn lương thiện hay chẳng làm ăn gì cả, ki cóp suốt đời được mươi lạng vàng để dưỡng già, nhưng nếu có kẻ nào ghét, tố cáo bậy, nhà bị xét "các ông ấy" tịch thu hết thì lấy gì để sống? Vì không có chỉ thị rõ ràng gì cả. Đột xuất mà. Tùy các ổng hết. Trong cơn bão tố, ai biết được sét đánh vào đâu?

Cũng có xảy ra vài vụ oan ức: chỉ là trung thương hạng bét, bán mắm hay nước mắm gì đó mà cũng bị kiểm kê. Còn thì hầu hết đều là bọn đại tư bản ở Chợ lớn và khu thương mãi Sài gòn. Nghe nói ở Chợ lớn có nhà bị tịch thu hằng ngàn lượng vàng và vô số kim cương không sao đếm xuể, cứ thồn vào trong bao cột lại, không biết có cân, có niêm phong hay không. Sau vụ đó, một số người bỗng hóa ra giàu. Hậu quả là tài sản của giới này chuyển qua giới khác một phần lớn, chính phủ được hưởng một phần nhỏ.

Từ trước, thực dân Pháp và các chính quyền Việt đều biết Hoa kiều nắm hết, lũng đoạn nền kinh tế Việt nam (bài báo đầu tiên tố cáo nạn đó là của Đào Trinh Nhất viết trước 1935); nhưng nhà cầm quyền tự xét dẹp không nổi, sẽ làm xáo trộn kinh tế quá, thà để yên họ làm ăn mà lợi dụng họ còn hơn, nên họ được ung dung làm giàu, gởi tiền về Trung hoa; bây giờ chính quyền cách mạng mới quyết tâm đập họ, họ bái xái chứ vẫn còn sinh lực. Tất cả các tiệm lớn ở Chợ lớn, Sài gờn và các tỉnh bị đóng

cửa, hàng hóa, của cải bị tịch thu, nhưng họ cũng đã giấu, dời được một số và số này lần lần xuất hiện ở chợ trời.

Kết quả lần đầu đó được khả quan nhưng chưa được mãn ý, hai năm sau - 1978 - chính phủ đập một vố nữa: kiểm kê lại những nhà đã kiểm kê rồi, cả những nhà đã trả môn bài, cống hiến một phần gia sản, xem họ còn giấu gì không. Lần này kết quả không tốt đẹp lắm mà hình như có trường hợp lạm quyền, chủ nhà gởi đơn khiếu nại tới trung ương và một hai năm sau, cứu xét xong, được thu hồi những gì đã bị tịch thu trái phép.

###### *Chợ trời*

Các tiệm lớn bị đóng cửa càng nhiều thì chợ trời càng phát đạt, càng đông, có đủ mặt hàng. Tất cả các tỉnh, các quận, đâu có buôn bán là đó có chợ trời. Chỉ cần nửa thước vuông bày mươi món hàng, nhưng cũng có những cái sạp lớn bán những đồ quí giá. Và cũng có những người cầm trong tay một chiếc đồng hồ, một cái áo đứng ở lề đường mời người mua. Cảnh sát lại đuổi thì họ chạy đi, cảnh sát đi khỏi rồi thì họ tụ trở lại, y như một bầy kiến bị ném một cục đá. Lâu lâu chính phủ dùng xe căm nhông chặn trước chặn sau, tuôn thanh niên xuống gặp thứ gì hốt thứ đó. Ít bữa sau, đâu lại vào đó. Họ đông quá, nhiều người thất nghiệp quá, phải kiếm ăn cách đó. Những người khác cũng thất nghiệp ở nhà buồn, ngày ngày đi dạo chợ trời, ngó kẻ mua người bán, đi hết một vòng chợ Bến thành và Chợ cũ thì vừa hết một buổi, qua được một ngày. Cho nên chợ trời luôn luôn đông như chợ phiên.

Chợ trời giúp cho cách mạng được nhiều: cán bộ ngoài Bắc vào mua đồng hồ, máy thâu thanh, ti vi, tủ lạnh, xe đạp, giầy dép, qưần áo...; cán bộ trong Nam được phân phối nhu yếu phẩm nào dư dùng cũng đem bán chợ trời (từ lon sữa đến gói thuốc, chiếc áo thun...) để mua một vật gì khác ở chợ trời, vì còn tiệm nào bán nữa đâu, mà những cửa hàng mậu dịch của chính quyền đã thiếu đủ thứ, tiếp khách lại như đuổi khách, không ai muốn vào.

Khi tịch thu một cửa tiệm, những món nào chính phủ không dùng mới đem bán cho dân: cũng treo bảng, dùng vài cô bán hàng, nhưng bán độ nửa tháng hết hàng, phải dẹp. Mà những hàng đó cũng ngang giá chợ trời.

Có một hồi, chính quyền thành phố Hồ Chí Minh cương quyết quét sạch chợ trời, bắt người ta đi kinh tế mới để thành phố bớt dân đi. Nhưng ai cũng biết chính phủ làm không nổi. Được một hai tháng rồi lần lần chợ trời lại mọc ra, mới đầu rụt rè, sau mỗi ngày mỗi mạnh, tới cái mức hơn trước nữa: chợ trời chẳng phải chỉ chiếm lề đường mà chiếm nửa đường xe chạy, có chỗ chiếm trọn đường, bít hẳn một khúc vài ba trăm thước (khu chợ Tân định), xe buýt phải đi vòng lối khác.

Tới mức đó thì chính quyền đành chịu thua. Chỉ có một cách dẹp chợ trời là kiếm công ăn việc làm đủ sống cho dân; đó là bổn phận của chính phủ, mà chính phủ làm không nổi: có thể nói 70-80%

dân Sài gòn và các thị xã thất nghiệp, kẻ nào may mắn được làm công nhân viên hoặc ở trong một tổ hợp sản xuất, gia công (nghĩa là nguyên liệu chính phủ cung cấp, mình chỉ làm công thôi) thì không ai đủ sống, công việc lại không có đều đều, cũng kể như bán thất nghiệp. Vậy thì đành phải để người ta xoay xở, buôn bán bậy bạ, kiếm cơm cháo cho gia đình chứ. Vả lại chợ trời chẳng những giúp cho cán bộ như trên tôi đã nói, mà còn giúp cho chính phủ nữa: cơ quan nào cần cái gì thì cứ ra chợ trời, từ chiếc quạt máy, cái máy tính, dụng cụ y khoa, thuốc tây, đến cây bút bi... nếu không mua ở chợ trời thì mua ở đâu?

Từ khi trung ương ra lệnh "không ngăn sông cấm chợ", chợ trời được thể, phát triển càng mạnh.

Riêng ở thị xã Long xuyên (nội ô) nó phát gấp mười trước, đầy nghẹt các đường ở khu chợ, bán cả những đồ lậu từ Thái lan qua (đồng hồ điện tử có lẽ của Nhật bán kí lô: một kí lô 37 chiếc chỉ phải đổi ba chỉ vàng). Cứ một tiệm lớn bị dẹp mấy năm trước thì bây giờ mọc ra cả chục cái sạp. Trước có 10 tiệm thuốc tây, bây giờ có 120 sạp thuốc tây ở chợ trời. Tháng 8-1981 chính quyền mới ra lệnh dẹp hết các sạp thuốc tây, bắt họ phải mở tiệm, có dược sĩ kiểm soát để khỏi bán đồ giả. Phải có vốn lớn mới thuê nhà, mở tiệm, mướn dược sĩ được - nếu có đủ dược sĩ - như vậy là trở về chế độ tư bản trước 1975 rồi. Cái vòng lẩn quẩn. Tôi đã nói môn kinh tế là môn khó khăn nhất.

###### *Phân phối nhu yếu phẩm*

Việc phân phối nhu yếu phẩm cho nhân dân, chính quyền thành phố Hồ Chí Minh giao cho phường. Ở tỉnh, dân không được, chỉ cán bộ mới được phân phối, nên việc đó giao cho các cơ quan.

Năm 1975 trong nước còn nhiều sản phẩm nên mỗi tháng mỗi người dân ở thành phố được mua đủ gạo ăn, một hay nửa kí đường, một ít thịt cá, xà bông, dầu lửa... Mới đầu giá những vật đó chỉ hơi thấp hơn giá chợ một chút, nhưng sau vì đồng tiền mất giá, giá ngoài chợ tăng lên hoài mà giá chính thức bán cho dân không tăng bao nhiêu, nên giá chợ có lúc bằng 5, bằng 10 giá chính thức.

Sở dĩ chính quyền không thể tăng giá chính thức được vì nếu tăng thì phải tăng lương công nhân viên tăng giá lúa thu mua của nông dân, sẽ xáo trộn kinh tế.

Năm 1979, sản phẩm trong nước cạn dần, chính phủ phân phối cho dân được rất ít: gạo, bo bo, mì sợi may ra còn được đủ, còn những thứ khác thì năm thì mười họa mới được một chút ít (ba bốn tháng không có đường, bột ngọt, diêm quẹt được một hộp, vải một năm được 2 thước, rồi 1 thước, 6 tấc mỗi người...) Công nhân viên được ưu đãi dăm tháng được 25 gam bột ngọt, mỗi tháng được vài ba lạng thịt; nhưng hạng cán bộ cao cấp có tiêu chuẩn riêng, có "bìa"[19](#_bookmark49), thì được phân phối quá đầy đủ.

Đó là chính sách chung của các nước trong phe chủ nghĩa xã hội. Coi cuốn *J'ai Choisi la Liberté của Kravchenko* (sách đã dẫn) và cuốn *Ombres Chinoises* của Simon Leys (Union générale d'éditeurs - Paris, 1975) chúng ta thấy Việt nam y hệt Nga và còn thua Trung hoa một bực. Ở Trung

hoa, Mao chia giới cán bộ thành *30 cấp* (thời Chiến quốc, Trung hoa chỉ có 10 cấp thôi, theo sách tả truyện), mỗi cấp có tiêu chuẩn, đặc quyền riêng: y phục chia làm 3 hạng: hạng cao nhất may toàn bằng hàng tốt, áo có 4 túi, thức ăn chia làm 5 hạng. Cán bộ lớn thì phè phỡn, còn sinh viên chỉ được hai chén bột lỏng (trang 187). Vậy là Mao một mặt đả phong kiến, mạt sát Khổng Tử, hủy hết các giá trị nhân bản, cả nền văn hóa cổ, nhưng một mặt lại giữ các thói, tục phong kiến, trọng sự tôn ti hơn thời cổ nữa. Đọc báo tôi thấy mỗi lần có cuộc hội họp của các nhân vật quan trọng bất kì về một việc gì: đưa đón mộl sứ thần, khai mạc một cuộc triển lãm, điếu một đồng chí... tòa soạn cũng chép đủ các chức vụ của các nhân vật từ trên xuống dưới, mặc dầu những chức vụ đó có độc giả nào mà không biết. Và mỗi khi một vị mấy tháng trước ở địa vị thứ ba chẳng hạn, bây giờ bị sắp xuống hàng 4 thì dân chúng thì thầm, bàn tán, tìm lí do.

Chính phủ lại bắt dân hùn tiền lập hợp xã xã ttêu thụ nữa. Hộ nào cũng phải mua ít nhất là một cổ phần 5 đồng ngân hàng. Mới đầu còn bán vài chục món hàng không thuộc loại nhu yếu phẩm; từ 1979 thì gần như chỉ bán bầu, bí, nhiều nhất là rau muống, giá rẻ hơn ngoài chợ một chút nhưng phẩm kém.

Mỗi năm tính lời một lần, số lời đem “tặng" chính phủ một phần lớn, còn bao nhiêu chia cho xã viên, nhưng không cho rút ra, mà chẳng được bao nhiêu, nên không ai xin rút ra. Cuối năm 1979, hợp tác xã phường tôi tuyên bố mất một cái máy tính, cả ngàn bao ni lông v.v... Ai thường cho xã viên đây?

Cách thức phân phối rất bất tiện cho dân. Khi có nhiều món hàng tới một lúc, phường phân phối cho mỗi hộ bao nhiêu thì hộ phải mua hết, cả những món không dùng tới, không thì không được mua món nào cả. Không được lựa chọn. Có hồi tháng nào cũng phải mua mấy chục viên đá lửa, kim chỉ, thuốc tháo dạ...

Thịt tới 12 giờ trưa, cũng kêu dân đi mua, cá tới hồi 11 giờ khuya, cũng đánh thức dân dậy. Các công sở lớn có hợp tác xã riêng. Giữa giờ làm việc, xe chở cá (thường là cá biển) tới, công nhân viên xách giỏ, ùa ra lựa cá rồi đem ngay lại máy nước trong sân tranh nhau rửa, làm cá; xong rồi mới trở về phòng làm việc, có người đem thẳng về nhà, nghỉ luôn buổi đó. Tôi nhớ lại những buổi dân làng tôi hồi xưa chia nhau thịt heo, thịt bò. Vui thật là vui.

##### Giáo Dục - Văn Hóa

1. GIÁO DỤC

Chính quyền rất coi trọng giáo dục, mở rất nhiều nhà trẻ, trường học từ mẫu giáo tới đại học. Giáo dục mới đầu hoàn toàn miễn phí[20](#_bookmark50), do đó có vẻ rất bình đẳng. Ở đại học, sinh viên nào cũng được trợ cấp mỗi tháng 18 đồng, tuy không đủ, nhưng cũng đỡ cho cha mẹ. Dĩ nhiên phải như vậy, nếu không thì không ai cho con học đại học được.

Các đồng bào thiểu số cũng được dạy dỗ như người kinh, đó cũng là điểm đáng khen nữa.

Trẻ em được cưng nhất, được coi là cháu bác Hồ. Nhà trẻ nào cũng đẹp, có vườn rộng. Tại khu tôi ở, trên đường Nguyễn Văn Trỗi (xưa là Trương Minh Giảng), hai nhà trẻ ở cách nhau có vài trăm thước, đều rộng rãi, mát mẻ; hồi mới mở, đi ngang qua tôi còn thấy mươi trẻ em và vài cô giáo, một năm sau không thấy bóng trẻ nữa. Cha mẹ không muốn gởi con, vì chúng không được săn sóc kĩ, mà thuê một người già giữ giùm. Ở Hà nội có những tư nhân chuyên giữ trẻ tại nhà mình, mỗi trẻ phải trả mười, mười mấy đồng một tháng. Có phúc nhất là được ông bà nội hay ngoại trông nom cho. Nhiều bạn già của tôi phải làm "Vú đực” giữ cháu. Cái gì quốc doanh cũng không bằng tư doanh.

Chỉ vì lương cán bộ ít quá, đói thì ai mà hăng hái cho được.

Mỗi thị xã có một cung thiếu nhi. Đúng là một cái cung: rộng lớn, lộng lẫy ở giữa một khu vườn trồng nhiều cây cao, bóng mát.

Các trường mẫu giáo mọc ra như nấm. Riêng thị xã Long xuyên đầu năm 1975 chỉ có dăm trường, thì năm 1980 có tám chục trường (kể cả ngoại ô)[21](#_bookmark51). Điều đó dễ hiểu. Trẻ em là mầm non của quốc gia, trẻ lại dễ uốn, tương lai của chế độ ở trong đám đó, cho nên cần phải đào tạo kĩ, khắp.

Và người ta dạy phải ghi ơn bác Hồ trước hết. Sau ngày 30-4-75 mấy tháng, một cô giáo hỏi các em một lớp mẫu giáo ở Long xuyên:

* Ai nuôi nấng các em?

Chúng nhao nhao lên, vui vẻ đáp:

* Thưa cô, ba má. Cô giáo bảo:
* Không phải. Bác Hồ nuôi chứ không phải ba má.

Và cô chỉ hình bác Hồ cho chúng coi. Chúng tiu nghỉu, chẳng hiểu gì cả. Bác Hồ là ai? Chúng đã gặp lần nào đâu? Có bồng bế chúng lần nào đâu? Có mua kẹo bánh cho chúng đâu? Cha mẹ các em đó nghe con kể vậy, bất bình, có người không cho con tới lớp nữa. Họ không hiểu đường lối cách mạng, lạc hậu quá.

Họ không hiểu chế độ ta là chế độ tập thể, cá nhân phải tách gia đình để sống trong cơ quan, gia đình không quan trọng bằng đoàn thể, vậy thì trẻ thoát li gia đình càng sớm càng tốt, vợ chồng sống xa nhau càng nhiều càng tốt; ở Bắc vợ chồng làm việc ở hai tỉnh, vài tháng mới gặp nhau một lần là chuyện thường. Lí tưởng là trẻ mới sinh ra, được xã hội nuôi thay cha mẹ, dạy cho tới khi thành người, thành cán bộ. Lí tưởng đó chưa biết bao giờ mới đạt được. Hiện nay cán bộ vẫn phải cần có đại gia đình, có cha mẹ trông nom con cái cho, nấu ăn cho, làm nhiều việc trong nhà cho, vì ở tập thể họ thấy không thích bằng ở nhà riêng; cho con vô nhà trẻ không bằng có cha mẹ săn sóc cho. Nhà tôi ở Long

xuyên không năm nào không giữ giùm một vài đứa trẻ, con của mấy đứa cháu đảng viên cán bộ. Thiếu nữ Hà nội trong giới phong lưu những năm trước thế chiến, khi kiếm chồng chỉ đặt một điều kiện: Phi cao đẳng bất thành phu phụ; Thiếu nữ ngày nay đặt tới năm điều kiện mà họ gọi là 5B: Bằng cấp, Bìa, Buồng, Bà, Bình bịch, nghĩa là có bằng phó tiến sĩ, có sổ riêng của hạng cán bộ cao cấp để mua nhu yếu phẩm, có buồng riêng, vợ chồng không phải ở chung với một gia đình khác trong một phòng ngăn đôi tại cơ quan, có bà nội hay ngoại làm bếp, giữ con cho, và có xe máy dầu (Honda, Vespa...) mà ngoài Bắc gọi là xe bình bịch. Tôi không biết phụ nữ các nước xã hội chủ nghĩa khác có đòi nhiều như vậy không, nhưng đọc sách báo, tôi thấy họ cũng không muốn sống tập thể mà ước ao có một “ổ ấm" riêng, như phụ nữ các nước tư bản.

Khi mới mở thêm trường mẫu giáo nào, cô giáo phải đi năn nỉ từng nhà gởi con tới học. Em nào nghỉ lâu quá mà không cho hay thì cô giáo phải đích thân tới tận nhà hỏi xem vì lí do gì. Cô nào chán dạy, xin thôi thì hiệu trưởng phải tới nhà năn nỉ đừng thôi; họ cũng cứ thôi, thôi nhiều quá. Kì khai giảng 1980-1981, Long xuyên có khoảng 100 cô giáo mẫu giáo thôi dạy mà thị xã chỉ đào tạo cấp tốc được 70 cô[22](#_bookmark52); niên khóa 1981-1982 cần 100 cô, chỉ có 15 đơn xin dạy.

Học mẫu giáo một hai năm, sáu tuổi lên cấp I, năm năm sau lên lớp 6, cấp II, khỏi thi. Lên lớp 10, cấp III thì phải thi.

Năm 1975, một giáo viên cấp I ở Bắc vào cho tôi hay trong cả 3 cấp đó, giáo viên giờ học nào cũng phải tuần tự theo đúng 5 bước: bước 1: ổn định lớp trong 2 phút; bước 2: kiểm tra bài cũ 10 phút; bước 3: giới thiệu bài mới 1 phút; bước 4: giảng bài mới 20 phút; bước 5: củng cố bài mới, tức tóm tắt lại cho học sinh hiểu rõ, dễ nhớ. Năm bước đó từ xưa nhà giáo nào cũng biết, cũng theo, chỉ khác là không bị khép vào thời điểm: bước 2 và 4 có thề dài ngắn tùy môn.

Điều lạ lùng nhất là người ta còn bắt buộc:

* Cùng một ngày đó, một giờ đó, tại khắp các trường (ít nhất là cấp I) trong nước từ Lạng sơn đến Cà mau phải dạy cùng môn đó, cùng một bài đó, cùng trong một sách đó.
* Hơn nữa, trong một giờ học đó, tới phút nào đó, các giáo viên toàn quốc cũng phải làm những công việc đó, hỏi lại bài cũ chẳng hạn, rồi tới phút nào đó lại nhất loạt làm công việc sau, chẳng hạn giảng bài mới...;
* Cùng một trường, các giáo viên dạy cùng một lớp phải họp nhau cùng soạn bài với nhau cho ngày hôm sau để cùng đặt những câu hỏi như nhau khi hỏi lại bài cũ, cùng giảng những điều như nhau khi dạy bài mới...

Tôi hỏi giáo viên cấp I ở Bắc vào đó:

* Thế lỡ hôm đó thầy giáo một lớp nào đau, nghỉ thì sao?

sao?

Đáp:

* Có người thay. Lại hỏi:
* Ở trong Nam này miền Tây nhiều nơi vào giữa mùa lụt trường phải tạm đóng cửa nửa tháng thì
* Tôi không biết. Ti giáo dục ở tỉnh sẽ giải quyết. Tôi lại hỏi:
* Ỏ Nga, Trung hoa có vậy không?
* Đó là chính sách của Nga, mình theo họ, không biết Trung hoa có theo không.

Tôi nghĩ bụng: những chỉ thị vô lí như vậy, ai mà thi hành triệt để được, sẽ thành "lettre morte"

như người Pháp nói thôi. Và quả nhiên năm 1981 nó đã thành như vậy.

Nhà giáo đó lại còn cho tôi hay: sách giáo khoa mà sai - và vẫn thường sai - chẳng hạn bảo Sài gòn nằm trên bờ sông Cửu long thì tất cả các giáo viên cũng phải dạy sai như vậy, không được phép sửa; rồi báo cáo lên ti, ti lên bộ. Chỉ có bộ mới có quyền sửa sai, và phải hai ba năm sau, in sách mới, người ta mới sửa.

Tôi thấy kì cục quá, không tin nổi, năm sau hỏi một giáo sư đại học Hà nội, ông xác nhận là đúng: cái gì bộ giáo dục in thì phải coi là pháp điển, phải tuân theo triệt để. Nhưng ông ta lại nói thêm: một trường cấp Il nọ gặp trường hợp đó cho phép giáo viên muốn dạy theo sách cũng được, muốn dạy đúng sự thực cũng được; cấp trên có hỏi, ông ta sẽ trả lời và chịu trách nhiệm.

Tôi hỏi:

* + Như vậy thì cứ dạy đúng sự thực?
  + Chỉ có một số ít thôi, còn đa số theo đúng sách, không dám sửa.

Tôi hiểu chính sách của người ta rồi: luyện tinh thần kỉ luật, làm tiêu ma óc phán đoán, ý chí cá nhân; và tôi không trách một đứa cháu tôi ở Hà nội, một cán bộ cao cấp vào hạng trí thức, năm nay trên 60 tuổi, có tú tài Pháp hồi thế chiến thứ nhì mà không có một chút tinh thần phê phán nào hết, trên nói sao thì tin vậy, đúng như người Pháp nói; có thể "avaler touts sorts de couleuvres".

Muốn vô đại học thì sức học không quan trọng bằng lí lịch. Gần đây một hiệu trưởng ở Hà nội có uy tín, được sinh viên trọng, phải nhường ghế cho người khác vì ông ta có lương tâm, thí sinh điểm cao mới cho vô học, lại công bố số điểm của mỗi thí sinh nữa, bị cấp trên trách là không có lập trường giai cấp. Còn ở Nam thì một ông bạn tôi làm ở ti giáo dục thành phố Hồ Chí Minh bảo chính phủ sắp

các thí sinh thành 12 thành phần: *thành phần 12 thấp nhất gồm con ngụy quân, ngụy quyền hạng nặng*; rồi tới *thành phần* ***1*** *gồm con ngụy quân ngụy quyền hạng trung*, cha còn đương "cải tạo"; cao hơn một cấp là con ngụy quân ngụy quyền hạng nhẹ, con đại tư bản v.v..., cao hơn nhiều là con lao công, thợ thuyền, cao nhất là con gia đình cán bộ hay hệt sĩ... Tôi nhớ đại khái như vậy. Những thí sinh thuộc thành phần 12, 11, 10 thì dù học giỏi cũng không được chấm bài, đừng thi vô ích. Vì vậy mà trên tôi đã nói: giáo dục chỉ có vẻ bình đẳng thôi. Một cán bộ giáo dục ở Hà nội mới phàn nàn với tôi: con mình học giỏi, có tên trong danh sách được tuyển đi học ở Nga, mà không chạy chọt thì già đời cũng không được đi.

Có nơi thí sinh không có quyền lựa trường. Tỉnh cần bao nhiêu sinh viên trong ngành nào thì chỉ cho thi vào những ngành đó lấy đủ số thì thôi.

Ở Đại học và Cao đẳng, sinh viên ăn ở tập thể, được nhà trường nuôi, nhưng vẫn phải xin cha mẹ mỗi tháng từ 100 đến 200 đồng để mua thêm thức ăn. Ra trường chắc chắn được bổ dụng, số lương cao nhất mới đầu chỉ vào khoảng 60 đồng (từ 1980 trở về trước, giữa 1981 mới tăng lên). Thủ trưởng bắt làm gì cũng phải làm: cán sự điện tử mà làm lao công, dược sĩ mà giữ kho... Một đứa cháu tôi học lớp 11 được khen là tiên tiến mà muốn bỏ học, tập bán chợ trời, cha mẹ khuyên bảo gì cũng không nghe, đáp: "Dù con có học 5-6 năm nữa thì cũng chỉ tốn tiền ba má, mà tốt nghiệp ra, làm kĩ sư thì cũng không đủ ăn, tối về vẫn phải đạp cyclo để kiếm thêm, thôi thì tập buôn bán hay lao động từ bây giờ lại hơn."

Vì tất cả những lẽ trên, ở Nam thanh niên chán học, số học sinh lớp 12 kém xa năm 1974 như trên tôi đã nói.

Một điểm tấn bộ là chính quyền mở nhiều lớp bổ túc văn hóa cho công nhân viên, cán bộ. Dạy buổi tối, mỗi tuần học hai buổi, mỗi buổi 2 giờ. Có đủ các cấp I, II, III. Vài cán bộ y sĩ, dược sĩ bốn năm chục tuổi, thời kháng chiến không được học, nay học bổ túc từ lớp tư, lớp năm; đêm nào cũng học, một năm lên 2, 3 lớp.

Học xong mỗi khóa phải thi. Nhưng thi rất dễ. Nghe nói có thầy đọc câu trả lời cho thí sinh chép, vì bắt những cán bộ mấy chục tuổi đảng thi lại hoài thì cũng kì, mà lại bị cấp trên trách là không biết dạy. Tiện hơn hết là cho đậu bừa đi. Ai cũng biết đó chỉ là hình thức. Có dược sĩ trình độ mới tới lớp tư, học rút trong hai năm hết lớp 10, như vậy đủ rồi. Một nhân viên công an cấp cho tôi giấy phép đi đường một tháng mà đề từ 31-1 đến 31-2-1980.

1. VĂN HÓA

Một trong những công việc đầu tiên của chính quyền là hủy tất cả các ấn phẩm (sách, báo) của bộ Văn hóa ngụy, kể cả các bản dịch tác phẩm của Lê Quí Đôn, thơ Cao Bá Quát, Nguyển Du; tự điển

Pháp, Hoa, Anh cũng bị đốt. Năm 1976 một ông thứ trưởng Văn hóa ở Bắc vào thấy vậy, tỏ ý tiếc

Nhưng ông thứ trưởng đó có biết rõ đường lối của chính quyền không, vì năm 1978, chính quyền Bắc chẳng những tán thành công việc hủy sách đó mà còn cho là nó chưa được triệt để, ra lệnh hủy hết các sách ở trong Nam, trừ những sách về khoa học tự nhiên, về kĩ thuật, các tự điển thôi; như vậy chẳng những tiểu thuyết, sử, địa lí, luật, kinh tế, mà cả những thơ văn của cha ông mình viết bằng chữ Hán, sau dịch ra tiếng Việt, cả những bộ Kiều, Chinh phụ ngâm... in ở trong Nam đều phải hủy hết ráo.

Năm 1975, sở Thông tin văn hóa thành phố Hồ Chí Minh đã bắt các nhà xuất bản hễ sách nào còn giữ trong kho thì phải nạp hai hay ba bản để kiểm duyệt: sau mấy tháng làm việc, họ lập xong một danh sách mấy chục tác giả phản động hay đồi trụy và mấy trăm tác phẩm bị cấm, còn những cuốn khác được phép lưu hành.

Nhưng đó chỉ là những sách còn ở nhà xuất bản, những sách tuyệt bản còn ở nhà tư nhân thì nhiều lắm, làm sao kiểm duyệt được? Cho nên sở Thông tin văn hóa ra chỉ thị cho mỗi quận phái thanh niên đi xét sách phản động, đồi trụy trong mỗi nhà để đem về đốt. Bọn thanh niên đó đa số không biết ngoại ngữ, sách Việt cũng ít đọc, mà bảo họ kiểm duyệt như vậy thì tất nhiên phải làm bậy. Họ vào mỗi nhà, thấy sách Pháp, Anh là lượm, bất kì loại gì; sách Việt thì cứ tiểu thuyết là thu hết, chẳng kể nội dung ra sao. Họ không thể vào hết từng nhà được, ghét nhà nào, hoặc công an chỉ nhà nào là vô nhà đó.

Một nhóm ba thanh niên cũng xin vào xét tủ sách của tôi. Nhà tôi tiếp họ, hỏi:

* + Các cháu học ở đâu? Có đọc sách ông Nguyễn Hiến Lê không? Một người học Đại học, đáp có đọc sách tôi. Nhà tôi bảo:
  + Nhà này là nhà ông Nguyễn Hiến Lê đấy. Họ vội vàng xin lỗi rồi rút lui.

Lần đó sách ở Sài gòn bị đốt kha khá. Nghe nói các loại đồi trụy và kiếm hiệp chất đầy phòng một ông chủ thông tin quận, và mấy năm sau ông ấy kêu người lại bán với giá cao.

Lần thứ nhì năm 1978 mới làm xôn xao dư luận. Cứ theo đúng chỉ thị “ba hủy", chỉ được giữ những sách khoa học tự nhiên, còn bao nhiêu phải hủy hết, vì nếu không phải là loại phản động (*một hủy*), thì cũng là đồi trụy (*hai hủy*), không phải phản động, đồi trụy thì cũng là lạc hậu (*ba hủy*), và mỗi nhà chỉ còn giữ được vài cuốn, nhiều lắm là vài mươi cuốn tự điển, toán, vật lí... Mọi người hoang mang, gặp nhau ai cũng hỏi phải làm sao. Có ngày tôi phải tiếp năm sáu bạn lại vấn kế.

Mấy bạn tôỉ luôn nửa tháng trời, ngày nào cũng xem lại sách báo, thứ nào muốn giữ lại thì gói riêng, lập danh sách, chở lại gởi nhà một cán bộ cao cấp (sau đòi lại thì mất già nửa); còn lại đem bán kí lô cho "ve chai" một mớ, giữ lại một mớ cầu may, nhờ trời.

Một luật sư tủ sách có độ 2.000 cuốn, đem đốt ở trước cửa nhà, chủ ý cho công an phường biết.

Rồi kêu ve chai lại cân sách cũng ngay dưới mắt công an.

Ông bạn Vương Hồng Sển có nhiều sách cổ, quí, lo lắng lắm mà cũng uất ức lắm, viết thư cho sở Thông tin văn hóa, giọng chua xót xin được giữ tủ sách, nếu không thì ông sẽ chết theo sách.

Một độc giả lập một danh sách các tác phẩm của tôi mà ông ta có trong nhà, đem lại sở Thông tin hỏi thứ nào được phép giữ lại, nhân viên Thông tin chẳng cần ngó tên sách, khoát tay bảo: Hủy hết, hủy hết.

Bà Đông Hồ quen ông Giám dốc thư viện thành phố, bán được một số sách cho thư viện, tặng thư viện một số khác với điều kiện được mượn đem về nhà mỗi khi cần dùng tới.

Tôi nghe lời khuyên của một cán bộ Văn hóa, làm đơn xin sở Thông tin văn hóa cho tôi giữ tủ sách để tiếp tục làm việc biên khảo, đơn đó ông bạn cán bộ đem thẳng vô ông chủ sở, ông này chỉ đáp miệng rằng tôi là nhân sĩ thành phố, cứ yên tâm. Họ có thói việc lớn, việc nhỏ gì cũng không trả lời bằng thư, sợ lưu lại bút tích mà chịu trách nhiệm.

Ít tháng sau tình hình dịu lần rồi yên, không nhà nào bị kiểm kê. Chính quyền bảo để xét lại và một năm sau, nạn "phần thư" kể như qua hẳn[23](#_bookmark53). Tủ sách của tôi không mất mát gì cả, nhưng từ đó tôi không ham giữ sách nữa, ai xin tôi cũng cho.

Ngành báo chí và ngành xuất bản, chính quyền nắm hết vì coi đó là những công cụ giáo dục quần chúng. Ở Sài gòn chỉ thấy bán vài tạp chí Nga, Ba lan, tư nhân muốn mua dài hạn phải đăng kí trước ở sỏ Bưu điện. Một người cháu tôi từ Pháp gdi về cho tôi một tờ Nouvel Oservateur (của khối cộng), số đó bị chặn lại. Nghe nói tờ Humanité của đảng cộng sản Pháp cũng không được bán trong nước.

Tôi chưa thấy một cuốn sách Nga hay Trung hoa nào bán ở Sài gòn, trừ mấy cuốn về Lénine, về khoa học đã được dịch ra tiếng Việt. ở các thư viện Hà nội có thể có sách bằng Nga văn hay Hoa văn nhưng chỉ cán bộ mới được phép coi, mà cán bộ trong ngành nào chỉ được coi về ngành đó thôi. Cũng có người đọc lén được.

Sau ngày 30-4-75, tôi muốn tìm hiểu cách mạng Nga từ 1917 đến 1945, nhờ mấy bạn cách mạng tìm sách cho, họ bảo chính họ cũng không được đọc vì không thấy một cuốn nào cả. Sau tôi mới biết rằng loại đó ngay ở Nga cũng không ai được phép viết. Như vậy kiến thức hạng trí thức ngoài đó ra sao, ta có thể đoán được. Một nhà văn hợp tác với viện khoa học xã hội lại nhờ tôi giới thiệu cho mươi nhà văn, học giả giỏi tiếng Anh và tiếng Việt dể dịch cho viện bộ Bách khoa tự điển Anh gồm 25 cuốn, mà phải dịch gấp vì đó là chỉ thị của một ông "bự". Tôi bảo có 50 nhà dịch cũng không nổi vì phải tạo hằng ức danh từ mới (riêng ngành Informatique trong 30 năm nay đâ có một vạn thuật ngữ rồi); mà ví dụ có dịch nổi thì cũng phải mất ít nhất mười năm mới xong; xong rồi lại phải dịch lại hoặc

bổ túc rất nhiều vì lỗi thời mất rồi: ở Anh, mỗi năm người ta sửa chữa, bổ túc, in lại một lần; rồi lại phải bỏ cả chục năm nữa, không biết có in xong được không. Xong rồi, bán cho ai, ai đủ tiền mua? Cán bộ Văn hóa vào hàng chỉ huy mà dốt tới mức đó!

Tháng 4-1980, có một thông cáo cấm kiều bào hải ngoại gởi một số đồ nào đó về cho thân nhân trong nước, như quần áo cũ, các thực phẩm đóng hộp, các thuốc tây không có prospecties cho biết cách dùng, trị bệnh gì..., mà chỉ cho người ta một thời hạn không đầy một tháng để thi hành. Kẻ nào thảo thông cáo ra quyết định đó không hề biết rằng những gia đình có thân nhân là kiều bào ở những nơi xa xôi, hẻo lánh khắp thế giới, phải viết thư cho họ thì họ mới biết mà thi hành chỉ thị được; và ở thời này, thư máy bay từ Sài gòn ra Hà nội mất có khi một tháng (trường hợp của tôi), từ Sài gờn qua Pháp, Gia nã đại mất hai tháng, có khi bốn tháng. Báo chí vạch điểm đó ra cho chính quyền thấy, họ mới gia hạn cho thêm 5 tháng nữa. Trị dân mà không biết một chút gì về tình cảnh của dân cả. Họ có vận dụng trí óc của họ không?

Còn hạng nông dân ngoài Bắc thì khờ khạo, ngớ ngẩn so với nông dân trong này không khác gì một người ở rừng núi với một người ở tỉnh. Mấy anh bộ đội bị nhồi sọ, trước 1975 cứ tin rằng miền Nam này nghèo đói không có bát ăn, sau 30-4-75, vô Sài gòn, lóa mắt lên, mới thấy thượng cấp các anh nói láo hết hoặc cũng chẳng biết gì hơn các anh.

Một anh bộ đội đi xe đò từ Long xuyên lên Sài gòn nghe hai chị bình dân miền Nam nói với nhau lên Sài gòn sẽ mua xe tăng, máy bay, tàu chiến... mỗi thứ vài chục cái; anh ta hoảng hồn, tới trại kiểm soát vội báo cho kiểm soát viên hay có gián điệp trên xe. Chiếc xe phải đậu lại ba bốn giờ để kiểm soát, điều tra rất kĩ, sau cùng mới hay rằng hai chị hành khách đó đi mua máy bay, xe tăng, tàu chiến bằng mủ về bán cho trẻ em chơi. Hành khách trên xe nổi dóa, chửi thậm tệ anh bộ đội; khi xe tới bến Phú lâm, họ còn đánh anh ta tơi bời nữa. Kết quả của nền giáo dục miền Bắc như vậy. Chính một cán bộ nói với tôi: "Càng học càng ngu. Thầy ngu thì làm sao trò không ngu? Nhồi sọ quá thì làm sao không ngu? Có được đọc sách báo gì ngoài sách báo của chính quyền đâu thì còn biết chút gì về thế giới nữa?"

Một cán bộ khác cho tôi hay ở Hà nội người nào có được 50 cuốn sách là nhiều rồi. Anh ta mới thấy ba trong số 9 tủ sách của tôi đã bảo nhà tôi nhiều sách như một thư viện. Nhà bác học Sakharov trong một bài báo tôi đã dẫn, bảo ở Nga không có đời sống tinh thần (vie intellectuelle). Chúng ta có thể tin lời đó được.

Trước 1975, thấy cuốn nào in ở Bắc cũng từ 10.000 bản trở lên, có thứ 30.000, 100.000 bản, tôi và các bạn tôi phục đồng bào ngoài đó ham đọc sách. Bây giờ tôi hiểu lí do. Hà nội mỗi năm xuất bản không biết được 100 nhan đề không (trong này, thời trước được khoảng 1.000 nhan đề); sách được gởi đi khắp nơi không có sự cạnh tranh, mà ai cũng "đói sách"; lại thêm nhiều sách có mục đích bổ túc cho

sách giáo khoa, nhất là loại dạy chính trị, như vậy in nhiều là lẽ dĩ nhiên. Sách bán rất rẻ, nên cuốn nào viết về văn học, sử học mới ra cũng bán hết liền. Mấy năm nay, giấy khan, in ít, sách vừa phát hành đã bán chợ đen ở Hà nội, không vào được tới miền Nam; những cuốn như lịch sử tỉnh Vĩnh phú, ngay cả bộ Hồ Chí Minh toàn tập, ở Long xuyên không làm sao kiếm được một bản, các cơ quan giáo dục cũng không mua được. Trái lại bộ Lê Nin toàn tập giấy rất tốt, thì ở khắp miền Nam bán chạy veo veo; người ta mua về để bán kí lô.

Tóm lại, chính sách là chỉ cho dân được nói theo một chiều, trông thấy một hướng; nên chỉ một số rất ít giữ được tinh thần phê phán, nhưng chẳng thi thố được gì, sống nghèo khổ, bất mãn.

##### Y Tế

Tại các nước tiên tiến ở Tây phương, trung bình cứ 1.000 dân có một bác sĩ; mà họ cho là còn thiếu, phải tăng gấp đôi số bác sĩ mới đủ. Ở miền Nam nước mình, trước 1975 khoảng 10.000 dân có một bác sĩ, mà đa số làm việc ở thành thị, thành thử nông thôn có nơi 20.000 dân mới có một bác sĩ. Như vậy bất công, sức khỏe nông dân không được săn sóc, họ phải dùng thuốc bắc, thuốc nam do các thầy lang bốc cho.

Tình trạng đó chung cho các nước kém phát triển. Trước 1975 tôi được đọc một cuốn của một bác sĩ Âu nghiên cứu các nước đó ở Phi châu. Đại ý ông đề nghị phải đào tạo thật mau nhiều nhân viên y tế cho nông thôn. Cho họ học độ sáu tháng, biết ít điều căn bản về vệ sinh (chà răng, nấu nước trước khi uống, đề phòng một số bệnh như sốt rét, tháo dạ, kiết, nhất là các bệnh truyền nhiễm), biết băng bó, chích thuốc và biết dùng 5-6 chục thứ thuốc thông thường.

Dân trong ấp, xã bị bệnh thì lại họ trước, họ không trị được thì đưa ngay lên quận; quận có bác sĩ đa khoa, trị không được thì đưa ra tỉnh; tỉnh có bác sĩ chuyên khoa, đủ dụng cụ, đủ thuốc... Lần lần nhân viên y tế nông thôn vừa làm việc vừa học thêm, có thể lãnh trách nhiệm quan trọng hơn, đưa lên giúp việc ở quận.

Chính sách đó rất hợp lí và chính quyền mình cũng đã áp dụng nó. Đó là một điểm tấn bộ.

Nhưng vì chiến tranh, nhân viên y tế các cấp của mình đa số ít được học, nên chúng ta thấy những y sĩ (y sĩ Bắc có quyền ra toa, nhưng kém bác sĩ một bực), học chỉ tới lớp năm (hết cấp I), chỉ biết dăm chục tên thuốc, không biết đo huyết áp, không biết thế nào là đau mắt hột..., chỉ đáng làm một nhân viên y tế nông thôn thôi. Còn bác sĩ được đào tạo ở Bắc thì xét chung, sự hiểu biết cũng kém xa bác sĩ đào tạo ở Nam.

Thêm cái nạn bác sĩ cũ ở Nam, Trung vượt biên nhiều quá có thể nói cứ mười người thì 5 người đã đi rồi, hai ba người cũng tính đi nữa; số bác sĩ đào tạo ở Sài gòn không được bao nhiêu, thành thử thiếu rất nhiều; các bác sĩ làm tại các dưỡng đường thường phải khám bệnh cho cả trăm bệnh nhân một

ngày. Nhân viên y tế nông thôn cũng thiếu, tinh thần trách nhiệm rất thấp: một huyện nọ người ta tiêm thuốc ngừa dịch tả cho ba người lớn và chín trẻ em thì tám trẻ chết.

Tệ nhất là nạn thiếu thuốc, thiếu cả thuốc đỏ, thuốc tím, do đó sinh ra nạn ăn cắp thuốc, ra toa cho người không có bệnh để họ bán thuốc chợ đen. Có nơi có cả một tổ chức chặt chẽ từ trên xuống dưới để ăn cắp thuốc như vậy và nhiều bác sĩ, y sĩ miền Nam đã bị nhốt khám. Ở Bắc, một số báo Nhân dân đầu tháng 8-1981 cũng kêu ca về nạn đó.

Cũng may mà có hằng trăm ngàn kiều bào ớ ngoại quốc gởi thuốc về giúp thân nhân, nếu không sức khỏe của dân sa sút không biết tới đâu.

Vì không thể trông cậy ở khoa châm cứu được: đa số các thầy châm cứu chỉ mới được học 5-6 tháng, không có kinh nghiệm mà chính khoa đó hiệu quả cũng rất hạn chế. Người ta rêu rao rằng, châm cứu trị tuyệt được bệnh loét bao tử, bệnh trĩ v.v..., kiên nhẫn theo người ta bốn năm tháng, rốt cuộc tiền mất, tật mang.

Thuốc bắc kiếm không ra vì không được nhập cảng, mà thuốc nam (gọi là thuốc dân tộc) cũng không có đủ. Nhà Võ Văn Vân không bào chế nhiều thứ thuốc nữa vì thiếu dược liệu hay vì không có lợi? Báo chí có hồi rầm rộ khen rau dấp cá trị được bệnh trĩ, mà đã có nhà nào nấu cao rau dấp cá cho dân chưa? Tôi đã uống thử, thứ rau đó không phải là thần dược như người ta khoe.

Tệ nhất là nạn thiếu vệ sinh. Ai cũng biết y tế phải lo vấn đề vệ sinh cho dân trước hết; nhưng vì thiếu tiền, thiếu nhân viên (mặc dầu nhiều cơ quan khác dư nhân viên), hoặc vì chính sách, đường lối, nên từ cơ quan tới đường sá, tư gia, đâu đâu cũng dơ dáy. Sau ngày 30-4-75, khẩu hiệu "*Nhà sạch, đường sạch*" được dán ở khắp đường phố Sài gòn, và ở các tỉnh, thị xã nào cũng sạch sẽ được dăm sáu tháng; rồi từ đó mỗi ngày mỗi dơ. Nhiều cơ quan nuôi gà, heo ngay trong phòng của họ và từ trên lầu thượng họ trút nước dơ xuống đường. Phòng bệnh nhân trong các bệnh viện hôi hám không chịu nổi; phải bịt mũi khi đi tới gần cầu tiêu. Không có lao công lo việc vệ sinh, các y tá phải thay phiên nhau lau chùi hành lang, họ làm lấy lệ, lau xong vẫn như chưa lau; còn trong phòng thì gia đình bệnh nhân phải quét dọn lấy, ai nấy chỉ lo chỗ thân nhân mình nằm thôi. Ngay giữa thị xã Long xuyên, bên hông tu viện cũ của Thiên Chúa giáo - nay là một cơ quan gì đó - người ta phóng uế đầy đường. Có chỗ dân bỏ kinh tế mới mà về, ăn ngủ ngay trên lề đường, phóng uế ngay chỗ đông người mà cảnh sát ngó lơ.

Gần cuối kế hoạch năm năm đầu tiên (1976-1980), người ta làm một "chiến dịch" vệ sinh để "dứt điểm" và người ta lựa ngay khu sạch sê nhất trong thị xã làm “thí điểm", phái một nhóm đi xịt thuốc DDT cho từng nhà; thuốc đã pha loãng nhiều rồi mà lại chỉ xịt vài phòng tối, vài bụi cây thôi. Không cần xem xét chỗ chứa rác, cầu tiêu. Thế là xong chiến dịch, có thể báo cáo lên trung ương là đã dứt điểm.

dở.

Chính sách, đường lối tuy đúng mà thiếu người, thiếu phương tiện, thiếu tinh thần thì cũng hóa

##### Tư Pháp

Từ năm 1975, trường luật bị bãi bỏ. Sinh viên luật có thể xin chuyển qua ngành kinh tế, ra làm

các ngân hàng. Nhưng đa số bỏ học, làm phu khuân vác, đạp xích lô. Một ông ngoài năm chục tuổi ngồi xe, nghe người thanh niên đạp xe nói chuyện với bạn gặp giữa đường, biết họ là bạn trường luật với nhau, vội vàng đòi xuống xe, trả tiền cả cuốc, rồi đi bộ về nhà. Sinh viên đạp xe đó năn nỉ khách lên ngồi, ông nhất định không chịu, không nhẫn tâm để một trí thức đạp xe cho mình. Cậu ta bảo: "Như vậy là bác giúp cháu có cơm ăn mà", ông ta cũng cớ lắc đầu nguây nguẩy rồi rảo bước đi.

Đó là chuyện năm 1975. Nay thì thanh niên trí thức làm đủ các việc lao động rồi, bổ củi mướn, chở cát, vác gạo..., không ai ngạc nhiên, mà cũng không ai thương hại cho họ nữa, họ dễ dàng kiếm được vài ba chục đồng một ngày mà lại tự do, chứ làm thư kí ngân hàng 40 đồng một tháng thì sống sao nổi. Vả lại lao động là vinh quang mà. Nữ sinh viên thì bán thuốc lá rời hoặc quần áo cũ ở lề đường.

Trong Nam trước 1975 chưa có bộ luật mới, tạm dùng bộ luật cũ. Còn ớ Bắc bỏ luật cũ mà không có luật mới (nghe nói năm 1981 người ta mới tính thảo bộ luật mới), không có trường luật thì tôi không hiểu người ta dạy xử án ra sao.

Năm 1975 có lần tổ chúng tôi họp để xử một người trong tổ mắc một tội nào đó tôi không nhớ. Ông tổ trưởng đề nghị hai cách trừng trị: một là bắt người đó bồi thường, nếu không bồi thường được thì tịch thu tài sản; hai là bắt người đó đi cải tạo một thời gian. Cách nào được nhiều người đồng ý thì theo cách đó.

Khi phường có tòa án nhân dân rồi (năm 1978?) thì để tòa xử. Một "ông tòa" là học trò cũ của một bạn tôi. Tôi hỏi cậu ta: "*Cháu xử theo luật nào*?" Cậu ta cười, đáp: *Cháu đặt ra luật để xử - Thực vậy sao? - Dạ, bây giờ ai đặt luật cũng được. Vì có bộ luật nào đâu?*

Cũng có luật sư do chính quyền chỉ định để bênh vực cho bị cáo. Luật sư ăn lương, theo nguyên tắc không được nhận thù lao của thân chủ. Nhưng một người bà con tôi đậu cử nhân luật thời tiền chiến, năm 1970 làm thị phó Hải phòng, rồi hồi hưu, được làm luật sư, bảo tôi nếu giúp đỡ được nhiều cho thân chủ thì người ta cũng đền công mình, và mối năm được vài ba vụ, cộng với số tiền lương, gia đình ông sống phong lưu.

Chính phủ bênh vực giai cấp vô sản; hạng bần dân dù bị tội nặng cũng xử nhẹ - trừ tội phản động dĩ nhiên. Những vụ ăn trộm, ăn cắp thì luôn luôn cảnh cáo qua loa rồi thả, bảo người đi thưa: "Người ta nghèo nên phải ăn trộm, anh có của thì anh phải giữ. Muốn bỏ tù người ta thì anh phải nuôi cơm".

Nếu trong khi bắt kề trộm, lỡ tay đánh nó bị thương thì mình có lỗi, chứ kẻ trộm không có lỗi.

Có lẽ vì vậy mà 5-6 năm nay gần như không nhà nào trong tổ tôi không bị ăn trộm, ngay ông tổ trưởng cũng mấy lần bị mất xe đạp, máy thâu thanh. Tôi còn bị trộm nhiều hơn nữa. Còn việc bẻ trộm trái cây, bắt trộm gà vịt thì rất thường, tới nỗi không ai muốn trồng trọt, chăn nuôi gì cả.

Một ông tổ trưởng có một vườn măng cụt, sầu riêng, chôm chôm ở Lái thiêu, huê lợi trước 1975 rất khá, mà năm 1978 phải bỏ vì nạn ăn cắp. Đó là một nguyên nhân kinh tế suy sụp, của công bị mất cắp, ngân hàng bị thụt két.

Một người khác có một vườn trồng mấy trăm gốc chuối, chỉ trong một đêm chúng hạ hết những buồng nào gần ăn được. Dừa, nhãn, xoài, đu đủ... đâu đâu cũng vậy. Cứ kể như mình phải chia cho chúng một nửa huê lợi thì mới được yên thân. Tôi không hiểu ở Bắc ra sao và như vậy rồi sẽ đi tới đâu.

Hiến pháp vẫn trọng quyền tư hữu nhỏ, nhưng đảng còn trọng lập trường giai cấp hơn. Giai cấp được trọng nhất là giai cấp đảng viên, như giai cấp quí tộc đời Chu ba ngàn năm trước: họ phạm một tội gì như ăn cắp, hối lộ, ức hiếp dân, giết dân v.v... thì đảng xét xử trước, nếu cần mới đưa họ ra tòa; thường thì chỉ cảnh cáo họ thôi chớ không đưa ra tòa; tòa không được bắt giam họ, trừng trị họ (trừ vài trường hợp đặc biệt) nếu không được phép của đảng. Giai cấp yên thân nhất là giai cấp vô gia cư, vô nghề nghiệp.

Tôi nói với một anh bạn học cũ, làm "tòa" - danh từ mới là gì, tôi không biết - rằng đời Chu ở Trung hoa, hình pháp của triều đình chỉ để xử bọn dân đen, còn bọn quí tộc có tội thì họ xử lần nhau bằng "lễ" tức tục lệ riêng của họ. Đó là ý nghĩa câu: *Hình bất thướng đại phu, lễ bất há thứ dân*. Bây giờ ngược lại. Đó là thắng lợi nhất của giai cấp vô sản. Mà có lẻ đó cũng là áp dụng một phần chính sách làm chủ tập thể nữa chăng?

Tôi không được biết hiến pháp đầu tiên của chế độ. Quốc hội đã họp nhiều lần để sửa hiến pháp đó ngay khi quốc gia được thống nhất, nhưng mãi đến 1981, mới ban bố hiến pháp mới, còn bộ luật thì chắc phải đợi nhiều năm nữa.

##### Ngoại Giao

Về ngoại giao nước mình đã đứng hẳn về phe cộng sản. Như vậy các nước tư bản ngại không muốn đầu tư vào Việt nam mà sự phát triển kinh tế sẽ chậm.

Khi Miên, Việt hục hặc nhau ớ biên giới (nghe nói từ đầu năm 1976?) thì tôi đã ngạc nhiên; rồi đầu năm 1979, Trung hoa đem quân tàn phá mấy tỉnh cực bắc của mình thì ai cũng chán nản, kể cả một số bạn của tôi ở Bắc. Thế này thì tình *anh em trong thế giới cộng sản cũng chẳng đẹp gì hơn tình giữa các nước tư bản với nhau* ư?

Luôn trên hai chục năm từ 1950 đến 1974, Trung hoa hết lòng giúp mình thắng thực dân Pháp, rồi Mĩ mà mới ba năm sau khi thắng Mĩ, Hoa Việt đã choảng nhau là nghĩa lí gì? Nguyên do ở đâu?

Có người bảo tại trong hiệp định Paris, mình và Trung hoa, có lẽ cả Mĩ nữa, đã thỏa thuận ngầm với nhau về một điều nào đó rồi mình không giữ lời hứa, nên Trung hoa phải "ra tay" và Mĩ đứng về phía Trung hoa. Có phải vậy chăng? Mà thỏa thuận ngầm đó ra sao?

Có người lại bảo tại mới thắng được Mĩ, mình đã muốn làm chủ cả bán đảo Đông dương, lãnh đạo Miên, Lào thành một cường quốc chặn đế quốc Trung hoa không cho tiến xuống miền Đông nam Á. Còn theo chính phủ thì chỉ tại Trung hoa muốn bành trướng xuống Đông nam Á mà mình không chịu lệ thuộc nên họ xúi Miên phá mình và đích thân quấy rối mình nữa.

Người dân không sao biết được những bí mật ngoại giao, quân sự. Cứ tuân lệnh chính phủ thôi. Và toàn dân phải tuân lệnh chống với kẻ thù cả hai phía: phía tây nam và phía bắc. Một mình không chống nổi với Trung hoa, chúng ta phải nhờ cậy Nga, đứng hẳn về phía Nga, mà Nga vốn bất hòa với Trung hoa từ 1960. Nga bỗng nhiên được những căn cứ quân sự rất tốt ở Đông nam Á và sát biên giới Trung hoa, từ trước không hề mơ tưởng tới, sẵn lòng giúp mình liền. Tránh lệ thuộc Trung hoa thì mình lại lệ thuộc Nga, vậy là bạn ở xa mà kẻ thù ở gần. Lại thêm, khắp Đông Á, từ Nhật bản, Phi luật tân tới Mã lai á, Indonésia, Thái lan không một nước nào không ngại sự Nga có căn cớ quân sự ở miền này, nên có ác cảm rõ rệt với mình. Tôi ngại rồi đây Đông Á sẽ biến thành Tây Á để cho tư bản và cộng sản tranh nhau ảnh hưởng.

Vậy là chiến tranh thứ nhì của dân tộc mình mới chấm dứt được vài năm thì chiến tranh thứ ba đã bắt đầu. Từ cách mạng tháng 8 năm 1945 đến nay đã trên 35 năm rồi, gần như chiến tranh liên miên, bây giờ còn phải chịu họa binh đao mấy chục năm nữa? Khắp thế giới không có dân tộc nào khổ như mình. Công việc kiến thiết quốc gia đành chậm lại nữa, kinh tế sẽ xuống dốc nữa. Trong cuộc hội họp một nhóm giáo sư Đại học ở Hà nội, có người đã phàn nàn: “*Nous payons notre idiotie*"[24](#_bookmark54).

Nghe nói một cán bộ cao cấp ở Bắc việt trong một phái đoàn ngoại giao qua Ý, bỏ phái đoàn mà xin tị nạn chính trị, tuyên bố với thế giới rằng lí do chỉ vì ông ta chán ngán vì thấy Việt nam có một lực lượng binh bị mạnh thứ sáu trên thế giới mà về kinh tế thì đứng vào hàng mười nước nghèo nhất thế giới.

Cao miên và cả Lào thành một gánh nặng cho dân tộc mình. Các thành phố Cao miên vẫn còn vắng hoe, dân tản cư chưa về bao nhiêu, thiếu điện, thiếu nước, chợ búa lèo tèo ít người, nhân viên các cơ quan thì một nửa là người Việt, phải làm hết mọi việc cho người Miên; dân chúng miễn cưỡng theo chính phủ mình chứ 100 người thì cả 100 chỉ mong Sihanouk về. Mỗi ngày Nga đổ vào nước mình sáu triệu rúp hay Mĩ kim (?) thì mình đổ vào chiến trường Bắc việt và Cao miên bao nhiêu?

##### XIII. Tôn Giáo

Về tôn giáo, chính sách của chính phủ là tôn trọng tự do tín ngưỡng, miễn là các giáo phái yên ổn tụng niệm.

Mấy năm đầu có vài sự bất hòa, xung đột nhỏ, dẹp được ngay (bắt một số tu sĩ Công giáo và Phật giáo), và hai ba năm nay chính quyền trả lại chùa chiền cho giáo hội, không dùng làm nơi hội họp nữa; ở vài nơi tín đồ tới chùa khá đông, rất ít đàn ông. Nhiều nhà tu hành hoàn tục để mưu sinh. Cũng có một số vượt biên. Không còn hạng khất sĩ nữa, họ tự giải tán, mỗi người đi mỗi nơi để kiếm ăn.

Có thể nói chính sách của mình cởi mở hơn Trung hoa.

Đảng viên không được theo tôn giáo, cũng không được cúng giỗ tổ tiên, nhưng được phép "tưởng niệm" (sic) mà không đốt nhang, không vái, ai muốn làm giỗ ông bà thì phải đóng cửa làm lén.

## CHƯƠNG XXXI: KẾT QUẢ SAU 5 NĂM

### *“Thất-Bại Trong Hòa Bình”*

Mấy tháng đầu sau ngày 30-4-75, các bạn kháng chiến, già cũng như trẻ, nhất là trẻ, đều có tâm lí chung là hăm hở hưởng thụ sau mấy chục năm gian khổ sống chui, sống nhủi trong rừng, trong bụi, dưới hố dưới hầm. Đành rằng phải bắt tay ngay vào việc kiến thiết, nhưng đã có đường lối sẵn rồi, có kinh nghiệm hai chục năm ở Bắc thì không có gì khó; vả lại đã thắng được Mĩ, thành cường quốc thứ ba trên thế giới, sau Nga và Trung hoa thì có việc gì mà làm không được, chỉ trong 5 năm sẽ tiến bộ, hai chục năm sẽ đuổi kịp Nhật bản về kinh tế.

Muốn kiến thiết thì trước hết phải san phẳng chế độ cũ đã không để lại một dấu vết nào cả. Phải đuổi hết các nhân viên cũ, để anh em cách mạng chia nhau tất cả các chức vụ lớn nhỏ. Phải diệt bọn tư bản, chiếm nhà cửa, tài sản như núi của họ, chia nhau mỗi người một chút. “*Đó là quyền của mình mà!*”

Tóm lại, ai cũng “hồ hởi”, tin tưởng. Chỉ có thủ tướng Phạm văn Đồng là tỏ vẻ ưu tư một chút.

Trong một cuộc hội họp ở Sài gòn, ông bảo các bạn đồng chí: “*Nous avons gagné la guerre, il ne faut pas perdre la paix*” (Chúng ta đã thắng trong chiến tranh, đừng để thất bại trong hòa bình). Ông thấy rằng thắng được địch rồi mới là khởi sự bắt tay vào việc, chưa thể nghỉ ngơi, hưởng thụ được; mà công việc kiến thiết trong thời bình còn khó khăn gấp bội công việc diệt địch. Thời chiến hễ nung được lòng yêu nước của quốc dân rồi, giữ cho lòng đó đừng giảm, quốc dân kiên trì chịu đựng được tớỉ phút chót thì không còn vấn đề gì nữa: thiếu cái gì đã có Nga, Trung hoa cung cấp cho; trái lại trong thời bình mới phải đương đầu với nhiều vấn đề nội bộ, ngoại giao, kinh tế, nhất là kinh tế. Nước ta nghèo, thiếu vốn đầu tư thiếu kĩ thuật gia, khó phát triển kinh tế mau được. Thất bại về kinh tế thì sự nghiệp của cách mạng sụp đổ.

Bây giờ 5 năm sau ngày 30-4-75, hết kế hoạch ngũ niên đầu tiên rồi, chúng ta mới thấy cơ hồ chẳng tiến bộ về một phương diện nào hết mà còn thụt lùi nữa, và ai lạc quan tới mấy cũng phải nhận chúng ta đã bỏ phí 5 năm, và không biết phải mấy năm nữa mới bắt lại được thời gian đã mất đó.

Trong khi ấy thì thế giới cứ vùn vụt tiến tới.

##### Không đoàn kết

Thất bại lớn nhất, theo tôi, là không đoàn kết được quốc dân. Tháng 5-1975, có ít nhất là 90% người miền Nam hướng về miền Bắc, mang ơn miền Bắc đã đuổi được Mĩ đi, lập lại hòa bình, và ai cũng có thiện chí tận lực làm việc để xây dựng lại quốc gia. Nhưng chỉ sáu bảy tháng sau, cuối 1975 đã có đa số người Nam chán chế độ ngoài Bắc, chán đồng bào Bắc. Tôi nhớ như ở phần trên tôi đã nói

năm 1976, trong một cuộc hội nghị ở Sài gòn, bàn về vấn đề thống nhất quốc gia, một học giả lão thành miền Bắc, ông Đào Duy Anh (đã có hồi sống ở Nam nhiều năm, có nhiều bạn thân ở Nam) khi được mời phát biểu ý kiến, chỉ nói mỗi một câu đại ý là thống nhất cái gì cũng dễ; *quan trọng nhất là phải thống nhất nhân tâm* đã. Cả hội trường sửng sốt và làm thinh.

Ông Anh đã nhận xét đúng và dám nói. Quả thực là lúc đó có sự chia rẽ nặng giữa người Nam và người Bắc, Nam đã không muốn thống nhất với Bắc rồi. Từ đó, tinh thần chia rẽ cứ mỗi ngày mỗi tăng, năm nay (1980) có thể nói 90% người miền Nam hay hơn nữa, muốn tách khỏi miền Bắc.

Có nhiều nguyên nhân.

Nguyên nhân chính theo tôi là người miền Bắc vơ đũa cả nắm, coi người Nam là “ngụy” hết, trụy lạc, bị nhiễm độc nặng của Mĩ. Ngay hạng trí thức miền Bắc như ông Đào Duy Anh cũng có thành kiến rằng dân Sài gòn hư hỏng quá rồi Họ chỉ nhìn bề ngoài, chỉ thấy một số thanh niên híp pi, lêu bêu ở ngoài đường; tôi phải giảng cho họ hiểu rằng đó chỉ là thiểu số, chứ đại đa số người trong này ghét Mĩ, ghét văn minh Mĩ, có thể nói gia đình nào cũng có người có cảm tình với kháng chỉến, giúp kháng chiến cách này hay cách khác, nếu không vậy thì làm sao kháng chiến thành công được. Chỉ nội một việc biết người nào đó là kháng chiến mà không tố cáo cũng đủ có công với kháng chiến, chớ đừng nói là còn che chở, giúp tlên bạc, tiếp tay cho nữa. Chỉ trừ một số phản quốc, theo Mĩ, Thiệu triệt để vì quyền lợi, còn thì không có gia đình nào trong Nam là ngụy cả. Một số người yêu nước, có tư cách, mới đầu gia nhập kháng chiến, sau vì lập trường chính trị, phải rời hàng ngũ, về thành, mà không ưa Pháp, Mĩ, hạng đó không nên coi người ta là ngụy. Bọn thanh niên hư hỏng chỉ ở Sài gòn mới có nhiều, mà tỉ số không cao so với những thanh niên đứng đắn.

Người Bắc coi người Nam là ngụy, đối xử với người Nam như thực dân da trắng đối với dân “bản xứ”, tự cao tự đại, tự cho rằng về điểm nào cũng giỏi hơn người Nam, đã thắng được Mĩ thì cái gì cũng làm được. Chỉ cho họ chỗ sai lầm trong công việc thì họ bịt miệng người ta bằng câu: “*Tôi là kháng chiến, anh là ngụy thì tôi mới có lí, anh đừng nói nữa*”.

Chẳng bao lâu người Nam thấy đa số những kẻ tự xưng là kháng chiến, cách mạng đó, được Hồ chủ tịch dạy dỗ trong mấy chục năm đó, chẳng những dốt về văn hóa, kĩ thuật - điều này không có gì đáng chê, vì chiến tranh, họ không được học - thèm khát hưởng lạc, ăn cắp, hối lộ, nói xấu lẫn nhau, chài bẩy nhau... Từ đó người Nam chẳng những có tâm trạng khinh kháng chiến mà còn tự hào mình là ngụy nữa, vì ngụy có tư cách hơn kháng chiến. Và người ta đâm ra thất vọng khi thấy chân diện mục của một số anh em cách mạng đó, thấy vài nét của xã hội miền Bắc: bạn bè, hàng xóm tố cáo lẫn nhau, con cái không dám nhận cha mẹ, học trò cấp II đêm tới đón đường cô giáo để bóp vú...

Thì ra: “**Nhìn xa ngỡ tượng tô vàng...** “

Ngay giữa các đồng chí cũng không có tinh thần đoàn kết: địa phương nào chỉ làm lợi cho địa phương đó, không nghĩ tới quốc gia; cơ quan nào cũng chỉ làm lợi cho cơ quan mình mà không giúp đỡ cho cơ quan bạn; ai nấy chỉ lo cho bản thân mình thôi mà không nghĩ tới đoàn thể. Một ông bạn tôi ở Hà nội vào Sài gòn để đòi số tiền vài cơ quan khác thiếu của cơ quan ông. Tôi ngạc nhiên hỏi: “Đâu phải là xí nghiệp tư mà giữ tiền lại để làm lợi cho mình. Đều là của công hết mà. hễ thu được tiền thì tự nhiên họ trả lại cho cơ quan anh, sao phải vào tận đây để đòi?” Anh bạn ấy đáp: “Nếu họ nghĩ như anh thì còn nói gì?”.

Trong mỗi cơ quan ở Sài gòn cũng có sự chia rẽ. Cùng là công nhân viên cả, mà bọn ở Bắc vô không ưa bọn Liên khu 5; hai hạng đó đều khinh bọn ở bưng trong Nam về; bọn này lại không chơi với bọn trước kia tập kết ra Bắc, nay trở vô Nam; bọn “nằm vùng” cũng không ưa bọn tập kết về đó; bị khinh nhất là bọn ngụy được tạm dùng lại, mà bọn này thạo việc hơn hết. Chỉnh vì thiếu đoàn kết cho nên trong cuộc hội họp nào người ta cũng hô hào “*Đoàn kết, đại đoàn kết*”. Còn ở trong phòng họp thì ai cũng hoan hô tinh thần đoàn kết, ra khỏi phòng rồi thì hết đoàn kết. Người ta chỉ đoàn kết với nhau vì quyền lợi thôi; đo đó mà có tinh thần bè phái, gia đình trị, và ở Bắc có câu này: Nhất thân, nhì thế, tam quyền, tứ chế.

Hễ thân với nhau thì giúp đỡ nhau, công việc gì cũng dễ dàng, chứ cứ áp dụng đúng qui chế thì khó khăn nhất, chậm trễ nhất; người ta lè phè, tà tà, không làm cho mình đâu, nhắc nhở hoài chỉ làm cho người ta thêm ghét. Cờn đâu là tinh thần tập thể nữa?

##### Bất công

Điểm thứ nhì làm cho chúng ta thất vọng là xã hội còn bất công *hơn thời trước nhiều*.

Marx và Lénine muốn tạo một xã hội không có giai cấp, công bằng, bình đẳng. Nhưng Staline cho sự bình đẳng là “không xứng” (indique) với một xã hội theo chủ nghĩa xã hội[25](#_bookmark55), và ở Nga, theo nhà bác học Sakharov (trong một bài báo đã dẫn) thì năm 1972 xã hội đã bất bình đẳng mà còn bất công.

Không còn tình trạng tư bản bóc lột thợ thuyền, nhưng giai cấp lãnh đạo được hưởng rất nhiều quyền lợi còn giai cấp công nhân thì sống thiếu thốn. Cây quạt lương bổng (eventail des salairs) vẫn mở rộng, có phần còn hơn ở các nước tư bản; nói cách khác, lương giữa một viên giám đốc với một thợ không chuyên môn còn cách biệt nhau rất xa, hơn ở phương Tây. Kravchenko trong cuốn đã dẫn cũng phàn nàn rằng các đồng chí “bự” (grosses légumes) sống như ông hoàng, có phòng ăn nêng, thức ăn riêng, tiệm mua dược phẩm riêng, thợ hớt tóc riêng, nhà thương riêng, cầu tiêu riêng... cái gì cũng riêng, và ông ta chua xót thấy cách bóc lột thời ông bất lương hơn cách thời Nga hoàng (trang 525, 105).

Ở nước mình cũng như Nga, không còn cái tệ tư bản bóc lột thợ thuyền; chế độ lương của mình còn hơn Nga là không có sự cách biệt rất xa giữa cấp cao và cấp thấp: công nhân viên mới vô được

khoảng 40 đồng một tháng, kĩ sư mới ra trường được khoảng 55 đồng, giám đốc khoảng 150 đồng, bộ trưởng 200 đồng; nhưng các cán bộ cao cấp cũng được hưởng rất nhiều quyền lợi, tha hồ mua thức ăn, đồ dùng đủ thứ với giá chính thức; nghe nói có trường hợp vợ họ mua về bán chợ đen; và một người Nga hay Đức đã phải bảo lương những cán bộ tuy chỉ có 200 đồng mà sự thực họ được hưởng ít nhất là 2.000 đồng. Thủ tướng Phạm văn Đồng có lần đề nghị sửa đổi chế độ lương bổng: tăng lương cho những cấp trên, nhưng sự phân phối nhu yếu phẩm thì đồng đều; đề nghị đó bị đảng bác bỏ.

Có người nói một số “ông lớn” đi đâu cũng có người hầu xách bình nước sâm Cao li để ông lớn uống thay trà; một ông nọ luôn luôn có một bác sĩ ở bên và một thiếu nữ quạt hầu vì ông không chịu được quạt máy. Tôi không biết những tin đó đúng hay không, chỉ biết những tin đó do “anh em cách mạng” đưa ra cả.

Một ông bạn tôi bảo có vô nhà thương mới thấy có cả chục (sic) giai cấp bệnh nhân, tùy giai cấp mà được ở phòng nào, khám bệnh ra sao, trị bệnh ra sao, cấp thứ thuốc nào v.v…

Người chết cũng phân biệt giai cấp khi đăng cáo phó: cán bộ thường thì được mấy phân trên cột báo, cán bộ bự thì được mười mấy phân; lời cáo phó cũng theo những tiêu chuẩn riêng. Đúng là đường lối Staline.

Sài gòn được giải phóng vài năm thì ta thấy xuất hiện ngay một hạng giàu sang mới nổi, thay thế bọn giàu sang thời Thiệu, và cũng thích những xa xí phẩm (áo hàng thêu, hột xoàn, máy điều hòa không khí v.v...) của thời Thiệu. Tiền đâu mà họ mua những thứ đó nhỉ?

Sự bất công chướng nhất, tàn nhẫn nhất là lương công nhân viên từ 1975 cứ đứng yên trong khi sự phân phối nhu yếu phẩm giảm đi gần hết, chỉ còn gạo, bo bo là tạm đủ, nhất là trong khi mãi lực của đồng bạc năm 1980 chỉ còn bằng 1/10 năm 1975; thành thử lương một công nhân viên chỉ đủ để mua củi chụm, lương một bác sĩ mới ra trường chỉ đủ để mua rau muống ăn. Khắp thế giới không đâu có chế độ lương bổng kì cục như vậy[26](#_bookmark56). Người nào cũng phải bán đồ đi mà xài, nhờ cha mẹ giúp đỡ, nếu không thì phải xoay xở mọi cách, làm sao sống được thì làm, chính phủ không biết tới. Một cán bộ ở Hà nội đã phàn nàn: “*Người ta có rất nhiều quyền hành mà không có một chút tinh thần trách nhiệm nào cả. Thật lạ lùng*!” Kravchenko (trang 185) nói chính phủ Nga bắt dân đói để dân biết phép chính phủ mà phải răm rắp tuân lệnh. Ở nước ta không đến nỗi như vậy, có áp dụng chính sách đó thì chỉ áp dụng cho những kẻ thù của chế độ thôi, tức bọn ngụy quân ngụy quyền còn ở trong một số trại cải tạo.

##### Thiếu kỉ luật

Không ai có trách nhiệm mà tinh thần bè phái quá nặng, nên không có kỉ luật, dưới không tuân trên, loạn.

Chương trên tôi đã nói tới cái tệ mỗi tỉnh là một tiểu quốc, địa phương tự do tới mức không tuân lệnh trung ương (ngay xã cũng không tuân lệnh tỉnh, huyện), lấy lẽ rằng chỉ địa phương mới hiểu tình trạng của địa phương, cấp trên không nên xen vào; cái tệ nhân viên được lệnh đi công tác mà không đi, nằm ỳ ở nhà, một tuần sau trở lại sở, trả sự vụ lệnh mà không bị khiển trách; cái tệ nhân viên muốn bỏ sở về giờ nào thì về, lấy cớ là phải kiếm gạo, chủ nhiệm đành làm thinh, chứ không biết đáp sao.

Tôi kể thêm một trường hợp nữa. Ông giám đốc một cơ quan nọ đến tuổi về hưu, bảo người giúp việc: “Tôi sẽ không về, về thì mất hết quyền lợi: xe hơi, “bìa” (sổ đặc biệt đề mua nhu yếu phầm), nhà ở v.v..., mà còn bị xã ấp nó ăn hiếp, hoạnh họe cái này, cái khác; không, tôi không về,” Một ông giám đốc mà sợ công an ấp vì công an có quyền bắt ai thì bắt, giam ai thì giam. Một viên công an bảo: “Tôi làm việc bốn năm năm rồi, mà bây giờ mới biết quyền hạn của tôi, từ trước tôi muốn làm gì thì làm”.

Vì mất kỉ luật, cho nên thanh niên trốn nghĩa vụ quân sự: ở miền Nam trốn tới 90%, có nơi cả 100% mà vẫn sống yên ổn. Bắt được họ, đưa họ ra mặt trận, họ lại trốn nữa. Không thể giam hoài họ được, gạo đâu mà nuôi? Họ sống yên ổn ngay ở làng vì chỉ cần đút lót cho công an là êm. Còn nạn đào ngũ thì toàn quốc tới 25%. Trước kia người ta hi sinh để giành độc lập; bây giờ độc lập rồi lại đánh nhau với nước anh em, người ta không hăng hái nữa.

Nghe nói ở một tỉnh nọ, viên giám đốc sở tài chánh kiêm giám đốc ngân hàng (?) ôm 60 lượng vàng cùng với 30 viên công an xuống một chiếc tàu của chính phủ, mang theo đầy đủ khí giới (và không biết bao nhiêu lượng vàng nữa) dể vượt biên. Tin đó chưa lấy gì làm chắc nhưng chuyện công an - cây cột chống đỡ chế độ - ôm vàng vượt biên thì mấy năm nay nghe thường quá rồi.

Tinh thần vô kỉ luật đó, không biết một phần có phải do chính sách giáo dục trẻ em không.

Người ta cấm đánh trẻ - điều đó có thể hiểu được - cấm nghiêm khắc với trẻ, chúng nghỉ học thì lại nhà mời chúng đi học; chúng làm biếng thì không bị phạt mà cô giáo bị trách là dạy dở. Kì tựu trường có nơi còn tổ chức múa lân, đốt pháo để dụ trẻ em đi học nữa. Cô giáo nào mời được ít trẻ thì bị rầy. Riết rồi cô giáo ngán dạy quá, cứ tự ý nghỉ bừa, hiệu trưởng phải tới nhà năn nỉ, nếu không thì lỗi ở hiệu trưởng chứ không phải ở cô giáo. Và người ta ngán luôn cả nghề sư phạm: dốt hoặc muốn tránh nghĩa vụ quân sự mới phải thi vô sư phạm.

Kỉ luật như vậy, trẻ em càng được thể làm biếng, sức học rất kém, mà tính ngỗ nghịch (bóp vú cô giáo như trên đã nói) thì quá sức tưởng tượng. Một số cán bộ già ớ Bắc vô nhận rằng trẻ em trong này ngoan ngoãn, lễ phép. Nhưng tôi sợ rằng ít năm nữa, chúng đuổi kịp bạn chúng ở Bắc mất.

##### Kinh tế suy sụp

Sự thất bại hiển nhiên nhất của chế độ là sự suy sụp của kinh tế mà tôi đã trình bày sơ lược ở trên. Hậu quả là Việt nam trước thế chiến tự hào là “tiền rừng bạc bể”, có những đồng lúa, đồn điền

cao su mênh mông ớ miền Nam, những mỏ than, mỏ phốt phát phong phú ớ miền Bắc mà bây giờ thành một trong vài nước nghèo nhất thế giới.

Từ ngày 30-4-75, do những đồng bào ớ Bắc vào, chúng ta ở Nam mới lần lần biết cảnh điêu đứng của dân tình ngoài đó sau hai chục năm sống dưới chế độ mới. Từ trên xuống dưới ai cũng phải ăn độn có khi 60-70%[27](#_bookmark57); có hồi gạo quí tới nổi người ta cất vào trong những cái thố, cái liễn, trân trọng như nhân sâm, chỉ khi nào đau ốm mới lấy ra một nhúm để nấu cháo; ngày tết mà có đủ gạo nấu cơm cúng ông bà là mừng lắm; khi nào được ăn một bữa cơm không độn với nước mắm thôi thì coi như được dự một bữa tiệc. Nước mắm rất hiếm, có người ở Nghệ an hay Hà tĩnh mấy năm không có nước mắm ăn, gặp người trong Nam ra đem theo nước mắm, xin một vài muỗng rồi cầm nuốt ực ngay hết, không đợi đem về nhà.

Bát ăn mỗi người mỗi năm chỉ được một cái, hễ vỡ thì phải ăn bằng sọ dừa. Vải mỗi năm chỉ được phát một hai thước đủ để vá áo. (Ở miền Nam năm 1980, có nơi mỗi người chỉ được 6 tấc.)

Nhiều người vào Sài gòn thăm bà con, khi ra vơ vét đủ thứ, từ cây đinh, khúc dây chì, lon sữa bò, ve chai... đem ra, vì ở ngoài đó thường cần dùng tới mà không kiếm đâu ra. Họ cho miền Nam này là thiên đường. Nhưng một người Ba lan trong ủy ban kiểm soát quốc tế năm 1975 bảo chỉ trong 5 năm, miền Nam sẽ “*đuổi kịp miền Bắc*”, nghĩa là nghèo như miền Bắc. Lời đó đúng, rất sáng suốt.

Nếu không nhờ mấy trăm ngàn kiều bào ở ngoại quốc gởi tiền, thuốc men, thực phấm, quần áo... về giúp bà con ở đây thì chúng ta hiện nay cũng điêu đứng như anh em miền Bắc rồi.

Dân miền Nam từ xưa chưa bao giờ biết đói, phải ăn độn thì năm 1979 đã phải ăn độn 70-80%, có những gia đình phải ăn bữa cơm bữa cháo, có cô giáo và học sinh đói quá, tới lớp té xỉu

Nhà nào cũng bán đồ cũ đi để ăn; nhiều giáo viên nhà đã trống rỗng, không còn bàn ghế nữa, ăn ngủ trên sàn. Ai cũng chỉ lo sao có cái gì nuốt cho đầy bao tử, chứ không dám nghĩ tới miếng ngon. Tết Canh Thân vừa rồi, ở Long xuyên, nhà một giáo viên hồi hưu, trên bàn thờ ông bà chỉ bày một đĩa có mấy chiếc bánh phồng và bánh gai, không có một đòn bánh tét, một quả dưa hấu.

Khổ nhất là bọn đi kinh tế mới, thất bại, tiêu tan hết vốn liếng, về Sài gòn, sống cảnh màn trời chiếu đất, ăn xin, moi các đống rác hôi thối, lượm một miếng giấy vụn, một túi ni lông, một miếng sắt rỉ, một quai dép mủ... để bán cho “ve chai”. Trông thấy đống túi ni lông được rửa qua loa trong nước dơ rồi phơi ở lề đường để bán cho tiểu thương đựng hàng, tôi ghê tởm quá.

Ở Bắc tình hình hiện nay điêu đứng hơn những năm kháng Mĩ. Nghe nói ngoài đó đã xuất hiện câu ca dao[28](#_bookmark58):

*Anh Đồng, anh Duẩn, anh Trinh, Ba anh có biết dân tình cho không?*

*Rau muống nửa bó một đồng*

*Con ăn bố nhịn, đau lòng thằng dân.*

Ở Nam có nơi hai tháng nhân viên chưa được lãnh lương, chắc nhiều gia đình không đủ tiền mua rau muống cho con nữa. Một bạn tôi đã phải ăn nước mắm kho khô.

Không có tiền mua rau thì làm gì có tiền mua thịt. Muốn lâu lâu có thịt thì phải nuôi heo, gà, cho nên nhiều cơ quan ngay khi mới thành lập đã nghĩ ngay đến việc hùn tiền (hay lấy trong quĩ?) mua heo con, phân công nhau nuôi tại khu ở tập thể, như vậy đến lễ, tết mới có thịt liên hoan. Người ta thèm thịt quá, cho nên liên hoan lu bù, bất kì một dịp gì cũng liên hoan được: một bạn đồng nghiệp được ban khen, ngày tựu trường, bãi trường, họp bạn để học tập, ban hành hiến pháp mới, làm xong một công tác, mỗi ngày lễ, tết... mỗi năm liên hoan cả chục lần là ít.

Cơ quan nào cũng có đủ nhà bếp, chén đĩa, xoong chảo, người làm bếp (lựa trong nhân viên) để nấu ăn làm tiệc Và khi ngồi vào bàn tiệc thì chẳng ai mời ai, đợi ai, mạnh ai nấy gắp, ăn cho thật mau (tới nỗi có người bảo cứ nuốt trước rồi sẽ nhai sau!), tệ gấp 10 thói ăn uống ở đình làng mà Ngô Tất Tố đã mạt sát trong cuốn Việc làng.

Nghèo thì sinh ra ở bẩn. Ngay trong khu tập thể một trường Đại học Hà nội, phòng một giáo sư ở Pháp về cũng dơ dáy, từ sàn gạch đến tường đều đầy vết bẩn. Hỏi như vậy làm sao chịu được, ông ta nhún vai đáp: “Lâu rồi quen đi” Không nên trách ông ta. Dù muốn sống sạch cũng không thể được: đâu có vôi để quét tường? đâu có xà bông để rửa sàn? đâu có giẻ để lau? Nước thì có nhưng phải xuống dưới sân để hứng rồi xách lên 5-6 chục bực thang, ai mà không ngại?

Phải, lâu rồi thì quen đi. Nếu tình trạng không thay đổi thì chỉ mươi năm nữa, toàn dân sẽ quen đi, không thấy gì là bẩn nữa. Hiện nay ở trong Nam đã nhiều nhà để bụi đóng đầy bàn ghế - mà trước kia họ sống rất sạch - mạng nhện giăng đầy trần, còn dân thị xã thì đã quen với cảnh bốn năm người cùi nằm trên đường đưa tới chợ, lăn ở giữa chợ để xin ăn.

Câu “nghèo cho sạch, rách cho thơm” của ông cha, chúng ta không giữ được vì chúng ta nghèo tới mức không thể ở sạch được.

### *Xã Hội Sa Đọa*

Điều đáng ngại nhất là sa đọa về tinh thần, tới mất nhân phẩm.

##### Tham nhũng

Ở tỉnh nào cũng có một số cán bộ tham nhũng cấu kết với nhau thành một tổ chức ăn đút ăn lót một cách trắng trợn, không cần phải lén lút. Có giá biểu đàng hoàng: xin vô hộ khẩu một thành phố lớn thì bao nhiêu tiền, một thị xã nhỏ thì bao nhiêu, một ấp thì bao nhiêu. Muốn mua một vé máy bay, vé xe

lửa thì bao nhiêu. Muốn được một chân công nhân viên, phải nộp bao nhiêu... Cái tệ đó còn lớn hơn tất cả các thời trước.

Nếu một cán bộ nào bị dân tố cáo nhiều quá thì người ta cũng điều tra, đưa cán bộ đó tới một cơ quan khác (có khi còn dể kiếm ăn hơn cơ quan cũ), đem người khác (cũng tham nhũng nữa) lại thay. Ít tháng sau dân chúng nguôi ngoai rồi, người ta lại đưa kẻ có tội về chỗ cũ. Người ta bênh vực nhau (cũng là đảng viên cả mà) vì ăn chịu với nhau rồi. Dân thấy vậy, chán, không phí sức tố cáo nữa. Có người còn bảo: “Chống chúng làm gì? Nên khuyến khích chúng sa đọa thêm chứ để chúng mau sụp đổ”.

Có những ông trưởng ti uống mỗi ngày một ve Whisky (tôi không biết giá mấy trăm đồng), hút hai ba gói thuốc thơm 555 (30 đồng một gói). Bọn đàn em của họ cũng hút thuốc thơm, điểm tâm một tô phở 6 đồng, một li cà phê sữa 4 đồng, sáng nào như sáng nấy mà lương chỉ có 60-70 đồng một tháng.

##### Ăn cắp

Như vậy thì tất phải có những vụ ăn cắp của công (Kho một trung tâm điện lực nọ cứ bốn năm tháng lại mất trộm một lần mà không tra ra thủ phạm; rất nhiều bồn xăng bị rút cả ngàn lít xăng rồi thay bằng nước...), thụt két, ôm vàng trong ngân hàng đề vượt biên, có khi lại tạo ra những vụ kho bị cướp, bị cháy v.v... Y tá ăn bớt thuốc của bệnh nhân rồi tố cáo lẫn nhau, giám đốc biết mà không làm gì được. Lớn ăn cắp lớn, nhỏ ăn cắp nhỏ. ăn cắp nhỏ thì chỉ bị đuổi chớ không bị tội, vì “họ nghèo nên phải ăn cắp”, mà nhốt khám họ thì chỉ tốn gạo nuôi. Vì vậy chúng càng hoành hành, ăn cắp, ăn cướp giữa chợ, cảnh sát làm lơ, còn dân chúng thì không dám la, sợ bọn chúng hành hung. Ăn cắp lớn, không thể ỉm được thì phải điều tra, bắt giam ít lâu rồi nhân một lễ lớn nào đó, ân xá; không xin ân xá cho họ được thì đồng đảng tổ chức cho vượt ngục rồi cùng với gia đình vượt biên yên ổn.

##### Buôn lậu

Nạn “phe phẩy” (buôn lậu, làm chợ đen) còn bành trướng hơn nữa. Có thể nói một phần ba dân miền Nam (ở Bắc chắc ít hơn) làm nghề đó. Họ móc nối với những nhân viên kiểm soát, với giới xe đò; và cứ năm chuyến bị tịch thu một chuyến thì họ vẫn còn sống được. Chỉ có nghề đó là đủ ăn, đôi khi phè phỡn nữa, còn làm nghề gì khác cũng sạt nghiệp. Bọn “lơ xe” bán vé cho bọn buôn lậu đó, giấu hàng cho họ, kiếm mỗi ngày được 200 đồng, bằng lương tháng một bộ trưởng. Dĩ nhiên họ cũng phải chia một phần cho công an, kiểm soát viên. Họ hút toàn thuốc thơm, uống toàn cà phê fin (filtre: lọc), ăn một tô phở 6 dồng (giá 1980), bận toàn đồ Mĩ. Người ta gọi họ là các “ông lơ”. Một đứa cháu của tôi học lớp 9, vào hạng tiên tiến, thấy họ sống sung sướng như vậy, muốn bỏ học để học làm lơ xe, cũng bắt đầu hút thuốc lá, uống cà phê rồi.

Ngoài Bắc không có gạo ăn mà miền Tây trong Nam làng nào cũng có cả chục lò - nghe nói có làng cả 100 lò - nấu rượu lậu để đưa lên Cao miên và tiêu thụ ngay trong miền. Người ta pha vào trong rượu một chất hóa học gì đó - thuốc trừ sâu - cho nồng độ của rượu cao; uống rất có hại.

Người ta nói đã có những vụ buôn lậu thuốc phiện; nếu có thì cũng nhỏ thôi, kém xa thời Mĩ, Thiệu. Nhưng đồ lậu như vải, thuốc thơm, thuốc tây... thì khoảng một năm nay lan tràn thị trường: tàu Thái lan đậu ngoài khơi, ghe tàu của mình từ bờ băng ra, đưa vàng ra đổi các thứ đó, cả đồng hồ điện tử từ Singapore hay Nhật bản nữa.

Lại thêm dọc biên giới Việt - Miên, Miên - Thái có nhiều đường buôn lậu từ Thái qua Miên rồi qua Việt. Không biết vàng Việt nam mỗi năm chạy ra nước ngoài bao nhiêu.

Có đồ lậu thì luôn luôn có đồ giả. Bọn tàu Chợ lớn cái gì cũng làm giả được, từ rượu tới thuốc hút, dầu thơm... nhiều nhất là dược phẩm Tây phương, vì thứ này vừa hiếm vừa đắt. Một bác sĩ khuyên tôi đừng mua Ampicilline, B12, Vitamine C (chích), Syncortyl ở chợ trời. Chị hốt rác trong khu tôi ở một buổi sáng thấy trong một thùng rác một bọc lớn đầy ống Vitamine C để chích. Có tới 200 ống, mỗi ống 2cc, mà chỉ bán cho người ta có 6 đồng. Chỉ khổ dân quê. Thế nào cũng có y sĩ, y tá chích cho họ thứ đó và chém 5 hay 3 đồng một mũi.

Nạn cờ bạc không công khai như trước, nhưng nạn “xổ số đuôi” thì công khai rồi; người ta bàn nhau nên đánh số nào, số nào ở ngay giữa chợ. *Xưa mỗi tuần chỉ xổ số một lần*, nay mỗi tuần bảy tám lần vì tỉnh nào cũng xổ số, tự trị mà! Người dân chỉ ngong ngóng chờ giờ xổ số để dò số mà bỏ bê công việc. Nhiều người sạt nghiệp, nhưng cũng có nhiều người nhờ đó kiếm được miếng ăn; thầy giáo hồi hưu, đại úy đi cải tạo về, ngồi bán giấy số ở chợ, kiếm được mươi đồng một ngày.

Nạn cho vay nặng lãi cũng kinh khủng. Một cán bộ giáo dục, đảng viên, cho bạn trong sở vay 100 đồng, mỗi tuần trả lời 20 đồng, tính ra mỗi năm 1.000 đồng, vốn được nhân lên gấp 10. Bạn hàng ở chợ không chơi hụi tháng như xưa nữa, mà chơi hụi tuần, hụi ngày!

Nạn đĩ điếm đã hết đâu. Ngay cuối năm 1975, một cán bộ cách mạng đã bảo các bạn kháng chiến ở bưng về mắc bệnh hoa liễu hết rồi; một số cán bộ rất nghiêm trang đạo mạo - có kẻ ngoài 70 tuồi - từ Hà nội vào, năn nỉ các bạn trong Nam chỉ chỗ cho họ hưởng thú mê li đó một lần cho biết mùi. Chỉ khác là bây giờ người ta làm nghề đó một cách không lộ liễu quá như trước. Họ rất thích sách khiêu dâm, và loại sách này với loại truyện chưởng lan ra Bắc từ mấy năm nay rồi.

Tóm lại *bao nhiêu cái xấu xa thời trước vẫn còn đủ* mà có phần còn tởm hơn nữa.

### *Con Người Mất Nhân Phẩm*

Trong một xã hội như vậy, con người dễ mất hết nhân phẩm, hóa ra đê tiện, tham lam, bất lương,

nói láo, không còn tình người gì cả.

Năm 1975 đa số các cán bộ, công nhân viên ở Bắc vào thăm gia đình, họ hàng ở trong Nam, còn giữ chút thể diện “cách mạng”, bà con trong này tặng họ gì thì họ nhận, chứ không đòi; về sau họ không giữ kẽ nữa, tặng họ một thì họ xin hai, không tặng họ cũng đòi, khiến một ông bạn tôi bực mình, nhất định đóng cửa không tiếp một người bà con, bạn bè nào ở Bắc vào nữa.

Gởi họ mang ra giùm một cuốn sách tặng một người ở Hà nội, họ giữ lại 5-6 tháng, vợ chồng con cái, bạn bè coi cho hết lượt, sách nhàu rồi, họ mới đem lại cho người nhận sách; có khi họ lấy luôn, nhắc họ, họ bảo thất lạc, để kiếm. Mà ba người nhận được sách thì chỉ có một người cảm ơn tôi.

Một nhà văn đất Bắc làm cho một tờ báo nọ nhờ một nhà văn trong Nam viết bài, hứa sẽ trả bao nhiêu đó. Viết rồi đưa họ, họ đăng, nhưng kí tên của họ rồi đưa cho nhà văn trong Nam nửa số tiền nhuận bút thôi, còn họ giữ lại một nửa. Vừa ăn cắp văn, vừa ăn chặn tiền. *Chưa bao giờ miền Nam có bọn cầm bút bẩn thỉu như vậy*. Một bạn học giả của tôi ở Bắc khuyên tôi đừng giao bản thảo của tôi cho ai hết, không tin ai được cả, họ sẽ đạo văn.

Thời Pháp thuộc, không bao giờ nhân viên bưu chính ăn cắp đồ trong các bưu kiện. *Thời Nguyễn văn Thiệu thỉnh thoảng có một vụ ăn cắp nhưng nhỏ thôi*. Từ bốn năm nay ở khắp miền Nam, cứ 10 bưu kiện ở ngoại quốc gởi về thì có 6-7 bưu kiện bị ăn cắp hoặc đánh tráo vài ba món, thường là dược liệu và vải. Kêu nài thì nhân viên bưu chính bảo: “Không nhận thì thôi; có muốn khiếu nại thì cứ làm đơn đi”. Không ai buồn khiếu nại cả vì cả năm chưa có kết quả, mà nếu có thì số bồi thường không bõ. Cho nên chúng tha hồ ăn cắp, ăn cướp một cách trắng trợn. Trắng trợn nhất là chúng lấy trộm tất cả bưu kiện trong một kho, như ở Long xuyên năm 1981; nếu là kho lớn thì chúng đốt kho như ở Tân sơn nhất hai năm trước.

Nhơ nhớp nhất là vụ một cán bộ nọ vào hàng phó giám đốc, mưu mô với vợ, làm bộ tổ chức vượt biên cho vợ chồng con cái một đứa cháu ruột, bác sĩ ở Sài gòn, nhận mấy chục lượng vàng của cháu (và sáu chục lượng vàng của gia đình bên vợ đứa cháu đó nữa vì họ cũng muốn vượt biên), rồi lừa gạt người ta, tố cáo với công an bắt hết cả nhóm trên mười người khi họ ra Vũng tàu chờ ghe đưa ra khơi. Đa số cán bộ ở Nam đã tư bản hóa rồi, *một xã hội chủ nghĩa xã hội mà như vậy thì chủ nghĩa đó chỉ còn cái tên thôi*.

Sống dưới chế độ cộng sản, con người hóa ra có hai mặt như Sakharov đã nói: chỉ giữa người thân mới để lộ mặt thật, còn thì phải đeo mặt nạ; luôn luôn phải đề phòng bạn bè, láng giềng, có khi cả người trong nhà nữa. Người ta tính cứ 5 người thì có 1 người kiểm soát từng ngôn ngữ, hành vi của 4 người kia. Ngay một phó viện trưởng cũng làm vỉệc điểm chỉ đó mà bạn trong viện không hay. Dĩ nhiên kẻ kiểm soát đó lại bị người khác kiểm soát lại. Ở Nga thời Staline như vậy, ở Bắc những năm 1954-1960 cũng gần như vậy; ở Nam đỡ hơn vì đa số người trong này không chịu làm thứ mật thám

chìm đó.

Nạn làm tiền, tống tiền lan tràn khắp các ngành, cả trong ngành cứu nhân độ thế và ngành tống táng. Để cho bác sĩ ngụy đủ sống mà khỏi vượt biên, chính phủ năm 1980 cho phép họ ngoài giờ làm việc được khám thêm bệnh ở nhà và định cho họ số tiền thù lao là 1 đồng ở Sài gòn, 0,8 đồng ở tỉnh[29](#_bookmark59). Nhưng ở Long xuyên bác sĩ nào cũng thu của bệnh nhân 10 đồng. Có kẻ ra một cái toa cần 9 thứ thuốc toàn thứ đắt tiền, trị đủ các bệnh: tim, phổi, gan, thận, bao tử... cho một bà lão suy nhược, rồi bảo lại mua của một tên buôn lậu đồng lõa với họ. Tính ra toa đó mua cho đủ thì mất cả triệu đồng cũ (2.000 đồng mới). Một số bác sĩ không làm tiền cách đó, không ra toa mà bắt bệnh nhân mỗi ngày lại để các ông ấy cho thuốc và chích cho, và phải trả các ông ấy từ 60 đồng đến 100 đồng mỗi lần. Năm 1981, tiền thù lao từ 10 đồng đã hạ xuống còn 5 đồng, có lẽ vì bác sĩ làm riêng khá đông, cạnh tranh nhau.

Và tháng 7-1981 có lệnh không cho bác sĩ công làm tư tại nhà nữa, mà muốn làm tư thì lại dưỡng đường làm ngoài giờ làm việc. Chưa thấy ai theo.

Bệnh nhân lỡ mà chết thì bị hàng xăng tống tiền: quốc doanh định 45 đồng kể cả một bịch thuốc lá và 4 thước vải thô, nhưng tang gia phải trả 400 đồng thì xăng mới được ghép lại kĩ, khỏi trống hổng trống hoảng với 8 cây đinh đóng hờ. Rồi tới nhà đòn cũng đầu cơ: hạ huyệt xong, phủ qua một lớp đất cho bằng mặt, muốn có cái mồ cho ra mồ thì phải đưa thêm vài trăm đồng nữa. Nếu đem thiêu mà cứ nộp đúng lệ thì xương ống, xương hông bị ném riêng vào một chỗ, chứ không thiêu hết. Ai nỡ để cha mẹ mình què!

Tất cả chỉ tại cái lệ chính phủ định giá, định lương rẻ quá không cho dân đủ sống, dân phải xoay xở lấy, bóc lột lẫn nhau. Cổ kim chưa một xã hội nào phi lí như vậy. Vì biết mình phi lí nên có nơi chính quyền làm ngơ cho bác sĩ làm ăn, cho phép cả giáo viên ngụy dạy thêm tại nhà.

Nói cho ngay, thời nào trong xã hội cũng có một số người lương thiện. Và ông Phạm văn Đồng đã nhận rằng thời này hạng đó thiệt thòi nhất. Tôi được biết một hai cán bộ trung cấp liêm khiết, chịu nghèo, nuôi heo thêm, chứ không tham nhũng. Gia đình họ phải ăn rau muống; quần áo thì vá đụp, có thể nói họ nghèo như các nông dân nghèo nhất thời xưa.

Tóm lại sau 5 năm chúng ta không thấy chút tiến bộ nào cả mà chỉ thấy sự chia rẽ trong xã hội, sự tan rã trong gia đình, sự sa đọa của con người, sự suy sụp của kinh tế. Ông Hồ Chí Minh có lần nói: “Muốn xây dựng xã hội chủ nghĩa thì phải có con người xã hội chủ nghĩa”. Con người vẫn là quan trọng hơn cả. Có chế độ tốt, chính sách tốt mà không có con người tốt thì cũng hỏng hết. Ai cũng phải nhận rằng tinh thần, tư cách đại đa số cán bộ càng ngày càng sa sút, hủ hóa mà xã hội chủ nghĩa mỗi ngày một lùi xa. Ông Hồ đã thấy trước cái mòi suy vi đó khi ông thốt ra lời trên chăng?

### *Phong Trào Vượt Biên*

Tôi không biết trước giờ giải phóng, từ Bến hải trở vào trong số trên 20 triệu dân có bao nhiêu người vội vã di cư để trốn cộng sản. Dăm bảy ngàn hay vài chục ngàn? Người nào cũng có tâm trạng não nề: bỏ quê cha đất tổ, bỏ thân thích bạn bè, bỏ cả sản nghiệp (có người mới mua được ngôi nhà vài ba chục triệu - hồi đó khoảng 100.000 đồng cũ một lượng vàng - chưa ở được 5-6 tháng đã phải bỏ lại) để qua nước người ăn nhờ ở đậu, làm thứ công dân “da màu”, một thứ công dân hạng hai, và bắt đầu xây dựng lại từ đầu; như vậy ai mà vui cho được? Những người đi đó hoặc là quân nhân, công chức trong các chính phủ trước, hoặc đã có thời sống với cộng sản ở Bắc, sợ chế độ ngoài đó, đã di cư một lần nay lại di cư lần thứ hai. Những người ở lại xét chung, đều sẵn sàng chấp nhận chế độ mới, dù chưa biết rõ nó ra sao; một số đông còn hăng hái tiếp tay với chính quyền mới để xây dựng một xã hội tốt đẹp cho tương lai nữa.

Nhưng chẳng bao lâu nhiều người thất vọng, qua năm 1976, đã có lác đác một số thanh niên vượt biên. Họ không có tổ chức, không chuẩn bị kĩ, lên miền cao nguyên ở Trung rồi kiếm đường qua Lào, từ Lào sẽ qua Thái lan. Họ bị bắt hoặc thấy nguy phải quay về.

Từ năm 1977 người ta dùng đường biển, phong trào vượt biên phát triển rất mạnh tới mức một bà già nông dân miền Tây phải nói: “Cây cột đèn nếu đi được thì cũng đi”. Dù phải gian lao cực khổ tới mức nào, hễ ra khỏi được nước là sướng rồi, làm mồi cho cá mập vẫn còn hơn ở lại trong nước mà chết lần chết mòn, người ta nghĩ vậy. Cha mẹ già chỉ có mỗi một người con mà cũng khuyên nó vượt biên; chồng đi “cải tạo” - nghĩa là bị giam trong những trại tập thể chưa biết bao giờ mới được về vì là “ngụy hạng nặng”, phải cải tạo tư tưởng, đời sống - cũng nhắn vợ con vượt biên được thì cứ vượt, dắt con theo. Một thanh niên vượt biên thoát mới tới Thái lan đánh điện về cho cha mẹ: “Ba má nhớ hôm nay là ngày sinh nhật của con không?” và cha mẹ mỉm cười, hiểu.

Có **ba cách** vượt biên.

Cách chính thức, sướng nhất là có người thân, cha mẹ, vợ chồng hay con cái ở ngoại quốc xin cho được đoàn tụ gia đình. Trường hợp đó được chính phủ cho phép, được ủy hội quốc tế tị nạn (Haut commissariat des réfugiés: H.C.R.) giúp đỡ. Đơn gởi rồi, sáu tháng hay một hai năm sau được đi.

Sớm muộn là tùy mình biết “phải trái” hay không. Đi thì gia sản để lại hết, chỉ được mang theo ít tư trang với ít tiền ăn đường.

Cách bán chính thức, theo nguyên tắc, cho người Việt gốc Hoa, nhưng người gốc Việt mà muốn thành gốc Hoa thì cũng không khó. Có tiền là được hết.

Một người đứng ra tổ chức, nộp đơn xin cho cả nhóm người - khoảng vài trăm - vượt biên kèm theo hồ sơ của từng người, và nộp cho chính phủ 4 lượng vàng. Chính phủ cho phép rồi, bọn người đó tập trung lại một nơi, hùn nhau đóng thuyền, đóng xong, chính phủ sẽ cho công an xuống xét thuyền, xét lí lịch, hành lí từng người (mỗi người cũng chỉ được mang theo ít tiền thôi), rồi cho phép nhổ neo ra

khơi, chính phủ bảo đảm an ninh cho tới khi ra hết hải phận quốc gia, rồi từ đó thuyền muốn đi đâu thì đi, chính phủ không biết tới. Rất ít nước chịu tiếp thu bọn đó, và xét kĩ từng người rồi mới cho lên bờ.

Có thuyền chở khẳm quá, thuyền đóng cho 200 người thì chở tới 300, lại thêm chính quyền địa phương “**gởi**” một hai trăm người nữa, ngồi chen chúc nhau như cá hộp, không nhúc nhích được, như vậy ba bốn ngày, ăn uống, đi tiểu rất bất tiện mà cũng rán chịu. Có chiếc vừa ra khơi được vài chục hải lí, gặp cơn dông, chìm, xác chết tấp vào bờ, ngồn ngang trên bãi cát.

Có trường hợp chính phủ đã nhận đủ vàng, thuyền đóng chưa xong thì có lệnh trên hoãn các cuộc vượt biên chính thức lại; hoãn cả năm rồi và hiện nay (1980) còn rất nhiều người phải ở chỗ đóng thuyền, vì họ làm khai sinh giả, nhà đã bị tịch thu, chỗ đâu mà về. Họ xin chính phủ trả lại số vàng, chính phủ chỉ trả một phần ba, hoặc trả tất cả theo giá vàng chính phủ định, không bằng 1/5 giá vàng trên thị trường. Họ lêu bêu, thành một bọn vô gia cư, vô nghề nghiệp, sống cực điêu đứng.

Cách thứ ba là đi chui, nghĩa là đi lậu. Một người đứng ra tổ chức, một nhớm từ 20 đến 4-5 chục người, hùn nhau từ 4 đến 7-8 lượng vàng đóng thuyền, kiểu thuyền đánh cá, mua một bãi biển, nghĩa là đút lót cho công an, chính quyền ở làng có bãi biển, đút lót cả cho công an vài nơi chung quanh để người vượt biên khỏi bị xét hỏi, thuyền yên ổn được rời bến ban đêm. Công an những nơi có bãi biển đó nhờ vậy làm giàu rất mau, có kẻ chỉ một hai năm được vài chục lượng vàng và ôm vàng vượt biên. Do đó mà trong dân gian xuất hiện truyện tiếu lâm dưới đây.

“*Một hôm nọ, người canh lăng bác Hồ bỗng thấy xác ướp của bác biến đâu mất, hoảng hốt đi tìm khắp nơi, tìm ở nhà sàn của bác không thấy, về quê hương bác ở Nghệ an cũng không thấy, nghi rằng bác vào chơi thành phố của bác, liền vào Sài gòn kiếm, sau cùng một đêm, thấy bác ngồi một mình, rầu rĩ ở bến Sáu kho, thành phố Hồ Chí Minh, hỏi bác, sao lại ra ngồi đấy, bác đáp: “Bác không muốn ở nước này nữa, muốn qua phương Tây đây, mà tụi công an đòi bác sáu cây, bác có cây đâu mà nộp cho chúng*”

“Cây” là “cây hai lá rưỡi” nói tắt, tức một lượng vàng vì mỗi lượng có hai lá rưỡi vàng”.

Thường là thoát được, ít khi gặp tàu tuần; nhưng nhiều khi gặp bão, thuyền chìm, làm mồi cho cá mập, hoặc gặp bọn cướp biển Thái lan. Chúng vơ vét hết, chỉ chừa cho mỗi người một cái quần cụt, và có thiếu phụ bị chúng hiếp dâm tới 19 lần[30](#_bookmark60). Sau cùng may phước tới được bờ biển Thái lan hay là một đảo Mã lai - sướng nhất là được một tàu Tây phương vớt - lúc đó mới kể là còn sống.

Có một trường hợp xui lạ lùng. Một đoàn người lên được một đảo Mã lai, ở được ít lâu rồi một hôm chính quyền trong đảo lùa họ xuống hết thuyền của họ, bảo đề đưa đến một đảo khác; nhưng ra khơi, chúng cắt đỏi cho thuyền trôi đâu thì trôi (máy móc bị chúng gỡ rồi) và ít ngày sau, thuyền giạt vào bờ biển Cà mau, bị bắt giam hết, người thì 5-6 tháng, người thì 3 năm.

Mặc dầu nguy hiểm như vậy, người ta vẫn không sợ, thua keo này bày keo khác. Có người tới lần thứ tư mới thoát, lại có người lần thứ 10 vẫn chưa thoát, mà sản nghiệp tiêu tan hết, không biết sống bằng gì.

Có người mạo hiểm dám băng ra khơi bằng một chiếc tắc ráng (ho-bo): loại xuồng nhỏ, chở được độ mươi người, chạy bằng xăng, lướt trên nước rất mau. Vậy mà thoát được

Từ cuối 1979 thêm một cách vượt biên nữa bằng đường bộ, ngã Cao miên. Hoặc theo xe nhà binh, hoặc theo người Miên đi buôn lậu, lên tới Nam vang rồi tới Battambang, Sisophon. Phải mang theo vàng để đóng thuế mãi lộ. Tới biên giới Thái lan, nếu biết tiếng Anh, tiếng Pháp thì sẽ được Ủy hội quốc tế tị nạn giúp đỡ. Nghe nói cách đó chỉ tốn 2-3 lượng, mỗi chuyến đi chỉ được vài ba người ăn bận như bọn buôn lậu. Cũng nguy hiểm như vượt biển. Một đứa cháu nhà tôi trong túi chỉ có 100 đồng, không biết tiếng Miên, không quen ai ở Miên mà cũng vượt biên cách đó

Người nào vượt biên được một nước nào tiếp thu rồi, được trợ cấp hay kiếm được việc làm rồi, cũng gởi ngay về cho thân nhân một gói thực phẩm, thuốc uống, qưần áo... bán được một hai ngàn đồng. Họ làm lụng cực khổ, (rửa chén trong quán ăn...) nhịn hút thuốc đề giúp gia đình vì biết rằng người ở lại thiếu thốn gấp mười họ. Chính nhờ họ mà nhiều gia đình miền Nam mới sống nổi, nhờ họ một phần mà dân miền Nam có thuốc tây để uống, có vải may quần áo, không đến nỗi rách rưới quá.

Trong hoạn nạn tình cha mẹ, con cái, vợ chồng lúc này lại đằm thắm hơn xưa. Cái rủi thành cái may.

Về vật chất họ được đầy đủ, nhưng về tinh thần họ rất đau khổ. Nhớ bà con họ hàng, nhớ quê hương xứ sở, nhớ day dứt, gia giết. Họ khóc thương thân phận anh hay em ở trong các trại cải tạo mỗi bữa chỉ được một nắm bo bo; thân phận cha mẹ chú bác phải đẩy chiếc xe bán củi, bán chuối dưới mưa, dưới nắng, đau ốm không có thuốc uống; thân phận con cháu quanh năm không được một li sữa, một cục đường. Ở một xứ gần như trời luôn luôn u ám, họ ước ao được nhìn thấy một tia nắng, một nền trời xanh, và khi trời xanh, ánh nắng hiện lên thì họ càng nhớ quê hơn nữa; họ muốn được vuốt ve thân cây chuối nhẵn bóng và mát rượi; được nhìn ánh vàng nhảy múa trên những tàu dừa phe phẩy dưới gió nồm; nhìn hoài những con đường thênh thang trải nhựa, họ chán ngấy, mơ tưởng được đi chân không trên những con đường đất ở giữa hai bờ cỏ, dưới bóng lưa thưa của hàng so đũa, ven một cánh đồng lúa xanh: mặt đất ấm hơn mặt đường nhựa biết bao mà có gì thơm mát bằng mùi lúa xanh, sau mấy năm ngửi mùi xăng nhớt.

Có những thiếu phụ thay đổi hẳn tính tình: ở nước nhà thì thích trang điểm, đi dạo phố, họp bạn; qua nước người thì suốt ngày ở trong phòng lau chùi, quét tước, nấu ăn cho chồng con, không chịu ra đường, chồng con lôi kéo cũng không đi; một ngày kia họ sẽ loạn tinh thần mất. Khổ nhất là những bà 50-60 tuổi, không biết ngoại ngữ, không sao thích ứng được với đời sống Tây phương, mới xa quê được một năm đã đòi về, ngày nào cũng ngóng tin nhà, và được thư thì đọc đi đọc lại tới thuộc lòng.

Ngày đêm họ cho quay băng “Sài gòn ơi, li biệt” của Thanh Thúy, băng “Ta chẳng lẽ suốt đời lưu vong” của Phạm Duy mà khóc mướt. Giọng ảo não không kém bài hát của dân tộc Do thái khi bị đày ở Babylon hồi xưa.

Trong số những người ở lại, đáng thương nhất là những cặp vợ chồng già không có con cái, bị chính phủ chặn lương hưu trí, rán sống lây lất vài năm, bán hết đồ đạc để ăn rồi tự tử.

Rồi tới những người sản nghiệp tiêu tan vì đi kinh tế mới hoặc vì vượt biên mấy lần mà thất bại, sống cầu bơ cầu bất ở vỉa hè các thành phố lớn nhỏ như bọn ăn mày.

Rồi những cô giáo, cô kí chồng đi cải tạo 5 năm đằng đẵng, ở nhà xoay xở đủ cách, làm việc đêm ngày, nhịn ăn nhịn mặc để nuôi bốn năm đứa con, vài tháng lại tiếp tế cho chồng một lần. Họ vì hoàn cảnh mà hóa đảm đang, tư cách lại cao lên, không chịu nhận sự giúp đỡ của họ hàng, bạn bè.

Rồi những thiếu nữ học hết Đại học sư phạm hay Luật mà không muốn làm công nhân viên vì lương thấp quá, kiếm một cái sạp nhỏ nửa thước vuông bán thuốc rời hay quần áo cũ, thuốc tây ở lề đường, vất vả nhưng kiếm được 10- 15 đồng mỗi ngày, đủ cơm cháo cho cha mẹ và em. Họ lễ phép, chăm chỉ, dễ thương.

Tất cả những người đó và còn nhiều hạng người khác nữa đáng tự hào là ngụy. Ngụy mà như vậy còn đáng quí gấp trăm bọn tự xưng là “cách mạng” mà tư cách đê tiện.

Có ai chép *Ba đào kí* cho thời đại này không nhỉ? Trong tập kí đó dày ít gì cũng vài ngàn trang, truyện buồn rất nhiều mà truyện vui cũng không thiếu, truyện nào cũng cảm động, đánh dấu một thời và làm bài học cho đời sau được.

### *Người Ta Đã Nhận Định Sai*

Vậy dù có lạc quan tới mấy cũng phải nhận rằng công việc xã hội hóa miền Nam này tới nay đã thất bại. Chỉ mới dựng được cái sườn thôi mà đã có nhiều dấu hiệu tỏ rằng sườn đó đã nghiêng ngả: rất nhiều cán bộ đã hủ hóa, hùng hục làm giàu bằng mọi cách, thành một bọn tư sản rồi, tinh thần quân đội đã sa sút, hợp tác xã nông nghiệp đã thất bại, chính sách kinh tế mới phải bãi hỏ; một vài địa phương đã rụt rè lập lại chế độ tư bản: cho dân mặc sức kiếm lợi, cho chợ trời tha hồ phát triển, cho tăng giá xe đò, cho mua xăng và dầu lửa tự do, giá gấp mấy chục lần giá chính thức. Xí nghiệp đánh cá Côn sơn được dùng chính sách chia lời; hễ nộp đủ số cá cho chính phủ rồi thì làm thêm được bao nhiêu, được chia nhau hưởng. Chỉ trong một hai năm, xí nghiệp phát triển rất mạnh, mua thêm được mấy chục chiếc tàu mới, thuyền trưởng được chia 2.000 đồng một tháng, thủy thủ 1.500 đồng (lương bộ trưởng chỉ khoảng 200 đồng); chính phủ thấy vậy buộc họ chỉ được tiêu một phần ba số đó còn thì phải gởi ngân hàng, nhưng không biết họ có tuân không.

Ngành nào cũng kẹt, kẹt cứng, chính quyền không biết xoay xở ra sao, vá chỗ này thì toạc chỗ khác, càng dùng những biện pháp nhất thời thì càng lúng túng. Ngay các cán bộ trung kiên cũng phải nhận rằng tình hình mấy năm sắp tới còn nguy kịch hơn, chỉ còn trông cậy vào việc tìm mỏ dầu ở ngoài khơi Vũng tàu. Nếu trong ba năm nữa không tìm được mỏ nào có thề khai thác mà có lợi, không sản xuất được dầu thô thì tương lai dân tộc sẽ ra sao? Mà nếu tìm được thì lại phải chịu cái nguy khác: rất có thể Việt nam thành nơi tranh chấp về dầu giữa các cường quốc. Thật bi đát.

Chỉ tại người ta đã tính lầm. Thắng được Mĩ rồi, người ta tin rằng sẽ làm bá chủ bán đảo Đông dương, không nhận định được đúng tình hình thế giới.

Người ta nhận định sai tài năng, đạo đức, tinh thần hi sinh của cán bộ, tưởng rằng cao lắm và có thề dể dàng kiến thiết miền Nam thành một xã hội xã hội chủ nghĩa, không ngờ cán bộ tuy rất đông mà rất kém cỏi về mọi mặt, mà tối đại đa số không ưa xã hội chủ nghĩa, thích đời sống miền Nam hơn.

Người ta nhận định sai về tình trạng miền Nam. Trước ngày 30-4-75, miền Nam **rất chia rẽ**: nhiều giáo phái, đảng phái **nhưng tiến bộ hơn miền Bắc nhiều** về mức sống, kĩ thuật, nghệ thuật, văn hóa; nhờ ngôn luận được tương đối tự do, nhờ được đọc sách báo ngoại quốc, biết tin tức thế giới, du lịch ngoại quốc, tiếp xúc với người ngoại quốc...; cả về đạo đức nữa: vì đủ ăn, người ta ít thèm khát mọi thứ, ít gian tham (tôi nói số đông), ít chịu làm cái việc bỉ ổi là tố cáo người hàng xóm[31](#_bookmark61) chứ đừng nói là người thân, nói chung là không có hành động nhơ nhớp như nhiều cán bộ ở Bắc tôi đã kể ở trên. Tôi còn nhận thấy vì người Nam bị coi là ngụy hết, nên càng đoàn kết với nhau, thương nhau: cùng là ngụy với nhau mà!

Như vậy mà đưa cán bộ Bắc vào cai trị họ, dạy chính trị họ thì làm sao không thất bại? Bọn đó quê mùa, ngu dốt, nghèo khổ, vụng về, tự cao tự đại, bị người Nam khinh ra mặt, mỉa mai; lớp dạy chính trị cho dân chúng mỗi ngày một vắng, hiện nay cả năm không họp một lần.

Một thất bại nặng nề của cách giáo hóa đó là báo Nhân dân không ai đọc, người ta mua về để bán “ve chai”, ngay cả bộ Lénine toàn tập cũng vậy.

Sau 5 năm, cả triệu cán bộ và thường dân Bắc vào Nam mà Bắc Nam miễn cưỡng sống với nhau, lơ là với nhau, Nam coi Bắc là bọn thực dân, tự coi mình là bị trị. Làm gì có sự hợp tác?

Ông Hồ Chí Minh rất sáng suốt, từ 1962 đã thấy sự thống nhất Việt nam không có lợi mà gây rất nhiều vấn đề khó khăn, chỉ tạo gánh nặng cho Bắc (coi lại cuối chương XXI). Nếu 1975 ông còn sống thì chắc ông để cho miền Nam trung lập (đúng như lời tuyên bố của Mặt trận giải phóng khi mới vô Sài gòn), làm một cửa sổ ngó ra thế giới bên ngoài, mà sẽ mau thịnh vượng, lợi chẳng những cho Nam mà cả cho Bắc nữa. Những người nối nghiệp ông tự cho là khôn hơn ông.

## CHƯƠNG XXXII: TA PHẢI BIẾT SỐNG THEO TA

### *Một Cuộc Đàm Thoại - Bài Học Của Cổ Nhân*

Mấy năm gần đây, một số cán bộ trẻ miền Nam lại thăm tôi. Họ đều là độc giả của tôi, biết tôi nhiều từ hồi tôi ủng hộ phong trào đòi viện Đại học Sài gòn dùng tiếng Việt làm chuyển ngữ, có người hoạt động cho kháng chiến ở thành, sau ngày 30-4-75 được chính quyền tin dùng làm chuyên viên: bác sĩ, kĩ sư, kiến trúc sư v.v...

Người nào tới cũng hỏi tôi:

* + Bác lúc này còn viết lách gì không? Lần nào tôi cũng đáp:
  + Dù không xuất bản được cũng phải viết. Vừa để đỡ buồn, vừa để học thêm. Mấy năm nay tôi chuyên nghiên cứu về triết gia Trung hoa thời Tiên Tần, đọc lại các kinh sách của Khổng, Mạnh, Lão, Trang, Tuân, Hàn... và kinh Dịch mà tôi cho là dung hòa được tư tưởng của Khổng, Lão tổng hợp nhân sinh quan của dân tộc Trung hoa cuối thời Chiến quốc, thời thịnh nhất của Trung triết.

Một lần, cuối năm ngoái, một bác sĩ trong nhóm đó, biết ít nhiều chữ Hán, hỏi tôi:

* + Bác thấy tư tưởng của các triết gia đó nay còn dùng được không? Tôi đáp:
  + Vẫn còn nhiều điều dùng được. Tri thức của ta hơn cổ nhân nhiều. Một em mười tuổi bây giờ cũng biết về vũ trụ, thế giới, vạn vật, kĩ thuật... nhiều gấp mấy Khổng, Lão, nhưng về đạo đức chúng ta không hơn cổ nhân, về phép xử thế chúng ta vẫn còn phải học cái khôn của cổ nhân. Ngay về chính trị cũng vậy nữa. Có những chân lí thời nào cũng đúng, cồ nhân đã do kinh nghiệm mà tìm ra được, truyền lại cho ta trong kinh sách đấy, chúng ta đọc cả rồi đấy, nhưng quên đi, hoặc nhớ mà không theo, nên phải thất bại. *Tôi nghĩ tri thức rất dễ truyền: các định lí toán, các luật vật lí học một lần là nhớ và áp dụng được ngay; còn cái khôn của cổ nhân thì cơ hồ không thể truyền được, đích thân chúng ta phải từng trải rồi mới hiểu được, nhớ được bài học của cổ nhân.* Mỗi người đều phải "sống" cuộc đời của mình, mỗi thế hệ đều phải sống cuộc sống của nó, sống từ đầu, có kinh nghiệm rồi mới rút ra được một nhân sinh quan, gần như tự tìm lấy hết, không nhờ được cổ nhân chút gì cả. Cho nên thời nào cũng có rất nhiều lầm lẫn...

Tôi lấy một thí dụ: mấy năm nay đại đa số các trí thức Bắc, Nam, già trẻ mà tôi được gặp thường phàn nàn về chính sách "*hồng và chuyên*" của chính phủ. Đảng coi trọng những cán bộ có tư tưởng cách mạng, có công lao với cách mạng hơn những chuyên viên, dù những cán bộ đó không có

học cũng chỉ huy những chuyên viên hiểu biết về ngành gấp mười họ. Ta thấy nhiều trường hợp ông chánh chỉ có tiểu học ra lệnh cho ông phó có bằng phó tiến sĩ, xen vào công việc chuyên môn của ông phó, nhất là lại có thái độ kì thị ông phó, vì biết rằng ông phó giỏi hơn mình, rồi do tự ti mặc cảm mà sinh ra hống hách, ngăn cản công việc của ông phó. Chính sách đó có hại cho việc kiến thiết; chính vì nó mà hầu hết các chuyên viên ở Nam rất có khả năng, rất có nhiệt tâm phục vụ mà không được chính quyền dùng; một số rất ít được dùng thì lại bị chèn ép: chẳng hạn một thạc sĩ giáo sư Đại học y khoa, rất nổi tiếng về giải phẫu, phải chịu tùy thuộc một học trò của mình, chỉ vì cậu này đã "nằm vùng", được chính phủ cho là "hồng", tin dùng; giáo sư đó bảo sẽ giải phẫu cho một bệnh nhân nào đó vào ngày nào, giờ nào; học trò của ông ta gạt đi, định cho một ngày khác; ông ta bực mình đáp: "Tùy ý đồng chí' và ít tháng sau ông vượt biên với cả gia đình. Hiện ông ở Mĩ.

Chính Lénine đã nói: "Phải trọng chuyên viên như con người của ta" vì trong thời kiến thiết, chuyên viên mới là cần nhất; tuy thuộc nhiều kinh điển của Marx, tuy lập trường chính trị rất đúng mà không biết nghề thì cũng không làm được việc.

Người ta không theo Lénine là tại sao? Tại người ta tin như Hồng vệ quân Trung hoa rằng một cái đập xây không đúng phép, sắp vỡ, đương nứt nẻ, muốn rã, chỉ cần mở "*cuốn sách đỏ*", tụng những lời của Mao Trạch Đông là làm cho đập vững lại (vụ đó đã được quay phim ở đâu đó chắc để chê cách mạng Văn hóa của Mao) hay tại người ta muốn thưởng những người có công lớn trong thời kháng chiến nên giao phó những chức vụ cao cho họ?

Khổng Tử trong thiên Tiên tiến, bài 24 (Luận ngữ) đã cảnh cáo chúng ta rồi. Tử Lộ, học trò của ông, làm gia thần họ Quí, tiến cử Tử Cao làm quan tể đất Phí. Khổng Tử trách: "Như vậy là làm hại con người ta" (vì Tử Cao chưa được học bao nhiêu). Tử Lộ đáp: "Làm chức tể thì có nhân dân để trị, có thần xã tắc (đất đai, mùa màng) để thờ (thế là học), hà tất phải học sách rồi mới gọi là có học?" Khổng Tử mắng: "Vì thế mà ta ghét những lời lợi khẩu” (cưỡng lí để tự biện hộ).

Không học về canh nông mà làm viện trưởng viện nghiên cứu canh nông, không biết gì về hành chánh mà làm tỉnh trưởng. Sao không thẹn với Đông Đức: sau thế chiến, một đảng viên có công lớn được mời làm thứ trưởng, ông ta từ chối, xin được học thêm ít năm ớ đại học đã.

Kinh Dịch, quẻ Sư, hào 6 cũng đã khuyên ta khi chiến thắng rồi, luận công mà khen thưởng thì kẻ ít học, dân thường tuy có tài chiến đấu, lập được công, cũng chỉ nên thưởng tiền bạc thôi, không nên phong đất cho để cai trị, vì *công việc kiến thiết quốc gia phải là người có tài, có đức mới gánh nổi*.

Lẽ đó rất tự nhiên, từ xưa nước nào cũng theo, như đời Trần nước ta, các tướng có công, được phong đất, phong tước, mà việc nước thì giao cho các người có học. Nước Anh sau mấy năm thế chiến rồi cũng chỉ thưởng tiền cho các danh tướng; chẳng những vậy, năm 1945, khi chiến tranh chấm dứt, họ thay cả viên Thủ tướng, cho Churchill về vườn, mặc dầu ông có công nhất trong việc cứu quốc, diệt

Đức; như vậy chỉ vì chính sách thời bình khác thời chiến, nên phải dùng người khác.

Chính vì không phân biệt chính sách thời bình và thời chiến mà sau khi hòa bình trở lại - ở Bắc năm 1954, ở Nam năm 1975 - Đảng cho địa phương tự trị như trong thời chiến, và lại dùng những người thời chiến để cai trị trong thời bình; do đó gây nhiều cái tệ mà tệ lớn nhất là cán nặng hơn gáo: mỗi tỉnh là một tiểu quốc, bất chấp cả trung ương, thậm chí một nhân viên rất nhỏ kiểm soát xe hàng, làm bậy, không theo quyết nghị trung ương, bảo hành khách: "Tôi ở địa phương chỉ biết lệnh địa phương, bà con biết lệnh trung ương thì cứ gởi đơn thưa trung ương".

Như vậy là tiểu nhân tha hồ hoành hành, muốn tịch thu gì của hành khách cũng được, không ai răn đe họ khi họ mới mắc tội nhỏ, không ai chế ngự họ khi họ mới ló mòi, lâu rồi thành loạn. Tệ đó, quẽ Phệ hạp và quẻ Cấu trong kinh Dịch đều đã cảnh cáo nhà cầm quyền từ ba ngàn năm trước rồi. ớ nước ta ngày nay, chính quyền có cương quyết thay hết các ông hồng mà không chuyên đi[32](#_bookmark62) thì lấy người đâu để làm việc, và cái phe hồng mà không chuyên đó, bị mất quyền lợi, tất cấu kết nhau, đâu để yên cho chính quyền. Cái hại đó, tôi e một thế hệ nữa chưa hết được

Trong việc trị dân, người nào có quyền vị thì phải có trách nhiệm. Qui tắc đó rất sơ đẳng, bọn Pháp gia – như Thương Ưởng, Hàn Phi - đều nhắc tới nhiều lần. Mà đạo Nho thời nào cũng chủ trương rằng dân mắc tội là lỗi ớ tại người trên; người trên mắc tội thì chỉ người trên chịu, dân không liên can gì tới. Trách nhiệm của người cai trị thật minh bạch; muốn vậy quyền của người trên cũng phải rõ rệt, chỉ người nào có trách nhiệm mới có quyền quyết đoán, mưu việc. Thiên Thái Bá, bài 14 (Luận ngữ) Khổng Tử bảo: "Không ở chức vị nào thì đừng mưu tính việc của chức vị đó”, như vậy đề định rõ quyền hạn, trách nhiệm của mỗi người.

Chúng ta ngày nay theo chính sách “cai trị tập thể", mỗi khi quyết định một việc gì, bất kì lớn nhỏ, cung tập họp cả mấy chục đồng chí của nhiều cơ quan để thảo luận ở hội trường của tỉnh, huyện, hội trường nào cũng đồ sộ, xây cất rất tốn kém. Mỗi cơ quan lại có một hội trường riêng, nhỏ, họp hằng tuần về những vấn đề nội bộ. Quyết định tập thể có điểm tốt là biết được ý kiến nhiều người, tránh nạn độc đoán, nhưng hội họp nhiều quá, tới nỗi mỗi tuần, nhân viên phải đi họp ba bốn buổi tối, lần nào cũng kéo dài hai ba giờ mà chẳng giải quyết được gì - vì càng nhiều ý kiến lại càng khó quyết định - thì mất thì giờ vô ích, ai cũng ngán. Tai hại nhất là công việc bê trễ, không ai dám lãnh trách nhiệm, trút trách nhiệm cả cho tập đoàn, mà tập đoàn làm chủ tức là không ai làm chủ hết.

Tôi có lần là nạn nhân của chính sách đó. Tôi muốn về Long xuyên nghỉ khá lâu, xin ủy ban nhân dân phường cho phép tôi chở về Long xuyên ít bàn ghế, một số sách và ít đồ cần dùng. Phường không dám cho phép, bảo tôi xin phép công an, công an cũng không dám cho phép, bảo tôi trở lại phường; tôi dĩ nhiên không chịu làm trái banh để hai cơ quan đó tung cho nhau, bảo công an bàn tính với phường rồi trả lời cho tôi. Họ bàn tính với nhau không biết mấy lần, cứ hẹn lần, bắt tôi đi đi về về tám lần,

không cơ quan nào chịu nhận trách nhiệm kí một giấy phép rất tầm thường như vậy. Tôi nổi dóa, đòi gặp chủ tịch ủy ban nhân dân phường, họ bảo ông đi vắng - ông này còn khó gặp mặt hơn thiên tử thời xưa, không bao giờ tôi thấy mặt ông cả - sau cùng tôi bảo sẽ khiếu nại lên bí thư thành ủy, lúc đó họ mới chịu cho phép. Thật là tốn biết bao thì giờ cho tôi và cho cả họ. Ai cũng phàn nàn trong chế độ này, nhân viên nào cũng sợ lãnh trách nhiệm mà quyền hành thì rất lớn.

Chương 30 - 31 Đạo đức kinh, Lão Tử khuyên kẻ dùng binh khi đạt được mục đích thì thôi, đừng ỷ mạnh, tự phụ, khoe công; thắng cũng không cho là hay, nếu cho là hay thì tức là thích giết người. Tổ tiên ta đã theo đúng lời đó. Lê Lợi sau khi thắng quân Minh, Quang Trung sau khi thắng quân Thanh, đều khiêm nhu, mềm dẻo với Trung hoa.

Mustapha Kémal sau khi thắng quân Hi lạp ở Dumulu Punar, bắt được hai tướng Hi lạp là Tricopis và Dionys, tiếp đãi họ rất nhã nhặn trong lều của ông, mời họ giải khát rồi cùng nhau phê bình chiến lược của hai bên, làm cho họ phải khâm phục. (Chính phủ mình có lẽ không ai nhớ bài học của Lê Lợi và Quang Trung, và tướng Trần văn Trà chắc chắn không được đọc tiểu sử của Mustapha Kémal. Giá tướng Trà khi vào dinh Độc lập cũng nhã nhặn với tướng Dương văn Minh như Kémal và nếu chính phủ mình sau khi nhận được lời khen của thế giới, chỉ nhã nhặn tuyên bố rằng dân tộc Việt Nam bất đắc dĩ phải giành lại độc lập và sở dĩ thành công là nhờ chính nghĩa, chịu kiên nhẫn và được các nước anh em ủng hộ; bây giờ đây sau ba chục năm chiến tranh chúng tôi xóa hết các hận thù, chỉ muốn yên ổn kiến thiết và rất mong được sự giúp đỡ của tất cả các nước, cộng sản cũng như tư bản; nếu có thái độ như vậy, đừng ham làm chủ bán đảo Đông dương ngay thì tôi chắc chúng ta không phải chịu chiến tranh thứ ba chưa biết sẽ kéo dài tới bao giờ nữa. Chúng ta đang bị sa lầy ở Cao miên, cầm chân ở Bắc Việt, đương mất máu lần, Nga tiếp máu cho được bao lâu và với điều kiện nào? Thế là mới thoát được ách Mĩ thì đã bị ngay nạn Trung hoa, Việt nam trước là nơi tranh chấp của Trung hoa và Mĩ, nay thành nơi tranh chấp của Nga và Trung hoa.

Kinh Dịch, quẻ Giải khuyên khi hoạn đã giải được rồi, chiến tranh đã hết, dân chỉ mong an cư lạc nghiệp, người trị dân nên có chính sách khoan đại, giản dị; tuy phải trừ những cái tệ cũ, nhưng chỉ nên sửa cho sự bình trị được lâu dài thôi, không nên xáo động nhiều quá, nhất là nên làm cho mau xong, đừng đa sự.

Quẻ Cách lại khuyên thay cũ đổi mới là một việc khó, ngược với thói thủ cựu của con người, cho nên muốn có kết quả thì sự cải cách phải hợp thời, phải sáng suốt, soi xét rạch ròi, thận trọng, tính toán kĩ, làm sao thỏa thuận được với lòng người, đừng nóng nảy; và cải cách tới một mức nào đó thì nên ngừng lại, đừng cầu được hoàn toàn thì mới khỏi thất bại.

Giá chính phủ biết khoan dung lại biết giản dị, không cải cách gấp mà tiến hành từ từ thì có thể 90% miền Nam đoàn kết với chính quyền mà sự cải cách tiến được đều đều, vững, không phải sửa sai,

thụt lùi mấy lần, mà cũng không có sự tan rã, hỗn loạn trong xã hội như hiện nay.

Mấy ngày đầu tháng 5-1975, người Nam nào cũng phục tinh thần kỉ luật của quân đội giải phóng và chính sách khoan hồng của chính phủ. Tuyệt nhiên không có cuộc "tắm máu” hồi tết Mậu Thân ở Huế như nhiều người lo ngại, mà cũng không có vụ trả thù cá nhân nào. Nhưng chẳng bao lâu, thái độ khinh bỉ, căm thù lần lần xuất hiện. Người ta coi đồng bào trong này đều là ngụy hết, người ta mưu mô tước đoạt tài sản của ngụy, bắt ngụy đi kinh tế mới để cướp nhà của ngụy. Tại giữa chợ Trương Minh Giảng, một chị cán bộ ở Hà nội vô, nói với bạn cũng cán bộ ở Bắc vô sau: "*Chị đừng lo, tụi nó sẽ bị đuổi đi kinh tế mới hết, lúc đó chúng ta sẽ có nhà rộng để ở*".

Tinh thần chia rẽ, thù oán từ đó phát sinh và mỗi ngày hố giữa Nam Bắc mỗi sâu thêm.

Rồi chính sách bắt ngụy quân, ngụy quyền đi cải tạo nữa. Mới đầu người ta bảo mỗi người mang theo quần áo, thức ăn, tiền nong dủ cho 15 ngày, nên ai cũng tưởng chỉ độ 15 ngày là về, trong 15 ngày đó chính quyền sẽ chỉ bảo, dẫn dắt cho hiểu đường lối của chính phủ, lối sống mới và diệt những thói quen tật cũ đi; như vậy là điều rất tốt, và ai cũng hăng hái xách khăn gói lên đường cải tạo. Hết nửa tháng rồi hai ba tháng. rồi nửa năm vẫn chưa được về, lúc đó người ta mới hiểu rằng phải cải tạo cho tới khi nào thấy cải tạo hoàn toàn rồi thì mới được về. Và khi nào xong thì không biết. Tới nay (1981), đã 6 năm, vẫn còn nhiều người chưa được về. Có thể bị cải tạo 10 năm như ở Nga chăng? Người ta quên bài học của tổ tiên: vua Trần Nhân Tôn sau khi thắng được quân Nguyên, bắt được tráp thư từ vãng lai với giặc của mấy ngàn người, không thèm coi, đốt đi hết, nhờ vậy mà đoàn kết được toàn dân.

Đọc cuốn *J'ai choisi la liberté* (đã dẫn), nhất là bộ *L’archipel du Goulag* của Soljenytsine (gồm 4 cuốn, 2 cuốn đầu đã dịch ra tiếng Pháp và in ở Paris trước 1975), chúng ta phải nhận rằng chính sách của ta không quá tàn nhẫn như chính sách của Nga. Một số trại của mình có chính sách nhân đạo nữa: ăn uống tuy thiếu thốn, nhưng được gia đình tiếp té đều đều, nên người học tập không xuống cân, tinh thần tốt, được lao động vừa sức, được đọc sách báo... Nhưng có nhiều trại rất khắc nghiệt.

Một thiếu phụ sau máy năm xa cách, được đi thăm chồng tại một trại miền bắc Trung Việt, khi gặp chồng, không nhận ra được nữa, tưởng là người khác, mãi đến khi chồng cất tiếng hỏi, mới hết nghi ngờ. Chồng cô ta đã thay đổi hẳn từ thể xác tới tinh thần, mất mấy chục kí lô. đi không vững, hốc hác, chậm chạp, gần như một cái xác không hồn, lầm lì, hỏi mới đáp, không còn tình cảm, không suy nghĩ, không nhớ gì cả. sống mà như chết rồi.

Đi cả ngàn cây số mới tới trại mà chỉ được gặp mặt chồng có nửa giờ, lại không được khóc, nếu khóc thì bị đuổi ra liền. Hết nửa giờ, vợ chồng chia tay nhau, vợ nhìn theo chồng đẩy chiếc xe chở đồ tiếp tế về chỗ giam; khi chồng khuất bóng rồi, cô ta gục đầu xuống bàn mà khóc, khóc không biết bao lâu, hết nước mắt mới đứng dậy, loạng choạng ra khỏi trại.

Có trại gọi là "trại bò", không phải để nhốt bò mà để nhốt những ngụy quân ngụy quyền cao cấp;

phòng giam họ chỉ có một cái cửa cao độ một thước, muốn vô thì phải bò.

Lối trừng trị như vậy tôi cho là vô ích, không "cải tạo” được con người. Tôi đã nói ở một chương trên, đại đa số những ngụy quân ngụy quyền ở trong nước không có tội gì cả, ngoài cái tội sống ở miền Nam, dưới chế độ Mĩ, Thiệu thì phải theo luật Mĩ, Thiệu; nhưng ngay cả những kẻ có tội đi nữa, nặng thì giết họ đi, nhẹ thì cứ dĩ trực báo oán, như vậy càng dễ cải hóa họ hơn, cần gì phải hành hạ như vậy; dĩ oán báo oán, oán bao giờ mới hết được? Đã hành hạ họ lại không cho con họ vô Đại học mặc dầu học giỏi. Người ta chê bài học của Khổng Tử: Thiên Ung Dã, bài 4 ông bảo cha Nhiễm Hữu (Trọng Cung) là người ác, nhưng Nhiễm Hữu là người hiền thì cũng dùng.

Làm cho người dân tưởng rằng chỉ phải đi cải tạo nửa tháng mà rốt cuộc là phải đi 5-6 năm, có thể là 10 năm; bảo là cho họ đi học tập, cải tạo tinh thần mà sự thật để hành hạ, để trả thù, như vậy làm sao dân tin được chính quyền? Lệnh trung ương ban hành, địa phương không theo, làm ngược hẳn lại; lương hưu trí không phát, tiền tiết kiệm gởi ngân hàng không cho rút ra mà không thẳng thắn cho họ biết lí do, cứ làm thinh để dân chờ hết ngày này qua năm khác, chờ chán thì tuyệt vọng, thôi không đòi hỏi nữa; cho người ta đăng kí vượt biên bán chính thức, thu của mỗi người bao nhiêu lượng vàng, rồi bỗng nhiên ngưng lại hết mà không trả lại đủ vàng cho người ta; thâu thuế của người ta và cho phép bán ở chợ trời rồi đột nhiên bao vây cả một khu, tịch thu hết hàng hóa; khi chưa nắm chính quyền thì hứa sẽ bỏ hết các thuế chợ, chia đất cho dân cày; nắm chính quyền được ít lâu thì thuế chợ còn nặng hơn trước, mới chia đất cho dân thì đã bắt dân vào hợp tác xã nông nghiệp, bỏ quyền làm chủ miếng đất của họ mà làm chủ tập thể; tuyên bố với quốc dân và thế giới rằng miền Nam theo chế độ dân chủ, trung lập, rồi một năm sau đã thống nhất quốc gia, hủy bỏ chế độ đó, bắt miền Nam theo xã hội chủ nghĩa như miền Bắc; báo chí, các đài phát thanh chỉ thông tin một chiều, không cho dân biết sự thực, đến nỗi chính những cán bộ ở bưng về cũng phàn nàn rằng báo chí nói láo hết, như vậy dân làm sao tin chính quyền được.

Mở bộ Luận ngữ ra sẽ thấy cả chục bài khuyên nhà cầm quyền giữ chữ tín với dân, đặc biệt là bài 7 thiên Nhan Uyên:

"Tử Cống, một môn đệ của Khổng Tử, hỏi về phép trị dân. Khổng Tử đáp: "Lương thực cho đủ, binh bị cho đủ, dân tin chính quyền". Tử Cống lại hỏi: "Trong ba điều đó, nếu bất đắc dĩ phải bỏ một thì bỏ điều nào trước?" Đáp: "Bỏ binh bị". Tử Cống lại hỏi: "Trong hai điều còn lại, bất đắc dĩ phải bỏ một nữa thì bỏ điều nào trước?" Đáp: "Bỏ lương thực. Từ xưa vẫn có người chết, nếu dân không tin chính quyền thì chính quyền phải đổ" (dân vô tín, bất lập).

Một số học giả phương Tây như linh mục Cras nhận rằng không có học thuyết nào trọng đức thành tín bằng đạo Nho, mà đức đó thời nay bị người ta coi rẻ nhất. Ở thời Khổng Tử, chính quyền nào không được dân tin thì chính quyền đó phải đổ. Vì dân có thể nổi loạn, lật đổ vua, hoặc kéo nhau qua

nước khác ở, tìm một ông vua khác để thờ. Ở thời đại chúng ta, khoa học đã tặng nhà cầm quyền những phương tiện cực kì hữu hiệu để đàn áp dân chúng; họ lại nắm sự phân phối thực phẩm, có những thuật mềm nắn dắn buông, vuốt ve dân chúng, cho nên *một chế độ độc tài không bao giờ sụp đổ vì chính sách tàn bạo của nó*; nếu một nhóm người cầm quyền biết đoàn kết với nhau, quyết tâm bắt dân theo đường lối của họ thì dân phải răm rắp cúi đầu tuân lệnh. Nhưng khi dân thấy chế độ độc tài không đem lại cho họ được một cái lợi gì thì họ phản kháng một cách tiêu cực, tà tà, lè phè, không hăng hái làm việc - chính quyền mình ba năm nay chống tiêu cực mà chẳng có kết quả gì cả - và khi chính quyền thấy chính sách độc tài không có lợi cả cho chính quyền nữa thì tất phải thay đổi chính sách.

Lúc này ai cũng thấy trong thành phần nòng cốt của chế độ, tức đảng viên, quân nhân, nhất là công an, đã chán nản, sa đọa rồi. Ở Long xuyên năm ngoái đã xảy ra một vụ: một anh bộ đội và một anh công an gây nhau ở khu chợ, hằm hè rút súng ra tính hạ nhau. Sau anh bộ đội hỏi anh công an: "Lương anh bao nhiêu một tháng mà anh hút thuốc thơm 2 đồng một điếu? Cứ lục túi các anh công an thì không anh nào không có một gói thuốc thơm. Các anh lấy tiền đâu mà mua?" Anh công an không đáp được, tẽn, bỏ đi.

Đã có nhiều tin quân đội dùng tàu, xe nhà binh chở đồ lậu ở Miên về bán tại các tỉnh gần biên giới. Lại có tin công an ôm vàng và súng ống, dùng tàu chính phủ vượt biên. Tới mức đớ thì thế nào cũng phải thay đổi, ngay đồng bào miền Bắc cũng mong mỏi sự thay đổi từ mấy năm nay rồi, vì ngoài đó cũng trụy lạc không kém trong này. Cứ coi mục "ý kiến bạn đọc" trên tờ Nhân dân thì biết.

Kinh Dịch đã xét trường hợp phải làm cách mạng (như trên tôi đã nói), lại xét cả trường hợp trừ bỏ sự li tán mà đoàn kết lại (quẻ Hoán), muốn vậy phải bỏ tinh thần bè phái, nếu cần thì giải tán bè phái, để tập hợp quốc dân mà lo việc nước, tức giải tán cái nhỏ để gom cái lớn lại. Việc đó chính phủ cách mạng đã có một lần làm rồi (năm 1946). Hễ thành tâm thì có kết quả. Nhất là phải thay đổi chính sách kinh tế, bớt thuế má đi, phải cho dân có lợi thì dân mới hăng hái sản xuất.

Từ văn minh nông nghiệp chuyền qua vãn minh cơ giới, kĩ thuật, sự phát triển kinh tế đòi hỏi rất nhiều vốn. Vì cần nhiều nguyên liệu, nhiên liệu, máy mổc mà máy móc phải cải thiện hoài, thay đổi hoài. Bọn tư bản phương Tây đầu thế kỉ trước bóc lột công nhân tàn nhẫn, vô nhân đạo, bỉ ổi; nhưng chúng ta phải nhận rằng chúng bóc lột như vậy một phần nhỏ để gia đình chúng hưởng, một phần lớn để gây vốn, mua thêm máy móc, xây dựng thêm nhà máy, cải thiện phương tiện vận tải giao thông... nhờ vậy kinh tế mới phát triền được.

Ngày nay các nước lạc hậu, nghèo như nước ta mà muốn xây dựng một cơ sở kĩ nghệ gần như bắt đầu từ số không thì dù được nước bạn viện trợ, hoặc tư bản nước ngoài đầu tư, cũng phải dùng cách đó của tư bản, bắt dân chúng làm việc nhiều, tiêu pha ít, ăn lương ít để tạo một số vốn cho quốc gia, nói trắng ra là phải bóc lột lao động, chỉ khác là chính quyền chứ không phải cá nhân bóc lột, mà chính

quyền có quyền gấp ngàn cá nhân, tha hồ bóc lột mà không cho dân phản kháng, lấy lẽ rằng bóc lột để xây dựng tương lai cho quốc gia, cho các thế hệ sau, chứ không để cho một giai cấp nào hưởng.

Tuy nhiên, muốn cho dân chúng chấp nhận chính sách khắc khổ đó thì trong xã hội:

* phải có sự công bằng: từ trên xuống dưới đều chịu khắc khổ chung; ngay những bà già vô học ở Nam cũng bảo: nếu cán bộ giữ chính sách "ba cùng" - cùng ăn, cùng ở, cùng làm với dân, như trong hồi chiến tranh thì bảo gì mà dân không vui vé làm?.
* phải cớ sự quản lí chặt chẽ, không dung túng sự phung phí, gian tham;
* phải trọng những nhu cầu tối thiểu của dân, đừng làm trái hẳn với bản tính con người, nghĩa là phải cho dân đủ ăn, đủ mặc, có chút tiêu khiển, có chút lợi, có chút của riêng thì dân mới đủ sức mà làm việc, có chút hứng thú để tăng năng suất lên.

Không thể tặng cho người ta mĩ hiệu là "chiến sĩ xây dựng xã hội chủ nghĩa", ngày đêm hô hào người ta "hi sinh cho đời con cháu được sung sưđng" để bắt người ta sống cực khổ suốt đời, đời này qua đời khác được; vì nghĩ cho cùng khuyên người ta hi sinh cho đời con cháu thì có khác gì các cụ hồi xưa khuyên ăn hiền ở lành để phúc cho con; có khác gì các tôn giáo Ki Tô, Hồi Hồi, Phật khuyên tín đồ chịu cực trong cõi trần này đề chết đi được lên thiên đường hoặc cõi niết bàn không?

Bạn bác sĩ ấy chăm chú nghe tôi nói non một giờ, khi về bảo tôi: "Cháu xin phép bác được thỉnh thoảng lại học bác nữa".

Hôm nay để ghi lại cuộc đàm thoại, tôi sắp đặt lại qua loa, dẫn thêm vàị đoạn trong kinh sách và thêm một vài ý (như quẻ Hoán) còn đại cương thì giữ đúng.

Nhưng ghi xong rồi, tôi nghĩ lại mà tự trách mình hôm đó đã nói nhiều quá, quên mất lời cổ nhân: "Không cùng đạo với nhau thì làm sao có thể nói chuyện với nhau được?"

### *Mình Theo Cả Những Lầm Lẫn Của Người*

So sánh những nhận xét của tôi ở trên với những điều tôi đã được đọc trong mươi cuốn về đời sống ở Nga sô, Trung cộng, tôi thấy chính sách của mình y hệt chính sách của hai nước đàn anh đó, những lầm lẫn của mình chính là những lầm lẫn của họ.

Năm 1947, sau 30 năm cách mạng dân Nga cũng bị nhồi sọ như dân mình; xã hội họ cũng có những sự bất công, những kẻ "phe phẩy", những chợ trời, những nhà tập thể dơ dáy như dân mình; cũng cớ nạn mua chợ đen vé coi hát, cũng cấm dân tiếp xúc riêng với người ngoại quốc[33](#_bookmark63); cũng có nạn bè phái như mình; cũng có lệ muốn thưởng một cán bộ thì cho thêm một số tiền bỏ vào bao thư riêng; các ông lớn của họ cũng cách biệt quần chúng như ở nước mình; những kẻ gian trá cũng có thể lén lút làm mọi cái xấu xa, miển là đừng chống chính quyền; người Nga nào cũng có hai mặt, ớ nhà thì khác, ra

ngoài thì khác như mình.

Họ cũng trọng hồng hơn chuyên, cũng thay đổi chủ trương, chương tnnh liền liền, thợ họ cũng không đủ ăn, công việc gì cũng không chạy; cán bộ của họ cũng sợ trách nhiệm như cán bộ của mình; chính sách cải tạo còn tàn nhẫn hơn chính sách của mình; sự tổ chức bầu cử y như mình, v.v...

Họ có thời "băng rã" (dégel) rồi băng lại đóng lại (gel); Trung hoa cũng có thời "trăm hoa đua nở" rồi mấy tháng sau, trăm hoa lại bị cấm nở; trăm hoa của mình cũng đua nở sau Trung hoa ít tháng, và cũng bị cấm nở sau họ ít tháng. Năm 1966 mình khôn hơn Trung hoa là không làm cách mạng văn hóa, nhưng năm 1978 mình cũng đã chuẩn bị kĩ để phát động một cuộc cách mạng văn hóa như họ, tính đốt hết các sách báo ở miền Nam, chỉ giữ lại những sách dạy nghề và khoa học tự nhiên, y như Tần Thủy Hoàng chỉ cho giữ những sách thuốc, sách nông nghiệp...[34](#_bookmark64) May sao chính quyền (miền Bắc hay Nam?) kịp đổi ý, cho hoãn lại cuộc cách mạng đó.

Ngoài ra, cách thức phụ cấp cho sinh viên, đối đãi với trí thức, chính sách học tập chính trị, hội họp ở phường, ấp, dăng, dán biểu ngữ ở khắp nơi, phát thanh bằng loa oang oang mà không ai buồn nghe...; cả lối giáo dục trẻ em, bổ túc văn hóa, công trình khai quật cổ tích chung quanh đền Hùng[35](#_bookmark65)

...mình đều theo sát gót Mao Trạch Đông.

Tôi có cảm tưởng rằng mình chép đúng đường lối của hai nước đàn anh, không xét hoàn cảnh, dân tình, phong tục của mình có khác họ hay không. Tôi chưa thấy mình có một sáng kiến gì cả, ngay cả những danh từ như biên chế, phụ đạo, tham quan, tranh thủ... mình cũng chép nguyên của Trung hoa.

Tôi phục G. Orwell từ 30 năm trước, trong cuốn 1984 đã tiên đoán và vẽ đúng xã hội Trung hoa những năm 1960 và xã hội Việt nam ngày nay. Nhưng Nga, sau khi Staline chết đă hơi thay đổi đường lối[36](#_bookmark66), Trung hoa sau khi Mao Trạch Đông chết đã bỏ chính sách của Mao, xích lại gần phe tư bản, và nhiều nước như Ba lan, Tiệp khắc, Hung gia lợi, Nam tư... đã có từ lâu chính sách của họ, chính phủ mình lẽ nào không biết?

### *Xu Hướng Của Thời Đại*

##### Dự Đoán Sai Của Marx

Tôi nghe nói bộ Tư bản luận của Karl Marx rất dày, khó đọc mặc dầu văn hay, và ngay ở âu Mĩ, chỉ có một số lí thuyết gia cộng sản, một số triết gia, sử gia là đọc trọn bộ đó thôi. Vì vậy tôi không bao giờ kiếm đọc nó cả. Nhưng tôi đã tò mò đọc một số tác phẩm của một số học giả, văn nhân Âu theo cộng hay không theo cộng, viết về học thuyết Marx. Đại khái họ nhận rằng học thuyết đó có hai cống hiến cho nhân loại:

1. Sự biến chuyển của xã hội, sự diễn tiến của lịch sử tùy thuộc một phần quan trọng vào kinh tế.
2. Giai cấp vô sản bị giai cấp tư bản bóc lột, và phải diệt giai cấp tư bản để tạo một xã hội công bằng, không ai bị bóc lột, mọi người đều bình đẳng với nhau; (Muốn vậy phải hạn chế tự do cá nhân. Hễ bình đẳng thì mất tự do; hễ tự do thì không bình đẳng, không thể lưỡng toàn được).

Học thuyết đó xuất hiện giữa thế kỉ trước, tới nay đã trăm rưởi năm, và người ta thấy Marx có nhiều điều tiên đoán sai, chẳng hạn:

1. Cách mạng vô sản sẽ xuất hiện trước hết ở những xứ kĩ nghệ tiến bộ như Đức, Anh; nhưng sự thực nó xuất hiện ở Nga, một xứ kĩ nghệ kém nhất châu Âu hồi đầu thế kỉ chúng ta; sau đó nó lại xuất hiện ở những nước nông nghiệp rất lạc hậu về kĩ nghệ, như Trung hoa, Việt nam...;
2. Marx tin rằng giai cấp vô sản ở khắp thế giới đoàn kết với nhau để cùng diệt giai cấp tư bản ở mọi nước, do đó không còn tinh thần quốc gia nữa, thế giới sẽ đại đồng; nhưng bây giờ người ta thấy ngay ở Nga, Trung hoa, Đông Âu, chế độ cộng sản nào cũng mang nặng tinh thần quốc gia tới mức hai nước anh em với nhau mới thề sống chết có nhau, đoàn kết để diệt tư bản mà ít năm sau đã đâm chém nhau vì vấn đề ranh giới, chủ quyền, cũng xâm lấn nhau, phản nhau y như bọn thực dân tư bản vậy; hiện nay Trung hoa lại liên kết với Mĩ để chống Nga nữa, không cho Nga bành trưđng ớ Afganistan, Đông Á. Không biết bài ca quốc tế: "Prolétaires de tous les pays, unissez-vous" (Hỡi anh em vô sản tất cả các nước, đoàn kết với nhau lại) nay còn ai hát nữa không; Marx muốn diệt chiến tranh nhưng chiến tranh lại xuất hiện giữa các nước cộng sản với nhau;
3. Ông đoán rằng chế độ tư bản sẽ chết, nhưng tới nay nó vẫn mạnh chớ không chết, mà trái lại về sự phát triển kinh tế, nâng cao mức sống của dân thì các nước cộng sản không sao cạnh tranh nổi với nó (lời Garaudy, một giáo sư Pháp theo cộng), vì nó biết tự thích ứng với hoàn cảnh, tự thay đổi, tìm được cách giải quyết lần lần những cuộc khủng hoảng kinh tế, chính trị (lời một chính trị gia cộng sản ở Đông Đức); nó không đi tới chế độ độc quyền (monopole) mà tiến tới chế độ kinh tế tự do trên thị trường (économie du marché) để thị trường được đlêu hòa. Trái lại, chính những nước cộng sản mới theo chế độ độc quyền, độc quyền quốc gia.
4. Marx muốn xóa bỏ hết sự bất bình đẳng, xóa bỏ giai cấp, nhưng ớ Nga, Đông Âu không còn giai cấp tư bản nữa thì lại xuất hiện một giai cấp mới, giai cấp cán bộ, thư lại, từ quyền lợi tới lối sống, đều cách biệt hẳn với giai cấp thợ thuyền, nông dân.
5. Marx hi vọng thay đổi được bản tính con người; Nga đã dùng những biện pháp rất mạnh trên 60 năm nay, hai ba thế hệ rồi mà bản tính con người không thay đổi gì cả: vẫn ham có tư sản, hưởng tự do, hưởng lạc như Âu Mĩ[37](#_bookmark67).

Hiện nay đã có một sự nứt rạn nặng trong khối cộng, nếu họ không khéo giải quyết với nhau thì trước cuối thế kỉ này sẽ có sự tan rã: Nga, Trung hoa thành kẻ thù của nhau, Trung hoa nhảy qua phía

Tây phương; Việt, Hoa cũng hằng ngày sỉ vả nhau, gây hấn với nhau; các nước Đông Âu như Ba lan, Tiệp khắc, Nam tư (có lẽ cả Lỗ ma ni, Bulgarie nữa) đã bỏ chính sách kinh tế của Nga mà khuyến khích nhiều xí nghiệp tư, coi trọng quan niệm lợi (profit), nghĩa là coi nhẹ lí thuyết chính trị mà tìm cái lợi, nhờ vậy mức sống của dân cao hơn ở Nga; Hung gia lợi cho dân chúng tự do hơn, bỏ chế độ độc đảng; hai năm nay Ba lan cũng đòi được vậy; mà đảng cộng sản Pháp cũng muốn vậy; đảng cộng sản Ý, Bồ đào nha đã tỏ ý độc lập, không chịu theo chính sách ngoại giao của Nga trong vài biến cố quốc tế; đảng cộng sản Nhật còn có tinh thần độc lập hơn nữa; hầu hết các nước đó đều thấy chính sách hợp tác xã nông nghiệp (Kolkhoze) của Nga thất bại và không bắt nông dân vào hợp tác xã nữa. Nhất là khắp Âu Mĩ, không nước nào chịu “chế độ xã hội chủ nghĩa Goulag" (socialisme du Goulag) nghĩa là chế độ xây dựng xã hội chủ nghĩa bằng trại giam, trại cài tạo (Goulag) của Nga trong thời Staline.

Ngay ở Nga, từ 1965, cũng đã sửa đổi đường lối kinh tế, cho một số xí nghiệp được tự do, cải cách lối quản lí và lối sản xuẩt để có nhiều lợi, và có lợi thì chia cho công nhân viên một phần, một phần giữ lại để khuếch trương xí nghiệp. Kossyguine đã biết nghe lời kinh tế gia Libermann chú trọng tới các luật kinh tế, bỏ quan niệm giáo điều đi. Đại học cũng bớt bị chính trị hóa rồi. Thanh niên được đọc các sách phương Tây và họ rất thích văn học Pháp. Họ muốn được tự do tư tưởng. Còn phụ nữ Nga thì đòi được hòa bình và hạnh phúc, mức sống cao hơn, sao cho gần được mức sống của Mĩ, và rất thích đời sống gia đình, ghét đời sống tập thể (theo Jean Marabini trong cuốn *L’URSS à le conquite du futur* - Denoel - 1967).

Ngay nhà văn cộng sản Pháp Aragon, trong cuốn *Histoire parallèle de l'URSS* (1962) cũng chê chính sách của Nga trong suốt thời Staline cầm quyền. Nga đâu còn là một thần tượng để các nước đàn em thờ nữa.

Nhà bác học Sakharov trong tờ Express tháng 8-1972, nhận rằng Nga có tiến bộ về xã hội, kinh tế, nhưng các nước cũng tiến bộ như vậy, có phần còn hơn Nga, tiến nhờ kĩ thuật chứ không phải nhờ chủ nghĩa. Ông chê nhà cầm quyền Nga giả dối, ích kỉ, tàn nhẫn; giáo dục và y tế Nga rất tồi tệ vì bọn cán bộ cao cấp được biệt đãi mà bọn thường dân bị ngược đãi; chính quyền dùng nhà thương điên để nhốt bọn trí thức chỉ trích đường lối chính quyền; chính quyền dùng tới 40% lợi tức quốc gia vào quân sự, võ bị, nên mức sống của dân tăng lên chậm...

##### Nguyện Vọng Của Con Người Thời Nay

Đọc sách báo phương Tây trong hai chục năm nay tôi thấy giới trí thức nhất là hạng trẻ ở các nước tư bản và cộng sản có những nguyện vọng giống nhau, và tôi gọi những nguyện vọng đó là xu hướng của thời đại. Nguyện vọng của họ tất nhiên khác hẳn những nguyện vọng của đa số các chính trị gia, nhất là bọn cầm quyền và có thể tiến bộ hơn nguyện vọng của những người già.

Đại khái tôi thấy xu hướng của thời đại chúng ta là:

1. Ngán chiến tranh lắm rồi, thanh niên Nga như trên tôi đã nói, đòi được hòa bình, mà thanh niên Pháp mười bốn năm trước (1966) đã muốn bỏ quân dịch đi, thay bằng dân dịch, nghĩa là không muốn vào trại tập quân sự nữa mà muốn tự nguyện phục vụ dân sự về mọi ngành hoạt động: canh nông, y tế, kĩ nghệ, giáo dục... Ở các nước nhược tiểu. (Kể chung trai và gái, 63,7% thích dân dịch, chỉ có 20,6% thích quân dịch, khoảng 15% không có ý kiến – coi bài "Thanh niên Pháp ngày nay muốn gì?", trong cuốn Những *vấn đề của thời đại* của Nguyễn Hiến Lê - Mặt Đất xuất bản - 1974)
2. Muốn được tự do, tư tưởng và nhu cầu cá nhân phải được tôn trọng; ngay ở nhiều nước cộng sản, người ta đã muốn bỏ chế độ độc đảng mà đòi có nhiều đảng, mặc dầu cùng theo một chế độ chính trị; vì ai cũng nghĩ rằng có nhiều đường lối đưa tới chế độ xã hội chủ nghĩa, mỗi đường lối hợp cho một dân tộc, một giai đoạn nào đó, không nhất thiết phải theo đường lối của Nga hay của Trung hoa.
3. Muốn được công bằng, có sự bình sản, không có kẻ giàu quá, nghèo quá, không còn sự bóc lột cá nhân. Sự thực là ớ các nước tư bản tiến bộ hiện nay, nhờ pháp luật che chở, gần như hết sự bóc lột đó rồi. Lại thêm các xí nghiệp lớn thời này cần vốn rất lớn, không một người nào đủ vốn lập được, phải kêu cổ phần, và hạng thợ thuyền, thư kí cũng mua được cổ phần, do đó sự quản lí không ở trong tay một người, một gia đình, mà ở trong tay những người chuyên môn về quản lí, những kĩ thuật gia, những người này phải nghĩ đến cái lợi của xí nghiệp, không thể bóc lột vô sản trắng trợn như thế kỉ trước được. Sự bóc lột chỉ còn ở những nước lạc hậu thôi; ở các nước cộng sản tôi chắc một ngày kia hiện tượng quốc gia bóc lột cá nhân sẽ không còn khi mà nó không cần thiết để phát triển kinh tế, có thể làm trở ngại sự phát triển kinh tế nữa; lúc đó ở khắp thế giới, sự tăng tiến tài sản, lợi tức sẽ chung cả chứ không riêng cho một giới nào, giai cấp nào (tư bản hay cán bộ lãnh đạo).
4. Muốn hạn chế sự phát triển, sự sản xuất mỗi ngày mỗi nhiều để hưởng thụ rồi hưởng thụ một cách phí phạm để có thể sản xuất được nhiều, như vậy là phát triển để phát triển, phát triển một cách mù quáng, vô mục đích. Các nhà nghiên cứu ở Massachusett Institute of Technologie (MIT) đã họp nhau để tìm ý nghĩa, mục đích cho công việc của họ. Lên cung trăng rồi lên hỏa tinh để làm gì khi mà hai phần ba nhân loại còn đói?

Với lại chúng ta nên nhớ rằng văn minh kĩ thuật chỉ là một giai đoạn trong lịch sử, nó sẽ chấm dứt một ngày nào đó vì nó không thể phát triển vô cùng tận được. Đã có một số khoa học gia, kinh tế gia, chính trị gia chủ trương phải ngưng sự phát triển lại - người ta gọi họ là bọn Zégiste -; và nhiều thanh niên Âu Mĩ ghét lối sống ồ ạt, quay cuồng chạy theo vật chất, mà muốn có một đời sống ổn định, giản dị, gần thiên nhiên.

1. Người dân trong các nước tiên tiến, đặc biệt là giới thanh niên có học đã thấy chế độ dân chủ đại nghị (Parlementarisme) không hợp thời nữa. Dân chỉ mấy năm được đi bầu đại diện một lần, rồi đại diện của mình sẽ suy nghĩ, quyết định thay mình; như vậy là đem tương lai của mình giao phó cho

người chứ không phải là dự vào việc nước. Khắp thế giới, chế độ nào tự mệnh danh là dân chủ cũng là giả dối (hypocrisie) hết như Raymond Aron nói, vì không ở nước nào dân được làm chủ thực sự cả, không ở nước nào giai cấp bị bóc lột, ức hiếp cố thể lên cầm quyền cả. Khẩu hiệu "của dân, vì dân, do dân" không đúng. Có thể là của dân, vì dân (hiếm lắm!) nhưng có chính quyền nào là do dân điều khiển, định đường lối, chính sách đâu? Phải thay đổi chế độ ra sao cho dân có thề đích thân dự vào việc nước, đó là đòi hỏi chung của thế hệ đang lên.

Trừ nguyện vọng thứ 4 và thứ 5 là mới mẻ, không thể xuất hiện ở thời nông nghiệp được vì thời đó chưa có chế độ dân chủ đại nghị, cũng không có máy móc, không thể sản xuất nhlêu được; còn ba nguyện vọng trên: hòa bình, tự do, bình sản đều là nguyện vọng chung của nhân loại từ thời thượng cổ.

Khổng Tử, Lão Tử, Thích Ca, Ki Tô, chỉ trừ Mahomet, đều ghét chiến tranh; cả bốn vị đó đều muốn bình sản.

Khổng Tử trong bài 1 thiên Quí thị bảo: "Bất hoạn quả nhi hoạn bất quân" (Người trị nước không lo thiếu mà lo sự phân phối không quân bình); Lão Tử (chương 48 Đạo đức kinh) khuyên tổn hữu dư bổ bất túc (lấy bớt chỗ dư để bù vào chỗ thiếu), chương 77 lại hỏi: "Ai là người có dư mà cung cấp cho những người thiếu thốn trong thiên hạ?" Thích Ca trong kinh A Hàm cung khuyên phân phối tài sản cho công bằng, tuy không triệt để xóa bỏ giai cấp nhưng bảo mọi người phải có quyền lợi và nghĩa vụ như nhau, còn Ki Tô cũng như Mặc Tử rất bênh vực giai cấp nghèo.

Về sự tự do, Lão Tử có thái độ cực đoan, không muốn ban giáo lệnh cho dân, lại càng không ban cấm lệnh, vì càng nhiều cấm lệnh thì dân càng nghèo (chương 57). Đạo Nho có chủ trương ôn hòa, thực tế hơn. Sử chép vào khoảng 845 trước Tây 1ịch, Thiệu Công tâu với vua Chu là Lệ Vương:

"Khi nhà vua biết trị nước thì thi sĩ tự do làm thơ, kép hát tự do đóng trò, các viên thái sử chép đúng sự thực, các đại thần biết can gián, người nghèo không giấu nỗi bất bình về thuế má quá cao, thư sinh học bài lớn tiếng (...), dân bày tỏ ý kiến về mọi việc và ông già bà cả phàn nàn về đủ thứ" (Do Will Durant dẫn ớ đầu cuốn Văn minh Trung hoa).

Lời đó có thể chép vào đầu đời Hán, dù vậy chăng nữa thì 2.000 năm trước, triết gia Trung hoa cũng đã có những tư tưởng chính trị tiến hộ biết bao, phái mà ngày nay gọi là Tân tả phái (nouvelle gauche), cũng không hơn được.

##### Sự Tranh Chấp Giữa Nga Và Mỹ

Thế giới còn biến chuyển nhiều, chúng ta đương ở trong một thời hổn độn, không ai đoán được tương lai ra sao.

Trong hai chục năm tới chưa thể có một chính quyền thế giới (governement mondial) chưa thể đại đồng được, nhưng nhân loại cũng không bị diệt vì chiến tranh nguyên tử đâu. Cộng sản và tư bản

tuy xích lại nhau đấy - cộng sản hơi tự do hơn một chút, tư bản bớt bất công hơn; nhưng hai khối vẫn chống nhau (hễ loài người chưa bỏ được ý thức hệ thì còn chia rẽ), không có sự "hội tụ” được. Một học giả Mĩ nhận rằng dân chúng Nga thích chế độ của họ từ khi chế độ đó được cởi mở lần lần, và tuy muốn có một mức sống như Mĩ nhưng không muốn trở về chế độ tư bản, tuyệt nhiên không muốn cho cá nhân bóc lột cá nhân nữa, vì khắp thế giới không có dân nước nào được hưởng nhiều bảo đảm vật chất mà phải làm việc rất ít như dân Nga. Còn dân các nước tư bản thì đại đa số vẫn thích sự tự do kinh doanh, phải tranh đấu, lao lực hơn nhưng đời sống có hứng thú hơn, không bằng phẳng lặng lẽ tới buồn nản, mặc dầu một số thanh niên đã thấy sự cạnh tranh làm cho cuộc đời bận rộn quá. Tôi không biết nhận xét đó đúng tới mức nào, nhưng tôi thấy có lí.

Vậy thì Nga Mĩ không thể thắng nhau bằng ý thức hệ được; nhưng họ cũng không dám dùng chiến tranh nguyên tử để diệt đối phương vì cả hai sẽ chết hết. Chỉ còn một cách là dùng chiến tranh lạnh, tranh nhau ảnh hưởng ở châu Phi, châu Mĩ la tinh, Tây Á, Đông Á, ở những nước yếu mà có rất nhiều tài nguyên cần thiết cho sự phát triển kĩ nghệ của họ: dầu lửa ở bán đảo Á rập, Ba tư, mỏ cobaltz ở châu Phi, mỏ đồng, nhôm, uranium... ở châu Phi và châu Mĩ la tinh. Nước nào dùng ngoại giao, võ lực, tiền bạc hoặc thực phẩm mà liên kết, làm chủ được nhiều nước trong thế giới thứ ba đó, làm chủ được nhiều tài nguyên trên địa cầu thì kinh tế, kĩ nghệ nước đó sê mạnh mà thắng nước kia. Đó là chính sách của bọn thực dân mới. Khi nào chiếm hết tài nguyên trên mặt đất, họ sẽ tìm cách chiếm tài nguyên dưới đáy biển. Hiện nay các nước lớn đã họp hội nghị quốc tế để tìm cách vạch ranh giới trên biển, chia nhau khu vực ảnh hưởng. Thực dân còn sống dai lắm. Không còn chiến tranh vì ý thức hệ nữa, mà chỉ còn chiến tranh vì tài nguyên và chiến tranh này gay go hơn chiến tranh ý thức hệ nữa. Tôi sợ giữa thế kỉ sau, thế giới vẫn chưa thể đại đồng được.

Từ 1945 tới nay, phe tư hản phải lùi bước ở nhiều nơi, vì họ không đoàn kết với nhau, không cương quyết, kiên nhẫn, không đảng nào nắm quyền được lâu, và cũng vì họ phải tôn trọng dư luận quần chúng. Nhưng từ nay trở đi, nếu cương quyết thì họ giữ vững được trận tuyến vì khối cộng đã bị chia rẽ, Trung hoa đã bước qua khối Tây phương, Đông Âu cũng không liên kết chặt chẽ với Nga nữa; và cũng có thể các nước nhược tiểu lần lần thấy rằng theo Nga kinh tế cũng chẳng mau phát triển gì hơn theo các nước tư bản, trái lại là khác, như Bắc Hàn so với Nam Hàn, Trung hoa lục địa so với Trung hoa Đài loan. Đông Đức với Tây Đức. Mà không mau phát triển về kinh tế thì mức sống thấp hoài, dân cứ phải hi sinh hoài, sẽ chán nản, biết bao giờ mới đạt được mục tiêu của Marx, Lénine, là vượt tư bản về bình đẳng, tự do và phong túc.

Điều quan trọng nhất là phe tư bản, đặc biệt là Mĩ, phải bỏ chính sách ủng hộ bọn tham nhũng làm tay sai cho mình mà biết dùng hạng có tư cách, có tinh thần cách mạng, được dân chúng trọng. Simon Leys trong cuốn *Les habits neufs du Président Mao* (Ed. Champ Libre - 1977) trách Tây phương giúp triều đình Mãn Thanh hủ lậu dẹp bọn cách mạng Thái Bình thiên quốc; rồi qua đầu thế kỉ

XX, cũng lại ủng hộ Mãn Thanh dẹp phong trào dân chủ, coi thường Tôn Dật Tiên mà tin Viên Thế Khải; sau cùng nghi ngờ Tưởng Giới Thạch khi Tưởng tỏ ra cái vẻ một nhà cách mạng, mà hết lòng tin Tưởng khi Tưởng lộ chân tướng một nhà độc tài, không hề biết tới Mao Trạch Đông mặc dầu Mao được nông dân ngưỡng mộ. Đó là nguyên nhân chính khiến dân tộc Trung hoa không ưa Mĩ và Tây phương.

Mĩ cũng lại phải bỏ cái thói khinh miệt dân tộc nhược tiểu, vung tiền ra làm sa đọa họ, lập những ổ trụy lạc, cờ bạc, ma lúy, đĩ điếm như Han Suyin đã trách trong cuốn Un été sans oiseaux. Ngay ở nước ta cũng vậy, khi Mĩ chỉ gởi qua giúp mình một số cố vấn thì dân còn có cảm tình với họ, tới khi họ đổ bộ nửa triệu lính lên lãnh thổ mình, làm xáo trộn xã hội mình thì mình chỉ mong họ thua mà cút đi càng sớm càng tốt.

Nếu phe tư bản không thay đổi chính sách và thái độ đó thì sẽ thua cộng sản. Cộng sản sẽ lấn dần như tằm ăn dâu nhờ đường lối mềm dẻo của họ, kiên nhẫn nhắm hoài mục đích, không lúc nào quên, hễ tư bản lửa rơm tỏ vẻ hung hăng thì họ đấu dịu, đợi lúc tư bản quên đi, lo hưởng lạc, hoặc chán nản thì lại âm thầm tiến tới.

### *Sửa Sai*

Hôm nay là ngày Thương binh Liệt sĩ (27-7-81 ), tôi viết thêm mươi trang này để thay ba trang 629-631 trong bản đầu tiên, mà tiêu đề là "Nhân năng hoằng đạo".

Tôi nhớ đâu như đảng cộng sản Việt nam thành lập năm 1930. Đến nay đã nửa thế kỉ, đã có mấy triệu người ở trong đảng và ngoài đảng cùng nhau hi sinh để mong xây dựng một tương lai tốt đẹp cho quốc gia, dân tộc?

*Xương các vị đó gom lại, chất lên, chắc thành một ngọn núi cao lớn gấp 10 ngọn núi Nùng*.

Anh hồn các vị đó nếu linh thiêng, nhìn xuống tình cảnh dân tộc mình mà tôi mới phác họa vài nét trong chương XXXl sẽ phẫn uất ra sao, có về dự lễ ngày hôm nay nữa không. Anh hồn của ông Hồ nữa! Tất cả những người có tâm huyết tôi được biết, tuổi từ 50 trở lên đều có lời than thở như vậy. Thật bi thảm! Ai ngờ đâu?

Trong dân gian miền Nam này đã xuất hiện câu:

*Quốc gia đã phá tán Cán bộ hóa tư bản*

*Dân chúng đều chán nản Dắt díu nhau di tản.*

Không biết câu đó đã ra tới Bắc chưa? Những người nào muốn cố giữ lòng tin thì chỉ còn tự an

ủi rằng: Nga và Trung hoa đã trải qua một thời như vậy; đó là một thứ bệnh “tuổi thơ" của chế độ, cũng như bệnh sốt, đỉ tướt, mọc răng của em bé; rồi đây sẽ qua cơn "phát dục" (crise de croissance), chế độ sẽ tốt đẹp, mạnh mẽ. Nhưng tôi tự hỏi còn nhiều nước khác cũng theo xã hội chủ nghĩa như Nam tư, Đông Đức..., họ có mắc thứ bệnh đó không? Hay là họ có cách đề phòng, có thuốc chữa? Còn dân tộc Pháp, sau này có thể theo xã hội chủ nghĩa, có sẽ phải trải qua một cơn phát dục như vậy không?

Mới ba bốn năm nay, bệnh hóa trầm trệ, nhưng nó đã bắt đầu phát từ lâu rồi, theo lời nhiều bạn trí thức của tôi ở Bắc thì từ mấy năm trước khi Hồ chủ tịch mất; và như tôi đã nới, một tờ niên báo kinh tế bằng tiếng Anh ở Hương cảng cuối năm **1974** đã nhận thấy ba chứng này của Bắc việt: *quản lí dở, thiếu kĩ thuật gia, nhiều tham nhũng*, vì vậy mà kinh tế Bắc không tiến được.

Tôi cho rằng truy nguyên lên thì lỗi lầm của mình bắt đầu từ 1950, hay trễ nhất là từ 1954: chính quyền không hiểu hoàn cảnh nước mình mà muốn tiến mau quá. Dục tốc thì bất đạt.

1. Trong phần 1 chương VII và phần II chương XIV tôi đã nói: tới 1945, nước mình vẫn là một nước nông nghiệp rất nghèo, kĩ nghệ chưa phát triển, thợ thuyền rất ít mà giới sĩ phu xuất thân từ bình dân, đa số có đạo đức, sống giản dị như bình dân, được dân chúng kính trọng, nên không có giai cấp đấu tranh (hiểu theo Karl Marx); thực sự là hạng bóc lột thì chỉ có bọn tư bản Pháp và một số rất ít đại điền chủ ở trong Nam thôi.

Trong cuộc kháng chiến 1945- 1954, gần như toàn dân theo hoặc có cảm tình với ông Hồ Chí Minh vì ông là một nhà cách mạng lão thành, kiên cường, có nhiều kinh nghiệm, tiêu biểu cho lòng ái quốc của dân tộc; chúng ta theo ông để đuổi Pháp ra khỏi nước, diệt bọn tư bản ngoại quốc và một số tay sai của chúng, chứ không phải để diệt những đồng bào có dăm ba mẫu ruộng, một xưởng dùng vài ba chục thợ hoặc một cửa hàng dùng dăm bảy người bán hàng. Rất ít người có lòng căm thù giai cấp, muốn tạo một xã hội cộng sản. Hoàn cảnh của ta khác xa Nga và Trung hoa: Nga có những lãnh chúa làm chủ cả mấy ngàn héc-ta, cả chục ngàn nông nô; Trung hoa cũng có lãnh chúa, có bọn quân phiệt như một ông vua trong một hai tỉnh mà mỗi tỉnh rộng bằng cả miền Nam nước mình.

Mấy năm đầu kháng chiến, nhờ tinh thần đoàn kết của nhân dân, quân đội của ta mỗi ngày một mạnh, đương đầu nổi với quân Pháp mặc dầu khí giới rất ít, xấu. Rồi từ 1950, Mao thống nhất Trung quốc rồi, giúp mình khí giới và cán bộ, nhưng buộc ông Hồ phải lập lại đảng cộng sản đã bị giải tán từ 1946 để đoàn kết nhân dân, thu hút hết các đảng phái. Và ông Hồ dã theo ý Mao, lập lại đảng cộng sản, đổi tên là đảng Lao động (có lẽ ông biết dân không ưa danh từ cộng sản). Vậy là ông đã biến cách mạng dân tộc thành cách mạng vô sản, đúng đường lối của Mao. Từ đó giữa các cán bộ đảng viên và các cán bộ có khuynh hướng hoàn toàn quốc gia, xảy ra những chuyện xích mích và một số người kháng chiến bỏ về thành nhiều hơn trước.

Năm 1954, thắng Pháp rồi, Việt nam lại theo Mao Trạch Đông, tố khồ các điền chủ mặc dầu họ

chỉ có vài mẫu ruộng, mặc dầu họ đã kháng chiến, hoặc có con theo kháng chiến, lập được nhiều công. Thế là *trên 800.000 người bỏ quê hương mà di cư vô Nam*. Hố chia rẽ sâu thêm.

Trong chiến tranh Việt Mĩ, có thể nói không có gia đình nào trong Nam không có ít nhất là một người giúp Mặt trận giải phóng hoặc có cảm tình với Mặt trận. Điều đó tôi có nói rõ ở chương XXXl; Vậy mà thắng Mĩ rồi, người nào ở từ sông Bến hải trở vào mà không kháng chiến cũng bị coi là ngụy hết, bị đối xử có khi còn tệ hơn thời thực dân Pháp nhiều. Và chỉ hơn một năm sau, *những lời hứa hẹn của Mặt trận* (tự do dân chủ, trung lập, không trả thù...) *bị nuốt hết*; miền Nam thống nhất với Bắc dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, Mặt trận bị giải tán. Người Nam nào cũng thất vọng, bất bình. Không còn gì là đoàn kết nữa. Giữa người Bắc và người Nam, giữa người Nam với nhau nữa, kháng chiến với không kháng chiến, có cái không khí giữa thực dân và dân bị trị. Chính ông Đào Duy Anh ở Bắc vào cũng thấy vậy nên trong một cuộc hội họp về thống nhất quốc gia, đã bảo cần nhất là phải thống nhất nhân tâm đã

1. Cũng vì muốn cấp tốc thành lập xã hội chủ nghĩa, sợ bỏ lỡ "cơ hội ngàn năm một thuở" (lời một cán bộ), người ta hấp tấp dựng các cơ sở mới, nhồi chính trị vào đầu óc dân, chú trọng đến chính trị hơn kinh tế, tưởng rằng nếu dân thuộc được mấy khẩu hiệu: tư bản bóc lột, giai cấp đấu tranh, đảng lãnh đạo, vô sản làm chủ, lập hợp tác xã nông nghiệp, làm chủ tập thể, lao động là vinh quang, cùng nhau thi đua..., là Việt nam thành một nước xã hội chủ nghĩa, tiến kịp Nga sô, hơn Trung hoa và Đông Đức rồi. Người ta không hiều rằng nếu kinh tế không phát triển, dân nghèo đói thì vô sở bất vi, hóa ra ăn cắp, ăn trộm, ăn cướp, tham nhũng, buôn lậu... không còn nhân cách nữa, mà xã hội sẽ thành một xã hội đồi trụy, chứ đâu phải là xã hội xã hội chủ nghĩa.

Người ta theo sát Mao Trạch Đông, trọng hồng hơn chuyên. Nhưng chuyên đã không có mà cái hồng chỉ có bề ngoài thôi, còn bề trong thì trắng, một màu trắng lem luốc. Điều này tôi đã nói nhiều rồi, không muốn nhắc lại. Biết mấy ngàn giờ học chính trị chỉ như nước đổ lá khoai, tới nỗi cán bộ đi học cũng phải ngán, bực mình thốt lên: "Càng học càng dốt, vì người dạy dốt quá".

Dốt mà dạy dân, lại trị dân nữa, chả trách trong một buổi họp của hội Trí thức yêu nước ở thành phố Hồ Chí Minh, một vị đã bực mình phải thốt lên câu này: "*Tôi chấp nhận vô sản chuyên chính nhưng không chấp nhận vô học chuyên chính*". Vị đó bị bắt giam ngay ít giờ sau buổi họp.

Muốn phát triển kinh tế thì một nước nghèo, lạc hậu như nước mình cần rất nhiều vốn để đầu tư, nhiều kĩ thuật gia giỏi. Kĩ thuật gia giỏi của mình ở ngoại quốc khá nhiều, nhưng họ không kháng chiến (dĩ nhiên), không được "học chính trị" (cũng dĩ nhiên nữa) nên họ "không thể hồng' được, không thể dùng được, trừ một số rất ít. Còn vốn đế đầu tư thì sau mấy chục năm chiến tranh, mình làm gì có?

Trông ở nước ngoài không được: các nước tư bản ngán mình quá từ khi mình tuyên bố là nước xã hội chủ nghĩa có lẽ từ trước nữa, từ năm 1956 kia: các xí nghiệp Pháp ớ Bắc đã phải rút vốn về làm ăn

nơi khác rồi; còn các nước anh em thì tuy quí mình lắm, nhưng lại ít vốn, còn đương lo kiến thiết cho họ. Đành phải đầu tư bằng sức lao động của dân, bắt dân làm việc nhiều mà ăn ít; ăn ít thì không đủ sức, làm tà tà, láy lệ, sản xuất mỗi ngày một kém cả về lượng lẫn phẩm, rốt cuộc kinh tế càng suy hơn và chính cán bộ phải phàn nàn rằng chính phủ bóc lột dân quá mức. thiếu cái tình người.

1. Sai lầm thứ ba, tôi cũng đã nói rồi, là sau khi đuổi được Mĩ đi, mình chưa kịp lấy lại sức, đã nuôi cái mộng làm bá chủ bán đảo Đông dương, thành một cường quốc ở Đông nam Á, không tự lượng sức mình, cũng không nhận định được tình hình thế giới, khiến Trung hoa, Miên, Thái, Mĩ, Nhật đâm ghét mình mà mấy năm nay mình bị sa lầy ở Miên, bị quấy rối ở Bắc Việt, phải nhờ cậy vào uy thế của Nga, do đó lại bị sa lầy hơn nữa, và không biết bao giờ mới gỡ khỏi nước bí đó.

Muốn sửa sai, chúng ta phải

* gây lại lòng tin của dân, tình đoàn kết của người Nam, không phân biệt cách mạng hay ngụy nữa, không phân biệt giai cấp (ở một chương trên tôi đã nói có tới 12 giai cấp), rút bớt quyền lợi của đảng viên đi, đảng viên phải sống khổ như dân, làm việc nhiều hơn dân để làm gương cho dân; diệt tệ quan liêu, bè phái, tham nhũng... cho dân tự do phát biểu ý kiến về mọi vấn đề trong các cuộc hội họp, trên báo, trên đài phát thanh...
* trọng kĩ thuật hơn chính trị, chuyên hơn hồng, chuyên dễ biết được, còn hồng nhiều khi chỉ là bề ngoài, chuyên mới đắc lực trong việc kiến thiết; bỏ một số cơ quan, rút thật nhiều nhân viên trong các sở đi mà đồng thời tạo công ăn việc làm cho mọi người; cho dân đủ sống, đừng bóc lột dân quá; bỏ các địa phương đi hoặc rút lại còn hai ba thôi; cho những người đi cải tạo về...;
* rút ra khỏi cảnh sa lầy ở Miên, lấy lại tình hòa hảo với các nước ở Đông Á; Từ cuối năm 1980, nhất là gần đây, chính phủ đã nghĩ tới việc sửa sai đó, đã:
* thực tâm muốn diệt tham nhũng, cách chức, bỏ tù một số, kết quả chưa thấy gì: bọn đó nhiều quá, nếu diệt cho hết thì không có người làm việc mà sẽ gây nhiều cuộc chống đối vì chúng có gốc rễ lớn; và hình như đương tính sẽ cho các cán bộ hồng nhưng không chuyên về vườn hết;
* nghĩ tới lợi ích cá nhân, cho nó cũng quan trọng như lợi ích đoàn thể, lợi ích quốc gia; dùng chính sách khoán sản phẩm cả trong nông nghiệp lẫn công nghiệp, cứ theo báo chí thì nhiều nơi có kết quả, nhưng ở Trung cũng có nơi dân phàn nán rằng khoán nặng quá; họ phải làm việc nhiều hơn mà không có lợi gì hơn trước hoặc có chút lợi thì không bõ công, nên họ bỏ vô Nam kiếm cách sinh nhai; tăng gấp đôi lương công nhân và viên chức nhưng đồng thời tăng giá mọi mặt hàng, có thứ gấp bốn gấp mười và ở chợ trời và thị trường tự do, vật giá tăng theo, thành thử đời sống của họ không được cải thiện chút nào, rốt cuộc là cho tay này chính phủ lấy lại bằng tay kia, có vậy mới giữ đồng bạc khỏi bị phá giá kinh khủng như Trung hoa thời 1945-1949. Phải trừ tận gốc, vá víu không ích lợi gì.
* muốn cùng với Trung hoa và khối Asean tìm một giải pháp cho Cao miên nhưng đề nghị của mình bị họ bác bỏ mà đề nghị của họ mình cũng bác bỏ ở Liên hiệp quốc, vậy là hai bên chưa nhích được một bước nào lại gần nhau.

Điểm cuối này rất khó giải quyết vì ta không chủ động được còn phải tùy thuộc ba nước lớn: Trung hoa, Nga, Mĩ mà Trung hoa và Mĩ, cả khối Asian nữa cương quyết không chịu cho Nga đặt chân lên miền Đông Nam Á. Tôi ngại rằng Đông Nam Á sẽ thành như Tây Á, lộn xộn trên 35 năm rồi mà chưa biết bao giờ mới yên được.

Tóm lại chính phủ có vẻ rụt rè quá. Trong nội các mới thành lập tháng 7-1981, các chức vụ quan trọng nhất vẫn ở trong tay những người cũ, chỉ đổi chỗ của Trường Chinh và Nguyễn Hữu Thọ lẫn cho nhau mà thôi. Trường Chinh lên làm chủ tịch nhà nước, Nguyễn Hữu Thọ làm chủ tịch quốc hội, mười điều mới sửa lưng chừng được một, hai.

Chính phủ nào cũng vậy, dù là chính phủ cách mạng đi nữa, khi đã nắm chính quyền được vài ba chục năm thì cũng hóa bảo thủ. Vì có muốn làm cải cách lớn lao thì rất ngại gặp nhiều sự chống đối của những kẻ sợ mất quyền lợi và xã hội sẽ bị xáo động trong một thời gian lâu như Trung hoa hiện nay. Sự sai lầm đã đâm rễ sâu quá thì dễ gì bứng được? Cho nên phải sáng suốt sửa ngay từ khi nó mới phát. Như kinh Dịch nói: "Lí sương, kiên băng chí": đạp lên sương thì biết là băng dày sắp đến, phải sớm biết để đề phòng kịp lúc.

### *Một Lối Phát Triển Riêng - Một Lối Sống Riêng*

Nếu may mắn ta giải được tất cả những khó khăn hiện tại thì ta phải đặt lại vấn đề chính trị và phát triển kinh tế để đạt được những mục tiêu này:

thành một nước thực sự độc lập, tự do

không cần mạnh, giàu, chỉ cần tạo được hạnh phúc cho dân.

Tôi đã nghĩ đến vấn đề đó từ lâu, đã phát biểu vài ý kiến rải rác trong cuốn *Một niềm tin* (1965), rồi trong bài tựa cuốn *Bài học Israel* (1968), trên tạp chí Bách khoa (số 424 ngày 1 -3-75). Dưới đây tôi gom những ý đó 1ại, bổ túc, sửa đổi ít điểm cho có hệ thống.

* Khi đã rút ra khỏi đầm lầy Cao miên, chúng ta nên tuyên bố với thế giới rằng chúng ta theo chính sách trung lập hoàn toàn trọng hòa bình, không gây chiến, không tham chiến, giảm binh số, vũ khí tới mức tối thiểu, chỉ còn là một lực lượng cảnh sát trong nước thôi.

Dĩ nhiên ta sẽ không đứng vào một liên minh quân sự nào hết, yêu cầu các nước lớn cho ta đứng ngoài các cuộc tranh chấp của họ, tự đặt ra ngoài các khu vực ảnh hưởng của họ, không mua khí giới, nhận khí giới của nước nào cả không dự cả những cuộc vận động phi liên kết nữa vì tôi nghĩ rằng

những vận động đó càng có nhiều nước dự lại càng dễ biến chất đi, không nhiều thì ít bị ảnh hưởng của khối này hay khối khác, hoặc có cảm tình với khối này, khối khác mà hễ được cảm tình của khối này thì mất cảm tình của khối khác, gây thêm sự xung đột nữa. Vả lại nhiều nước dự thì thế nào cũng có lúc ý kiến sẽ khác nhau rồi lần lần chia rẽ, tan rã, lúc đó sẽ bị các nước lớn lung lạc. lôi kéo.

Chính sách tôi đề nghị đó mới thực sự là phi liên kết, âm thầm, không khen chê ai hết, không để cho ai lấy cớ mà lợi dụng mình được.

Không, chúng ta cứ tuyên bố thẳng rằng chúng ta không muốn nghe nói tới chuyện tranh chấp của các khối, xin các khối quên chúng ta đi, như không có chúng ta trên bản đồ thế giới của họ, đừng nhắc một lời nào đến chúng ta.

Khối nào hay nước nào muốn ức hiếp ta, trừng trị ta về kinh tế, chúng ta còn vui nữa (coi đoạn dưới); nếu trừng trị ta bằng võ bị thì chúng ta không chống lại, có giết dân, chiếm đất, cướp mùa màng, tài sản của chúng ta, chúng ta cũng không kháng cự, chúng ta chịu chết để xem khắp thế giới có thái độ ra sao. Nếu có nước nào tự nguyện đem khí giới, quân đội giúp chúng ta chống lại xâm lăng, chúng ta sẽ khẩn khoản xin họ "đừng, đừng". Nếu họ cứ vô để đánh nước xâm lăng chúng ta thì chúng ta sẽ dắt díu nhau đi chỗ khác để hai bên giết nhau. Chúng ta sẽ chết nhiều đấy, trước khi thế giới động lòng mà có thái độ cương quyết với kẻ xâm lăng; nhưng chúng ta sẵn sàng chịu sự hi sinh đó, coi đó là một điều kiện không thề thiếu được để giữ sự tự do, độc lập hoàn toàn của mình. Chết như vậy tôi cho là sẽ ít hơn và có ý nghĩa hơn chết vì mượn sức nước khác để chống kẻ xâm lăng, rồi lại làm tôi tớ cho nước khác đó. Dân tộc mình không thể bị diệt được, và qua cơn thử thách đó rồi, chúng ta sẽ được yên ổn sống, vĩnh viễn sống trong hạnh phúc.

* Như vậy chỉ cần hi sinh nhiều lắm là một thế hệ thôi mà tạo hạnh phúc cho các thế hệ sau.
* Đó là về võ bị, ngoại giao. Về kinh tế, chúng ta tìm một đường lối phát triển riêng.

Từ thế kỉ XVlII, nhờ những tiến bộ khoa học, những phát minh cơ giới như máy hơi nước, xe lửa, máy điện, máy nổ... Tây phương mỗi ngày mỗi phát triền về kinh tế; họ cải thiện phương pháp tổ chức, sản xuất mỗi ngày một mạnh, bóc lột công nhân để đầu tư, hóa giàu, mạnh, đi chinh phục thế giới, gây nạn thực dân, gây thế chiến; bây giờ đây, sản xuất quá thừa thãi, họ mắc cái bệnh tiêu thụ phí phạm, tiêu thụ để sản xuất, sản xuất để tiêu thụ, mà đời sống của họ mỗi ngày một bận rộn, quay cuồng, không còn thì giờ đề hưởng sinh thú nữa (Coi cuốn *Travailler deux heures par jour* - Ed. du Seuil - 1979).

Phương pháp phát triển của họ rất có hiệu quả, các nước cộng sản Nga và Trung hoa muốn vừa xây dựng xã hội chủ nghĩa, vừa phát triển cho thật mau để đuổi kịp họ, mạnh như họ, nhưng không kiếm được đường lối nào riêng đã theo đường lối của họ, dùng phương tiện của họ: tập trung tài nguyên và

quyền hành, bóc lột giai cấp lao động; như vậy là lấy phương tiện làm cứu cánh, rút cuộc là "không có được một cứu cánh nhân bản (finalité humaine), thành một chế độ tư bản về bản chất mà mang những xấu xa, hủ hóa của chế độ xã hội" (capitalisme dans son enence et socialisme dans ses perversions), như Garaudy đã nhận định trong cuốn *L’anternative* (Robert Laffont – Paris 1972)[38](#_bookmark68). Và ông bảo Pháp phải kiếm một đường lối phát triển riêng, nhưng ông chưa đưa ra một đường lối nào cả.

Chúng ta nghèo lại càng phải kiếm một đường lối hợp với hoàn cảnh, tài nguyên thiên nhiên, mức tiến hóa còn rất thấp của mình. Chúng ta phải sống theo lối nghèo, đừng đua đòi Âu Mĩ. Trong giai đoạn hiện tại, chúng ta chỉ nên nhắm mục tiêu này: làm sao cho dân chúng đừng đói rét, đau có thuốc uống, và đồng thời giảm lần lần được sự bất quân trong xã hội, mà vẫn giữ được cái tình người. Tôi cho rằng hạnh phúc của dân ở đó chứ không phải ở chỗ được làm dân một cường quốc trên thế giới đi chinh phục nước người để bỏ thây ở rừng rậm, sản xuất thừa thãi để sống quay cuồng bừa bãi.

Chúng ta chỉ lựa những kĩ thuật nào thật cần thiết cho quốc gia trong đường lối phát triển chúng ta đã tự vạch, chẳng hạn kĩ thuật canh nông, chế tạo máy cầy, phân bón, dược phẩm, đồ điện, máy bơm nước, máy dệt, máy giấy...; còn kĩ thuật của các nước tiên tiến, không hợp với nhu cầu của mình mà quá lốn tiền, chỉ lợi cho một phần nhỏ nhân dân, lại phải tùy thuộc vào sự viện trợ của nước ngoài về nguyên liệu, về kĩ thuật gia, về đồ phụ tùng thì nhất định phải gạt ra ngoài, đừng cho thanh niên học về những ngành đó.

Nếu có thể được, ta hợp tác với vài nước cũng kém phát triển như mình, nhu cầu như nhau nhưng tài nguyên khác nhau, đề thành một khối bổ túc nhau về kinh tế.

Điều quan trọng nhất là ta phải tự lực cánh sinh, đừng nhận một sự viện trợ có điều kiện chính trị nào của các cường quốc; nếu nhận thì là tự đút dầu vào cái tròng của họ mà mất tự do, độc lập. Ta phải rán "trồng lúa lấy mà ăn, dệt vải lấy mà bận, can đảm sống lối sống riêng của mình, hòa thuận nhau, bao dung nhau, không ai giàu quá, không ai nghèo quá, chẳng cần ti vi, máy lạnh, những phim cao bồi, những nhạc bi bóp...”, (tựa Bài học Israel - 1968).

* Về chính trị ta càng cần có một chế độ riêng. Như ở điểm 5 tiết "Nguyện vọng của con người thời nay" tôi đã nói, khắp thế giới, nước nào cũng tự xưng là dân chủ, tự do mà không ở nước nào, người dân được làm chủ, được dự vào việc nước cả. Tại các nước dân chủ đại nghị thì dân chỉ được mấy năm đi bầu đại diện một lần, rồi đại diện của họ sẽ suy nghĩ, quyết định thay họ. Tại các nước xã hội chủ nghĩa như nước mình thì dân chỉ được bầu những người mà đảng đưa ra, những người mà dân có khi không biết mặt mũi ra sao, chưa được nghe tên tuổi một lần nào nữa. Garaudy trong sách đã dẫn bảo ngay trong các nước cộng sản châu Âu, giai cấp thợ thuyền mang danh làm chủ quốc gia mà sự thực không có chút quyền gì cả, vẫn bị ức hiếp; còn bọn cầm quyền tự cho mình là đồng nhất với thợ thuyền, tiếng nói của mình là tiếng nói của thợ thuyền, do đó có bổn phận thay thế thợ thuyền để cai trị,

rồi dùng danh nghĩa đó đề thi hành dưới thời Staline, một chế độ độc tài ghê gớm nhất từ xưa tới nay. Vậy thì ta có nên theo gót tư bản hay cộng sản không? hay phải tìm cách nào, giáo dục dân cách nào cho dân được thực sự dự vào việc nước?

* Về nhân sinh quan. Cuối chương XXlV tôi đã nói thời này cứ khoảng 25 năm thì tri thức của loài người tăng lên gấp 4, không ai có thể học hết được, dù chỉ những đại cương; nhưng kĩ thuật điện tử sẽ giúp ta ghi những tri thức đó rồi khi nào ta muốn dùng thì máy sẽ tìm cho ta trong vài giây, như vậy ta không cần nhớ nhiều nữa, chỉ cần luyện óc tưởng tượng, tập có sáng kiến, khéo dùng những điều máy điện tử lựa ra cho ta. Ở nước ta, không biết tới đời nào, học giả, học sinh mới có những máy đó để dùng, nhưng từ bây giờ, trong việc giáo dục, chúng ta cũng nên chỉ cho thanh niên biết dùng kiến thức của họ hơn là nhớ nhiều. Dĩ nhiên, chương trình phải hợp với nhu cầu và mục tiêu chúng ta đã vạch. Mục tiêu đó là dựng một xã hội mới theo một lối sống mới, một nhân sinh quan mới.

Chúng ta nên cho thanh niên hiểu rằng đừng nên mơ mộng hão huyền, mong một ngày kia đuổi kịp Âu, Mĩ về phát triển, kinh tế, cơ giới, kĩ nghệ được. Mình có thể có một số anh tài, bác học gia, phát minh gia, nhưng số đó rất nhỏ so với các nước giàu có, tiên tiến; còn về sự phát triển tính theo lợi tức trung bình mỗi năm của mỗi đầu người thì cái hố cách biệt giữa mình và Âu, Mĩ, sẽ mỗi ngày sẽ sâu thêm: hiện nay mình chỉ bằng 1/100 của Mĩ, vài chục năm nữa có thể chỉ bằng l/200: nước mình nghèo, tài nguyên ít, vốn thiếu, có gắng sức lắm thì họ tiến được 10, mình tiến được 2; càng ngày họ càng để mình lùi lại xa ở sau.

Mà ví dụ có do một phép mầu nào, chẳng hạn tìm được mỏ dầu lửa, phong phú như ở Koweit, hay mỏ vàng, mỏ kim cương như ở Nam phi..., lại có đủ kĩ thuật gia để khai thác, có thể phát triển mau được mà trong ít chục năm theo gần kịp một nước như Gia nã đại, Tây Đức, Nhật bản, bước vào giai đoạn hậu kĩ nghệ, vào "kỉ nguyên thừa thãi” (èrc d’abondance), sản xuất quá nhiều, tiêu thụ không hết, ví dụ may mắn mà được như vậy thì ta thử hỏi lối sống của Âu, Mĩ mà Nga, Trung hoa mong đạt được đó, nó có tốt đẹp không?

Chương XXIV tôi đã vạch ra sự phi lí của cáỉ vòng luẩn quẩn tiêu thụ để sản xuất, rồi sản xuất để tiêu thụ; nó phi lí mà lại gây ra nạn chiến tranh giữa các cường quốc đi chiếm đất, chiếm tài nguyên của các nước lạc hậu như mình; nó lại khiến cho tài nguyên thế giới mau cạn, không khí, sông biển, đất đai bị nhiễm độc; nó tạo nên một lối sống quay cuồng, chật vật, hết sinh thú, một đời sống bất an của bọn "nouveaux nomadcs", dời chỗ hoài, có nhà cửa mà không có tổ ấm, gần như không có gia đình nữa; nguy nhất là nó sẽ làm cho cá nhân lúc nào cũng bị kiểm soát chặt chẽ, mất hết tự do; đầu thế kỉ sau nó sẽ đưa nhân loại tới đâu nữa, tôi không biết, nhưng chắc chắn là cái tình người càng ngày càng mất.

Văn minh hậu kĩ nghệ (post industriel) của phương Tây như vậy đó. Ngay ở phương Tây cũng đã

có nhiều người chán nó. Chúng ta cần thay đổi nhân sinh quan, xét lại quan niệm về hạnh phúc, kiếm một lối sống khác.

Chúng ta đừng đo hạnh phúc bằng lợi tức hằng năm, bằng đô la nữa. Lợi tức của các nước kĩ nghệ tiên tiến gấp trăm ta nhưng họ đâu có sướng gấp trăm ta. Không phải cái gì cũng đánh giá bằng tiền được. Đời sống vật chất tới một mức nào đó thì nên cho là đủ, không nên đeo đuổi hoài sự tấn bộ vật chất mà bỏ đời sống tinh thần, tình cảm đi. Sự phát triển về kinh tế tới một mức nào đó cũng phải ngừng, không thể tiến hoài được, tiến hoài thì sẽ đi tới đâu? Bộ Trang Tử kể chuyện một ông lão làm vườn chịu khó nhọc gánh từng thùng nước từ giếng lên để tưới rau, chứ không chịu dùng một cái "máy" đằng sau nặng, đằng trước nhẹ, đem nước lên rất dễ cho đỡ phí sức, chỉ vì ông ta nghĩ hễ dùng cơ giới thì tất có cơ sự, rồi có cơ tâm. Ông ta có lí một phần, nhưng người sáng suốt thì biết dùng cơ giới mà vẫn không có cơ tâm, nghĩa là không làm nê lệ cơ giới. Sở đoản của phương Tây là làm nô lệ cho cơ giới. Chúng ta có lúc dùng xe hơi, máy bay, nhưng cũng có lúc chỉ dùng xe đạp và nếu trời mát, có nhiều thì giờ thì ta đi bộ.

Sống giản dị, ăn uống thanh đạm, vui vẻ với nhau, có tình cảm, biết hưởng cái vui tinh thần trong cảnh thiên nhiên, tôi cho như vậy là hạnh phúc, mà hạnh phúc đó đâu có cần lợi tức nhiều.

Một số nhà khoa học phương Tây, như Lynton K. Caldwell trong cuốn *In defense of Earth* ( 1972), Victor C. Ferkiss trong cuốn *Technological man* (1969), đã khuyên chúng ta trở về đời sống thiên nhiên, vì con người là một phần của thiên nhiên, hễ làm trái thiên nhiên thì gặp họa. Thuyết của họ giống thuyết Lão, Trang. Một số thanh niên Âu Mĩ bây giờ thích đọc Đạo đức kinh của Lão, chán văn minh kĩ nghệ của họ rồi.

Trong hai tạp chí Pháp cách đây 7-8 năm, tôi thấy đăng tin ở Mĩ, không nhớ tiểu bang nào, một số người Mĩ lập một làng, sống chất phác, sung sướng, gần với thiên nhiên, chỉ dùng rất ít cơ giới, tựa như đời sống thời đại nông nghiệp; nhiều người ở các nơi khác xin gia nhập, làng phát triển, du khách tò mò tới coi khá đông. Ở Pháp cũng có một làng như vậy ở miền Normandie hay Bretagne, đã trên nửa thế kỉ nay giữ nếp sống nông nghiệp thời thế chiến thứ nhất, không dùng xe hơi mà dùng xe ngựa, cày ruộng, trồng trọt, câu cá toàn bằng những dụng cụ thời trước, không có ti vi, chỉ có vài máy thâu thanh cho cả làng để chỉ bắt những tin cần biết, tục cổ giữ được hết; có một số thanh niên bỏ làng ra tỉnh hoặc đi nơi khác nhưng số đông ở lại và những người lớn tuổi thì thỏa mãn về đời sống đó lắm.

Đọc hai thiên du kí đó tôi mong được tới nơi sống một thời gian xem đời sống và tình người ra sao. Có vẻ như Đào hoa nguyên kí của Đào Tiềm.

Ở những nước văn minh, tự do cá nhân được tôn trọng thì có thể có nhiều làng kiểu đó. Nhưng cả một nước năm sáu chục triệu dân mà muốn sống biệt lập ra ngoài lề thế giới thì tôi biết rằng khó quá. Các nước đàn anh rất văn minh nỡ lòng nào để cho mình một đời dã man như vậy! Chê nhạc giật

gân, vũ lõa thể, báo khiêu dâm của họ thì được, hoặc chê cả phi cơ phản lực, vệ tinh nhân tạo của họ thì cũng được đi; đến như tẩy chay những vũ khí tối tân, cứ 5 năm lại cải tiến một lần, những khí giới hóa học, vi trùng, những bom hạch tâm của họ thì là phản động rồi, họ đâu chịu tha thứ, nhất định phải lôi mình về thế giới văn minh của họ chứ. Tôi biết vậy. Hình ảnh một nước Việt nam tôi đã phác họa ở trên chỉ là một không tưởng, nhưng tôi vẫn giữ nó; có lúc lại còn mơ tưởng một ngày kia, Việt nam thành một cái "havre", một cái bến yên lặng cho nhân loại nữa. Và du khách thế giới kéo nhau tới thăm... Biết đâu chừng![39](#_bookmark69).

(Hôm nay, 2-10-81, đọc lại tiết này, tôi thấy chính sách của tôi chỉ là chính sách bất bạo động, bất hợp tác của Gandhi áp dụng vào một nước nhược tiểu đối với các cường quốc trên thế giới.)

## PHỤ LỤC

### *Kinh hoàng trên đảo Kokra (Trích báo Đất Mới – Tin tỵ nạn)*

Những thảm cảnh trên biển Thái lan vẫn tiếp tục xảy ra hãi hùng cho đồng bào tị nan. Một trong những thảm cảnh này vừa được phanh phui do những nhân chứng đã được cứu thoát qua những cơn kinh hoàng trong 21 ngày tại đảo Kokra do bọn hải tặc Thái lan gây ra. Trong số nhân chứng có nhà văn Nhật Tiến và hai vơ chồng nhà báo, ông bà Dương Phục, đã được đưa ra ánh sáng cho dư luận thế giới được biết vì những thảm cảnh hải tặc thường được các nhà chức trách Thái lan làm ngơ vì bất lực và bọn cảnh sát Thái lan thì đồng lõa để ăn có với bọn cướp nên chúng tự do hoành hành.

Đảo Kokra, một đảo hoang trong vịnh Thái lan đã trở nên sào huyệt không che giấu của bọn hung thần ác quỷ.

Có 157 đồng bào bị bọn hải tặc giam giữ trên đảo là do nhiều toán khác nhau mà chúng đưa đến để bóc lột. hãm hiếp, hành hạ... cực kì dã man không bút nào tả xiết, và ngoài sức tưởng tượng của con người. Sau đây là một vài thảm cảnh hãi hùng.

Bà Nguyễn Thị Thương 36 tuổi, đã tốt nghiệp tại Hoa kì, cựu giáo sư trường Bách khoa Thủ đức cho biết: chiếc thuyền của bà chở 107 người khởi hành ở Rạch giá ngày 1-12-1979. Gia đình bà gồm chồng bà là giáo sư đại học Trần Quang Huy, bà cụ thân sinh, hai em trai, hai em dâu và 7 đứa cháu.

Sau ba ngày, sau khi thuyền tới hải phận Thái lan thì bọn cướp xuất hiện. Chúng ra lệnh cho 27 người bước qua tàu của chúng rồi lục soát và cướp bóc, chúng rất hung hãn với đàn ông và hãm hiếp đàn bà. Hành động xong, chúng buộc thuyền của chúng ta vào tàu của chúng và kéo đi. Chúng mở tốc lực thật nhanh và quẹo thật gắt để cố tình làm cho thuyền đắm… và thuyền đã chìm mang theo 80 sinh mạng xuống đáy biển. Số 27 người mình trên tàu của chúng bị chúng mang đến sào huyệt là đảo Kokra, nhưng trước khi tàu tới, chúng đã ép 7 người đàn ông phải nhảy xuống biển bơi vào bờ. Cả 7 ông này đều không ai đủ sức bơi nên đã chết đuối trong đó có ông Trần Quang Huy, chồng bà Thương. Mục đích của chúng là giết hết các người đàn ông có mặt. Còn lại 20 người đàn bà chúng đưa lên đảo để làm mồi cho thú tính dã man của chúng.

Ông Dương Phục và bà vợ là Vũ Thanh Thủy thuộc toán khác cho biết: ông bà đã mục kích bọn cướp bắt ông Ngô Văn Liên 54 tuổi há mồm để bẻ gãy 3 chiếc răng vàng. Chúng đè ông xuống lấy búa đập, nhưng không được, chúng lấy tournevis nạy cũng không ra, sau chúng kiếm được một cây kìm rỉ sét để vặn chéo 3 chiếc răng. ông Liên ôm mồm rên la, máu chảy xối xả suốt một ngày; chúng bỏ 3 chiếc răng vàng vào túi và bắt đứa con gái ông 16 tuổi mang đi mất.

Các nạn nhân khi lên tới đảo, nhất là phụ nữ thì tản mát đi tìm các khe núi, hốc đá để trốn tránh

bọn chúng. Chúng hành hạ các đàn ông và bắt đi tìm thân nhân phụ nữ; nhiều người không chịu, bị chúng hành hạ tàn nhẫn: ông Trần Minh Đức không nghe lời chúng, bị chúng dùng dây xiết cổ họng đến chết. Ông Nguyễn Minh Hoàng bị chúng treo lên cành cây, ông giãy giụa làm gẫy cành, chúng liền đá ông lăn xuống dốc núi, người em trai ông lại đỡ anh liền bị chúng dùng búa chém vào đầu, máu ra có vòi. Hai tên cướp cắp nách ông này dí đầu vào đống lửa, máu chảy xuống xèo xèo cho đến khi ông ta bất tỉnh.

Một cô bé 15 tuổi đã phải trốn tránh, chui rúc một mình trong một hốc đá với bao nỗi sợ hãi. Sợ từng tiếng lá xào xạc, từng tiếng động nhẹ, sợ từng đàn chuột chạy qua chân, từng con ốc xên bò trên người và sợ luôn cả ma... Nỗi sợ mỗi ngày một gia tăng, sau nhiều ngày chịu dựng không nổi, em đã phải bò ra và bị 4 tên hải tặc thay phiên hãm hiếp.

Một thiếu nữ 20 tuổi sau đêm đầu tiên bị hãm hiếp quá nhiều đă trốn trong các bụi rậm. Bọn cướp biết vậy nên đã nổi lửa đốt các bụi cây, cô bị cháy nát cả sau lưng nhưng cũng không chịu bò ra. Với tấm lưng nát bấy, thịt da nứt nẻ. cô còn tiếp tục trốn chui rúc cho đến lúc quá đau đớn vì sự cọ sát của các cánh cây, cô mới phải bò ra ngoài, nhưng luôn luôn nằm úp mặt xuống đất đưa tấm lưng nứt nẻ hôi thối vào mặt bọn hải tặc để được chúng buông tha, bọn cướp còn lấy gậy đánh vào vết thương của cô để đùa giỡn.

Một cô bạn khác đã phải lấy phân bôi đầy người, đầy mặt để hi vọng bảo vệ tấm thân, mùi hôi thối đã làm chính cô nôn oẹ nhưng bọn cướp vẫn không tha, thay nhau hãm hiếp và còn đánh đập cô tàn nhẫn vì tội trát nhơ bẩn lên người.

Cô C. 23 tuổi, kĩ sư hóa học, sau khi bị hải tặc hãm hiếp, đã trần truồng nhảy từ mỏm đá cao xuống biển với tiếng rú thê thảm. Ai cũng tưởng cô sẽ nát thây vì bờ đá nhọn hoắt, nào ngờ một ngọn sóng to đã đỡ cô lên và hất cô vào một hang đá ngầm trong núi và tại đó cô đã sống sót trong nhiều ngày cho đến lúc nhân viên Cao ủy Liên hiệp quốc đón ra.

Bà Vũ Thanh Thủy còn cho biết: Khi bọn chúng đốt tất cả các bụi rậm, bà và một người bạn gái đã phải lui sâu vào trong rừng, leo lên sườn núi chênh vênh, bên bờ vực thẳm. Các bà ngồi ép bên sườn núi, dầm nắng dãi mưa, qua những đêm lạnh lẽo rét run lẩy bẩy, phải ôm chặt lấy nhau để có chút hơi ấm. Mỗi khi có cơn gió mạnh thổi qua các bà phải bíu chặt lấy nhau để khỏi bị thổi bay xuống vực. Các bà đã chọn những nơi nguy hiểm như thế và có ý định nếu gặp khi có tên cướp nào đi tới một mình thì các bà sẽ hất nó xuống biển.

Các nạn nhân đã sống trong kinh hoàng đói khát cho đến ngày thứ 21, khi có một chiếc trực thăng bay ngang qua. May thay trên đó có ông Schweitzer, một nhân viên của Cao ủy tị nạn Liên hiệp quốc, ông đã trông thấy các nạn nhân và ông đã trở lại đảo Kokra trên một chiếc tàu cảnh sát Thái lan để cứu nạn nhân đưa vào trại Songkla. Tại sở cảnh sát, chính ông đã đảm bảo an ninh cho các nhân chứng để

khuyên họ khai hết sự thật ra ánh sáng. Có tin vài tên hải tặc đã bị nhận diện và bị bắt để điều tra, nhưng lạ thay, sau ít ngày chúng đã được thả ra và còn đi dọa nạt các nạn nhân khác nữa.

Người ta rất ngạc nhiên về thái độ của các nhà đương cuộc Thái lan trong những vụ này, nhất là bọn cảnh sát Thái lan đã vào hùa với chúng một cách rõ rệt. Điều này rất dễ hiểu vì các nhà đương cuộc Thái lan rất nổi tiếng về tham nhũng, rất dễ bị bọn cướp mua chuộc để lộng hành.

Số 157 đồng bào được cứu thoát khỏi địa ngục trần gian Kokra đang được định cư tại trại Songkla để đợi ngày đi nước khác. Sào huyệt Kokra đã được ông Schweitzer ghi vào hồ sơ để chuyển về Liên hiệp quốc.

Chia sẽ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẽ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree> Cộng đồng Google :<http://bit.ly/downloadsach>

## Notes

#### [←1]

Một linh mục đăng báo bảo Trung Hoa sở dĩ thành Cộng sản vì theo đạo Nho vì Nho trọng dân mà khinh vua, xúi dân nghèo lật đổ chính quyền.

Theo G. Chaffard trong Indochine, dix ans d’indépendance, thì bộ Thông tin của Trần Chánh Thành in một tài liệu cho biết kết quả từ 1954 đến 1960 như sau:

* có 893.291 buổi dậy thuyết Duy Linh, 18.759.111 người theo học, nhờ vậy mà bắt được 516 cán bộ cộng sản nguy hiểm, thu phục được 3.250 cán bộ khác.
* Công an, cảnh sát bắt được 25.700 cán bộ cộng sản, Bảo an đoàn bắt được 22.500 cán bộ khác.

Năm 1980 Trung Hoa thấy chính sách đó sai, đổi khẩu hiệu là “Hồng thì nhất định phải chuyên”, dù là đảng viên mà không có khả năng kỹ thuật thì cũng không dùng. Nhưng họ thực hiện nổi chính sách mới đó không, lại là một chuyện.

Năm 1981, ông được bầu làm chủ tịch nhà nước.

Chữ Hán là “Bách hoa tề phóng, bách gia tranh minh”, một câu mà học giả đời Hán đặt ra để ca tụng cổ học thời Đông Chu.

Mĩ thay Pháp ở Việt nam từ 1954, nhưng chỉ thực sự đưa quân vào miền Nam từ 1965.

Danh tử này như danh từ “đồng nát” ở Bắc, chỉ những người đi từng nhà mua đồ phế thải.

Sau ngày 30-4, Nhã Ca phải đi trại cải tạo, mới được về năm 1979.

Đoạn này trích trong Mười câu chuyện văn chương, bài kỉ nguyên tiêu thụ và nghể viết văn. Chỗ nào sửa lại, tôi đặt trong dấu ngoặc đơn.

Coi chú thích trên.

Danh từ này dịch từ danh từ *société socialiste* cúa Pháp. Nghe kỳ cục lắm. Pháp có danh từ société nghĩa là xã hội, đoàn thể, do société mà có danh từ social, thuộc về xã hội, đoàn thể, có tính cách xã hội, đoàn thể, rồi social lại đẻ ra danh từ socialisme để trỏ những chú nghĩa nhằm thay đổi hoàn toàn một chế độ, nhất là chế độ sở hữu tài sản đế cái thiện đời sống lao động, đặc biệt là đời sống thợ thuyền.

Tôi thấy chế độ của nước ta ngày nay, cũng như của Nga, Trung hoa... có điểm này đặc biệt khác các nước tư bản là tính cách tập thể đảng chỉ huy tập thể, dân làm chủ tập thể (theo lí thuyết), sản xuất tập thể. nông trường quốc doanh, hợp tác xã nông nghiệp, xí nghiệp quốc doanh, hoặc công tư hợp doanh, tổ hợp sản xuất... như vậy để cho cá nhân, một số nhỏ tư nhân, không còn nắm được sự sản xuất mà bóc lột vô sản nữa.

Còn về qui tắc: có làm thì có ăn, không làm thì không ăn; làm theo khả năng, hưởng theo sức mình làm được, thì không khác gì xã hội tư bản, ngay đến tư sản cá nhân cũng vẫn được tôn trọng (ít nhất là trên lí thuyết), hơn nữa, còn được truyền cả cho con cháu, chỉ khác chế độ tư bản là nó bị hạn chế để khỏi bị lạm dụng mà bóc lột người nghèo, thế thôi.

Vì vậy tôi nghĩ chẳng cần phải dịch sát mà có thể dùng danh từ *xã hội tập thể* để thay danh từ *xã hội xã hội chủ nghĩa*. Xã hội tập thể tiến lên xã hội cộng sản, như vậy xuôi hơn là nói xã hội xã hội chủ nghĩa tiến lên xã hội cộng sản.

Công việc này ngày nay còn tiếp tục không hay chỉ rần rộ được một thời, quốc gia thống nhất rồi thì nghưng y như công việc khảo cổ ở Trung hoa.

Tức thành phố Hồ Chí Minh. Ở miền Nam có thành phố Hồ Chí Minh cũng như ở miền Trung (từ Quảng trị trở vô) có thành phố Huế. Về phương diện hành chánh thành hố chỉ ngang với tỉnh, cũng như thị xã Long xuyên chẳng hạn chỉ ngang với các huyện trong tỉnh An giang, thị xã Cần thơ chỉ ngang với các huyện trong tỉnh Hậu giang. Nhưng vì thành phố Hồ Chí Minh ở trung ương miền Nam, nên quan trọng hơn các tỉnh, có nhiều cơ quan lón, nhiều cán bộ cao cấp, thường triệu lập các tỉnh đế xét đường lối chung, có thể coi như đàn anh của các tỉnh. Tuy nhiên, do chính sách đia phương tự trị, mỗi tỉnh, mỗi huyện là một địa phương tự trị nên thành phố không có quyền gì đối với các tính cả. Do đó mới có tình trạng này: tháng 8-1980 tỉnh An giang không theo đề nghị cúa thành phố Hồ Chí Minh, tự ý tăng giá xe đò từ Long xuyên đi thành phố Hồ Chí Minh, từ 4 đồng lên 20 đồng, trong khi thành phố vẫn giữ giá cũ 4 đồng. Cùng một chiếc xe đò, khi đi lên Sài gòn thu của hành khách 20 đồng mà lượt về chỉ thu 4 đồng thôi trong mấy tháng đầu. Sau thành phố cũng tăng giá lên 20.

Ở Trung chính sách chắc cũng như vậy. Ở Bắc thì tôi không biết.

Chính quyền rất coi trọng công việc này. Cứ mỗi lần xin một viêc quan trọng đổi trường học, chỗ ở... đều phải khai lí lịch. Ở Bắc có người trong 25 năm khai cả trăm lần (!)

Chỉ ở thành phố IIồ Chí Minh, dân thường (không phải cán bộ, công nhân viên) mới được phân phối gạo, bo bo, khoai mì… cho tới đầu năm 1980 thôi, ở các nơi khác không được phân phối gì hết.

Người ta thì thầm với nhau: sẽ tăng lên tới 10.000$, tức 5 triệu đồng cũ. (Giữa năm 1981, đã tăng lên 17.000$. Cước chú thêm ngày 1-7- 81)

Nghĩa là học mà vẫn được ăn lương công nhân viên. Chương trình có thể rút ngắn.

Một cán bộ tài chánh xã mà không biết chia 72 cho 24. Trong một buổi hội họp cúa Hội trí thúc thành phố Hồ Chí Minh, một kĩ sư già bực mình vì tình trạng cán bộ đa số dốt nát, bảo: "*Tôi chấp nhận vô sản chuyên chính, mà không chấp nhận vô học chuyên chính*”. Ngay chiều hôm đó ông ta bị bắt giam; sau cũng được thả ra.

Bìa là một sổ riêng để mua nhu yếu phẩm nhiều hơn cán bộ cấp trung hạ.

Niên khóa 1981-1982 ở An giang mỗi học sinh từ mẫu giáo đến hết cấp III (lớp 12) đều phải đóng học phí 3 đồng một tháng.

Nhưng tới lớp 12 thì số học sinh lại kém năm 1974 xa.

Hầu hết cơ quan nào cũng vậy: kinh tế (ngân hàng), thủy lợi…, năm nào cũng đào tạo thêm nhân viên mà vẫn không đủ vì họ thôị nhiều quá. Một cán bộ báo: có vậy thì nhà giáo mới có việc chứ.

Tôi lầm. Giữa năm 1981, vì ở khắp các thành phố, thị xã, các sách đồi trụy, băng nhạc ngụy, cả phim đồi trụy nữa lại lưu hành, nên có vụ kiểm kê các quán cà phê, sách cũ, nhưng lần này các sách khảo cứu Việt miền Nam và các sách Anh, Pháp không bị hốt.

Chúng mình chịu hậu quá sự ngu xuẩn của mình.

Kravchenko. J' ai choisi la liberté. Trang 114 (Seft-1948).

Tháng 7 năm 1981, lương đã được tăng gấp hai, nhưng chính phủ cho tay này thì lấy lại bằng tay khác: giá nhu yếu phẩm, vé xe đò, tem gởi thư.. . cũng tăng lên như vậy, có thứ tăng gấp 10 nữa.

Tháng 8 - 1980. một cán bộ giáo dục ở Hà nội vào báo tôi bây họ phái ăn độn 90%, cực khổ hơn những năm 1973 – 1974 nhiều lắm, mà tình trạng đó còn kéo dài lâu. Thân phận không bằng con heo ở trong Nam.

Thời này nước mình xuất hiện nhiều ca dao và truyện tiếu lâm hơn thời cuối Lê nữa; trong một đoạn ở sau về Phong trào vượt biên, tôi sẽ chép một truyện tiếu lâm. Nghe nói đã có người thu thập những ca dao và truyện tiếu lâm đó để lưu lại.

Do đó mà có câu mỉa mai này: vá ruột xe máy thì được 3 đồng mà vá ruột ngườỉ chỉ được 8 hào.

Coi phụ lục “Kinh hoàng trên đảo Kokra” ở cuối bộ.

Một thím làm tổ phó lo về đời sống được công an phường gọi đi học tập. Mới hết buổi đầu, thấy công an chỉ dạy cách dò xét, tố cáo đồng bào (ăn uống ra sao, chỉ trích chính phủ không, khách khứa là hạng người nào...), thím ta xin thôi liền, về nói với bạn: “Tôi không làm công việc thất đức đó được”. Lớp học đó bỏ luôn.

Sách của Nguyễn Hiến Lê, trưng bầy trong triển lãm của nhà phát hành Thống Nhất ở Sài Gòn năm 1959

Công việc này tháng 9-81, chính quyền rục rịch làm, chờ xem kết quả ra sao.

Một kĩ sư, giáo sư cúa Cuba, Nga... qua giúp mình thì cán bộ mình chỉ được tiếp xúc với họ ở chỗ làm việc và trong giờ làm việc; ra đường gặp nhau thì phải làm bộ như không hề biết nhau.

Mao tự hào về cách mạng đó lắm. Tây phương chê ông ta là Thủy Hoàng ngày nay, ông ta mỉm cười bảo ông hơn Tần Thủy Hoàng cá trăm lần chứ vì Thủy Hoàng chỉ chôn sống 460 kẻ sĩ, còn ông thì giết tới 46.000 trí thức kia (Theo Simon Leys – sách đã dẫn).

Trong cuộc cách mạng văn hóa, vệ binh đỏ phá hủy nhiều di sản văn hóa quá nên Trung hoa bị Tây phương chê. Năm 1970 Mao muốn thân với Tây phương tó ra mình rất trọng văn hóa cố, chứ đâu có dã man, cho khai quật ít mộ cổ. Việt nam theo gót Mao, cung khai quật khu chung quanh đền Hùng để tìm cố tích. Khi công việc khai quật ngưng ở Trung hoa thì ở Việt nam cũng ngưng. Y như hình với bóng.

Về nông nghiệp họ đã bỏ những nông trường quốc doanh như trên tôi đã nói. Về văn hóa họ cho cách mạng văn hóa là đào tạo những cán bộ giỏi, biết sử dụng tất cả nhửng cái hay cúa loài người, muốn vậy phải một thời gian lâu dài (theo Lô gíc lịch sử - sách đã dẫn - mới dịch và xuất bản vài năm nay ở VN)

Coi thêm tập Con đường hòa bình - Lá Bối 1970 - trong đó tôi còn kể thêm vài lời tiên đoán sai cúa Marx nữa.

Garaudy là một lý thuyết gia quan trọng cúa đảng cộng sản Pháp, làm giáo sư, soạn được non 30 cuốn, hầu hết về chính trị, nhất là về chế độ cộng sản. Có tư tưởng độc lập, không chịu theo đường lối của đảng nên bị trục xuầt khỏi đảng năm 1970, nhưng ông vẫn giữ chủ nghĩa cộng sản.

Hai tiết “Sửa sai” và “Một lối phát triển riêng, một lối sống riêng” này tôi mới viết thêm ngày 31-7-81 để thay tiết “Nhân năng hoằng đạo” trong bản viết tay đầu tiên.